ĐÌNH và ĐỀN HÀ NỘI

NGUYỄN THẾ LONG




NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

NGUYỄN THẾ LONG
(Biên soạn và giới thiệu)

ĐÌNH VÀ ĐỀN HÀ NỘI

(ĐÃ XẾP HẠNG DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ)

(Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2005

LỜI GIỚI THIỆU

Đình, đền là một dạng kiến trúc để thờ thần và thành hoàng của người Việt. Thờ thần là tín ngưỡng của người bản địa có từ thời cổ đại được lưu truyền đến ngày nay. Người Việt thờ hai loại thần: Thiên thần và nhân thần. Thiên thần là những nhân vật thần thoại có sức mạnh siêu nhiên, vừa có tác dụng răn đe con người làm điều ác, vừa hỗ trợ con người chống lại cái ác, chống lại ngay chính những lực lượng thiên nhiên xâm hại con người như lụt, bão, bệnh tật v.v... Nhân thần là những nhân vật có thật trong lịch sử đã có công trong việc giúp dân làm ăn sinh sống, đánh đuổi ngoại xâm, mở mang và gìn giữ bờ cõi.

Hầu hết các đình, đền ở Hà Nội đều thờ các vị thần là những nhân vật lịch sử. Nổi bật nhất là các anh hùng dân tộc như: Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo v.v... những người có công đánh đuổi quân xâm lược phương Bắc, giữ gìn đời sống yên lành, mang lại hòa bình cho dân.

173 ngôi đình, đền được giới thiệu trong tập sách sẽ giúp bạn có được cái nhìn cơ bản và hệ thống; bởi vì nó thực sự tiêu biểu cho đình đền của Hà Nội và đã được

Bộ Văn hóa-Thông tin xếp hạng. Nó là tấm gương phản ánh đời sống văn hóa, tâm linh của người Hà Nội - của người Việt Nam.

Đến với một ngôi đình, đền, bạn không chỉ tìm thấy sự tích thần được thờ, tìm thấy các kiểu dáng kiến trúc, mỹ thuật cùng các di vật được lưu giữ lâu đời mà nó còn giúp cho bạn thấy được bề dày của nền văn hóa Việt Nam, cái đã làm nên sức mạnh thần kỳ của người Việt Nam để chiến thắng mọi kẻ thù.

LỜI NÓI ĐẦU

Nói đến đình, đền tức là nói đến tín ngưỡng thờ thần, thành hoàng của người Việt. Thờ thần là tín ngưỡng bản địa của người Việt từ thời cổ, theo sự phát triển của xã hội, đòi hỏi phải có một dạng kiến trúc, ban đầu đơn giản, mộc mạc, sau này được hoàn chỉnh dần cho thích hợp là chỗ thờ cúng, được gọi là nghè, miếu, đền... Đến khi việc thờ thành hoàng do phong kiến Trung Hoa du nhập vào từ phương Bắc trong thời Bắc thuộc đã kết hợp với việc thờ thần của cư dân bản địa, được sự thúc đẩy của phong kiến dân tộc nhằm củng cố chính quyền phong kiến tập quyền vững mạnh đến tận làng xã, các ngôi đình làng với nhiều công năng đã dần dần được xây dựng dưới các triều Trần và Lê. Trải qua nhiều thế kỉ phát triển, kiến trúc đình làng đến thế kỉ 19 đã định hình và còn tồn tại đến ngày nay như chúng ta đang gìn giữ. Trong kí ức sâu thẳm của tâm hồn người Việt, hình ảnh quê hương thân yêu luôn luôn hiện ra với mái đình, cây đa, bến nước. Đình làng, đền, miếu... là di sản văn hoá vật chất đặc trưng biểu hiện một khía cạnh của văn hoá tâm linh người Việt.

Thủ đô Hà Nội ngày nay bao gồm kinh đô Thăng Long trước đây và vùng phụ cận gồm làng xã của các

trấn Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam, sau này là một phần của tỉnh Hà Nội dưới triều Nguyễn. Từ xưa các làng xã thuộc kinh thành Thăng Long đã được đô thị hoá dần dần, chỉ còn sót lại rất ít đình làng vì triều đình phong kiến với các kiến trúc nguy nga lộng lẫy đã thực sự là "ngôi đình" to nhất, ngôi đình của kinh đô vương triều. Đình Quảng Văn được dựng dưới triều Lê Thánh Tông chỉ là nơi để "phổ biến công việc chính trị" của nhà vua, "chỗ dán các giấy tờ". Các đình còn tồn tại trong các quận nội thành như Kim Liên, Nam Đồng, Hào Nam, Hoàng Mai... chỉ mới cách đây khoảng chục năm là dấu vết của những làng xưa. Vì vậy nên đình làng của Hà Nội thực sự tồn tại chủ yếu ở các huyện ngoại thành.

Trải qua bao nhiêu thế kỉ với sự khắc nghiệt của khí hậu nhiệt đới và những cuộc chiến tranh tàn phá, nhiều đình, đền ở Hà Nội cũng như của cả nước đã bị huỷ hoại nặng nề. Ý thức được sự giữ gìn các di sản văn hoá dân tộc nên ngay từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, Hồ Chủ tịch đã kí sắc lệnh bảo vệ các di tích. Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh ban hành năm 1984 đã thúc đẩy thêm một bước việc bảo vệ và sửa chữa phục hồi các di tích ở Hà Nội cũng như cả nước. Từ tháng 4 năm 1962 việc nhà nước công nhận và xếp hạng các di tích lịch sử - văn hoá đã góp phần nâng cao ý thức bảo vệ các di sản văn hoá. Đến nay thủ đô Hà Nội đã có khoảng trên 300 di tích, cụm di tích được xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá, trong đó các đình, đền, miếu vào khoảng 190 di tích.

Tiếp theo việc xuất bản cuốn sách "CHÙA HÀ NỘI" nhằm giới thiệu 130 ngôi chùa đã được xếp hạng ở thủ

đô Hà Nội, cuốn sách này sẽ cung cấp cho bạn đọc về tín ngưỡng thờ thần và thành hoàng cùng với những đình, đền, miếu... ở Hà Nội đã được xếp hạng từ 1962 đến hết 1994. Việc giới thiệu đình, đền, miếu... được căn cứ chủ yếu vào hồ sơ xếp hạng các di tích lịch sử, văn hoá của Cục Bảo tồn bảo tàng, Bộ Văn hoá - Thông tin, có tham khảo thêm các sách báo tạp chí trước và sau cách mạng của các nhà nghiên cứu văn hoá. Nhân đây chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng cảm ơn các đồng chí ở Cục Bảo tồn bảo tàng, Bộ Văn hoá - Thông tin đã nhiệt tình cung cấp các tư liệu, các cấp đã tạo điều kiện giúp đỡ để biên soạn cuốn sách này.

Các đình, đền... được giới thiệu những nét chủ yếu về thời gian xây dựng, quá trình trùng tu, thần tích của các vị thần và thành hoàng được thờ, giá trị kiến trúc và mĩ thuật của các di vật cổ còn lưu giữ, cũng như các lễ hội nếu có. Do tính chất truyền miệng của các thần tích nên cùng thờ một vị thần hay thành hoàng nhưng thần tích lưu truyền hay ghi chép của các làng có khác nhau, khó có thể nào khẳng định ở nơi nào là chính xác hơn nơi nào.

Do tư liệu và thời gian hạn chế cũng như khả năng có hạn nên việc giới thiệu các đình, đền, miếu đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá ở Hà Nội không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được các nhà nghiên cứu, các cán bộ văn hoá các cấp và bạn đọc bổ sung để cho thêm phong phú, hoàn chỉnh hơn, xin chân thành cảm ơn.

Xuân Bính Tý

NGUYỄN THẾ LONG

PHẦN I

A. ĐÌNH, ĐỀN Ở HÀ NỘI VÀ VIỆC THỜ THẦN, THÀNH HOÀNG

I. TÍN NGƯỠNG THỜ THẦN, THÀNH HOÀNG CỦA NGƯỜI VIỆT

Nói đến đình và đền ở Hà Nội tức là nói đến việc thờ thần, thành hoàng, một tín ngưỡng của người Việt từ lâu đời, là nói đến văn hoá tâm linh từ thời cổ còn lưu truyền đến ngày nay.

Có thể hiểu tín ngưỡng là một trạng thái tâm lí quan hệ đến các hiện tượng thiên nhiên, xã hội mà con người cảm thụ và chưa nhận thức được, cho là có sức mạnh hơn con người và thiêng liêng nên con người sợ và kính cẩn mong che chở giúp đỡ. Theo Ang ghen tín ngưỡng nguyên thuỷ là sản phẩm văn hoá của con người do trình độ sức sản xuất thấp kém nên trong quá trình đấu tranh với tự nhiên đã nẩy sinh tình cảm sợ hãi, nương tựa và thần bí cho nên họ lấy một vật tự nhiên hoặc một

sức mạnh tự nhiên làm đối tượng để sùng bái, để giải quyết những mâu thuẫn giữa người và tự nhiên nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống con người. Việc thờ thần và thành hoàng của người Việt cũng từ tín ngưỡng nguyên thuỷ, bên cạnh hiện tượng tự nhiên đã có sức mạnh của con người (Con người thần bí thiêng liêng). Tín ngưỡng thần và thành hoàng của người Việt biểu thị lòng Sợ và Kính của người nông dân trong một xã hội nông nghiệp đối với cái Kính trọng. Thiêng liêng nhằm mục đích cầu mong đời sống no ấm, yên ổn; tín ngưỡng thần và thành hoàng ở đây chưa thành tôn giáo nhân tạo vì chưa có một đấng tối cao, chưa có mô hình một thế giới khác, một xã hội lí tưởng. Chỉ cần một số nghi thức kính trọng thì cái đáng Kính, Sợ, Thiêng sẽ giúp đỡ phù hộ.

Tín ngưỡng thờ thần là tín ngưỡng bản địa của người Việt sẵn có trước khi phong kiến Trung Hoa du nhập tục thờ thành hoàng vào Việt Nam từ thời Đường. Theo các sách Trung Hoa thì từ thời cổ đại họ đã thờ thành hoàng và thành hoàng theo họ là vị thần bảo hộ thành trì cấp quốc gia, cấp phủ, châu, huyện, xã và thôn; thành hoàng bảo vệ các quan cai trị và cư dân trong một thành trì. Sách *Trung Quốc thần bí văn hoá* viết: "Thành hoàng tức là thành hào, hào có nước gọi là trì, không có nước gọi là hoàng. Đắp đất làm thành, đào hào làm hoàng".

Trong thời kỳ Bắc thuộc, năm 823, viên quan cai trị Trung Hoa là Lý Nguyên Gia, xây La Thành đã dựng đền thờ Tô Lịch làm thành hoàng La Thành. Năm 866 Cao Biền xây thành Đại La lại, phong Tô Lịch làm Đô Phủ Thành Hoàng Thần Quân.

Phan Kế Bính trong *Việt Nam phong tục* cũng nói về tục thờ thành hoàng có nguồn gốc từ bản địa kết hợp với việc du nhập từ Trung Hoa: "Xét về cái tục thờ thần hoàng này từ đời Tam Quốc trở về đã có những ngày xưa thì nhà vua nhân có việc cầu dẫn gì mới thiết lập đàn cúng tế mà thôi. Đến đời nhà Đường, Lý Đức Dụ làm tướng mới bắt đầu lập miếu thần hoàng ở Thành Đô, kế đến nhà Tống, nhà Minh, thiên hạ đâu đâu cũng có lập miếu thờ. Nước ta lúc bấy đang lúc nội thuộc, tục Tầu truyền sang đến bên này, kế đến Đinh, Lê thì việc thờ quỷ thần đã thịnh hành rồi. Nhưng cứ xét cái chủ ý lúc trước, thì mỗi phương có danh sơn, đại xuyên, triều đình lập miếu thờ thần sơn xuyên ấy để làm chủ tế cho việc ấm tí một phương mà thôi. Kế sau triều đình tính biểu những bậc trung thần nghĩa sĩ và những người có công lao với nước thì cũng lập đền cho dân xã ở gần đâu thờ đấy. Từ đó dân gian lần lần bắt chước nhau, chỗ nào cũng phải thờ một vị để làm chủ tế trong đình làng. Làng nào có sẵn người anh hùng hào kiệt mất đi rồi thì thờ ngay người ấy, làng nào không có thì đi cầu lấy một vị thần linh khác rước về mà thờ. Hoặc nơi thì nhân

việc mộng mị, việc bói khoa, việc tà khẩu, tin là một sự linh dị mà thờ. Hoặc nơi thì vì một sự ngẫu nhiên cho là thiêng liêng và xin duệ hiệu để thờ. Té ra làng nào cũng có đền, xã nào cũng có miếu. Đến cả những xã mới lập trước hết cũng nghĩ ngay đến việc thờ thần.

Tổng chi là dân ta tin rằng: đất có Thổ Công, sông có Hà Bá, cảnh thổ nào phải có thành hoàng ấy, vậy phải thờ phụ để thần ủng hộ cho dân, vì thế mỗi ngày việc sự thần một tịnh."[1]

Qua nhiều công trình nghiên cứu thì tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Việt Nam đã được du nhập từ Trung Hoa vào thời Bắc thuộc. Làng xã Việt Nam không phải là thành trì, người Việt Nam ở làng xã có tín ngưỡng nguyên thuỷ thờ thần. Việc thờ thần sẵn có được kết hợp với việc thờ thành hoàng từ phương bắc do phong kiến Trung Hoa đem vào và được phong kiến Việt Nam, khi với ý thức tự chủ, đã giành được độc lập, áp dụng theo, đã trở thành tín ngưỡng thờ thần thành hoàng của làng Việt Nam.

Căn cứ vào các bản thần tích cổ khi Lý Thái Tổ dời đô ra Đại La, đổi tên là Thăng Long, đã phong Tô Lịch làm Quốc Đô Thăng Long Thành Hoàng Đại Vương. Sau đó các vua Trần phong thêm các

---

[1] Việt Nam phong tục. Phan Kế Bính, Nxb Phong trào văn hoá. 1970. trang 74.

mĩ tự: Bảo Quốc, Hiến Linh, Định Bang cho Thành Hoàng Tô Lịch. Theo sách *Việt điện u linh* và *Lĩnh Nam chích quái* thì đời Trần đã sắc phong cho 25 vị thần. Đến đời Lê, nhất là từ Lê Thánh Tông, việc phong sắc cho thần ở các địa phương được làm thường xuyên, các thần phả, thần tích đã được ghi lại trong các bia hay văn bản. Đến đời Nguyễn, việc phong sắc thần cũng được chú ý thực hiện nhất là dưới đời Minh Mệnh và Tự Đức.

Tín ngưỡng thờ thành hoàng tuy là một phạm trù ngoại lai nhưng lại mang một nội hàm bản địa Việt Nam. Điều này được thể hiện rõ qua sự tích của các thần được thờ làm thành hoàng của các đình là các phúc thần nông nghiệp mà hầu hết là nhân thần. Ở các làng Việt, không có thành, không có hào nên ban đầu không có thành hoàng bảo hộ như nguyên gốc từ Trung Hoa song sự cố kết của những người nông dân Việt Nam trong một khu vực cư trú, làm nông nghiệp, đều phụ thuộc rất lớn vào thiên nhiên khi khoa học chưa phát triển, họ cùng có tín ngưỡng nguyên thuỷ như nhau, nên đã cùng thờ một hoặc nhiều vị thần chung giống nhau và các thần đó đã biến thành thần của làng. Khi giai cấp phong kiến Việt Nam đã giành được độc lập, ý thức được việc xây dựng một quốc gia tự chủ thì việc áp dụng tín ngưỡng từ phương bắc cũng là một việc cần thiết.

Đến thế kỉ 15 khi nhà nước phong kiến toàn

thịnh, triều đình đã thể hiện sự thống nhất về uy quyền đến tận làng xã nên đã phong cho các thần làng làm thành hoàng làng theo cấp bậc. Việc sắc phong cho thần làng chính là nhằm thâu tóm tinh khí đất nước vào trong tay chính quyền trung ương. Vua sắc phong cho thành hoàng các làng thì rõ ràng vua là đấng tối cao của cả nước. Thành hoàng làng là chủ tể cho một làng về mặt tinh thần mà dân vẫn tế thờ phải chịu sắc phong do vua ban, tức là dưới vua, vậy thì uy quyền của vua là rất lớn. Dân làng đã quy phục uy quyền của thành hoàng thì tất nhiên phải quy phục trước quyền uy của Thiên tử. Thần quyền phục vụ cho quân quyền, đó là sự kết hợp chặt chẽ dưới chế độ phong kiến ở nước ta trong hàng ngàn năm.

Triều đình phong kiến phong sắc cho thành hoàng làng có chọn lọc. Căn cứ vào thần thờ ở các làng, theo đề nghị của các quan sở tại, Bộ Lễ của triều đình chỉ phong sắc cho các thần có hai tiêu chuẩn là phò vua bảo vệ vương triều (âm phù) và giúp dân làng làm ăn được phát đạt và qua khỏi các tai hoạ. Việc phò vua thì căn cứ vào các lời mộng mị, chiêm bao của các tướng tá giúp vua đánh giặc hoặc huyền thoại trong dân gian (như thần Đồng Cổ, Linh Lang...). Việc ban phúc cho dân làng thì căn cứ vào các truyền thuyết từ đời trước, do các bô lão và chức sắc trong làng tâu lên, thường nhiều khi gán ghép thêm công tích cho

đúng với các bầy tôi của vua. Đối với các nhân vật lịch sử có thật như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... thì công lao phò vua giúp nước là sự thật, không thể tô vẽ gán ghép, cũng được thêm vào những việc linh thiêng đối với dân làng. Nội dung các sắc phong cho thành hoàng làng nào cũng có những câu như: "Thần rất anh dũng, thông minh tài giỏi, đánh giặc phù hộ đất nước, cứu giúp cho dân được bình an". Đối với các làng đã thờ các vua triều trước làm thành hoàng như Lê Đại Hành, Lý Thái Tổ... thì các vua triều sau không có phong sắc.

Các sắc phong của vua cho thành hoàng làng thường có các phần:

- Tên địa phương có vị thần.

- Tên vị thần và các mĩ hiệu (nhiều khi không có tên người).

- Chức danh thành hoàng.

- Vua cho địa phương được tôn thờ.

Các mĩ từ của thành hoàng thường là đề cao các tài năng phi thường hiển linh, danh hiệu tôn quý mà các triều đại đã phong cho thần. Các mĩ từ của thần cứ qua các triều đại lại dài thêm ra, có khi lên đến hàng trăm từ như thần Bạch Mã...

Sau đây là sắc phong của Bộ Lễ triều Lê cho thần Cao Sơn Quý Minh được thờ ở nhiều nơi của Hà Nội và cả nước trích trong *Bách thần lục:*

"Sắc chỉ:

Ban sắc hiệu thần Đại Đô Thành Hoàng Thiên hạ Sơn Tinh Tản Viên Quý Minh thánh vương đẳng tôn thần.

Sắc Quý Minh thánh vương Sơn Tinh Thành Hoàng hùng trấn anh linh tôn nghiêm chính thuận anh dục sơn xuyên tú chung hà hải cao phối thiên hậu phối địa, hộ quốc bảo dân hách quyết thanh trọc quyết linh âm phù quốc tộ hoàng đồ củng cố tấn huệ thuỳ hưu tự vương tiến phong lễ hữu đăng trật.

Ngự chỉ nghi tứ thượng đẳng thần.

Nhưng chuẩn hứa Sơn Tây trấn, Lam Thao quận, Hoa Khê huyện Nguyên Xá tổng Thuỵ Biểu trang Thuỵ Cầu trại phụng linh thần hữu phản hồi tự sự tương hựu bảo ngã lê dân.

Khâm thử.

Hồng Phúc nhị niên nhất nguyệt nhị thập nhật".

Dịch nghĩa như sau:

"Sắc chỉ ban thần hiệu Đại Đô Thành Hoàng cho thiên hạ Sơn Tinh Tản Viên Quý Minh thánh vương các tôn thần.

Sắc phong Quý Minh thánh vương làm Sơn Tinh thành hoàng hùng trấn anh linh, tôn nghiêm, chính thuận, anh dục sơn xuyên tứ chung hà hải cao phối thiên, hậu phối địa, hộ quốc bảo dân, hách quyết thanh trọc quyết linh, âm phù quốc tộ

hoàng đồ củng cố, tấn huệ thuỳ hưu. Các đời vua đã tấn phong, theo lễ cần thăng trật.

Nay sắc phong thượng đẳng thần.

Vẫn cho dân trại Thuỷ Cầu, trang Thuỷ Biểu, tổng Nguyên Xá, quận Lâm Thao, trấn Sơn Tây, phụng lĩnh thần vị về thờ cúng để thần về phù hộ dân ta.

Khâm thử.

Hồng Phúc năm thứ hai ngày 20 tháng giêng." (Giáp Tuất - 1574)[1].

Trong thực tế không phải tất cả các thần linh được thờ ở các đền đình làng xóm đều được triều đình công nhận là thành hoàng làng, không phải một vị thần được thờ ở nhiều nơi đều được sắc phong là thành hoàng và cá biệt cũng có thần được sắc phong là thành hoàng nhưng không được dân làng thờ mà lại thờ một thần khác. Có xã lại có thờ nhiều thành hoàng. Thần Cao Sơn, có thần tích cho là một trong 50 người con của Lạc Long Quân, được thờ ở thôn Dịch Vọng Tiền, phường Cầu Giấy, Hà Nội cũng đã được thờ 2017 nơi trong các đền ở cả nước nhưng mới chỉ có 1771 nơi có sắc phong là thành hoàng. Xã Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội thờ đến 5 thành hoàng. Theo tư liệu điền dã của Nguyễn Duy Hinh trong "*Tín ngưỡng thành*

---

[1] Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam - Nguyễn Duy Hinh trang 63.

hoàng Việt Nam" thì "giáp Vĩ Hậu thuộc Dịch Vọng Tiền thờ Cao Sơn, đình làng Dịch Vọng thờ Lý Phật tử. Các giáp Bối Hà, Thọ Tháp của Dịch Vọng Trung thờ Triệu Túc, giáp Tăng Phúc thuộc Dịch Vọng Tiền thờ Đô Bảo, giáp Thọ Cầu ở Dịch Vọng Trung thờ Linh Lang và Chu Rí, ngoài ra còn thờ các vị Phương Lang, Cao Quốc, Đại Điên"[1]. Làng Đồng Kị thuộc huyện Tiên Sơn Bắc Ninh trước đây thờ thần gắp phân với chiếc giành tre mạ vàng, nay thành hoàng làng là Thiên Cương Đế.

Nhận định về các thần và thành hoàng thờ ở làng, trong "*Việt Nam phong tục*", Phan Kế Bính phân loại theo đẳng cấp vua sắc phong:

"Mỗi làng phụng sự một vị thần hoàng, có làng có 2, 3 vị, có làng thờ 5,7 vị, tức gọi là phúc thần. Phúc thần chia làm 3 hạng:

1. Thượng đẳng thần.
2. Trung đẳng thần.
3. Hạ đẳng thần.

Thượng đẳng thần là những danh sơn đãi xuyên và các bậc thiên thần như Đổng Thiên Vương, Sóc Thiên Vương, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh...

Các vị ấy có sự tích linh dị mà không rõ tung tích ẩn hiện thế nào cho nên gọi là thiên thần. Hai

---

[1] Sách đã dẫn, trang 94.

là các vị nhân thần như là Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo v.v. Các vị này khi sanh tiền có đại công lao với dân với nước, lúc mất đi hoặc bởi nhà vua tinh biếu công trạng mà lập đền thờ hoặc bởi lòng dân nhớ công đức mà thờ. Các bực ấy đều có sự tích công trạng hiển hách và họ tên rõ ràng, lịch triều có mĩ tự bao phong làm Thượng đẳng thần.

Trung đẳng thần là những vị thần dân làng thờ đã lâu, có họ tên mà không rõ công trạng, hoặc có quan tước mà không rõ họ tên, hoặc những thần có chút linh dị, tới khi nhà vua sai kì tịnh đảo võ, cũng có ứng nghiệm thì triều đình liệt vào tự điển mà phong làm trung đẳng thần.

Hạ đẳng thần. Dân xã thờ phụng mà không rõ sự tích ra làm sao, nhưng cũng thuộc về bực chính thần, thì triều đình cũng theo lòng dân mà phong cho làm Hạ đẳng thần.

Ngoài 3 bực thần ấy còn nhiều nơi thờ bậy, thờ bạ, nơi thì thờ thần bán lợn, nơi thì thờ thần trẻ con và thần ăn xin, thần chết nghẹn, thần tà dâm, yêu thần, thần rắn, thần rết v.v.... Các hạng ấy gọi là tà thần, yêu thần, đê tiện thần vì dân tin bậy ngu xuẩn mà thờ chứ không được vào tự điển, không có phong tặng gì"[1].

Ngày nay nghiên cứu về các vị thần và thành

---

[1] Sách đã dẫn, trang 71.

hoàng được thờ ở đình, đền, miếu... chúng ta có thể phân chia ra làm 2 loại: loại thứ nhất gồm những nhân vật truyền thuyết, huyền thoại từ thời kì cổ đại như Tản Viên, Thánh Gióng...; Loại thứ hai gồm những nhân vật lịch sử có tên tuổi được ghi trong lịch sử hoặc dã sử như Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo và các danh tướng. Có những thần tuy không có công với cả nước nhưng đã có công với dân trong vùng trong việc khai hoang chống lụt, dạy nghề cũng đều thuộc loại này.

2. CÁC VỊ THẦN VÀ THÀNH HOÀNG ĐƯỢC THỜ Ở CÁC ĐÌNH ĐỀN HÀ NỘI

Ảnh hưởng của phong kiến Trung Hoa trong tín ngưỡng thành hoàng là việc các triều vua phong thành hoàng kinh đô Thăng Long. Ngay từ lập kinh đô Thăng Long vua Lý đã phong thần Bạch Mã (thờ ở đền Bạch Mã, phố Hàng Buồm) là thành hoàng kinh đô và thần Tô Lịch (được thờ ở đình Thái Cam) cũng là thành hoàng:

Các đình, đền làng xung quanh Thăng Long thờ các thần và thành hoàng.

a. Thần là các nhân vật truyền thuyết, huyền thoại

+ Thần núi Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh ở

đình Đại Áng (Thanh Trì) đình Hạ Yên Quyết, Mễ Trì Hạ, Mễ Trì Thượng (Từ Liêm), đình Khương Thượng, Kim Liên, Láng Hạ, Phương Liệt (Đống Đa), Tam Xá (Đông Anh), Thổ Khối (Gia Lâm).

+ Thần là các bộ tướng đời Hùng Vương: như Bạch Hạc Tam Giang, Thiên Uý Vương, Minh Uý Vương, Phan Ông Tây Nhạc, Hùng Lãng Công ở đình Định Công Thượng, đình Hoè Thị, Khương Thượng, Hà Hương, Hà Lỗ, Lỗ Khê, Nam Dư Thượng, Tàm Xá, Tây Tựu, Thị Cấm, Vạn Phúc (Thanh Trì), Phú Diễn, Phúc Lý, Quan Nhân, Vĩnh Trung, Yên Nội, Yên Hoà, Sen Hồ, Xuân Dục... Có đến gần 40 đền đình thờ các Vua Hùng và bộ tướng Vua Hùng.

+ Thần là các nhân vật huyền thoại:

- Thánh Gióng được thờ ở đền Phù Đổng, đền Sóc (Từ Liêm), đền Thanh Nhàn, đền Sóc Sơn (Sóc Sơn).

- Bà chúa Liễu Hạnh được thờ ở đền Hoành Sơn, đền Bà Kiệu, đền Hoà Mã và phủ Tây Hồ...

- Huyền Thiên Chấn Vũ được thờ ở đền Quan Thánh, đền Sái (Đông Anh)...

- Chử Đồng Tử được thờ ở đền Chữ Xá (Gia Lâm).

- Thần Đồng Cổ được thờ ở đền Đồng Cổ (Bưởi), đền Văn Trì (Từ Liêm).

+ Nhân vật được huyền thoại hoá: Linh Lang

(thời Lý) được thờ 15 nơi ở Hà Nội như Voi Phục, Kim Mã, Láng Hạ, Thuý Lĩnh, Thổ Khối, Trường Lâm, Tư Đình, Vạn Phúc, Long Biên, Nhật Tân, Sài Đồng...

- Linh Lang thời Trần được thờ ở Yên Phụ và Nhật Tân...

- Lý Ông Trọng được thờ ở đình Chèm.

- Lý Châu Nương được thờ ở đình Giảng Võ.

- Vũ Phục được thờ ở Yên Thái, Bái Ân.

- Hoàng Đức Trung được thờ ở Lễ Mật, Liễu Giai, Ngọc Hà, Vĩnh Phúc (Ba Đình).

- Nguyễn Minh Không được thờ ở Ngũ Xã (Ba Đình), Lý Quốc Sư.

b. Thần là các nhân vật lịch sử:

- Hai Bà Trưng và các danh tướng của Hai Bà như Ả Lã Nàng Đê, Quách Lãng, Đào Kì và Phương Dung, Hiển Hựu, Hà Uyên, Khoả Ba Son, đã được thờ ở những đình đền Đồng Nhân, Đại Mỗ, Đại Cát, Đông Ba, Tây Mỗ, Hà Vĩ, Lê Xá, Thổ Quan, Thượng Cát, Dương Hà, Xuân Đỗ Hạ...

- Lý Nam Đế, Lý Phật Tử được thờ ở Miếu Nha, Tu Hoàng, Tình Quang, Ngọc Mạch...

- Phùng Hưng và các tướng như Phạm Uyển, Phạm Miễu, Phạm Huy... được thờ ở Giáp Nhất, Kim Mã, Triều Khúc, Quảng Bá, Trung Hoà...

- Đinh Tiên Hoàng và các tướng như Nguyễn Nộn, Nguyễn Bặc, Nguyễn Phục, Nguyễn Bố, Nguyễn Siêu, Cao Điền Công, Cao Đỗ Công, Đào Liên Hoa được thờ ở Công Đình, Đại Yên, Đông Phù, Kim Sơn, Phú Thị...

- Lê Đại Hành được thờ ở Hoa Xá, Phú Diễn, Hữu Thanh Oai...

- Lý Thường Kiệt được thờ ở Giao Tự, Phúc Xá, Cơ Xá...

- Lý Chiêu Hoàng được thờ ở Giao Tự, Thái Bình, Tình Quang...

- Tô Hiến Thành được thờ ở Ích Vịnh, Lạc Thị, Quỳnh Đô...

- Trần Khát Chân được thờ ở Hoàng Mai, Lư Giang...

- Trần Hưng Đạo được thờ ở đền Ngọc Sơn, Trung Tả, Tương Thuận...

Các nhân vật văn hoá như Chu Văn An được thờ ở quê hương Thanh Liệt, Nguyễn Bỉnh Khiêm ở Thanh Am, Lê Tuấn Mậu ở Thuy Lôi, Lê Quý Đức, Lê Quý Ân, Lê Quý Kính thờ ở Đại Mỗ...

c. Các nhân thần là tổ sư nghề:

- Bạch Tính tiên thánh sư là tổ sư nghề hàn thiếc, được thờ ở làng Đông Thành huyện Thọ Xương, nay là phố Hàng Nón, quận Hoàn Kiếm.

- Lê Hành là tổ sư nghề làm lọng, được thờ ở phố Hàng Mành. Ở phố Hàng Da thì có tên là Bùi Công Hành.

- Phúc Hậu là tổ sư nghề tráng gương, được thờ ở phố Hàng Bông.

- Nguyễn Thị Riệu Duyên là tổ sư nghề làm cổ yếm, được thờ ở phố Hàng Đào.

- Tiên thánh Hiên Hoàng, hậu thánh Cơ Công là tổ sư nghề vàng bạc, được thờ ở phố Hàng Bạc.

- Bản nghệ tiên thánh sư là tổ sư nghề thợ tiện, được thờ ở thôn Nhị Khê, huyện Thọ Xương.

- Nguyễn Phúc là tổ sư nghề tằm tơ, được thờ ở làng Nội Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì.

- Tổ sư nghề làm quạt được thờ ở phố Hàng Quạt.

- Tổ sư nghề khâu giầy (gồm 3 vị) được thờ ở phố Hàng Hành.

- Tổ sư nghề rèn được thờ ở phố Lò Rèn.

- Tổ sư nghề dát vàng được thờ ở đình làng Kiêu Kị, huyện Gia Lâm.

- Tổ sư nghề làm giấy dó được thờ ở Yên Thái, quận Tây Hồ.

- Đình Dự, Mãn Đường Hoà, Đào Hoa và Phương Dung tổ sư nghề ca trù được thờ ở Keo, Kim Quan (Gia Lâm), Phú Đô (Từ Liêm), Ca Công (Đông Anh).

- Nguyễn Tam Trinh ông tổ sư nghề vật được thờ ở Mai Động (Hai Bà Trưng).

Đặc biệt trong các vị thần được thờ ở đình, đền Hà Nội có cả vua Chiêm và công chúa, thờ ở đình đền Đồng Thiên, Vĩnh Tuy và Trung Lập, Lĩnh Nam (Thanh Trì) là nơi vua Chiêm và binh lính đã bị bắt về và cho lập nghiệp ở đây. Đình và miếu Tế Xuyên thuộc xã Đình Xuyên huyện Gia Lâm thờ Đỗ Trung người đã có công đánh giặc Chà Hoà, được vua Trần Dụ Tông xây dựng hành cung ở Tế Xuyên và được phong làm thành hoàng làng (theo ngọc phả do Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính biên soạn) (Theo một tài liệu thì Đỗ Trung gốc là người Chiêm).

Ngoài ra cũng còn nhiều nhân vật lịch sử khác nữa nhưng do chưa tìm thấy tên trong các sách sử hoặc chỉ có một hai nơi thờ nên không dẫn ra. Về phương diện lịch sử, thì thần tích của các thần và thành hoàng được thờ cúng ở các đình, đền không hoàn toàn giống nhau khi cùng thờ một thần, do tính chất truyền miệng, thần linh hoá hoặc phàm tục hoá và lẽ tất nhiên không thể coi là những sử liệu chính xác.

3. KIẾN TRÚC ĐÌNH, ĐỀN VÀ ĐỒ THỜ CÚNG

Thần và thành hoàng được thờ ở các đền, đình, nghè, miếu. Thời cổ đại người Việt thờ thần ở Cây

Đa và các Hòn Đá. Trước khi được đưa vào thờ ở đình thì thần và thành hoàng được thờ ở nghè, đền, miếu. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đình xuất hiện ở Bắc bộ vào đời nhà Trần, ban đầu dùng làm chỗ nghỉ chân cho vua quan khi đi thị sát dân tình, là nơi đình trạm phục vụ cho việc giao thông đưa tin tức mệnh lệnh của triều đình đi các địa phương, sau đó trở thành nơi thờ thành hoàng và là một công sở, nơi hội họp của các chức dịch và dân làng. Trước cách mạng tháng Tám, đình làng Việt Nam là nơi thờ tự thành hoàng làng và là trung tâm sinh hoạt chính trị, xã hội văn hoá của cộng đồng dân cư.

Trong các làng, đình là một kiến trúc có quy mô to nhất và theo ý nghĩ của người xưa có tầm quan trọng, ảnh hưởng tới sự thịnh vượng và sức khoẻ của tất cả dân làng. Dựng đình là việc chung của cả làng. Một việc tối quan trọng của ngôi đình là *hướng đình*. Ca dao cũ có câu: "Toét mắt là tại hướng đình, cả làng cùng toét riêng mình em đâu" đã nói lên ý nghĩa quyết định của việc chọn hướng đình. Hướng của đình làng thậm chí đã trở thành hướng quy hoạch cho các ngôi nhà trong làng, hoặc làm song song theo hướng đình hoặc làm vuông góc. Dân làng kị nhất là làm nhà hướng thẳng vào các góc đao của đình làng. Hướng của các ngôi đình thường quay về hướng nam để thích ứng với môi trường tự nhiên, khí hậu nhiệt đới ở nước ta. Bên

cạnh hướng đình là vị trí *thế đất*, nơi được xây dựng. Chọn hướng và thế đất xây đình người xưa tin vào thuyết phong thuỷ, đình phải được xây trên lưng hay trên trán của các con vật thiêng tiềm ẩn trong đất như long, li, quy, phượng. Đình thường được chọn xây trên một gò cao, một doi đất, trước mặt có dòng nước chảy hay hồ ao, nếu không kể sông ngòi thì người dân đào giếng, hồ để tạo nên cảnh nước non. Những câu tục ngữ về thế đất chọn làm đình như: "Thè lè lưỡi trai chẳng sai được nó. Khum khum gọng vó, chẳng nó thì ai" là những tổng kết dân dã về thế đất "tự phúc, tự thuỷ" là những vị trí tốt nhất để xây đình làng. Đình làng thường được xây ở rìa làng, thoáng đãng trên một khu đất cao rộng, nhà của dân làng chỉ ở sau lưng không được ở phía trước đình.

Đình làng ban đầu có lẽ chỉ là một kiến trúc nhỏ gồm 3 gian và 2 chái, sau đó số gian tăng lên đến 5, 7 hay 9 gian (số lẻ) cộng thêm kiến trúc phía sau gọi là *hậu cung*, thêm phía trước gọi là *tiền tế*, thêm hai bên gọi là *tả vu* và *hữu vu*. Ban đầu xung quanh chưa bịt kín nhưng sau dần để tôn nghiêm thần thánh, người dân xây bao kín quanh kiến trúc chỉ để mở cửa phía trước, đặc biệt ở hậu cung thì xây bịt kín tối như bưng (là nơi thần thành ngự trị). Đình làng vốn là một kiến trúc mở không có tường bao quanh, vì kiến trúc gỗ cổ truyền dựa trên khung các cột gỗ chịu lực, các vì kèo và hoành

phân đều lực cho các cột cái và cột quân kê trên các đá tảng. Các cửa bức bàn và các hàng chấn song con tiện phía trước là để thoả mãn nhu cầu thẩm mỹ, các tường bao quanh là nhằm linh thiêng hoá thần linh được làm bổ sung về sau.

Một điều đặc biệt là các đình đều có cấu kết mái đình với góc mái cong và người ta gọi là *đao mái*. Góc mái cong có thể là một sáng tạo đầy tính nghệ thuật của đình làng Việt Nam và thành một đặc trưng độc đáo khiến kiến trúc gỗ truyền thống Việt Nam khác với các kiến trúc gỗ các nước khác trong khu vực. Những ngôi đình cổ thường có bộ mái lớn chiếm đến 2/3 công trình. Theo một nhà nghiên cứu thì "tỉ lệ này có lẽ bắt nguồn từ ngôi nhà cổ truyền của người Việt mà sứ nhà Nguyên là Trần Phú đã lấy làm ngạc nhiên: "Làm nhà không có kiểu gấp mái hoặc chống kèo mà từ đòn dông đến mái hiên cứ thẳng tuột một mạch như đổ hẳn xuống (vì vậy) tuy nóc nhà (tuy hết sức) cao nhưng mái hiên chỉ cách mặt đất chừng bốn năm xích". Trong điều kiện của một xứ sở lắm mưa nhiều nắng thì đó là hình thức thích nghi nhất cho kiến trúc. Bộ mái không chỉ thuần tuý có công năng che mưa chắn nắng mà còn thực hiện được cả việc điều khiển hoá vi khí hậu trong lòng công trình. Đạt được cách xử lí thông minh này, chắc hẳn người Việt đã trải qua một quá trình chọn lọc văn hoá kiến trúc".

Các đao mái đình vút cong ở bốn góc mái làm cho 2 mái đình trở nên thanh thoát nhẹ nhàng. Mặt ngoài của các đầu đao được gắn đắp các hình rồng sinh động. Hai đầu bờ nóc thường được đắp vênh lên như mũi thuyền, trên thường đắp rồng chầu mặt nguyệt, các bờ giải ở 2 mái cũng được đắp gắn các mảnh sứ hình các con trong tứ linh hoặc gắn các con nghê sành nung. Các đầu đao mái đình thực sự đã gợi lên vẻ uyển chuyển mềm mại cho ngôi đình to lớn cùng với những cây đa cổ thụ tạo nên một biểu tượng thân thiết của làng quê Việt Nam.

Mỗi đình làng còn là một công trình điêu khắc và chạm trổ, sơn vẽ với chất liệu cổ truyền là sơn ta với 3 mầu đen, đỏ và vàng. Người nghệ nhân thường chạm trổ ở các câu đầu, các cột giá chiêng, các đầu bẩy, các ván trong lòng giá chiêng... những hình đầu rồng, đuôi rồng, nghê, vân mây và hoa lá, các sinh hoạt văn nghệ đời sống hàng ngày... rất sinh động. Những cột cái ở trung đình thường được sơn vẽ rồng mây làm cho ngôi đình rực rỡ trang trọng, gợi lên ý nghĩ đây là nơi cung điện của thần thánh uy nghiêm. Các đình thường ghi ngày tháng năm khởi công xây dựng và hoàn thành ở xà nóc hoặc hai câu đầu trung đình. Ở trung đình đều có lắp một cửa võng sơn son thếp vàng làm cho không gian đình sáng lên lộng lẫy. Cửa võng là một bức rèm bằng gỗ chạm trổ rất công phu gắn vào 2 cột

và hoành ở trung đình, nơi đặt bàn thờ thành hoàng. Hai bên cửa võng là những bức hoành phi ca ngợi công đức thần, sơn son thếp vàng hoặc khảm trai, do các kỳ hào trong làng hoặc các quan viên cúng tiến. Trên các cột đình còn có nhiều câu đối cũng là để tưởng nhớ và ca ngợi công đức của thần.

Có những đình trước kia làm ở nơi đất trũng hoặc ở bờ sông, bị nước xói lở bào mòn, ngập lụt hoặc sắp đổ, người dân đã có biện pháp thủ công để kiệu, nâng đình lên cao dần dần; như đình Chèm ở ngoài bãi sông Hồng. Người dân đã dỡ mái ngói cho nhẹ bớt, đánh đai các cột đình thành một khối, sau đó dùng đòn bẩy kích dần các cột cùng một lúc lên cao độ 5,6cm, kê các cột lên và tôn nền lên theo, cứ thế dần dần nền đình đã được nâng cao lên hơn 2m trên mặt nước sông lúc mùa nước lớn. Đình Thổ Hà ở Việt Yên, Hà Bắc gần đây cũng áp dụng phương pháp thủ công như đình Chèm kiệu đình lên cao 1,80m.

Kiến trúc đình làng tuỳ theo lịch sử xây dựng của từng địa phương song về đại thể vẫn có những nét chung của nơi thờ tự thành hoàng. Đình thường chia làm 2 phần rõ rệt: *đình ngoài* và *đình trong*. Đình ngoài còn gọi là nhà *tiền tế* hay *đại bái*. Đình ngoài là một kiến trúc lớn nhất được chia làm 3 phần. Chính giữa nhà đại bái, còn gọi là *trung đình*, được dùng làm nơi tế tự thành hoàng. Ở

trung đình có đặt bàn thờ, hương án. Hai bên hương án thường bầy các *đồ tự khí*. Đồ tự khí gồm có:

- *Tam sự* gồm một bát hương to bằng đồng hoặc một lư hương đỉnh đồng hai bên là 2 hạc đồng trên cắm 2 cây nến.

- *Ngũ sự* gồm có: một bát hương, 2 cây đèn nến, 2 lọ độc bình cắm hoa, một mâm bồng ngũ quả, một cái kỉ còn gọi là tam sơn ở giữa cao hơn đặt bộ đài con 3 chiếc để 3 chén đựng rượu, một bên để đĩa trầu cau, một bên để bát nước.

Những đồ thờ thần ở đình, đền gọi là *nghi trượng* gồm khí giới dùng để đánh nhau và các đồ dùng khi đi đường (làm giả như thật). Nghi trượng thờ thần quý nhất là *thanh gươm cẩn* còn gọi là gươm vàng thường gác ở giá trước mặt long hài. Khi rước thần thì cử người có chức tước cầm gươm đi trước mặt kiệu, thường gọi là gươm đàn mặt. Kế đến là *gươm trường* và *giáo mác* (tràng kiếm và can qua) sau đến *cờ tiết mao, lưỡi phủ việt, trường côn* và *đoản trượng*. Những khí giới đó ngày thường thì cắm ở giá, khi có tế lễ rước thì cử trai tráng mỗi người cầm một thứ đi trước kiệu làm đồ nghi vệ. Trong những đồ nghi vệ còn có đồ *lỗ bộ, bát bửu, tàn, quạt, cờ, lọng*. Có nơi thường gọi lẫn lỗ bộ với bát bửu làm một và cũng không cứ phải là 8 cái. Những thứ này cũng được cắm ở giá 2 bên bàn thờ. Giáp bàn thờ ở phía trong một bên có một

lá cờ, gọi là *cờ vía*, một bên có một cái biển gọi là *biển vía*. Cờ làm bằng vóc hoặc nhiễu, giữa thêu 4 chữ "Thượng đẳng phúc thần" hoặc "Trung đẳng phúc thần" hoặc "Hạ đẳng phúc thần" tuỳ theo sắc vua phong cho thần, một bên thêu "Lịch triều phong tặng". Xung quanh thêu rồng bằng chỉ ngũ sắc, chữ thêu bằng chỉ kim tuyến. Biển làm bằng gỗ sơn son, chữ thếp vàng, giữa cũng khắc chữ như cờ, xung quanh chạm tứ linh. Khi rước thần thì cờ và biển vía cũng phải do những người sang trọng trong làng mới được cầm.

Hai bên hương án và bàn thờ của các đình thường bày bộ *bát bửu*. Bát bửu là 8 vật quý gồm: cái kiếm, cái bút, cái quạt, quả bầu eo, giỏ hoa, cái khánh hoặc phất trần, cái bàn cờ. Mỗi thứ trong bát bửu được chạm lộng trên đầu một cán dài sơn son thếp vàng và cắm trên một cái giá đặt ở hai bên trước bàn thờ. Trước hương án còn có một dàn lỗ bộ hay còn gọi là *bát kích*. Bát kích là tám thứ vũ khí đời xưa: thanh long đao, cây mác trường, cái chuỳ, thanh kiếm, câu liêm, cái đinh ba, cái tay thước, cái nắm tay. Những đồ thờ bát bửu, bát kích trên đây tượng trưng cho tài văn võ song toàn của thần hay thành hoàng làng, làm tôn vẻ uy nghi của thần. Hai bên hương án còn có hai con hạc cao to đứng trên lưng rùa, tượng trưng cho âm dương hoà hợp và sự trường cửu của thần thánh cùng với dân làng. Lọng, tàn, quạt cũng thuộc vào đồ lỗ bộ.

Tàn thường làm bằng vóc hoặc nhiễu, xung quanh thêu lưỡng long chầu nguyệt" hoặc "cửu long tranh châu", được khâu tròn lại như một cái lồng, trên lại có một tầng vải hoặc móc nhiều làm đình trần, ở giữa có cán cầm. Quạt thường được làm khung bằng gỗ khá to, căng vóc, nhiễu, cũng có thêu, có tay cầm hơi chếch với mặt quạt. Khi rước kiệu thần, người cầm quạt che ở hậu bành trên kiệu, vì to nên được gọi là quạt vả. Lọng thì như một cái dù to ngày nay, cán làm bằng một khúc tre cây dài từ 2 đến 2,5m, khi bật lên thì nóc lọng là một hình tròn để che mưa nắng cho thần. Lọng thường làm bằng giấy phất hoặc vóc, xung quanh có các tua chỉ ngũ sắc hay kim tuyến. Ngoài ra trong đình đền nếu thờ dương thần còn có ngựa thờ làm bằng gỗ sơn son thếp vàng, dưới chân ngựa có bánh xe tròn nhỏ bằng gỗ để khi rước có thể đem theo. Nếu thờ âm thầm thì có võng cáng cũng được làm rất đẹp.

Ngoài các thứ trên ra, đình đền thờ thần còn có *cờ ngũ hành*. Cờ ngũ hành là 5 lá cờ làm cùng một kiểu, 5 lá có 5 màu khác nhau, mỗi màu thuộc về một phương, mỗi phương thuộc về một hành. Màu xanh là phương đông, thuộc về hành MỘC; màu trắng là phương tây, thuộc về hành KIM; màu đỏ là phương nam thuộc về hành HOẢ; màu đen hoặc huyền là phương bắc thuộc về hành THUỶ; màu vàng là trung ương thuộc về hành THỔ. Cờ ngũ hành thường làm 5 lá, có khi làm 10 lá hình

chữ nhật lệch, một bên xâu vào cán cờ, còn 3 bên đều làm đường hoả, giữa cờ để trơn, có khi thêu rồng phượng. Thần còn có một *cờ lệnh*, to gấp 4 hay 6 lần cờ ngũ hành, dùng để kéo lên trên cột cờ cao ở sân đình mỗi khi có lễ hội. Ngoài ra còn có *cờ đuôi nheo* là một lá cờ nhỏ chỉ bằng một phần ba cờ ngũ hành, hình đuôi nheo. Khi có rước thần thì một người chỉ huy cầm cờ đó làm hiệu lệnh cho những người mang các nghi vệ trong các đình thường có kiệu để làm lễ rước thần. Các kiệu làm bằng gỗ sơn son thếp vàng, số kiệu nhiều ít tuỳ theo số thần thờ trong đình thường được cất giữ ở gác nhà tả mạc và hữu mạc. Về nhạc khí đình thường có 1 trống cái (to) đánh lên những khi mời làng ra họp hoặc tế lễ hội hè, chiêng, khánh hoặc mõ đại làm bằng cả một cây gỗ to được khoét rỗng giữa.

Nghi trượng của thần thờ ở các đình, đền làng không giống nhau tuỳ theo thần, thành hoàng được thờ. Nếu thành hoàng là các vị vua đời trước như Đình Tiên Hoàng, Lê Đại Hành... thì sửa sang đồ nghi trượng y như của vua dùng, còn nếu thờ các vị trung thần nghĩa sĩ thì tuỳ theo quan chức mà sắm sửa, song cũng có vị thần, nguyên chỉ là quan nhưng do được vua phong Vương nên dân làng cũng sắm sửa đồ nghi trượng như của vua cũng vẫn được.

Đại bái thường được xây to gồm đến 7 gian hay 9 gian. Trước hương án ở trung đình là nơi các

chức sắc trong làng tế thần, thường được giải chiếu hoa khi có tế và là nơi diễn các tích chèo sân đình, hát ca trù, nơi các quan viên ngồi gõ trống chầu thưởng thức... Hai bên nhà đại bái là *tả gian* và *hữu gian*, thường được đóng sàn gỗ, dùng làm nơi hội họp, chia phần làng, ăn cỗ, dân làng ngồi theo thứ bậc cao thấp, tiên chỉ và các chức dịch như lí trưởng, chánh hội... ngồi chiếu trên, bạch đinh ngồi chiếu dưới.

Kiến trúc nhỏ phía sau gọi là *đình trong, hậu cung hay nội điện*. Đây là chốn thâm nghiêm, nơi thờ tự chính của ngôi đình, người bình thường không được bước vào, cũng gọi là *cung cấm*. Trong nội điện có bầy bài vị của thành hoàng làng, đặt trong một *long ngai* hay *long khám*. Trước long ngai là một hòm đựng sắc phong của thần. Trên hương án cũng đặt một bình hương và các đồ thờ cúng.

Trước đại bái là sân đình, hai bên tả hữu của sân đình thường xây hai dãy nhà nhỏ gọi là *tả mạc* và *hữu mạc* dùng làm nơi sửa sang dọn lễ trước khi dâng lễ vào nhà đại bái.

Trước sân đình là cổng có nơi xây tam quan. Nhiều tam quan cũng được xây đắp rất đẹp, có các cột trụ biểu, hai bên vách tường thường đắp các con rồng, con cọp hoặc vẽ hai võ tướng cầm long đao dáng vẻ dữ tợn như để bảo vệ cho chốn linh thiêng. Cũng có nơi vẽ ngựa, vẽ voi hoặc làm voi đá

đứng hai bên. Trên đầu hai cột trụ thường đắp hai con sấu sành gắn các mảnh gốm.

Dưới sự khống chế lũng đoạn của bọn cường hào, nơi đình trung ở làng quê Việt Nam trước đây đã diễn ra bao hủ tục, thảm cảnh làm cho người nông dân lao động càng thêm khốn khổ vì việc tế thần mà nhiều nhà văn, như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan... đã miêu tả.

*

*   *

Đền cũng là một kiểu kiến trúc để thờ thần nhưng không phải là nơi thờ thành hoàng. Thành hoàng chỉ được thờ ở đình. Mỗi làng chỉ có một đình nhưng có thể có nhiều đền. Đền chỉ dành riêng cho việc phụng thờ tế lễ, đình là nơi thờ vong, với chức năng là nơi hội họp của làng vì vậy đình có cấu trúc to lớn còn đền thường nhỏ bé hơn đình. Khi tế thần dân làng rước thần từ đền về đình, đền mới là nơi "thường trú" của thần, chỉ ngày lễ ở đình thì thần mới giáng lâm. Đình thường được xây dựng ở nơi trung độ, tiện cho dân làng hội họp còn đền thường được xây ở gần nơi gò cao, nơi thần có liên quan đến sinh sống lúc đương thời, đóng quân, hoá (nhất là đối với nhân thần). Đền được cấu trúc cũng giống như đình, cũng có nội điện (nhà hậu cung) và đại bái (thượng điện) nhưng với quy mô nhỏ. Hai bên tả hữu thường hẹp, có đặt nhiều bàn thờ để người đến lễ bầy lễ vật dâng hương.

Hầu hết các đình đều không có tượng thần hay thành hoàng. Chỉ có ở đền mới có tượng thờ. Cũng có đền thờ bao nhiêu thần thì có bấy nhiêu tượng. Ngoài tượng thần chính ở các đền cũng còn có tượng là bộ hạ. Tượng thần chính được bầy ở chỗ cao nhất chính điện, các tượng phụ được bầy ở hàng dưới. Cũng như tượng Phật ở chùa, tượng thần cũng được làm bằng nhiều chất liệu như đồng, đá, gỗ hoặc đất. Pho tượng Trấn Vũ ở đền Quán Thánh được làm bằng đồng hun ở thế kỉ 17 có chiều cao tới 3,5m, nặng tới gần 4 tấn. Tượng tổ sư nghề đúc đồng Nguyễn Minh Không ở đình Ngũ Xã được tạo bằng gỗ, cao 1.70m. Các pho tượng ở đình, đền được tạc theo công thức cổ điển không khác nhau mấy về hình dáng, có tính tượng trưng ước lệ, ít giá trị mĩ thuật so với tượng Phật. Tuy vậy thỉnh thoảng vài đình, đền cũng có những pho tượng đạt tới giá trị mĩ thuật và kĩ thuật thủ công cao.

Đình, đền cũng thường có dựng bia, đền Bạch Mã có 15 bia, đền Quán Thánh có 6 bia, đền Đồng Nhân có 9 bia, các đình Kim Liên, Yên Phụ, Quan Nhân, Công Đình... cũng đều có bia. Nội dung của bia đình, đền ghi lại công đức của thần, việc xây dựng trùng tu các thời kì, những người đã góp công đức cho việc tu tạo. Người góp tiền và ruộng nhiều thường được dựng làm hậu thần, trong các bia cũng ghi ngày tế lễ thần cùng sổ ruộng tự điền. Các bia dựng ở đền thờ tổ nghề thường ghi rõ các

họ của làng nghề từ nơi khác đến kinh đô lập nghiệp và ông tổ nghề. Có bia đình ghi lại sắc vua ban cho cả làng như bia đình làng Phú Thị ghi việc chúa Trịnh ban cho làng biển "TRUNG NGHĨA". Có bia đình ghi lại ranh giới ruộng đất giữa hai làng như bia đình xã Thanh Trí và Thắng Trí (huyện Sóc Sơn) hoặc giới hạn của rừng (Thanh Trí, Sóc Sơn). Cá biệt có đình còn lưu giữ quyển sách đồng như ở đình Mai Phúc, xã Gia Thuỵ, huyện Gia Lâm. Sách gồm 12 lá đồng thau khổ 18 x 34cm, được đóng lại bằng dây đồng, nặng khoảng 1kg. Mỗi trang có 7 đến 8 dòng chữ, mỗi dòng có từ 5 đến 25 chữ, tổng cộng khoảng hơn 2000 chữ. Nội dung ghi lại sự tích 2 vị thần thời nhà Đinh là Xuân Vinh và Luân Nương là 2 anh em ruột đã có công dẹp loạn 12 sứ quân, hai thần thông minh dũng cảm tài ba; ghi cả ngày sinh, ngày hoá của 2 vị.

4. LỄ HỘI Ở ĐÌNH ĐỀN

Đình, đền ở làng thường mở lễ hội hàng năm vào các ngày sinh, ngày hoá của thần, thành hoàng để tỏ lòng biết ơn thánh thần, cầu mong phù hộ cho đời sống yên vui, làm ăn phát đạt. Các nghi thức của việc tế lễ cũng tuỳ theo tập tục của việc thờ cúng từng thần, từng làng. Trong việc tế lễ thần, thành hoàng thường có việc rước thần, diễn

lại sự tích của thần trong việc đánh đuổi quân giặc ngoại xâm (như Phù Đổng) hay các thế lực quấy rối khác. ... Người ta rước kiệu bát cống trên có đặt ngai thờ thần, do tám trai tráng khiêng, phía trước là cờ quạt, hai bên là tàn lọng kèm theo là phường bát âm thổi các điệu với kèn trống, đàn, nhị sáo... Những phu đinh đi rước cũng thường được mặc quần áo như trang bị của lính thú đời xưa (Xem lễ hội đền Phù Đổng và đền Sái ở Thuỵ Lâm, Đông Anh). Sau phần lễ thần đến phần hội có các trò chơi như đấu vật, bơi trải, hát xướng, thi nấu cơm, cờ người, múa rối múa bông, chọi trâu, chọi gà... đã được tổ chức, lôi kéo nhiều dân làng tham gia. Hội trong ngày lễ thường gắn với sự tích của thần được thờ, nhằm diễn lại việc đánh giặc hay hi sinh của thần. Hội bơi trải ở làng Đăm (xã Tây Tựu) làng Diễn (xã Phú Diễn) nhằm diễn lại việc tiến quân đánh phương bắc của thần Bạch Hạc Tam Giang là tướng của Vua Hùng Duệ Vương. Hội bơi trải của làng Đại Cát và Thượng Cát trên sông Hồng để tưởng nhớ đến 2 vị nữ tướng của Hai Bà Trưng là Đinh Bạch Nương và Đinh Tĩnh Nương đã luyện tập quân thuỷ trên sông Hồng và đến ngày mồng 10 tháng 3 bỗng nhiên bị gió xoáy, hai thần cùng quân sĩ đều bị chết. Hội thổi cơm thi ở đình Thị Cấm thờ thần Phan Tây Nhạc là bộ tướng của Vua Hùng Duệ Vương nhằm tuyển chọn người thổi cơm giỏi để nuôi quân lính đánh giặc. Hội thổi cơm thi ở

làng Nghĩa Đô để tưởng nhớ đến việc làm của Hồng Nương và Quế Nương đã thổi cơm cho tướng lĩnh của vua Lê Đại Hành đánh quân Tống; sau khi mất được vua sai lập đền thờ và phong tặng. Phần hội được tổ chức gắn liền với lễ. Để biểu dương tinh thần thượng võ, rèn luyện sức khoẻ đấu tranh với tự nhiên và chống ngoại xâm giữ nước, là những màn diễn xướng tổng hợp văn nghệ, thể thao được đông đảo dân làng chờ đón và tham dự vui vẻ. Lễ hội làng ngày xưa có ý nghĩa thiêng liêng, là một sinh hoạt văn hoá tâm linh cần thiết, nhắc nhở dân làng nhớ về cội nguồn, biết ơn tiền nhân, nó cũng là hình thức liên kết cộng đồng, vui chơi giải trí sau những ngày làm ăn vất vả khó nhọc, chuyển giao các hình thức văn hoá, khích lệ óc sáng tạo thẩm mĩ.

Ngoài lễ hội chính trong một năm ở các đình đền còn có những lễ vào các ngày *sóc, vọng* (ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng). Các bô lão trong làng đem lễ vật gồm oản, chuối, trầu, rượu hoặc xôi gà, rượu để tế. Sau khi tế, lễ vật được đem ra chia cho những người dự, gọi là cỗ kiến tại. Cũng có khi chỉ chia tại chỗ một nửa còn một nửa chia cho những người không có mặt:

Trong một năm còn có ngày lễ vào các ngày tuần tiết như *Lễ thượng điền, hạ điền* mở đầu hoặc kết thúc vụ mùa cầy cấy của một năm. Cũng còn *Tế kì phúc* vào mùa xuân và mùa thu để cầu thần

cho dân được bình an. Các ngày Tết trong năm cũng có tế lễ thần ở đình làng, như Tết nguyên đán, Tết thanh minh, Tết đoan ngọ, Tết trung nguyên, Tết trung thu, Tết trùng thập... Trong làng các nhà có công việc như cưới xin, ma chay, sinh con... cũng đều đem lễ ra đình, đền lễ thần. Lễ vật có thể là lễ chay hoặc lễ mặn tuỳ theo hoàn cảnh mà to, nhỏ, nhiều, ít tuỳ tâm, song cốt ở tấm lòng thành.

Ngày nay các đình đền thường mở lễ hội năm một lần. Đình đền vẫn là những nơi sinh hoạt văn hoá tâm linh, tín ngưỡng, khách đến dâng hương nơi đình đền là để thoả mãn nhu cầu văn hoá truyền thống, uống nước nhớ nguồn, biết ơn tiền nhân, anh hùng tổ tiên như lễ đền Kiếp Bạc, đền Đồng Nhân... Song cũng có nhiều người thể hiện tín ngưỡng, cầu mong tài lộc, phúc đức... Người đi lễ đình, đền để thực hành tín ngưỡng trước hết phải có tâm thành, phải xua đuổi, xoá bỏ những bất chính xấu xa, phải có thiện tâm. Lễ vật có thể là lễ chay hoặc lễ mặn tuỳ theo tập tục nơi đình, đền. Lễ vật gồm có lễ trình nơi thần thổ địa và lễ chính nơi thần ngự. Sau khi bầy xong lễ vật thì thắp hương từ trong ra ngoài. Khi thắp hương cần thắp theo số lẻ 1, 3, 5 hoặc 7 nén. Sau khi châm hương, dùng hai tay cắm vào bình hương trên bàn thờ. Hết tuần hương thì tiến hành hạ lễ, khi hạ lễ thì hạ từ ban ngoài vào đến ban chính. Đồ lễ

thường được để lại một phần biếu người trông coi đền, đình. Ở nơi có đặt hòm công đức, người đi lễ tuỳ tâm bỏ tiền nhiều, ít vào sau khi lễ.

Đối với khách vãng cảnh và du lịch, dù không thực hành lễ nhưng theo phong tục vẫn nên thắp hương cắm nơi bạn thờ sau khi vái. Dù không thực hành tín ngưỡng nhưng đến vãng cảnh nơi đình, đền thờ cúng thánh thần cần giữ nếp sống có văn hoá, không có những hành vi, lời nói ồn ào, thô tục và nên tôn trọng tín ngưỡng của người khác.

5. NHỮNG NHẬN ĐỊNH CHUNG

Do đặc điểm Thăng Long là kinh đô của cả nước trước đây nên thần và thành hoàng được thờ ở các đình, đền rất phong phú. Bộ mặt các thần ở đây gần như tiêu biểu cho thần trong cả nước: thần bản địa ở kinh đô từ thời Lý như Long Đỗ, tức thần Bạch Mã và Tô Lịch (thần đất và thần sông), các thần có tính huyền thoại từ thời kì cổ đại như Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh, các tướng tá con cháu các Vua Hùng có lẽ đều đưa vào thờ cùng với sự di dân từ miền trung du xuống châu thổ sông Hồng theo thời gian. Từ một làng trở thành đô thị và là kinh đô nên hầu như thần ở tất cả các nơi đều theo chân con người về cư ngụ tại Hà Nội được thờ ở các đình, đền như thần Đồng Cổ (có trước tiên ở Thanh Hoá).

Do lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử chống ngoại xâm, do dân tộc Việt Nam luôn luôn có lòng yêu nước nồng nàn vì vậy nên trong các thần, thành hoàng thờ ở Hà Nội thì hầu hết là những nhân vật lịch sử đã giúp vua đánh giặc, giữ nước như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... và các tướng tá của các ông.

Do từ chỗ một làng dần dần trở thành một thành và thị nên các nghề thủ công và việc buôn bán phát triển, trên đất Thăng Long đã có thờ nhiều thành hoàng là tổ sư nghề như nghề đúc đồng, nghề làm vàng bạc, nghề làm lọng, nghề hát thờ...

Một đặc điểm nữa cũng cần lưu ý là kinh đô Thăng Long trước đây là trung tâm hành chính và buôn bán của cả nước nên đã có người nước ngoài sinh sống, người Trung Hoa sang mang theo vị thánh là Quan Công được thờ trong các đình đền của họ và người dân kinh đô cũng thờ theo. Bên cạnh người Trung Hoa là người Chiêm Thành do vua Việt Nam bắt về hoặc theo vua quan Việt Nam về sinh sống ở kinh đô nên xung quanh Thăng Long có những đình đền của họ. Các con cháu họ (Việt hoá) đã thờ tổ tiên của họ, là người có công khai phá vùng đất đó làm thành hoàng làng như ở Lĩnh Nam, Vĩnh Tuy (Thanh Trì).

Nhìn vào bản đồ các đình đền được xếp hạng ở Hà Nội, chúng ta dễ thấy là trong các quận nội

thành số đình còn tồn tại rất ít so với các huyện ngoại thành, điều đó phản ánh quá trình đô thị hoá của Thăng Long trước đây, vai trò của ngôi đình trong cộng đồng làng xã nông nghiệp không còn thích hợp với nơi đô thị, chức năng của ngôi đình gần như không còn tác dụng, những ngôi đình cổ đã dần đổ nát, thu hẹp, phá huỷ cùng với thời gian theo quá trình phát triển đô thị. Những ngôi đình được giới thiệu phần lớn là thuộc các làng ven nội thành.

Hiện nay đối với cư dân nội thành Hà Nội, do tính chất nghề nghiệp, phi nông nghiệp, do tính chất hợp cư từ dân khắp các nơi, không có mối quan hệ với nhau như công xã nông thôn nên không cần đến thành hoàng. Thành hoàng là một thế lực tinh thần ít phổ quát, quá nhỏ bé với dân tứ chiếng vì vậy họ không thiết tha với đình và thành hoàng. Dân làm nghề thủ công thì thờ các thành hoàng là tổ sư nghề, số này cũng không phải là nhiều. Chỉ còn dân các làng ven nội thành và các huyện mới quan tâm đến đình và thành hoàng là sợi dây gắn bó cố kết họ lại theo dòng máu và nơi sinh sống. Thế lực thành hoàng ở các làng cổ truyền có khá mạnh vì ở nông thôn hiện nay, chùa hình như chỉ dành cho phụ nữ, còn nam giới thì ít hoặc không lên chùa. Vai trò của nam giới trong đời sống gia đình và xã hội ở nông thôn là khá quyết định vì vậy việc tu sửa, tế lễ ở đình đền đã

được chú ý hơn các chùa ở nông thôn. Các hội mở ra trong các dịp tế lễ thần ở nông thôn hiện nay vẫn là mảng quan trọng của sinh hoạt văn hoá làng xã. Do trước đây không được quan tâm lại bị coi là mê tín dị đoan, lễ hội không được tổ chức nên ngày nay nhiều nơi đã phục hồi lễ hội rầm rộ nhưng chưa được hướng dẫn phát huy và loại bỏ những gì để cho phù hợp với thời đại mới, với xã hội đang trên đà công nghiệp và hiện đại hoá. Các đình đền và chùa ngày nay không còn cơ sở ruộng đất như trước, việc tu sửa và lễ hội là do dân đóng góp dưới nhiều hình thức, các làng ngoại thành ngày nay không còn khép kín như ngày xưa, quanh năm im lìm trong luỹ tre xanh, người dân tha thiết mong chờ lễ hội là một dịp để giải toả những khát khao mong đợi trong cả năm. Làng ngày nay đã mở rộng giao lưu, các phương tiện truyền thông, văn hoá đã thâm nhập phổ biến, ngành nghề đã mở rộng, nhịp điệu sống công nghiệp của thời đại mới đã làm đổi thay tâm lý và cả văn hoá tâm linh người nông thôn vì vậy trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong việc tế lễ thần thành hoàng và mở lễ hội cũng cần sao cho phù hợp.

Có thể coi đình, đền là cái vỏ vật chất, hình thức của nội dung tín ngưỡng thần, thành hoàng của người Việt Nam. Chi phối bởi thế giới quan thần linh nên các sự tích đều nhuốm một màn

sương huyền thoại hoang đường, phi hiện thực, phản ánh một giai đoạn phát triển lịch sử của dân tộc. Nếu tách rời các truyền thuyết huyền thoại đó với kiến trúc vật chất (đình, đền) thì di tích chỉ còn là vôi gạch vô tri, vô giác. Nội dung truyền thuyết từ xa xưa đã phả vào từng viên gạch, từng ngọn cây cái Thiêng, cái Kính và đã làm nên ý nghĩa thiêng liêng của sông núi. Vượt lên ý nghĩa của tín ngưỡng thờ thần, thành hoàng, loại bỏ yếu tố hoang đường, những di tích đình, đền như những chứng tích, những cuốn sử lộ thiên mà người không biết chữ cũng đọc được, để tưởng tượng, để tái hiện những chiến công anh hùng của dân tộc, để giáo dục thường xuyên những bài học đoàn kết yêu nước, chống ngoại xâm. Có thể coi những di tích lịch sử văn hoá trong đó có đình, đền thờ thần là một giáo dục bền bỉ, hiệu nghiệm những phẩm chất quý báu của dân tộc. Có thể chính biện pháp giáo dục này đã nuôi dưỡng truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, tạo nên những sức lực dẻo dai chống lại việc đồng hoá, cổ vũ quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược. Chính vì vậy nên hầu hết các đình, đền ở Hà Nội cũng như trong cả nước đều thờ các thần và thành hoàng là những nhân vật lịch sử đã phò vua giúp nước, đánh giặc bảo vệ dân, có lòng yêu nước thương dân. Không phải ngẫu nhiên mà ngày nay chúng ta vẫn nói đến "Hồn thiêng sông núi", đó chính là truyền thống yêu nước, tự hào

dân tộc, vì vậy ngày nay chúng ta phải ra sức gìn giữ bảo vệ các di tích lịch sử - văn hoá, cũng chính là cái gạch nối sáng chói của tinh thần yêu nước Việt Nam, của truyền thống Việt Nam giữa các thế hệ trước với các thế hệ sau.

Tín ngưỡng thờ thần và thành hoàng làng của người Việt thực chất là thờ phúc thần, nó đóng vai trò liên kết cộng đồng trong làng xã và mở rộng ra cả nước, nhằm giáo dục lòng yêu nước, nhân nghĩa, điều thiện trong những hình thức và phù hợp với mỗi miền; đó chính thực là những giá trị văn hoá truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc mà ngày nay chúng tạ cần thừa kế và phát huy.

B - MỘT SỐ THẦN TÍCH THẦN, THÀNH HOÀNG THỜ Ở ĐÌNH, ĐỀN HÀ NỘI

1. Thần Tản Viên Cao Sơn Quý Minh trích trong *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam* do Nguyễn Duy Hinh dịch.
2. Thần Tản Viên trích trong *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên.
3. Thần Tô Lịch trích trong *Việt điện u linh tập.*
4. Thần Long Đỗ trích trong *Việt điện u linh tập.*
5. Thần Đồng Cổ trích trong *Việt điện u linh tập.*
6. Thần Linh Lang trích trong *Thần tích tỉnh Hà Đông*. Nguyễn Duy Hinh dịch
7. Thần Lý Ông Trọng trích trong *Việt điện u linh tập.*
8. Thần Bố Cái Đại Vương trích trong *Việt điện u linh tập.*
9. Thần Lý Thường Kiệt trích trong *Việt điện u linh tập.*

THẦN TÍCH CỦA THẦN TẢN VIÊN CAO SƠN QUÝ MINH

Thần được thờ ở các đình Mễ Trì Hạ, Mễ Trì Thượng, Khương Thượng, Kim Liên, Tàm Xá... Thần tích của thần được chép ở nhiều nơi có khác nhau. Xin giới thiệu thần tích Tản Viên do Đông Các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn năm 1572 cho xã Phú Lạc, tỉnh Phú Thọ theo bản dịch của Nguyễn Duy Hinh trong "*tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*". Theo bản thần tích này thì Tản Viên không chỉ là một thần mà là 3 vị thần linh, Tản Viên là tối cao, Cao Sơn là tả bộ sơn thần, Quý Minh là hữu bộ sơn thần. Như đã viết, không thể đòi hỏi ở đây những chi tiết chính xác, thống nhất cho mọi nơi thờ. Chúng tôi thấy bản này phong phú hơn cả.

*

* *

Thời Hùng Vương thứ 18 có động Lăng Sương, ở huyện Thanh Xuyên phủ Gia Hưng đạo Hưng Hoá xứ Sơn Tây. Động này núi non cẩm tú, suối nước trong xanh, sơn thuỷ như tranh, cây cỏ tốt tươi, hổ báo cầm thú nhảy múa vui sướng, lâu đài lung linh. Quả là cảnh đẹp nhất trời Nam vậy.

Lúc bấy giờ ông Nguyễn Cao Hạnh đã hơn 70 tuổi, vợ là Đinh Thị Điên đã hơn 50 tuổi, sinh sống ở nơi này, làm việc nghĩa đức, một đời phong lưu

dư dật. Một hôm nhìn thấy một đám mây lành rực rỡ trong khe động. Rồng vàng, bay lượn lấy nước, phu chu tinh (tính khí quý như ngọc, NDH) xuống sóng nước, bắn linh khí xuống đáy khe, hương thơm ngào ngạt cả trời đất, khoảnh khắc thì rồng bay lên trời. Gió hiu hiu thổi tựa hồ như có ý nghênh đón người đến. Lúc đó cụ bà ra phía trái tường nhà lấy nước ở khe (nguyên văn là động tĩnh tức giếng động - NDH) tắm trên phiến đá trắng. Tự nhiên hương thơm ngào ngạt, khí lành ùn ùn, núi sông rực rỡ, hải hà tốt lành, linh cảm quấn quýt như vui mừng sâu sắc trong bụng. Về sau tự nhiên bà thấy trong lòng động, mang thai 14 tháng. Đến ngày sóc (mùng một) tháng giêng năm Đinh Ty, bà đang ngồi chơi trên phiến đá trắng, hốt nhiên xuất hiện một đám mây lành ngũ sắc hào quang rực rỡ, lúc bấy giờ bà sinh hạ một cậu con trai tướng mạo phi phàm, hình dung tuấn tú dáng người hiên ngang khôi ngô gấp vạn người thường. Sau 100 ngày bèn đặt tên là Nguyễn Tuấn. Nghe việc lạ đời sau có thơ ca tụng:

Lăng Sương cốt cách ngọc tinh thần
Bả thác hoàng long giáng hạ trần
Thái thuỷ diệc vị thiên thượng mẫu
Cửu hoài hà nhược thế gian nhân.

(Ý ca tụng ở Lăng Sương có người cốt cách cao quí là rồng vàng xuống trần. Vốn là người mẹ trên trời. Người đời trông mong từ lâu).

Lại nói, đến khi 6 tuổi đổi tên là Nguyễn Huệ. Cha mất, mẹ bèn làm lễ chôn cất. Đến năm 7 tuổi, mẹ con dắt nhau đến linh sơn Ngọc Tản của Cửu Lĩnh (tại xứ Mang Bồi) ngụ cư ở đó. Bèn kết bạn với lão bà núi đó tên là Ma thị Cao Sơn Thần nữ. Được 3 năm nhớ phần mộ tổ tiên, mẹ con lại trở về động cũ Lăng Sương, ông đổi tên là Nguyễn Chiêu Dung. Năm 12 tuổi có chí học hành, cho nên dù nhà tranh ngõ hẻm vẫn vui với trời, yên với mệnh, tiêu dao ngày tháng cuộc sống đơn bạc mà thú vị. Yên bần lạc đạo. Đó là chí lớn vậy. Nhưng lúc bấy giờ thương mẹ khó nhọc vất vả thường than thở rơi lệ nói rằng mẹ ta nuôi dưỡng ta một đời khổ sở ba lần dời nhà mà nay tình cảm vẫn khó khăn như vậy thì làm sao có thể an ủi mẹ ta được. Hàng năm thường đến linh sơn Ngọc Tản than thở với lão bà Ma Thị như thế. Vận thời tuần hoàn, việc người thường biến đổi. Xưa nay ở động Sương nghèo khổ, đến nỗi không đủ nuôi mẹ già trả ơn cúc dục chí tình con hiếu. Vậy xin làm con nuôi của lão bà đốn củi bán nuôi mẹ. Lão bà nghe nói bèn thở dài mà chấp nhận như thế. Nguyễn Chiêu Dung[1] đưa mẹ đến cùng ở tại núi Tản Viên. Được một năm mẹ mất. Nguyễn Chiêu làm lễ chôn cất, rồi ở đó với lão bà Ma thị. Một hôm lên ngọc linh sơn chặt một cây

[1] Theo thần tích khác thì nói ông đổi tên Nguyễn Tùng (thần tích xã La Dương, tỉnh Hà Đông AEa2:64. TLĐD). NDH.

to cao, ngày hôm đó trở về báo người trong động cùng lên núi lấy cây gỗ. Nhưng khi đến nơi thì thấy cây đó vẫn tươi tốt cành lá sum suê, lấy làm lạ. Lại chặt cây đó một lần nữa, giả vờ đi về, nấp một nơi để xem tình hình như thế nào. Đến đêm khuya thấy một cụ già cao hơn một trượng, râu tóc bạc phơ, đầu đội mũ hoa, chân đi giày mây, tay phải xách một cây gậy trúc tướng mạo đàng hoàng phi phàm như phượng như rồng. Theo sau là một tiểu đồng cầm một chuông vàng (kim linh) rung liên tiếp ba lần, cụ già đọc thần chú, lấy gậy đánh vào cây. Bỗng thấy một cơn lốc mây mù mịt đỉnh núi, thần linh biến hoá càn khôn đảo lộn, nháy mắt cây đứng lên sống lại. Nguyễn Chiêu nhìn thấy tỏ tường, lập tức chạy lại chỗ cái cây, hai tay ôm cụ già hỏi cụ từ đâu đến tôn hiệu là gì, sao nỡ tiếc một cái cây mà tuyệt đường hy vọng của nhân dân đói rét? Cụ già bảo rằng: Ta là Sơn Tinh đại thần, tên gọi Tinh Thần Tử Huy Thiên Tướng, vâng sắc chỉ Ngọc Hoàng trông coi núi rừng. Cây này là cây ngô đồng bảo thụ, lầu các của thánh thần. Đây là chủ mộc của núi Ngọc Tản, không được đốn. Cho nên ta phải cứu bảo thụ (cây quý), phù hộ sơn hà quốc gia vĩnh viễn bình trị thái bình. Nguyễn Chiêu bèn cúi đầu cảm tạ rằng: Lời Thiên Tướng làm sáng đôi mắt thịt, sao dám không mệnh. Quả là con ngựa hoang trong trần ai. Kiếp người phù du, có có không không, sinh sinh

hoá hoá, cơ trời mầu nhiệm khôn lường, muốn sự biến đổi không thường. Đó là lẽ trời đất vậy. Hay xin ban cho linh trượng và thần chú để cứu người sống chết, để báo ơn sâu cha mẹ, xin được hân hạnh ban cho, khiến cho khỏi lao khổ đốn củi nuôi mẹ. Cụ già nghe nói biết là người đại hiếu, là người phi thường, bèn cho gậy và thần chú, dặn rằng đầu gậy (này) có thể cứu người sống lại, đầu gậy (kia) có thể trừ mọi tai hoạ, chỉ đất đất nứt, chỉ nước nước cạn, pháp thuật rất huyền diệu. Duy, chỉ trời thì mây bay mù tan chiếu thấu cửu trùng, cẩn thận không được làm, không được làm. Dặn xong bèn bay mất. Từ khi được gậy và thần chú Nguyễn Chiêu rất vui mừng, cảm tạ trở về nhà nuôi mẹ, nói rằng. Con hiếu này được linh trượng và thần chú của thiên thần có thể cứu sống người chết, trừ tai ương. Về động cũ Lăng Sương tự xưng Thần Sư. Một hôm đi qua ấp Thủ Pháp thôn Cốc bỗng hàng đàn hơn 500 con hổ voi cản đường. Thần vương (*tức Nguyễn Tuấn tức Nguyễn Chiêu Dung tức Thần sư* - NDH) bèn lấy gậy chỉ một cái, lập tức hổ chạy về bắc, voi chạy về đông trước đầu gậy. Do đó đường đi thông suốt, đến bờ sông, nhìn xa xa trời nước mênh mông, ráng chiều cùng bay với cò (*thuỷ thiên nhất sắc hà vụ tế phi. Ý này mượn câu thơ của Vương Bột đời Đường*. NDH), bên sông tịch mịch, thuyền không, chèo gẫy. Thần sư bèn lấy gậy chỉ một cái, tức thì xuất hiện một con đường nhỏ

vượt qua sông như đi trên đất bằng. Đi đến châu Trung Độ (còn gọi là châu Trường Sa) xã Ma Xá bỗng thấy trẻ con chăn trâu xúm nhau đánh một con rắn đen, hò hét cười múa, Thần sư thấy thế thương tâm bèn bảo trẻ chăn trâu rằng: Chúng mày đùa làm gì, bán con rắn cho ta. Bọn trẻ chăn trâu cười và đồng ý. Thần sư đưa 30 đồng tiền mua con rắn, đem đến xứ Thượng châu Trường sa đọc thần chú và lấy gậy thiêng chỉ con rắn chết, đầu trượng mờ mờ ảo ảo, con rắn đã sống lại. Con rắn đen cúi đầu bái tạ thần sư. Thần sư đứng nhìn thấy rắn đen bay xuống sông rẽ nước mà đi, mới biết đó là con của Long vương. Sau đó, Thần sư trở về động Lăng Sương. Rắn đen về đến hồ Động Đình bèn đem việc đó tâu lại Đế quân. Đế quân cảm công đức của Thần sư lập tức sai thái tử (tức rắn đen) cùng với đô đốc giao long đi đón Thần sư ở động đó. Thần sư trở về linh sơn Ngọc Tản từ tạ mẹ nuôi đang sống, theo xuống long cung, qua cửa thành sơn son thếp vàng thấy điện ngọc lớp lớp trùng trùng điệp điệp, quan tướng cá rùa vô số hàng ngũ trùng điệp những binh tướng long cung đứng hai bên tả hữu của đế quân. Đế quân bèn ngự chính toà đón tiếp Thần sư vào ngồi bên phải long sàng. Đế quân phán bảo: Đông cung là thái tử của ta, hôm qua lên bộ chơi ở linh điện Tùng Đài (Linh từ Giang Trung châu xã Sơn Bạn), bỗng gặp sự cố Trường Sa, nhờ Ngài cứu thoát, thật là ơn

lớn. Hôm nay mời Ngài đến đây để báo đáp chút tình. Thần sư tâu rằng: Thuỷ phủ với dương gian cách biệt, làm sao hiểu được là rồng để hầu hạ. Nhà tôi đời đời làm việc thiện lại được phép thần, nhân đi chơi cứu được tai nạn cho thái tử, đó chỉ là do lòng nhân mà thôi, không có ý gì. Nay được đến đây nào dám mong được báo đáp.

Hôm đó trong cung mở tiệc linh đình với tất cả ngọc vàng kì trân dị thú, thế gian không thể nào có. Đế quân thân tự mời Thần sư yến ẩm. Thần sư lại tâu rằng: Nhân sinh mấy khi tương ngộ, đời mấy khi kì ngộ, nay qua sóng nước ba đào đến nơi này thật bình sinh không gì vui sướng bằng, nào dám không no say một bữa. Yến ẩm xong, Đế quân đem vàng ròng tạ ơn Thần sư. Thần sư hết lòng từ chối. Thái tử bèn bảo riêng thần sư rằng: Hôm nay được bệ kiến long nhan là dịp may nghìn năm có một, công ơn Thần sư không thể ví với châu báu tiền bạc được, bao nhiêu của cải cũng không đủ để ban thưởng một phần nhỏ công ơn đó. Nay Đế quân có một quyển sách thần nhiều phép bí mật có thể triệt địa thông thiên, chỉ cần ước một tiếng là được. Thần sư nên xin, tôi sẽ mật tâu với Đế quân đem báo ơn. Thần sư nói: Được. Thái tử tâu Đế quân. Đế quân cảm công đức bèn đem sách đó tặng Thần sư. Thần sư được sách bèn từ tạ ra về. Đế quân sai thái tử đem quân đưa tiễn. Thần sư về đến bờ sông, trở về động cũ.

Lại nói thần sư trở về động Lăng Sương dùng thần chú và gậy thần cùng với sách ước hoá thành lâu đài vạn vật đầy đủ. Lại đến linh sơn Ngọc Tản nói với lão bà: nghĩa từ này một thời ở với mẹ, công đức mẹ lớn như trời. Mẹ mười tháng mang thai sinh con công đức lớn nhự núi Thái Sơn và Hoàng Hà. Ơn thâm huệ dày của mẹ nuôi cũng công đức nhân nghĩa to lớn như vậy, nào dám vong tình. Nay nguyện báo đáp chút công đức, bèn lấy sách thần ra mật niệm. Bỗng nhiên mưa gió sấm chớp ầm ầm, châu báu mưa rào rào xuống đất. Nửa canh mới dứt. Từ trên trời bay xuống trăm ngàn, vạn quan tiền. Thần sư đem vào báo tạ mẹ nuôi và xin đưa về động Lăng Sương nuôi dưỡng. Mẹ nuôi thấy tấm lòng nhân đức đôn hậu mừng thầm mọi việc đầy đủ. Bèn đem rừng núi của mình giao lại cho Thần sư để hưởng huyết thực thờ cúng hàng ức vạn năm sau. Bèn làm một chúc thư để lại muôn đời hưởng hương hoả tế tự. Chúc thư do Ma thị Cao Sơn Thần nữ lập ở Mang Bồi tục gọi Khuê Sơn thuộc sách Thủ Pháp huyện Thanh Xuyên phủ Gia Hưng xứ Hưng Hoá nước Văn Lang. Toàn bộ giang sơn điền địa, khê cừ, miếu mạo, rừng rú, cây cỏ ở động này xưa nay là của ta. Nay thấy trăm năm sau thân ta lên cảnh Bồng Lai thì hương khói xuân thu hai mùa không biết phó thác cho ai phụng sự. Nên năm Quý Dậu có con nuôi là Nguyễn Tuấn (còn có tên Nguyễn Chiêu) người động Lăng Sương

bản huyện từ nhỏ ở với ta như con đẻ. Nay Ma thị tuổi ngoài chín chục chỉ sợ mệnh trời không biết lúc nào bèn đem tất cả những vật kê cặn kẽ trong chúc thư sau đây để lại cho con nuôi là Nguyễn Tuấn. Khi Ma thị mất rồi thì tuân mệnh mẹ quản lí mọi vật trong núi đời đời, điển luật cổ kim nên lập một bản chúc thư để người đời sau tuân theo, cho chiếu dụng toàn bộ diện tích giang sơn điền địa, khê cừ, miếu mạo kê khai sau đây.

Một linh sơn Ngọc Tản thuộc Cứu Lĩnh các xứ của sách Thủ Pháp cộng 22 khuê. Núi Ngọc Lĩnh cao một ức một vạn hai ngàn ba trăm trượng, chu vi cộng một ức chín vạn tám nghìn sáu trăm trượng kiêm 6 đoạn khê cừ cộng một vạn hai ngàn ba trăm trượng, chu vi cộng một vạn hai ngàn ba trăm trượng. Một đoạn từ thượng điện đỉnh núi đến hạ điện (*nguyên văn hạ đoan điện*. ND). Nay từ ven ngòi Bùi Khấu của Khe Lăng Cốc đến đại giang (sông lớn) dài một vạn trượng. Một đoạn trên từ đỉnh Con Mèo tục gọi Ngòi Bổ Khấu đến mép sông dài 300 trượng. Một đoạn từ Cây Da đến Ngòi Lỗ Giang Khẩu dài 200 trượng. Một đoạn trên từ Đồi Mỏ Cò đến sông dài 300 trượng. Một đoạn trên từ Ba Dương tục gọi Ngòi Lồng đến bờ sông dài 500 trượng. Một ngàn lý từ xã Cấm Đái xứ Hàm Rồng dài 8.500 trượng, đông giáp hai huyện ma Nghĩa (sau đổi Minh Nghĩa), Thạch Thất, nam giáp hai

huyện Mỹ Lương, Phúc Lộc, tây giáp huyện Thanh Xuyên, bắc giáp huyện Bất Bạt. Mặt trước chính tây toạ Cấn hương Khôn. Lại có Đại Giang Tả Kiên Thần Uyên Khang Đại Vương tại núi Ma Lãng, Hữu Kiên Thần Hiển Tục Đại Vương tại núi Nộn tây nam Bạt Đồng Thần Trấn hiệu là Uy Dũng Đại Vương, tây bắc Hậu Phi Cung Trinh Thuận Công Chúa và tư điền cộng hai trăm tám mươi bảy mẫu và sông Đà dưới đến sông Lô lấy Ngã Ba làm mốc ranh giới, đông tây tứ chí y như chúc thư đã kể.

Hùng Duệ Vương năm thứ 18 tháng 8 ngày 28 lập chúc thư.

Ma thị Cao Sơn Thần nữ kí.

Sau khi đã lập chúc thư, thần vương bèn bái tạ và cùng ở với mẹ nuôi được một năm thì Ma thị ốm. Bà gọi thần vương đến di chúc rằng. Sau khi Ma thị qua đời, vương phải lập một thọ đường để ở miếu từ phụng sự cho tròn đạo hiếu. Thần vương chôn cất theo lễ, lập miếu từ và đặt thọ đường bên trái, bốn mùa hương hoả phụng sự như nghi lễ, đến hôm nay vẫn còn. Người đời sau làm bái tán:

Hồng đồ khải tạo, đế nghiệp muôn đời, trải qua mười sáu đời, mấy chục năm trôi qua, bây giờ có thánh Tản Viên nghĩa tử nuôi dưỡng bà Ma thị. Bà lâm bệnh qua đời, để lại chúc thư, truyền lập linh miếu trên núi, đặt thọ đường bên trái, một lòng đạo hiếu vẹn toàn, anh hùng của trăm đời đất

nước. Nhất gầm trời vậy. Một nhà mẹ con đáng yêu vậy, mãi mãi cảnh thần tiên.

Lăng của bà thực táng tại Thanh Nguyên núi xã Chiêu Khô huyện Phương Giao, nơi đó có miếu.

Lại nói lúc bấy giờ thì Hùng Vương thứ 80 (*chép nhầm: 18*. NDH) Duệ Vương đóng đô ở Việt Trì sông Bạch Hạc, lấy hiệu nước Văn Lang, thủ đô là Phong Châu, Duệ Vương tài trí minh triết, trong sửa đức độ văn hiến, ngoài lo việc biên cương, chăm lo cho đất nước hoà bình thịnh vượng, lại thường kính trời, noi gương tổ tiên cầu phúc cho nhân dân, trời giáng điềm lành, phò hộ quốc gia. Do vậy càng kính thờ thần linh truyền thiên hạ thần dân tu bổ đền miếu cung điện trang trí trang nghiêm ngày ngày dâng hương hoa để tỏ lòng tôn kính. Quan phủ châu huyện mỗi tháng hai kì đến nơi cúng tế bạch thần cầu nước thịnh vượng. Vương đại thần đến các lăng tẩm cung điện Nghĩa Linh và các linh từ công thần huân tướng, các triều đều tu sửa sang trọng tráng lệ. Bấy giờ Vương tuy sinh nhiều hoàng tử nhưng đều đến đế hương (tức là tu tiên, không chịu làm vua như dưới đây sẽ nói rõ. NDH). Rồi Vương ngự giá các tiên cung Tam Đảo, Tản Viên thăm thắng cảnh, xây dựng miếu điện nơi đất lành để cúng tế cầu thần. Bây giờ vua mơ thấy điềm lành rắn, sau bèn sinh hạ hai công chúa. Cả hai đều đức hạnh trinh hiền,

xinh đẹp yểu điệu môi son má phấn, long lanh hai khoé thu ba, tha thướt làn tóc mây, mười phần xuân sắc. Công chúa thứ nhất tên là Mị Nương Tiên Dung công chúa. Công chúa thứ hai tên là Mị Nương Ngọc Hoa công chúa. Công chúa Tiên Dung đã gả cho Chử Đồng Tử (quê quán ở xã Đa Hoà huyện Đông An phủ Khoái Châu đạo Sơn Nam). Còn công chúa Ngọc Hoa cung thiềm vẫn còn khoá chưa chịu định lương duyên. Vua muốn kén rể truyền ngôi bèn lập lầu ở cửa thành Việt Trì, đặt tên là Tuyển Tế Đãi Hiền lâu (Lầu kén rể đãi hiền - NDH). Biển đề Ngoạn Nguyệt Cầu Hiền Biển (Ngắm trăng cầu hiền - NDH). Chiếu truyền thiên hạ thần dân bách tính, ai thông minh nhân trí, đức độ hùng tài có thể kế thừa ngôi vua thì gả công chúa. Ngày hôm đó thuyền đậu đầy bến sông. Trước lầu xe ngựa chen nhau. Văn bút vũ lộng, rồng rắn lung linh, sao sa sông lạnh, gươm giáo ngất trời, hổ báo kinh hồn lạc phách, sấm động một góc trời, anh hùng bốn biển kẻ được điểm này người kém điểm khác. Rốt cuộc không ai đạt toàn tài như ý vua, cho nên công chúa vẫn chưa vui duyên cầm sắt.

Lại nói bây giờ có Tản Viên Sơn Tinh và Động Đình Thuỷ Tinh cả hai đều là bạn học, đều có phép thông thiên nhưng chưa kịp ứng tuyển. Một hôm Sơn Tinh gửi thư cho Thuỷ Tinh nói rằng: Xưa nay

giai nhân khó có, nam nhi khó gặp người đẹp. Huống hồ lấy công chúa làm vợ để phò vua. Hai đường âm dương, tuy khác nhưng tình bạn học là một. Nay con gái vua là người khuynh quốc khuynh thành, chưa chọn được người xứng đáng. Chúng ta không ngại đường xa mà đến đoạt tú cầu vậy. Thuỷ Tinh được thư bèn lập tức chỉnh đốn hành trang, kéo sĩ tốt đến linh sơn Ngọc Tản hội ngộ Sơn Tinh. Sơn Tinh mở tiệc đầy sơn hào hải vị chiêu đãi nhau. Rồi cả hai cùng đến kinh thành quỳ trước sân rồng tâu rằng: Chúng thần tài hèn sức mọn may sinh nước nhà vua, trộm nghe vua mở hội kén rể, chúng thần đến muộn, xin được thi tài, mong được không bỏ ra ngoài hịch chiêu hiền.

Vua cả mừng bèn ngự giá sông Bạch Hạc xem tỉ thí. Lúc bấy giờ Sơn Tinh đến đầu sông. Thuỷ Tinh trở về đáy sông. Khoảnh khắc bỗng thấy giữa dòng sông mây mưa nổi lên, sóng cồn cuộn cuộn, ào ào gió cuốn, cá cua lớp lớp, kình ngư vạn dặm, trời đất mịt mù, thiên hình vạn trạng, xuất quỷ nhập thần. Người ngoài nhìn vào kinh hồn lạc phách. Sơn Tinh bèn tay trái cầm sách tay phải cầm gậy, miệng đọc thần chú, tay chỉ một cái, bỗng thật kỳ quái chưa từng có. Hốt nhiên ngũ nhạc (Năm hòn núi lớn. NĐH) bay đến giữa sông, núi cao vạn trượng, thú rừng chạy đến tấn công Thuỷ Tinh. Một tiếng trông nổi lên giữa sông. Quân Thuỷ tan tành tiêu biến một cách huyền diệu.

Vua không biết gả công chúa cho ai, bèn xa giá về cung. Rồi triệu hai vị Sơn Tinh và Thuỷ Tinh đến, bảo rằng: Trẫm chỉ có một viên ngọc Lam Điền (một con gái. NDH) trước chưa kén được rể, nay cả hai khanh đều là anh hùng, không biết gả cho ai. Vậy ai có thể đem sính lễ đến trước thì trẫm sẽ gả con gái cho.

Thuỷ Tinh trở về hồ Động Đình tìm của báu (nguyên sách ước đã bị Sơn Tinh mượn rồi).

Sơn Tinh xuống lầu lấy sách thần ra cầu xin sính lễ. Hốt nhiên voi trắng chín ngà và các báu vật lạ từ trên trời rơi xuống. Sơn Tinh thu lấy, chỉ nửa canh đã dâng sính lễ vào lầu rồng. Vua bèn gọi công chúa đến gả cho Sơn Tinh phụng mệnh làm lễ xong đưa vợ về núi Tản Viên nơi động cũ.

Sáng sớm ngày hôm sau, Thuỷ Tinh đã chuẩn bị đủ sính lễ dâng lên. Vua bảo rằng: Sơn Tinh đã dâng sính lễ trước, cho nên vua phải giữ lời hứa, lời của vua không thể là lời nói đùa.

Thuỷ Tinh nổi giận bèn xin vua đem binh mã tiến công Sơn Tinh. Vua cho phép. Ngày hôm đó Thuỷ Tinh chuẩn bị lương thảo quân lính cùng với thuỷ tộc ba ba kình ngư rần rần kéo đến núi Tản Viên.

Sơn Thánh nghe tin, không kịp tâu lên vua, lập tức đốc thúc tả hữu đến xã Tàm Xá huyện An Lãng bủa lưới sắt ở bến Thuỷ Hương để chống giữ.

Lúc bấy giờ xã Tàm Xá có người nguyện theo Sơn thánh chống Thuỷ tộc. Quân thuỷ tộc không tiến được (Về sau các thần tả hữu và người trần tục ở đây có công đánh Thục nên được phong tặng), bèn mở một giải Tiểu Hoành Giang từ Lý Nhân đến chân núi Quảng Oai theo cửa sông Hát ra sông Cả vào sông Đà tập kích sau lưng núi Tản Viên. Lại mở một nhánh sông ngang nhỏ khác gọi là sông Pha đánh mặt trước núi Tản Viên. Sơn Tinh bèn đối phó, gọi người trên núi đến đóng rào tre nối giữa các núi để chống lại, bảo dân làng hễ thấy thuỷ tộc đến hàng rào thì bắn giết. Dân tin theo lời. Một lúc sau thuỷ tộc tiến binh, nhân dân dùng cung kiếm bắn giết chúng, thuỷ tộc đều chết chất đống ven sông. Thuỷ Tinh cả giận nuốt hận cho nên mỗi năm thường dâng nước đánh. Dân dưới chân núi thường bị hại về bão lụt. Do Sơn Tinh được sách ước và lại có phép bí mật của thần tiên cho nên Thuỷ Tinh không thể làm hại được.

Lại nói lúc bấy giờ tứ hải thanh bình, vua đi du ngoạn khắp nơi nào Thần Phù, Yên Tử, ngắm mặt trời mọc, lặn, thưởng mây gió trăng hoa, non xanh nước biếc không đâu không đến, hoặc du ngoạn ngư dân bắt cá... Đi qua huyện Ma Nghĩa các nơi Cổ Đằng, Vật Lại thấy địa thế đẹp, sơn thuỷ hữu tình bèn thiết lập hành cung (nay là cung Trung Thần). Rồi đi qua huyện Phúc Lộc các xã Liên Chiểu, Đông Sàng, Phù Sa, Duy Phiên,

Tường Phiêu, Tam Sơn, Lễ Toàn, Nhân Lý, Văn Khê, Xuân Hương, An Phúc, Tùng Cảo, lại lập hành cung. Lại lập Nam Thần cung ở Khô Hải, cửa Thập Nhị Khê. Lại thường đến Mẫu Trạch, nhàn tản ngắm núi sông. Đến huyện Yên Sơn các xã Thạch Khôi, Sơn Lộ, Hữu Quang, đến huyện Thạch Thất các xã Lai Thượng, Phúc Sài, Phú Ổ, Kinh Lộc, Phùng Xá, Di Ái, La Tịnh, đến huyện Mỹ Lương các xã Mỹ Lương, An Diệu, Tốt Động làm cung điện Mang Sơn còn để lại 72 mẫu tế điền tại xã An Diệu và 20 mẫu tại xã Đông Khai, 50 mẫu tại xã An Sơn để làm hương hoả muôn đời cúng tế. Rồi về đến núi Tản Viên nơi động cũ, thấy nơi này ba ngọn núi ngất trời đẹp đẽ thông linh không thể nói được, lại thêm thôn cư trù mật, phong tục thuần phác, trong lòng rất lấy làm thích, bèn xây cung điện trên đỉnh núi. Bèn lấy 22 khuê đất của sách Thủ Pháp làm Thượng Thần cung toạ Cấn hướng Khôn làm chính điện, Trung và Hạ Thần cung làm nơi tế tự, Đông Thần cung làm nơi các quan tựu yết, hai Thần Cung nam bắc là nơi vua ngự, lấy thuế điền các tổng sách hai huyện Thanh Nguyên An Lập để dùng vào việc tu sửa và tế tự Thượng Thần cung điện. Còn các tiết thì sách Thủ Pháp phụng sự, 33 sách của huyện Thanh Nguyên là Mông Hoá, Phương Giao, Tang Ma, Long Cốc, Vân Lung, Kiệt Sơn, Đồng Lai, Vô Song, Thái Hoà, Hoa Lâm, Quỳnh Lâm, Cửu Sùng,

Phượng Mao, Hoàng Lạn, Hương Cần, Đại Bành, Địch Quả, Xuân Đài, Khả Cửu, An Lãng, Hoằng Duệ, Đại Thắng, Sơn Vi, Bách Thắng, Hùng Vĩ, Hùng Nhĩ, Hoàng Cúc, Thắng Sơn, Thạch Kệ, Đại Đồng, Hiến Cần, Phù Lao, Thiết Quyển, và 22 sách huyện Yên Lập như Tùng Sơn, Mộ Lan, Vân Bán, Quân Phong, Vân Hoàng, Bán Lữ, Khổng Tước, Phượng Mao, Thượng Lũng, Hạ Lũng, Đông Lỗ, Tây Lỗ, Phục Cổ, Cù Lạc, An Dưỡng, Thu Ngạc, Lũng Thuỷ, Sa Long, An Sào, Sơn Lương, Nga Mi, Dư Sơn, và 5 châu như Thuận Châu, Chi Châu, Hoa Châu, Việt Châu đồng phụng sự. Từ đó khâm phụng mệnh lệnh hoàng đế thường cùng tứ phủ công đồng tuần sát xem việc nhân gian các hải đảo. Duệ Vương 115 tuổi, năm Ất Mùi, Thục chủ toan đánh chiếm. Vua đã già nua mà 20 vị hoàng tử đều là tiên Bồng (*Bồng Lai* - NDH) nên không lập đích được. Thục chủ thừa cơ muốn đánh chiếm, từ phía tây đánh đến. Vua bèn thương nghị với quần thần. Trong triều có Liêu công tâu rằng: Bệ hạ thừa mệnh trời vua tôi yên ổn vô sự, ngày thường không huấn luyện quân sĩ, nay có việc xã tắc nhân dân đều có quan hệ; nếu thắng, thì ổn định, thì Thái Tổ, Thái Tông trên trời đều ủng hộ chúng ta không có gì đáng lo. Nhưng vạn nhất đánh thua Thục; tổ tông, dân đen đều sao đây. Chi bằng lén đút lót tướng địch, đưa thư cho Thục chủ xem ý như thế nào, nếu tạm hoãn việc binh thì còn

có thời cơ. Vua nghe theo, muốn dùng kế đó, bèn triệu Sơn Thánh, Sơn Thánh tâu rằng: Hơn 2000 năm, 17 thánh quân ơn sâu nghĩa nặng thấm cốt tuỷ mọi người, nay nước giàu binh mạnh, uy đức bệ hạ đến hải ngoại. Người Thục không biết tự giữ mình, dám cả gan mưu đồ quật cường thì chuốc lấy thất bại là điều đã rõ. Một khi bệ hạ vạch tội thảo phạt lấy điều nghĩa mà chế phục thì dân ta sẽ là con đỏ của bệ hạ chứ không phải sở hữu của địch quốc. Lo gì đánh không thắng. Thần xin được 3 vạn hùng binh xuất biên giới một mình một xe vào đất Thục tất có thể bình được. Vua nghe lời cả mừng. Bèn chọn ngày trai giới lập đàn biện lễ tế cáo trời đất, đem linh quang thần nỏ trao Sơn Thánh bảo rằng: Binh quý thần tốc tướng quân phát binh được thần phù hộ. Rồi vào cáo miếu, vua đứng mặt hướng bắc, Sơn Thánh hướng nam. Vua thân cầm việt trao cho Sơn Thánh nói: Tướng quân tiết chế trên đến trời. Rồi lại trao phủ cho Sơn Thánh nói rằng: Tướng quân tiết chế dưới đến đầm sâu. Xong, Sơn Thánh bèn bái từ lĩnh mệnh ra đi.

Lại nói lúc này quân Thục đã tiến đến châu Quỳnh Nhai (nay địa phận phủ An Tây). Sơn Thánh tiến quân đến châu Phù Hoa, động Quang Hoa. Rung chuông bày trận đóng quân ở đó. Truyền hịch đi các phiên thần gọi phiên binh tuỳ theo địa phận ứng chiến. Sơn Thánh đặc phái đại tướng quân Huệ Trạch và hai vị Hiển Hựu Phó

tướng quân, đem 2 vạn hùng binh trực chỉ núi châu Quỳnh Nhai ngoài 50 lí, đánh trống khiêu chiến. Tướng Thục nghe, đem cả 30 vạn binh đánh quân Hùng. Quân Hùng không thắng rút chạy, phục hai bên Thiên Dao. Sơn Thánh đến núi châu Quỳnh Nhai ngồi trên núi châu đó lấy sách thần ra mật ước. Hốt nhiên từ trên trời giáng xuống một đại thần tướng, mình cao 7 trượng, tay cầm tiêu gỗ dài 36 xích rộng 5 xích hình giống con ốc, đứng trên đỉnh núi bên trái Sơn Thánh, thổi một trận gió sấm đùng đùng cây gãy nhà đổ trời đất mù mịt. Quân Thục đại loạn. Sơn Thánh giục trống liên hồi, bắn nỏ thần, phục binh bốn mặt nổi dậy vây giết hết quân Thục 30 vạn quân không còn một tên trở về. Thiên tướng đến huyện Đan Phượng xã Thiên Mạc bèn bay lên trời, Sơn Thánh tức tốc truyền hịch báo tin thắng trận về. Duệ Vương xuống chiếu ban sư. Sơn Thánh lập tức ban sư đến cửa khuyết bái tạ, tâu rõ việc thiên tướng. Vua bao phong thiên tướng làm Uy vũ trợ đức hồi thiên kiêm thượng đẳng thần (xã Thiên Mạc thờ), phong Sơn Thánh làm Quý Minh phổ trạch quảng vận nguyên soái, phong Tả kiên thần làm Linh ứng phổ hoá huệ trạch tá phụ quốc, phong Hữu kiên thần làm Hộ quốc phù vận hiển hựu tá phụ quốc, phong người Tàm Xá làm Cương nghị vũ dực thánh phó tướng quân (xã Tàm Xá, huyện An Lãng thờ 4 vị).

Lại nói, được hai năm quân Thục lại tiến đánh phục thù, cầu viện lân quốc, chỉnh đốn tinh binh trăm (vạn), ngựa khoẻ 8000 con, chia 5 chi tiến đánh. Chi chính binh 30 vạn, 5000 ngựa theo đường Thập Châu đến núi Quỳnh Nhai. Một chi 10 vạn quân 2500 ngựa theo đường châu Văn Lãng thuộc Lạng Sơn. Một chi bên hữu 20 vạn quân 1000 ngựa theo đường châu Đại Nhai. Một chi 10 vạn quân 500 ngựa theo đường châu Minh Linh thuộc Bố Chính. Một chỉ thuỷ binh 3000 chiếc thuyền 30 vạn thuỷ binh thiện chiến từ cửa biển Hội Thống châu Hoan ra. Thuỷ bộ cùng tiến, thuyền ngựa song hành, thanh thế chấn động.

Hùng Duệ vương lo lắng, bèn triệu đình thần hỏi, Đình thần đều trố mắt nhìn nhau không ai có kế gì. Sơn Thánh tâu: Trước đây vua Thục ngông cuồng nên uy trời một phát lẫm liệt đã tàn bại. May nhờ hoàng đế khoan dung nhân từ cho nên khỏi phải vỡ tổ nát trứng, nay vẫn không biết hối lại mong làm trò châu chấu đá xe, thế chỉ như một sợi lông hồng. Bệ hạ lo gì. Thần nguyện cầm quân. Vua tươi tỉnh lại, nói: Việc thắng bại khanh định như thế nào. Sơn Thánh tâu: Thần xin được 50 vạn hùng binh thì thiên hạ lập tức yên. Vua chấp nhận. Sơn Thánh bèn đem 30 vạn 1000 voi ngựa theo đường chính Thập châu đóng giữ thành cao hào sâu, mật truyền cho Hậu Đức tả tướng quân,

Hiển Uy hữu tướng quân treo giáp nghỉ quân không được đánh. Đặc phái Dũng lược đại tướng quân, Cương chính phó tướng quân, Tuy Lộc thiên tướng quân cả ba vị đem 3 vạn quân theo đường chi trải châu Văn Lãng đến đối phó cánh trái quân Thục. Lại sai Chính Trực đại tướng quân, Thần Vũ phó tướng quân, Thuần Tuý biên tướng quân cả ba vị đem 5 vạn quân theo đường chi sau trấn giữ các núi hư lập một đồn để ứng phó với cánh sau quân Thục. Lại sai Hồng Trạch đại tướng quân, Dương Vũ phó tướng quân, Uy Linh biên tướng quân cả ba vị 4 vạn quân ứng chiến theo đường Minh Linh thuộc Bố Chính để đối phó với cánh hữu quân Thục. Lại sai Đương Đông đại tướng quân, Thông Hoá phó tướng quân, Diên Khánh tì tướng quân cả ba vị đem 4 vạn quân và hơn 2000 chiếc thuyền ứng chiến thuỷ quân Thục ở cửa biển Hộ Thống kiêm thống lĩnh quân bộ châu Ái. Lại sai Quảng Trí đại tướng quân, Linh Quang phó tướng quân, Hựu Dân tì tướng quân cả ba vị đem 4 vạn quân tuỳ nơi ứng chiến, Sơn Thánh thân hành cầm quân, đánh một trận lớn trên đường núi Thập châu cướp cờ xí, ấn tín quân địch. Sơn Thánh bèn mạo viết một bức thư của Thục chủ gửi tướng Thục nói rằng: Hùng Triều Văn Lãng (Lang) có một thần tướng nay các người phụng mệnh cầm quân đánh nước người việc quân quý ở bí mật chớ khinh động hãy chờ có chiếu thư mới hành động. Viết xong

đóng dấu quân địch, sai một viên thống sứ ăn mặc quân Thục tự xưng sứ Thục ruổi ngựa đến trại địch chỉ chính đưa thư. Từ khi được thư, tướng Thục càng cố thủ. Chỉ phải nghe có biến, không kịp dâng thư báo cấp. Sơn Thánh bèn tiến gấp đi cả ngày đêm hơn 500 lí trực chỉ thủ đô Thục chia quân tiến đánh. Tướng Thục cứu cấp không ngớt. Sơn Thánh niệm chú cầu sách thần, chỉ gây đại phá binh mã chi chính quân Thục, bắt sống quân lính, ba chi tự nhiên tan. Sơn Thánh đem quân khải hoàn, đem binh mã địch về kinh báo tin thắng trận. Thiên hạ thanh bình quốc gia vô sự. Vua bèn nhường ngôi cho Sơn Thánh, Sơn Thánh cố từ tâu: 18 Vua Hùng hưởng quốc dài lâu ý trời có hạn khiến Thục vương thừa cơ chiếm Trung Hoa. Nhưng Thục vương vốn là bộ chủ Ai Lao, cũng là tông phái của hoàng đế trước. Quốc thể đều do tiền định, sao vua lại riêng yêu một cảnh trời nam mà cưỡng ý trời tất dẫn đến chiến chinh tổn hại sinh linh. Hồi lâu vua bèn nói: Ông nói có lý, ta đã hiểu rồi. Lại nghe nói thời bình thì trước lo con đích, thời loạn thì trước có công thần. Trước kia vua Thục ngông cuồng Trẫm đã được khanh làm vây cánh, uy trời lẫm liệt, quân giặc tan tác, quốc thái dân an đó là công của khanh không lớn lắm sao. Hơn nữa khanh là rể quý trong nhà lại là danh thần của nước, có thể nhận vương vị để cầm quốc chính. Không phải là khanh thì còn ai nữa?

Khanh nên nhận ta nhường ngôi, không được cố từ phụ lòng trẫm cầu hiền. Sơn Thánh không thể từ được nữa, bất đắc dĩ tuân mệnh, bèn phụ quốc cấm quyền quyết định công việc triều đình. Nhưng lòng vẫn khinh vàng bạc chỉ muốn thoát tục làm tiên không thể nào bỏ ý muốn đó được cho nên được vài ba tháng Sơn Thánh lại xin vua: Việc thay đổi bá vương xưa nay là việc thường, Hùng gia hưởng quốc đã hơn hai ngàn năm từ thái tổ thượng hoàng khai sáng đều có con hiền cháu giỏi, cha truyền con nối đến nay 18 đời, bệ hạ sinh 20 hoàng tử đều phiêu diêu Bồng Lai thoát trần không có người kế thừa. Đó là nhà Hùng đã hết, vận nước sắp hết, quả nhiên là ý trời, làm sao thần là con rể lại dám nhận quyền lớn đó, một phen thử lĩnh mệnh là để vui lòng bệ hạ cầu hiền nhường ngôi để thuận ý trời để khỏi để lại nỗi lo cho muôn đời sau. Bèn dâng ngôi lại cho vua. Vua nghe lời nói đó, lại cầm quyền chính cả nước, đợi có người hiền để nhường ngôi. Vua bèn gia phong Sơn Thánh làm Thiên Đạo Chiêu Dung, lại phong Quý Minh anh linh và Bình Thục chư tướng đều được gia phong tước ấp. Phong xong, Sơn Thánh bái tạ từ biệt, chu du khắp thiên hạ không đâu không có dấu chân Sơn Thánh, lịch lãm sơn xuyên, khi thì đàn ca, lúc ngâm thơ, hưởng thú Bồng Lai hưởng thú gió trăng, Ngũ Hổ xuất nhập nam bắc. Phàm mỗi năm ngày tế lễ bèn trở về triều không bao giờ vắng, rồi lại nhàn du,

khi về động cũ thăm thắng cảnh từ huyện Thanh Nguyên (sau đổi Thanh Châu), các sách Thiết Quyển, Tang Ma, Phương Giao (Sơn Thánh đặt lăng tổ Tiên ở xã Phương Giao). Hùng Vĩ, Hùng Nhĩ (lập hành cung để săn bắn). Hoàng Lan, Địch Quả, Vân Lung, Long Cốc, Kiệt Sơn, Đồng Lai, Võ Song, Phụng Hoà, Hoa Lâm, Quỳnh Lâm, Cưu Sùng, Thạch Kệ, Đại Đồng, Hoàng Cúc, Thắng Sơn, Bách Thắng, Đại Thắng, An Lãng, Sơn Vĩ, Đại Đồng, Hiến Cần, Hương Cần, Đại Bành, An Đức, Hoằng Duệ, Phù Cao, Xuân Đài, Khả Cửu lại qua huyện An Lập các sách Tùng Sơn, Mộ Lan (lập hành cung), Vân Bán, Quán Phong, Vân Hoàng, Bạn Lữ, Phượng Vi, Khổng Tước (mỗi nơi có thảo xá tạm trú), Thượng Lũng, Hạ Lũng, Đông Lỗ, Tây Lỗ, Phục Cổ, Cù Lạc, An Dương, Thu Ngạc, Thuỷ Lũng, Sa Long, An Sào, Sơn Lương, Nga Mi, Kim Sơn nơi nào cũng lập hành cung để xem săn bắn. Từ An Lập qua hai xã Trình Khúc, Phúc Lạc của Hoa Khê lập hành cung để xem săn bắn, đến huyện Sơn Vĩ lập hành cung ở Phú An, Chu Mật để xem phong thuỷ. Lại đi qua các xã Thư Uy ngắm nhìn giang sơn đến huyện Đức Chương các xã Ô Vực, Tuy Lai, An Duệ, Hoàng Xá ngoạn thưởng phong cảnh liền đến huyện Mỹ Lương các xã Tốt Động, Mỹ Lương dựng thảo xá ngày ngày săn bắn. Đến tận huyện An Sơn qua các xã Hữu Quang, Sơn Lộ, Thạch Khối, Liệp Hạ, Phúc Sài,

thấy phong cảnh sơn thuỷ hữu tình bèn lập hành cung ở Liên Hạ. Đến huyện Thạch Thất các xã Phùng Xá, Tông Ổ tạm đình xa giá, hôm sau trở về qua các huyện Ma Nghĩa, Bất Bạt về động cũ. Ngày tháng trôi qua được 10 năm, qua một trường tục luỵ. Vào năm Mậu Thân tháng giêng bỗng thấy vua Thục khiến sứ đưa thư dâng châu báu vàng bạc cầu hoà với Duệ Vương. Viết thư: Bộ chủ Ai Lao thần Thục khâm thừa thiên mệnh làm chủ một phương, xưa ngông cuồng không tận lễ thần dân kẻ nhỏ lấn kẻ lớn thật là có tội mà quốc gia vạn toàn lực nhờ hồng ân của hoàng đế. Nay nghĩ rằng thần vốn là chi phái nhà Hùng, thừa công tổ tiên khai cơ sáng nghiệp mà có được cơ nghiệp một phương con cháu thừa hưởng giàu sang như thế này. Nay người theo tổ, vật theo tông, chúng thần chưa có gì để an ủi tổ phụ nơi cửu tuyền, không có gì để thoả mãn tôn miếu thờ cúng tế lễ. Mỗi lần nghĩ đến lòng xốn xang nên nay mạo muội xin chiếu cố tình xưa cho thần Thục được hoà thân, phụng lễ triều cống may được thấm nhuần hồng ân không phụ lòng mong muốn bình sinh của con cháu. Ngày hôm đó Sơn Thánh bèn thiết triều ở chính điện. Vua xem thư này bèn hỏi Sơn Thánh rằng: Thục chúa là tông phái của hoàng đế trước, trước ngông cuồng dám đến xâm lấn, may ý trời vẫn còn, cơ đồ nhà Hùng chưa hết. Nay Thục chúa lại cầu hòa, tướng quân xem xét cho trẫm biết. Sơn

Thánh quì trước sân rồng, mật tâu rằng: Thục đế đã là tông phái của vua trước chủ tể một phương, trước cả gan xâm lấn làm phiền lòng bệ hạ, đó cũng là một bước trời đã định cho cơ nghiệp nhà Hùng, bệ hạ sao lại giữ lòng oán đó, nay đã cầu hoà là để biết tiến thoái. Thục chúa cũng là vua hiền, kế hiện nay không gì bằng bệ hạ mở lượng hải hà cho hoà thân. Đó là sự sáng suốt của bệ hạ vậy. Hơn nữa nhà Hùng đã hết, ý trời đã rõ, nên nhận sự cầu xin đó mà triệu về nhường ngôi. Đó là cái thánh của bệ hạ vậy. Xong việc bệ hạ và thần vốn có thuật thần tiên, gì bằng một cuộc nhàn thân thoát nợ ba sinh vào cảnh bồng lai tiêu dao ngày tháng vui cùng tuế nguyệt, không nhiễm bụi trần chốn lầu rồng gác phượng, dạo khắp non xanh nước biếc, há không phải là trí sao, quân tử bất diệc lạc hồ (*câu trong Luận Ngữ, nghĩa là chẳng lấy làm vui đó sao - NDH*). Xin bệ hạ nghe kế của thần lập tức quyết định không do dự.

Duệ Vương nói: Khanh nói hay lắm, trẫm theo kế đó.

Vua bèn sai sứ mang binh mã triệu Thục chúa về nhường ngôi. Thục chúa bái tạ. Vua bèn cho Thục chúa chiếc nỏ thần và tỉ phù (ấn tín của vua, NDH).

Vua bèn trở về Nghĩa Lĩnh (tức núi Hùng Vương) cùng Sơn Thánh nguyện hoá sinh bất sinh bất diệt. Một hôm vua cầm bút mà ngâm:

Tiên bồng động thảo thanh xuân cựu
Vương bá cung đài lục dạng tân
Hồi thủ thế gian đa thiểu sự
Dữ thiên hà nhược giác phong trần.

(Nghĩa là: Cỏ động tiên vẫn xanh như xưa, cung điện đền đài của vua chúa mỗi ngày một đổi mới, ngẫm lại bao nhiêu việc đời, sao bằng gác gánh phong trần để sống cùng trời đất. NDH).

Ngâm xong vua cùng Sơn Thánh và công chúa Ngọc Hoa giữa ban ngày bay lên trời hoá sinh bất diệt.

Vua Thục đã được nhường ngôi cảm công đức của vua bèn xa giá đến núi Nghĩa Lĩnh xây dựng miếu điện để quốc gia phụng sự, dựng hai trụ đá trong núi thề rằng: ước nguyện lớn trên trời cao lồng lộng chứng giám cho thần tiểu tử Thục An Dương nhận ngôi cơ đồ nhà Hùng tuy không chính thống nhưng ơn sâu đức lớn như trời đất, nay lập miếu đường thờ họ Hùng để muôn đời sau hưởng hương khói phụng thờ bất tuyệt theo nghi lễ đã định. Nếu sau này vua kế vị bội ước quên lời thề thì trời đất núi sông không phù hộ. Nay lập lời thề.

Thề xong vua Thục trở về thành đô, ban chiếu cho xã Nghĩa Linh, Nghĩa Cường họ nhi táo lệ lâu dài là hương trung nghĩa, tứ thời bát tiết hương đèn bất tuyệt để phụng thờ Hùng Vương và Sơn Thánh. Vua lại ban cho 22 khuê của sách Thủ

Pháp, huyện Bất Bạt làm dân táo lệ hộ nhi lâu dài, tứ thời bát tiết hương đèn bất tuyệt để phụng thờ Tản Viên Sơn Thánh và xã Trung Độ bản huyện làm dân thủ lệ hộ nhi. Các xã như chính quyền động Lăng Sương, ngoại quán khuê Mộng Hoá, các xã An Lăng, An Đức, Lũng Phong, Lũng Phao, Li Trúc, Thái Hoà, Minh Nghĩa, Vật Lại, Vật An, Vật Phú, Tri Lai, Đồng Bảng, Cẩm Đài, Bình Lộng, An Thuật, Bảo Thuật, Cổ Lãm, An Bạch và tế điền tại các xã châu trang động sách của hai huyện Thanh Xuyên và An Lập tổng cộng 2 vạn 7 ngàn mẫu để phụng sự hương hoả ba thần cung điện: Thượng, trung, hạ, còn như cả nước phụng thờ thì đâu đâu cũng có. Vua Thục lại phong Sơn Thánh làm Cao Sơn Quý Minh đại vương. Vua lại còn lập miếu vũ thờ các công thần của Tản Viên Sơn Thánh, mỗi vị đều gia phong mĩ tự. Phong Hậu Đức làm Hộ quốc an dân Hậu Đức đại vương (thờ ở xã Hạ Hội huyện Từ Liêm). Phong Hiển Uy làm Linh ứng phù hựu Hiển Uy đại vương (thờ ở thôn Độ xá Hạ Địa). Phong Dũng Lược làm Hiển ứng hùng tài Dũng Lược đại vương (không ghi nơi thờ. NDH). Phong Cương Chính làm Trung mục trung nghị Cương Chính đại vương (không ghi nơi thờ - NDH). Phong Tuy Lục làm Minh chiêu diễn phúc Tuy Lục đại vương (tổng Vân Canh huyện An Lãng thờ). Phong chính Trực làm Anh Nghị thông duệ Chính Trực đại vương (không ghi nơi thờ - NDH). Phong Thần

Võ làm Thiên sách linh quang Thần Võ đại vương (không ghi nơi thờ - NDH). Phong Thần Tuý làm Chính đại cương trực Thuần Tuý đại vương (hai xã Hương Canh, Ngọc Canh thờ). Phong Hồng Trạch làm Quảng tế xung vận Hồng Trạch đại vương (Tổng Thọ Lão, huyện An Lạc thờ). Phong Dương Vũ làm trinh chính hùng đoan Dương Vũ đại vương (không ghi nơi thờ - NDH). Phong Uy Linh làm Thông minh duệ trí Uy Linh đại vương (xã Thọ Lão thờ). Phong Đương Đông làm Hộ Quốc Đương Đông thánh triết đại vương (xã An Lạc thờ). Phong Thông Hoá làm Hiển linh Thông Hoá phù hựu đại vương (không ghi nơi thờ - NDH). Phong Diên Khánh làm Tích Phúc Diên Khánh hiển ứng đại vương (hai xã Bình Lỗ và An Trù thờ). Phong Quảng Trí làm Quảng Trí Thuận ứng linh thông đại vương (hai xã Vĩnh Lão, Sơn Lão thờ). Phong Linh Quang làm Linh Quang Hiển ứng phù cảm đại vương (không ghi nơi thờ - NDH). Phong Hộ Quốc làm Hộ Quốc dực thánh hựu dân đại vương (hai xã Hương Nha, Trung Nha thờ).

Phong xong vào năm Giáp Thìn tháng giêng ngày mùng chín. Thục An Dương Vương tức vị, đóng đô thành Cổ Loa. Vương thừa phó chúc của Duệ Vương cầm quyền tại vị 50 năm. Thiên hạ thanh bình, quốc gia vô sự. Nhưng vua cho rằng được nỏ thần Linh Quang Thiên bảo của Hùng Vương cho nên sau khi được nước thì không lo việc

văn võ tuyển tướng luyện quân để đề phòng ngoại xâm. Đến khi An Dương Vương đã 80 tuổi, họ Triệu huý Đà người Chân Định thừa cơ khởi binh hội đồng tướng tốt trực chỉ huyện Quế Lâm đánh một trận lớn với Thục Vương. Thục Vương bèn lập đàn mật cầu Sơn Thánh. Lập tức Sơn Thánh hoá phép đằng vân bay xuống đánh nhau với Triệu Đà mấy chục hợp đều vạn toàn thủ thắng. Sơn Thánh nghĩ đến sinh linh đồ thán, bèn bảo Thục Vương rằng: Trời đã định chỉ được thiên hạ 50 năm. Nay Triệu Đà ý muốn xâm chiếm nước Nam, nếu ta đem binh đánh nhau thì đã có anh hùng trí dũng, tất Triệu Đà bó tay vô phương, ta không lo gì. Riêng tính mạng sinh linh treo trên tay ta vì nước cố nhiên dân làm sao sung sướng được. Chi bằng thuận theo ý trời, triệu Triệu Đà đến nhường ngôi để khỏi tai hoạ cho sinh linh. Thục Vương bèn theo kế đó, nhường ngôi cho Triệu Đà. Thục Vương xuống biển mà hoá. Đà được nước bèn lên ngôi năm Bính Tý ngày lành, Triệu Đà cảm đức Sơn Thánh bèn phong làm Chiêu Dung hiển ứng khuông quốc đại vương. Phong Hữu kiên thần làm Hiển hựu bảo hộ linh thành đại vương. Phong Tả kiên thần làm Xung tịnh uyên lương phổ hoá đại vương. Triệu Đà được nước, cha truyền con nối 5 đời cộng 149 năm.

Đến thời Thuật Dương vương kế ngôi chính thống vừa được một năm thì Tô Định mang quân vào

đất nước chiếm Trung Hoa, họ Triệu tàn tạ không người cứu nước. Đến đó cháu gái Hùng Vương huý là Trắc, là bậc nữ trung hào kiệt thánh thần trong đời ra oai hùng cử binh đánh thắng đến thành Tô, đại phá. Tô Định thua chạy. Bà Trưng bèn xây 65 thành ở Lĩnh Ngoại, khôi phục toàn bộ cảnh thổ nước Nam. Bà Trưng tức vị tự lập làm vua, Bà Trưng cảm công âm phù của Sơn Thánh và bách thần bèn bao phong Sơn Thánh làm Văn võ thánh thần thông minh đại vương. Phong Tả kiên thần làm Linh ứng khang dân trợ quốc đại vương, phong Hữu kiến thần là Hiển hựu linh ứng khang tế đại vương, và bách thần mỗi vị đều được bao phong mĩ tự.

Lại nói là Bà Trưng khởi nghĩa có lập đàn ở cửa sông Hát, mật cầu Sơn Thánh và bách thần cho nên sau khi tức vị bèn bao phong cho từng vị để thờ.

Trải qua bốn họ Đinh, Lê, Lý, Trần khai lập cơ nghiệp, Sơn Thánh thường dùng pháp thuật thần tiên hoặc biến hiện chân thân, hoặc cảm thông cầu ứng hộ quốc cứu dân có công với đời. Các triều đại đều truy phong mỹ tự và chuẩn y đền miếu cung điện cùng dân táo lệ hộ nhi, các xã vẫn được miễn trừ tô thuế lao dịch binh dịch các loại như cũ để phụng thờ để vận nước lâu bền, tiếng thơm vạn cổ cường thịnh vậy.

Bản xã phụng sự.

Cao Sơn Quý Minh đại vương chính thần sự tích.

Thần huý Tuấn tự là Quý Minh là em quốc chủ núi Tản Viên. Ban đầu thần cùng với anh từ ngoài biển qua cửa biển Thần Phù mà về qua xã Nội Nghiệp thôn Phú Mẫn thấy có một ngọn núi phong cảnh tú lệ bèn đến thăm chơi, lại thường cùng anh chu du qua xã Phú Lạc thấy sơn thuỷ thanh kì bèn làm một quán nghỉ chân. Từ đó nhiều lần linh hiển, xã thôn đó bèn lập đền thờ. Thời Dương Đức (1672-1673) vùng Đoan Hùng trộm cướp như rươi, yêu quỷ làm hại dân rất nhiều. Một hôm thấy một cụ già đứng trên đỉnh núi Ngọc Chúc hô thị tùng hàng ngàn người trị chúng nó, do đó giặc cướp giải tán yêu quỷ tiêu tan. Toàn vùng mang ơn cứu sống bèn lập đền thờ. Lại vào thời Mục Đế (1505-1509) hạn hán. Vua sai thám hoa Nguyễn Hữu Nghiêm đảo vũ đền Phù Đổng, đêm mộng thấy thần hiển báo ở đền Hàm Sơn ở Tường Độc có một lọ nước, đến đó mà cầu. Hữu Nghiêm bèn y mộc đến đó cầu linh ứng được mưa, bèn đem việc này tâu lên. Vua cho lĩnh một tấm đại dương 5000 gạch rồng để cúng tế.

Hồng Phúc nguyên niên (1572) đầu mùa xuân ngày lành Hàn lâm viện Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn chính bản.

Hoàng Triều Vĩnh Hựu năm thứ 6 (1740) tháng giữa mùa thu ngày lành.

Quản giám bách thần trị điện hùng lĩnh thiếu khanh tôn ý cửu bản phụng tả.

THẦN TÍCH TẢN VIÊN(*)
TẢN VIÊN HỰU THÁNH KHUÔNG QUỐC HIỂN ỨNG VƯƠNG

Xét sách Giáo Chỉ kí: Vương là Sơn Tinh (thần núi) cùng với Thuỷ Tịnh (thần nước) kết bạn, ở ẩn trong động Gia - Ninh, thuộc về Phong Châu.

Khi ấy, Vua Hùng Vương có một người con gái tên là Mỵ Châu, sắc đẹp tuyệt trần, vua nước Thục sai sứ sang cầu hôn, Hùng Vương định gả. Có quan đại thần là Lạc Hầu tâu rằng: "Không nên! Họ định mượn cớ cầu hôn để ngấp nghé đất nước ta đó!" Hùng Vương sợ không gả thì gây hiềm khích. Lạc Hầu tâu rằng:

"Đại Vương trị một nước đất rộng dân đông, nay kén lấy một người có tài cao thuật lạ, cho làm rể, rồi đặt binh giữ nước, thì còn lo chi!" Hùng Vương nghe lời mới không gả con cho vua Thục, rồi cho đi khắp nước kén lấy người có thuật lạ. Vương và Thuỷ Tinh đều ra ứng tuyển. Hùng Vương sai thử phép thuật hai người: Vương thì trông suốt qua được ngọc, đá, còn Thuỷ Tinh thì xuống nước, vào lửa đều được cả. Thấy hai người đều có thuật linh thông, vua lấy làm mừng bảo Lạc Hầu rằng: "Hai người đều đáng làm rể, nhưng ta chỉ có một con gái, biết gả cho người nào?" Lạc Hầu tâu: "Xin

(*) Theo Việt điện u linh tập

vua hẹn: hễ ai dâng lễ cưới đến trước thì gả". Vua nghe lời, hẹn hai người về sửa lễ. Vương về, ngay đêm hôm ấy sửa soạn đủ các thứ vàng, bạc, ngọc quý, tê, voi cùng các giống chim muông lạ, mỗi thức có tới hàng trăm, sớm hôm sau đem đến dâng vua. Hùng Vương mừng, gả luôn nàng Mỵ Châu, cho Vương đón về nghỉ ở Lôi Sơn. Đến buổi chiều, Thuỷ Tinh cũng sắm đủ các thứ trân châu, đồi mồi, san hô và các giống cá lạ, mỗi thức cũng tới hàng trăm, nhưng đến nơi thì Vương đã lấy được Mỵ Nương đem về rồi. Thuỷ Tinh nổi giận bèn đem quân đuổi theo, định phá tan Lôi Sơn, nhưng bấy giờ Vương đã dời về ở trên đỉnh núi Tản Viên. Thuỷ Tinh không làm gì nổi, từ đó căm thù mãi, mỗi năm đến mùa thu lại dâng nước lên đánh núi Tản Viên. Dân ở miền ấy cùng nhau kết tre gỗ thành sàn, để làm viện trợ, giữ chân núi, Thuỷ Tinh không phạm tới được.

Những dấu tích thiêng liêng của đại vương rất nhiều, không thể nào thuật ra hết được.

Trùng Hưng năm 1, sắc phong Hựu Thánh Vương; năm thứ 4 gia phong hai chữ Khuông Quốc, rồi lại gia hai chữ Hiển Ứng.

BẢO QUỐC TRẤN LINH ĐỊNH BANG QUỐC ĐÔ THÀNH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG

Xét sách *Giao Châu kí* và *Truyện Báo Cực*:

Vương họ Tô tên là Lịch, làm quan Lệnh ở Long Độ. Tiên tổ ở đất này lâu đời, dựng làng trên bờ một con sông nhỏ, nhà thanh bạch lấy hiếu thuận làm đầu, ba đời cùng nhân nhượng không ở riêng biệt. Trong đời Tấn xét những nhà có hiếu, nhà Vương được ban khen, gặp năm mất mùa đói kém, có chiếu vua cho nhà Vương vay thóc. Nhân thế, lấy hai chữ "Tô Lịch" đặt tên làng.

Năm Trường Khánh thứ 3 (823) đời Đường Mục Tông, Lý Nguyên Gia sang làm đô hộ thấy cửa Bắc thành Long Biên có dòng nước chảy ngược, địa thế rất xinh đẹp, mới tìm đến chỗ cao ráo dời phủ lị vào đóng tại đây, sửa dựng phủ, có từng lượt nhà cửa, mở nhiều cổng ngõ. Chỗ phủ này, chính là chỗ nhà cũ của Vương. Nguyễn Gia sai giết trâu bò, làm tiệc mời các kì lão trong làng đến dự, rồi hỏi chuyện về Vương và ngỏ ý muốn tâu xin thờ Vương làm Thành hoàng. Mọi người đều vui thuận tán thành và hưng công dựng nên ngôi đền rất nguy nga tráng lệ. Hôm làm lễ khánh thành rất vui vẻ rộn rịp. Đến đêm, Nguyên Gia nằm nghỉ, trận gió mát đưa tới bức mành mành lay động, thấy một người cưỡi con hươu trắng ở trên không xuống, đầu tóc bạc phơ, áo quần lịch sự, bước vào bảo Nguyên Gia rằng: "Cảm ơn sứ quân bầu tôi làm Thành Hoàng ở đây, tôi muốn đến khuyên sứ quân: nếu ngài hết lòng dạy dỗ cho dân cư trong

thành này thì mới xứng với chức Mục Thú[1] mới đáng là một vị quan có nhân chính!"

Nguyên Gia chắp tay xin vâng, rồi hỏi họ tên, ông cụ không đáp, giật mình tỉnh dậy, Nguyên Gia mới biết là mộng.

Đến thời Cao Biền sang đắp thành Đại La (năm 866 sau Công nguyên), nghe tiếng Vương anh linh mới sửa lễ đến tế, tôn làm Đô Phủ Thành Hoàng Thần Quân.

Vua Lý Thái Tổ sau khi dời đô ra thành Đại La, đổi tên là Thăng Long (năm 1010), thường mộng thấy một ông già đầu bạc, đứng trước bệ vái chào hô vạn tuế. Vua hỏi họ tên, ông cụ tâu rõ. Vua cười nói: "Tôn thần muốn giữ hương lửa tới trăm năm sao?" Ông cụ thưa rằng: "Chỉ mong thánh thọ dài lâu, cơ đồ bền vững trong triều ngoài quận lúc nào cũng yên vui thì chúng tôi giữ hương lửa chẳng những trăm năm mà thôi!" Vua tỉnh dậy, sai quân đến tế, phong làm "Quốc Đô Thăng Long Thành Hoàng Đại Vương". Từ đó, dân cư trong thành đến lễ cầu đảo, thề ước đều thấy linh ứng. Năm Trùng Hưng 1 sắc phong hai chữ Bảo Quốc, năm thứ 4 thêm hai chữ Hiển Linh, năm Hưng Long 21 gia phong hai chữ Định Bang.

---

[1] Châu mục, thái thú là những chức quan đứng đầu cai trị châu, quận.

QUẢNG LỢI THÁNH HỰU UY TẾ PHU ỨNG ĐẠI VƯƠNG

Khi xưa, Cao Biền sang ta đắp thành Đại La. Một buổi trưa, đi chơi vơ vẩn ra cửa đông ngoài thành, bỗng thấy mây mù nổi to, rồi có 5 sắc rực rỡ bốc từ mặt đất lên tới trên không tụ lại, dưới làn mây năm sắc khí trời trở nên lạnh lẽo. Trông trong làn mây thấy một người cưỡi rồng vàng, đầu đội mũ hoa, mình mặc áo tía, xiêm thêu, giày đỏ, đồng thời thấy mùi hương ngào ngạt, tiếng nhạc vang lừng một hồi lâu mới tan. Cao Biền kinh hãi, cho là yêu quái. Đêm hôm ấy, Biền mộng thấy một ông hình dạng ăn mặc y như lúc thấy ban ngày, đến bảo Biền rằng: "Tôi là Long Độ Vương khi quân, thấy ông mở dựng đô thành, nên tôi lại chơi, ông đừng ngờ!" Biền tỉnh dậy, nói chuyện với mọi người rồi than rằng: "Ta không biết làm chính trị, để quỷ thần trêu ta, điềm tốt hay điềm dở đây? " Có người bảo Biền dựng đền, đắp tượng thờ, rồi lấy đồng sắt chôn xuống để trấn áp. Biền theo lời làm như thế. Bỗng một cơn mưa bão rất to, đổ cây, tung đất, bao nhiêu đồng sắt đã yểm đều tan ra tro bụi, Biền thấy vậy, than rằng: "Ta sẽ phải về Bắc mất!", rồi quả nhiên Biền phải về thật.

Đến đời nhà Lý, dựng đô ở đây, vua Thái Tông cho mở phố chợ về cửa đông, hàng quán chen chúc, sát tới bên đền, rất là huyên náo. Muốn dựng đền ra một chỗ khác, song vua lại nghĩ: một ngôi đền cổ

không nên dời đi, mới đem sửa sang lại đền, liền với các nhà ngoài phố, riêng để một ngôi nhà bên trong làm nơi thờ thần. Đến đêm, thần liền hiển linh nổi trận gió bấc rất to, các nhà bên đền đều đổ, duy đền thờ thần vẫn nguyên vẹn. Vua Thái Tông lấy làm lạ hỏi, có người biết, tâu rõ việc hiển linh của thần từ trước. Vua mừng nói: "Đó thật là thần coi việc nhân gian" liền xuống chiếu cho sửa lễ tế đền và đặt lệ mỗi năm cứ đầu mùa xuân lại đến đền làm lễ cầu phúc. Lại sắc phong thần là Quảng Lợi Vương. Trước đây, ở phố chợ cửa đông, ba lần phát hoả, các nhà trong phố bị cháy hầu hết, duy chỗ đền thờ thần, lửa không bao giờ lan tới.

Năm Trùng Hưng 1, sắc phong hai chữ Thánh Hựu, năm Hưng Long 21, gia phong hai chữ Phu Ứng, tiến tước lên Đại Vương.

Quan Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải, có đề một bài thơ ở đền rằng:

Tích văn nhân đạo Đại vương linh,
Kim nhật phương tri quỷ mị kinh.
Hoả bác tam khu thiêu bất tận
Phong trần nhất trận phiến nan khuynh.
Chỉ huy vọng lượng tam thiên chúng,
Đàn áp yêu ma bách vạn binh,
Nguyện trượng dư uy thanh bắc khấu
Đốn linh vũ trụ lạc thanh bình.

Nghĩa là:

Trước vẫn nghe người ta nói: Đại vương thiêng.
Nay mới biết bọn ma quỷ đều khiếp sợ Đại vương.
Lửa bốc ba lần không cháy được đền.
Gió bão một trận không làm nghiêng được.
Chỉ huy ba nghìn quỷ binh
Đàn áp được yêu ma trăm vạn.
Xin nhờ dư uy của Đại vương để dẹp giặc Bắc
Khiến cho vũ trụ được yên bình.

Tới nay, đền thờ nguy nga, tiếng anh linh còn mãi mãi.

MINH CHỦ LINH ỨNG CHIÊU CẢM BẢO HỰU ĐẠI VƯƠNG

Theo *Truyện Báo Cực* chép: Vương là thần núi Đồng Cổ (ở Thanh Hoá, tục gọi là núi Khả Phong).

Khi xưa, Lý Thái Tông còn là thái tử phụng mạng vua cha là Thái Tổ, đem binh đi đánh Chiêm Thành (1020), đến Trường Châu đóng quân tạm nghỉ, canh ba đêm ấy, thấy một người thân cao 8 thước, mắt sáng, râu rậm, mặc chiến bào, tay cầm binh khí, đến trước cúi đầu tâu rằng: "Tôi là thần núi Đồng Cổ, nghe tin thái tử sang đánh phương nam, tôi xin theo giúp để phá giặc lập công". Thái tử vỗ tay khen ngợi rồi tỉnh dậy luôn. Hôm sau

tiến quân đến đất Chiêm, trận ấy quả nhiên đại thắng. Khi khải hoàn về qua Trường Châu, thái tử bèn sai quân gia sửa sang lễ tạ rồi rước về kinh đô, để giữ nước hộ dân. Đang chọn đất khắp ngoại thành, chưa biết nên lập đền chỗ nào, thì đến đêm, thái tử lại thấy thần báo mộng: "Xin lập đền ở bên hữu trong đại thành, sau chùa Thánh Thọ". Thái tử theo lời, cho hưng công xây dựng, không bao lâu đền dựng xong.

Đến khi Thái Tổ mất (1028), thái tử lên nối ngôi, tức là Thái Tông. Đêm mộng thấy thần đến báo rằng: "Ba vị vương em vua mưu làm phản, định đem giáp binh đến, xin nhà vua nên kịp đề phòng!" Vua thức dậy, còn chưa tin, đến sáng mới thấy việc xảy ra đúng như lời thần báo. Vua rất lấy làm lạ, xuống chiếu phong thần làm "Thiên Hạ Minh Chủ" gia tước Đại Vương. Đến năm Trùng Hưng 1, sắc phong là Linh Ứng Đại Vương. Năm thứ 4, gia phong hai chữ Chiêu Cảm. Năm Hưng Long 21, gia phong hai chữ Bảo Hựu.

THẦN TÍCH THẦN LINH LANG

Đây là bản thần tích thần Linh Lang ở xã Dịch Vọng Trung huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức, nay là phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, trích trong "*Thần tích tỉnh Hà Đông*". Thần được thờ ở

nhiều nơi như Voi Phục, Kim Mã, Láng Hạ... Bản dịch là của Nguyễn Duy Hinh, trích trong "*Tín ngưỡng Thành Hoàng Việt Nam*".

Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Dịch Vọng tổng Dịch Vọng Trung Vọng thần tích.

Lý triều Lễ bộ thượng thư Quản giám tri điện bách thần phụng sao cổ lục cổ truyện.

Hoàng đế bệ hạ Khâm phụng.

Sắc chỉ thần hiệu Sắc phong.

Đô Cảnh Thành Hoàng quốc vương thiên tử linh thần đại vương sắc phong.

Thành hoàng quốc vương thiên tử tôn nghiêm chỉnh thuận thánh hoá đạt văn chiêu nhân dung mục phù tộ an dân nguy đức tuấn kiệt phổ huệ thuỳ hữu hùng tài vĩ lược vĩ tích phong công.

Tự vương tiến phong đại vị lễ hữu đăng trật tuyên tặng *Linh lang đại vương* tôn thần thượng đẳng nhung chuân hứa Sơn Tây trấn Quốc Oai quận, Từ Liêm huyện, Dịch Vọng tổng, Dịch Vọng trang Hậu sách phụ lão phụng lĩnh thần sắc đệ hồi phụng sự tương hựu bảo ngã lê dân Khâm tai. (*Đoạn này chỉ phiên âm, không dịch*).

Tích xưa Lý Thái Tổ mở nghiệp đất Cổ Pháp danh hương, tứ vị đế vương ngự trị, thiên hạ thái bình. Một hôm vua tuần du vườn hoa kinh thành. Do trời kết hợp cho nên giữa đường gặp trang Bồng

Lai. Có Nguyễn thái công và Dương Thị Triệu chăm lo việc thiện, hoằng tâm tác phúc, ngày đêm đốt hương phụng thờ thượng đế. Tự nhiên mộng thấy hào quang đỏ rực đầy nhà, bỗng có *con rắn hoa* bò đến hoá thành hai đoá sen trắng mới chớm nở. Bà bèn mang thai. Một năm sau vào ngày mùng 10 tháng 2 năm Canh Thìn ứng kì sinh một gái diễm lệ, gọi là Nguyễn Thị Hương. Quả là bậc chim sa cá lặn, hoa nhường nguyệt thẹn, hình dung tuyệt đẹp. Khi lớn lên cha chết sớm, ở với mẹ. Đến 19 tuổi theo cậu ruột đi chơi kinh thành, giữa đường gặp xa giá Thái Tông. Thái Tông nhìn thấy mà thích, bèn bảo rằng: Nguyện kết duyên Châu Trần, lưới trời hợp duyên. Bèn cưới đem về cung, lập làm cung phi thứ 7, yêu dấu không ai trong cung bằng. Thái Tông yêu dấu lập cung ở Trại Thị cho cung phi ở. Một hôm nhàn du bà tắm ở Tây Hồ, ngoạn cảnh ngoạn tình. Trở về cung đêm bà mơ thấy một người mặc áo xanh tay cầm cờ vàng tự xưng Thiên Đế Sứ, quỳ trước sân nói rằng: Một số năm sau quốc gia tất có giặc lớn đến xâm lược, cho nên hoàng gia thiên sắc lệnh cho thủy thần giáng thế đầu thai vào hoàng gia làm con để báo quốc, chớ nghi ngờ. Nói xong bay lên không đi mất. Biết là Hoàng thiên báo tin, không nghi ngờ gì. Từ đó cung phi mang thai. Mãn một năm đến giờ Tý ngày mùng 10 tháng Giêng năm Giáp Thìn ứng kì sinh nở. Hôm đó hương thơm ngào ngạt, bà sinh

một quí nam, phong thái tuấn tú, diện mạo phương phi, hình dung cao quí, thiên tư đặc dị, văn chất hơn người. Sinh được ba tháng đã lớn, cung phi bèn ẵm đưa cho vua. Trong lòng vua rất mừng, mở tiệc lớn ăn mừng, *đặt tên là Hoàng Linh Lang*. Ngày tháng trôi qua Linh Lang vừa mới lớn. Lúc này có giặc Vĩnh Trinh đem 30 vạn quân xâm nhập đất Sơn Nam. Triều thần phiên tướng nhiều lần đánh dẹp mà chưa thắng. Văn tài vũ sĩ đều kinh hồn lạc phách. Vua lấy làm lo. Vua bèn họp triều thần thương nghị, chọn ngày làm lễ cầu đảo bái yết thiên địa bách linh thần. Vua thân nằm trong đàn. Bỗng nhiên vua thấy một cụ già giáng xuống. Cụ già râu tóc bạc phơ giáng xuống chỉ bảo. Vua hỏi rằng: Nay có giặc lớn đến xâm lược vậy thắng bại như thế nào? Xin chỉ cho. Cụ già ngồi hồi lâu bốc thăm lập quẻ, rồi gọi vua mà bảo rằng: Nếu cầu được người thì giặc này không đáng lo. Nói xong biến mất. Vua biết thiên thần chỉ giáo, bèn ra lệnh sứ giả yết thị ở chợ, trang, hứa phong tước (*cho ai có tài giúp nước* - NDH).

Linh Lang quốc vương thiên tử chưa biết nói, bỗng nghe sứ giả chiêu mộ, bèn cười hỏi mẹ: Quốc gia hữu sự chăng? Mẹ bảo rằng: Vừa rồi quốc gia có giặc lớn, vua đã họp triều thần văn võ bá quán, mọi người đều kinh sợ. Con miệng còn hơi sữa, hỏi làm gì? Linh Lang bèn cười, nói: hãy mời sứ giả đến đây. Tức thì Linh lang ngồi lên, bảo sứ giả

rằng: Mày về lập tức tâu lên hoàng thượng cho ta một con voi khoẻ, một cây cờ vuông, phong tước lớn cho ta làm quốc vương thiên tử sung tổng đại thần thì lo gì tướng giặc Vĩnh Trinh. Sứ giả về triều tâu lên vua. Vua nghe rồi cả mừng, cấp tốc chọn một con voi khoẻ, làm một lá cờ vuông lớn đưa đến Hoàng Linh Lang tức thì ăn một bữa no say, vươn mình cao hơn 5 xích, cưỡi voi cầm cờ hét lớn. Ta là thiên tướng đây. Voi chạy như bay, trực chỉ Nam Sơn Thượng (Sơn Nam Thượng), phất cờ chỉ huy quân lính vào đồn chính của giặc. Tướng giặc Vĩnh Trinh tự nhiên lăn ra chết, quân giặc tán loạn.

Linh Lang trở về kinh thành, mở tiệc chiêu đãi quân sĩ, đi qua trang Dịch Vọng huyện Từ Liêm xa giá đều dừng lại, cờ lớn bay về hướng đông nam, voi khoẻ quỳ hướng về đông. Hoàng Lang đi xem đất nơi này, bỗng thấy ba khu núi sừng sững nước chảy vòng sau núi, đó là nơi có thể hưởng thần. Hoàng Lang dẫn quân trở về Trại Thị lạy mẹ. Hốt nhiên bị bệnh đậu mùa, một tháng không khỏi. Thái Tông thân hành đến thăm cầm tay Hoàng Lang nói rằng: Khanh quả là con ta thì chứng đậu mùa này phải lập tức hết ngay. Đột nhiên Hoàng Lang trả lời rằng: Thần không phải là con của bệ hạ, chỉ đầu thai để báo quốc mà thôi. Nói xong bèn đứng dậy, phất cờ ném lên trời mà hoá (vào ngày 20 tháng 7). Con voi khoẻ ngày hôm đó cũng hoá theo. Vua gạt lệ thương tiếc, họp văn võ bá quán luận công ban thưởng, cử Lễ bộ quản giám quan

chọn ngày tốt viết sắc phong thần quốc vương thiên tử, 72 đền đều cấp thang mộc ấp các trang trại sách, uỷ giám quan mang sắc phong ban cấp tiền dựng miếu. Đến huyện Từ Liêm bèn gọi phụ lão sách Hậu Trang Dịch Vọng đến hầu phụng lãnh sắc văn nhận tiền và chiếu chỉ. Trở về trại hội họp mọi người, mời thầy xem phong thuỷ. Phụ (lão) nói rằng: Ngày trước chỗ Hoàng Lang dừng, có cây cờ chuyển bay hướng đông, tất có đền thờ ở đó. Chỗ đóng quân có thể rất quý, lập Càn Tốn kiêm hướng trước có ấn đường làm án, nước chảy ngược tụ về, phía sau đó long cung bao chầm, sơn thuỷ triều lai, tất phát người đông giàu mạnh, giai nhân tuấn tú, anh hoa phát tiết. Trại Hậu phụng thờ càng anh linh. Lúc sinh tiền thì (Linh Lang) võ công lừng lẫy phù trợ vận nước, sau khi chết thì trang trại tế lễ tôn nghiêm, bảo hộ dân chúng, có đức lớn. Đời sau thờ cũng không bao giờ dứt.

Huý chữ Quốc vương thiên tử Hoàng Linh Lang. Nghiêm cấm, nghiêm cấm.

Mỗi năm ngày 10 tháng giêng là ngày sinh của thánh.

Mỗi năm ngày 10 tháng 2 là ngày nhập tịch.

Mỗi năm ngày 20 tháng 7 là ngày thánh hoá.

Mỗi năm ngày 20 tháng 12 là ngày đại tịch.

Hồng Phúc nguyên niên (1572) tháng giữa mùa xuân ngày lành.

Lễ bộ Hàn Lâm Viện Đông Các Đại Học Sĩ thần Nguyễn Bính phụng soạn.

Vĩnh Hựu năm thứ 5 (1739) giữa mùa thu ngày lành.

Quản giám bách thần tri diện hùng lĩnh thiếu khanh thần Nguyễn-Hiền phụng sao y bản chính.

HIỆU UÝ UY MÃNH ANH LIỆT PHỤ TÍN ĐẠI VƯƠNG

Vương họ Lý tên là Ông Trọng, người huyện Từ Liêm, thân dài hai trượng ba thước, khí chất cứng cát, mạnh mẽ khác hẳn người thường. Lúc trẻ, làm một chức nhỏ ở huyện ấp, bị Đô đốc quở phạt, Vương than rằng: "Làm người nên có chí hăng hái như chim loan, phượng bay muôn dặm xa, sao chịu làm tôi tớ người, để cho người mắng, nạt!", liền bỏ chức đi học, không bao lâu hiểu rộng kinh sử mới sang nước Tần làm quan Tư Lệ Hiệu uý (221 trước Công nguyên). Vua Tần Thuỷ Hoàng lấy được cả thiên hạ mới sai Vương đem binh ra giữ đất Lâm Thao, uy danh lừng khắp rợ Hung Nô, Thuỷ Hoàng rất yêu chuộng. Khi Vương đã già xin về làng nghỉ, Thuỷ Hoàng sai đúc một tượng đồng theo hình dạng Vương đặt ở cửa Tư Mã ngoài Hàm Cung, trong tượng chứa được hàng chục người, mỗi lúc có sứ các nước đến lại sai người vào trong tượng để cử động ngầm. Hung Nô trông thấy cho rằng quan

Lý Hiệu Uý còn sống, sợ uy không dám phạm tới biên giới.

Trong thời Trinh Nguyên đời vua Đường Đức Tông, Triệu Xương sang làm Đô hộ bên ta (*năm Trinh Nguyên thứ 7; 791 sau Công nguyên*), thường vào chơi đất Từ Liêm, khi về, đêm thường mộng thấy Lý Ông Trọng cùng mình nói chuyện chính trị và giảng sách *Lã Thị Xuân Thu*. Xương lấy làm lạ, hỏi thăm đến chỗ nhà Vương ở xưa, thấy một vùng đất hoang nước đọng, cây cỏ xanh um, nền cũ đầy rêu phủ. Xương liền dựng một ngôi đền cao và rộng, rồi sửa lễ đem đến tế. Đến thời Cao Biền sang ta (864-874) đánh giặc Nam Chiếu, Vương thường hiển linh giúp sức, Biền cảm và sợ mới sai sửa sang đền tráng lệ hơn trước, lại sai tạc tượng thờ và đến tế lễ. Từ đó, tại đền hương khói không dứt. Năm Trùng Hưng thứ 1 sắc phong Anh Liệt Vương, năm thứ 4 gia phong hai chữ Dũng Mãnh. Năm Hưng Long 21, gia phong Phụ Tín Đại Vương.

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG[1]

Xét sách *Triệu Vương Giao Châu kí*: Vương họ Phùng tên là Hưng, cha ông đời đời làm tù trưởng châu Đường Lâm gọi là Quan Lang (tục ấy nay

---

[1] Đền thờ ở làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, Tây Sơn. Cam Lâm xưa là Đường Lâm. (T.G)

trên mạn ngược vẫn còn), nhà giàu hay giúp đỡ kẻ khó. Vương có sức khoẻ đánh được hổ, vật được trâu, em tên là Hãi có sức mang đá nặng nghìn cân hoặc cõng thuyền nặng nghìn hộc mà đi tới mười dặm. Các miền gần xa nghe tiếng đều sợ. Trong thời Đại Lịch (776-779) nhà Đường, bên ta rối loạn, Vương cùng em đem binh đi chinh phục được khắp các vùng lân ấp. Vương đổi tên là Cự Lão, em đổi là Cự Lực, rồi Vương xưng là Đô Quân, em xưng là Đô Bảo, theo kế của Đỗ Anh Luân (người làng Đường Lâm) đem đại binh đi tuần các châu Đường Lâm và Trường Phong, nhân dân phục theo uy danh lừng lẫy. Vương cho phao tin rằng sẽ tiến đánh phủ Đô Hộ. Quan Đô Hộ tên là Cao Chính Bình (người Đường) đem quân đón đánh bị thua, lo quá phát bệnh chết. Vương vào phủ Đô Hộ giữ quyền trị dân được bẩy năm (?) thì mất. Nhiều người muốn lập Phùng Hãi lên thay, nhưng có quan Đầu mục tên là Bồ Phá Cần vốn có sức khoẻ lạ thường quyết ý không theo, mới lập con Vương là Phùng An lên nối ngôi rồi mang quân chống Hãi. Hãi sợ Bồ Phá Cần, dời vào ở động Chu Nham (?) rồi không biết đi đâu.

An lên nối ngôi, tôn cha làm Bố Cái Đại Vương, vì theo tục nước ta khi ấy gọi cha là "bố", gọi mẹ là "cái" nên mới tôn tên ấy. Được hai năm vua Đức Tông nhà Đường cử Triệu Xương sang làm Đô Hộ An Nam. Xương tới nơi, trước hết sai sứ

mang lễ vật đến dụ An ra hàng. An liền xin hàng phục (791), từ đó họ Phùng mỗi người tản mác đi một ngả.

Bố Cái Đại Vương, sau khi mất rất hiển linh. Dân các làng thường nghe có tiếng xe, ngựa đi ầm ầm trên nóc nhà hoặc trên các cây cổ thụ, trông lên thường thấy trong đám mây năm sắc có cờ, kiệu rực rỡ, lại có tiếng đàn sáo văng vẳng trên không. Trong làng hễ có việc gì sắp xảy ra thì về đêm thấy có một dị nhân báo cho người hào trưởng ở làng biết trước, ai cũng phải lấy làm lạ mới cùng lập đền thờ Vương ở phía tây Đô Phủ. Đền rất thiêng, lễ cầu mưa, tạnh đều được linh ứng. Ai có việc gì khó khăn hoặc bị trộm cướp hoặc muốn cầu tài đến đền kêu cầu tất được hài lòng. Bởi vậy người đến lễ đền rất đông, hương khói không lúc nào dứt.

Khi Ngô Tiên Chủ (tức vua Ngô Quyền) dựng nước, có giặc Nam Hán sang ta, Tiên Chủ đang lo nghĩ cách chống đánh. Ban đêm Tiên Chủ mộng thấy một cụ già mũ áo chỉnh tề đến nói rõ họ tên và bảo rằng: "Tôi đã dự bị mấy đội thần binh để giúp sức nhà vua, xin nhà vua tiến binh ngay đi không nên lo nghĩ!". Đến khi Tiên Chủ ra đánh giặc ở sông Bạch Đằng, nghe thấy trên không có tiếng xe ngựa ầm ầm, quả nhiên trận ấy đại thắng. Tiên Chủ lấy làm lạ, liền sai sửa soạn đồ lễ và các thứ tàn quạt, chuông trống đem đến đền để tế.

Các triều vua sau dần dần thành lệ. Đến đời Trần năm Trùng Hưng thứ 1 (1285), sắc phong Phùng Vương là Phu Hựu Đại Vương, năm Hưng Long 20 (1321) lại gia phong hai chữ Sùng Nghĩa. Đến nay vẫn còn dấu thiêng, dân vẫn sùng phụng.

THÁI UÝ TRUNG PHỤ DŨNG VŨ UY THẮNG CÔNG[1]

Ông họ Lý, tên là Thường Kiệt, người ở phường Thái Hoà thuộc kinh đô Thăng Long, cha tên là An Ngữ, làm quan đến chức Sùng ban lang tướng. Ông có nhiều mưu lượng, có tài dùng binh, lúc còn trẻ đã nổi tiếng tài giỏi, được cử làm chức Hoàng Môn Chi Hầu. Trong thời Vua Lý Thái Tông (1028-1053), làm quan Nội Thị Đô Trĩ, đến khi Thánh Tông lên ngôi ông được thăng Hiệu Uý Thái Bảo. Ông làm việc kính cẩn, theo đúng lễ phép, không xảy một điều gì lầm lỗi. Vì vậy được cử vào tra xét quan dân hai quận Thanh Hoá, Nghệ An và các xứ Nam - Liêu ở năm huyện, nếu có nơi nào không theo mệnh lệnh nhà vua thì ông được đặc quyền trấn phục.

Bây giờ vua Chiêm Thành không sang triều

---

[1] Đền chính ở xã Ngọc Xá, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá, ba thôn cùng thờ, vì trước ông vào kinh lí miền trong ấy.

cống. Lý Thánh Tông thân đem binh vào đánh (1069). Ông lĩnh chức Đại tướng, đi làm tiên phong, đánh phá quân Chiêm, bắt được vua Chiêm là Chế Củ.

Vì có công ấy ông được thăng Phụ Quốc Thái Uý, Thiên Tử Nghĩa Đệ, Phụ Quốc Đại Tướng Quân, Khai Quốc Công. Vua Nhân Tông lên nối ngôi, ông lại được thăng Phụ Quốc Thái Uý, đứng đầu hàng đại thần. Khi ấy nghe tin nhà Tống đương chỉnh bị binh mã, định sang lấn nước ta. Ông tâu vua rằng: "Ngồi đợi giặc đến, chẳng thà đánh trước làm nhụt nhuệ khí của giặc". Vua liền cử ông thống lĩnh đại binh sang đánh phá châu Khâm, châu Liêm và châu Ung, bắt được quân dân và của cải mang về rất nhiều. Năm Long Phù thứ (1101), ông thăng chức Nội Thị Phán Tỉnh, coi hết mọi việc trong ngoài. Mùa đông năm ấy, ông dẹp yên bọn giặc Lý Giác ở Diễn Châu. Nhà Tống sai tướng đem quân sang đánh báo thù, cướp mấy châu trên mạn ngược. Ông cố sức đắp thành ở bến sông Như Nguyệt để chống giữ, rồi tấn công lấy lại được Vũ Bình Nguyên, khi khải hoàn vua khen thưởng rất hậu, khi ông mất lại thăng chức Nội Điện Đô Tri Hiệu Kiểm, Thái Uý Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự và phong tước Việt Quốc Công, cấp thực ấp 10.000 hộ, lại cho em ông tên là Thường Hiến được nối phong tước hầu.

Ông rất ghét dị đoan, cho nên trong sinh thời ông, những kẻ chuộng ma quỷ, đồng cốt, làm mê hoặc lòng người, đều bị ông trừng phạt rất nghiêm và tẩy trừ rất nhiều. Những đền thờ nhảm đều được biến thành những nơi thờ phúc thần cả, vì thế dân nhớ ơn tâu lên vua xin lập đền thờ ông. Năm Trùng Hưng 1, sắc phong Trung Phụ Công, năm thứ 4, gia phong 2 chữ Dũng Mãnh. Năm Hưng Long 21, gia phong 2 chữ Uy Thắng. Tới nay đền vẫn tôn nghiêm linh ứng rõ rệt.

PHẦN II

ĐÌNH, ĐỀN Ở HÀ NỘI

(Đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá)

1. ĐÌNH BA DÂN(*)

Đình Ba Dân là đình của 3 làng Cổ Điển, Cương Ngô, Đông Phù, thuộc xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Ba Dân thờ Nguyễn Phục, Nguyễn Bố, Nguyễn Bặc, công chúa Quế Dương.

Nguyễn Bặc (924-979) quê ở Sách Bông, Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay là xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình) cùng quê và kết nghĩa anh em với Đinh Bộ Lĩnh, cùng Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn sứ quân kéo dài trong 24 năm (từ 944 đến 968). Là một tướng tài ba bậc nhất, ông được Vạn Thắng Vương họ Đinh giao chỉ huy đánh thắng nhiều trận, trong đó có trận Cổ Điển. Trong trận Cổ Điển, sau khi 4 tướng Nguyễn Bố, Nguyễn Phục, Cao Sơn, Đinh Thiết bị sứ quân Nguyễn Siêu (ở Tây Phù Liệt) bao vây giết chết, Đinh Bộ Lĩnh thân chinh cử Nguyễn Bặc chỉ huy quân tiên phong đánh tan quân Nguyễn Siêu (khoảng 10 vạn) vào ngày 15-7 năm Đinh Mão (967). Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, phong cho Nguyễn Bặc là một trong tứ trụ triều đình. Năm 971 vua lại phong cho ông là khai quốc công tước vị tể tướng đầu tiên ở nước ta. Nguyễn Bặc được các sử gia của nhiều triều

(*)Trong cụm di tích

đại ca tụng là một danh tướng, một bề tôi trung nghĩa, tiết liệt. Ông được lập đền thờ ở 34 nơi.

Ngôi đình toạ lạc trên một khu đất cao giữa khu vực cư trú của làng. Đình có quy mô kiến trúc đồ sộ do nhiều nếp nhà ngang dọc tạo thành. Từ ngoài vào, di tích bao gồm tam quan, phương đình, trung đình, đại đình và hậu cung.

Tam quan xây cao theo kiểu chồng diêm 8 mái, ở các nóc mái là hình rồng hướng vào nóc mái, ở chính giữa nóc mái là hình mặt trời. Trụ tam quan xây gạch cao to, trên cùng là hình 2 con nghê đang quay mặt vào nhau. Trên các cột trụ tam quan ghi các câu đối bằng chữ Hán.

Phương đình là ngôi nhà vuông đỡ các mái nhỏ bên trên là 4 kẻ dài chạy từ cột cái tới góc mái, 4 mái dưới được đỡ bằng những kẻ dài ăn mộng vào cột cái qua hiên. Các đầu kẻ được chạm sâu hình rồng lá, các đầu dư dưới xà thượng được trang trí đầu rồng, râu xoắn của thời Nguyễn.

Trung đình là ngôi nhà rộng 5 gian, bộ vì kèo làm theo kiểu "chồng giường giá chiêng xà nách". Trên các bức cốn có chạm nổi các đề tài rồng cuốn thuỷ, rồng mây, hoa lá. Dưới chân cột, kê các loại tảng đá xanh đẹp và vững chắc.

Dọc hai bên là hai dãy nhà giải vũ 3 gian, làm đơn giản kiểu kèo quá giang.

Đại đình là một ngôi nhà lớn, gồm 5 gian, lợp ngói ta, phía trước mở các cửa bức bàn gỗ. Các vì đỡ mái được làm theo kiểu "chồng giường giá chiêng" và bẩy hiên, các con giường trên xà tượng có kích thước lớn. Trên các đầu dư chạm nổi hình đầu rồng, mắt lồi, miệng ngậm viên ngọc tròn, bờm uốn hình đao mác. Trên các đầu bẩy đều trang trí 2 mặt: rồng lá, rồng mây, mai lão, trúc lão, phượng, long mã được chạm trổ tinh vi. Đáng chú ý là hệ thống cốn nách được trang trí cả 2 mặt bằng kĩ thuật chạm lộng tạo ra nhiều lớp với đề tài trang trí rồng cuốn thuỷ, tứ quý.

Hậu cung gồm 3 gian. Các thức vì có kết cấu đơn giản, vì kèo quá giang. Phía trong của hậu cung có sàn gỗ cao, dùng làm nơi cung cấm. Mặt trước của cung cấm là bức bàn, bên trong đặt các bộ long ngai, bài vị và tượng của các vị thành hoàng làng.

Nhìn chung nghệ thuật trang trí mang đậm dấu ấn của kiến trúc thời Nguyễn (thế kỷ 19), đề tài trang trí phong phú, đa dạng, trên từng bộ phận kiến trúc kĩ thuật thể hiện phù hợp, tạo ra sự hài hoà cho toàn bộ công trình.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 25.1.1994.

2. ĐỀN BÀ CHÚA*

Đền Bà Chúa thuộc xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đền thờ công chúa Trần Khắc Hãn. Tương truyền, công chúa theo lệnh vua cha là Trần Nhân Tông, rời kinh thành đến xã Cổ Nhuế chiêu tập những người phiêu tán để khai hoang, lập xóm làng. Đến khi bà mất, để ghi nhớ công ơn, dân chúng đã lập đền thờ. Các vương triều phong kiến đều ban sắc phong.

Đền gồm tam quan và hai nếp nhà chính là toà đại bái và hậu cung. Tam quan được xây dựng bằng gạch đơn giản. Toà đại bái gồm 5 gian được xây theo kiểu "tường hồi bít đốc". Bộ vì làm theo kiểu "giá chiêng kẻ chuyền, cốn nách kẻ ngồi". Trên các cấu kiện có chạm đôi nét hoa văn thời Nguyễn. Toà hậu cung có mặt bằng hình chữ đinh. Để mở rộng lòng nhà, hậu cung được làm theo kiểu "giá chiêng kép" trốn bớt cột. Hậu cung không có trang trí gì ngoài đầu bảy hiên.

Đền có tượng thờ công chúa và một số sơ đồ thờ như khám, tượng hầu. Có một tấm bia thời Minh Mạng 17 (1836) ghi lại việc tu sửa đền.

Đền (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử nghệ thuật ngày 21.6.1993.

3. ĐỀN BÀ KIỆU

Đền ở bờ Hồ Hoàn Kiếm, trước thuộc phường Đông Các, nay ở phố Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đền có tên chữ Hán là "Thiên Tiên điện" hoặc đền Huyền Chân. Sách "Thăng Long cổ tích khảo" cho biết đền được xây dựng vào niên hiệu Vĩnh Tộ (1619-1628). Đến cuối niên hiệu Cảnh Hưng, một vị quan ở Lê phiên thuộc phủ Chúa lấy vườn ao, đất nhà mình ở cạnh đền cung cấp chi phí việc đèn nhang. Sau đó lại chuyển giao cho người thuộc huyện Đường Hào, trấn Hải Dương là Lê Trọng Hiến, Lê Trọng Sinh và Hoàng Thị Bo trông nom thờ cúng. Đền có tên gọi là đền Bà Kiệu. Ông Lê Trọng Sinh bỏ tiền ra xây dựng thêm tam quan. Đến đời Tây Sơn đền lại được tu sửa và đúc quả chuông đồng vào năm Canh Thân niên hiệu Cảnh Thịnh (1800). Đến giữa thế kỉ 19, vào năm Tự Đức thứ sáu, mùa thu Quý Hợi, đền lại được sửa chữa lần nữa. Đến năm Thành Thái thứ 2, thực dân Pháp mở đường, đền bị dỡ bỏ mất phần điện trước.

Đền thờ 3 vị nữ thần là Liễu Hạnh công chúa, đệ nhị ngọc nữ là Quỳnh Hoa và đệ tam ngọc nữ Quế Nương.

Hiện nay di tích còn tam quan, đại bái, phương đình và hậu cung. Kiến trúc hiện nay

mang phong cách triều Nguyễn. Các bộ phận kiến trúc được chạm khắc đẹp. Đền còn giữ được các hiện vật khám thờ, cửa võng, hương án, long ngai, bài vị, tượng, giá văn, chuông và các sắc phong và đồ lỗ bộ.

Cùng với đền Ngọc Sơn và quần thể kiến trúc quanh Hồ Hoàn Kiếm, đền góp phần làm tăng thêm vẻ đẹp cảnh quan và lịch sử khu Hồ Hoàn Kiếm.

Đền Bà Kiệu đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử nghệ thuật ngày 2.5.1994.

4. ĐỀN BẠCH MÃ

Đền ở phường Hà Khẩu, tổng Hữu Túc, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, nay là số 3 phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đền thờ thần Long Đỗ, hiệu Quảng Lợi Bạch Mã đại vương (Thần Long Đỗ tức thần núi Long Đỗ, cũng gọi là núi Nùng, nơi tiếp nhận khí thiêng của sông núi kinh thành Thăng Long). Tương truyền thời nước ta bị nhà Đường phương Bắc đô hộ, Cao Biền sai quân lính đắp thành Đại La, bỗng thấy đất trời tối tăm mù mịt, một vị thần cưỡi con rồng đỏ, ngồi trên đám mây ngũ sắc, bay lượn trên

mặt thành. Cao Biền sợ hãi, định dùng bùa phép trấn yểm. Đêm ấy Biền chiêm bao thấy vị thần đó hiện lên bảo rằng: "Ta là tinh anh đất Long Đỗ, nghe nói ông sai đắp thành, cớ sao lại định dùng bùa phép trấn yểm?" Biền tỉnh dậy sợ hãi nhưng vẫn đem đồng và sắt chôn xuống các chỗ long mạch để trấn yểm. Tức thì đêm đó mưa to gió lớn, sấm sét nổ đùng đùng. Sáng dậy, Cao Biền đi xem các nơi trấn yểm, thấy đồng và sắt đã bị đánh nát vụn. Cao Biền thấy đó là vị thần thiêng của nước Nam, Biền không làm gì nổi, bèn sai lập đền thờ để xin được phù hộ.

Lại tương truyền khi Lý Công Uẩn dời đô ra thành Đại La, cho xây thành nhưng trầy trật mãi không xong. Vua sai người đến đền Bạch Mã cầu thần thì thấy một con ngựa trắng từ trong đền đi ra một vòng từ đông sang tây, đi đến đâu để lại dấu chân đến đó, rồi trở lại đền và biến mất. Vua sai quân lính theo vết chân ngựa mà đắp thành, quả nhiên thành được xây xong. Vua Lý Thái Tổ bèn cho sửa lại đền thờ, phong vị thần Long Đỗ là Quảng Lợi Bạch Mã tối linh thượng đẳng thần. Vén tấm màn thần linh ra, ta thấy vua quan nhà Lý, khi dời đô ra Đại La quy hoạch kinh thành phía đông là đền Bạch Mã, phía tây là đền Voi Phục, phía bắc là đền Trấn Võ, phía nam là đền Cao Sơn (đình Kim Liên ngày nay). Đó là "Thăng

Long tứ trấn". Người xưa đã thần thánh hoá đất kinh thành và việc làm của vua, đất thánh do thần thánh quy định với "đường tròn ma thuật" vốn là tín ngưỡng từ thời bộ lạc lưu lại.

Đền đã được sửa chữa nhiều lần, cuối thế kỉ 17 được tôn thêm nền cũ và mở rộng thêm, năm 1781, chúa Trịnh chuẩn y cho 3 giáp Mật Thái, Bắc Thượng, Bắc Hạ, phường Hà Khẩu xung quanh đền Bạch Mã được làm dân "tạo lệ" (sắm lễ vật tế lễ, không phải sưu sai, tạp dịch khác). Năm 1829, lại sửa chữa thêm tráng lệ. Năm 1839 dựng thêm văn chỉ ở bên trái đền, dựng phương đình (đình hình vuông) để làm nơi cúng lễ các tuần tiết. Khuôn viên đền đã bị thu hẹp.

Đền quay mặt về hướng nam, hiện nay cổng tam quan, phương đình, đại bái, thiêu hương, cung cấm và nhà hội đồng ở phía sau.

Phương đình mới được xây dựng năm 1839 dưới thời Nguyễn nên mang đậm phong cách kiến trúc thời này. Những con nghê trên xà ngang và những lồng đèn hình hoa sen trên đầu 4 xà nách gần gũi với kiến trúc phương đình ở Hội An. Từ phương đình vào đại bái có mái vòm hình "vỏ cua". "Vỏ cua" nối liền các nhà, tạo ra một không gian rộng rãi.

Đại bái có bộ khung gỗ bốn hàng chân, có bộ vì kèo được kết cấu theo lối "chồng giường, giá

chiêng", mái phân theo kiểu "thượng tam, hạ tứ". Trên các cốn gỗ, xà nách, các vì chồng giường, có nhiều mảng chạm khắc. Đề tài trang trí là mây lửa, hoa lá. Nối đại bái với nhà thiêu hương là mái vòm "vỏ cua" hình bán nguyệt, trang trí hoa lá.

Đền còn giữ được 15 bia. Nội dung các bia đề cập đến sự tích của đền và thần, nghi lễ cúng thần, các lần trùng tu tôn tạo. Đền còn có các đồ thờ như đồ lỗ bộ gồm các vũ khí thời cổ như xích, đao, thương, câu liêm... được sơn son thếp vàng, chạm khắc tinh xảo. Trong đền, ngoài các lư hương đồng, bình đồng, tượng người, lại có cả tượng Phật. Chi tiết này thể hiện quan niệm của dân gian là "tam giáo đồng tôn". Đền còn có một đôi hạc chân cao, cổ cao và đôi phỗng trong tư thế đứng trang nghiêm.

Thời Trần, quân Nguyên sang xâm lược, đốt phá kinh thành nhiều lần nhưng lửa không cháy đến đền. Lúc khải hoàn trở về Thái sư Trần Quang Khải đã đề thơ ở đền:

"Hoả bốc tam khu thiêu bất tận
Phong trần nhất trận phiến nan khuynh".

Tạm dịch:

"Lửa bốc ba lần không cháy đến,
Gió bụi một phen chẳng hề nghiêng".

Hoàng giáp Trần Bá Lãm (1757 - 1815) có thơ đề đền Bạch Mã như sau:

"Mạch dẫn bàn long truyền thắng địa
Tích lưu bạch mã trấn danh châu
Cao vương vãng sự câu thần thổ
Vật hoán tinh di kỉ độ thu.

Tạm dịch:

"Mạch chuyển rồng cuốn truyền đất đạp
Tích xưa ngựa trắng trấn danh đô
Cao Biền chuyện cũ đều hư ảo,
Vật đổi sao dời đã mấy thu".

Lễ hội đền hàng năm vào tháng 2 âm lịch, trước đây có tổ chức lễ đánh trâu rước xuân.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật ngày 12.12.1986.

5. QUÁN BÍCH CÂU

Quán Bích Câu ở thôn An Trạch, phường Bích Câu nay là phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

Quán thờ chân nhân họ Trần, tên là Uyên, tự Vưu Ban. Tương truyền Uyên thuở nhỏ nhà nghèo, chỉ dựng được ngôi nhà lá ở bên ngòi nước ở phường Bích Câu để làm nơi ăn học (tục truyền là Ngự Câu vì vua Lê thường đi thuyền ra đây chơi).

Một hôm nhân đi xem hội Vô Già ở chùa Ngọc Hồ (chùa Bà Ngô), Uyên gặp một thiếu nữ mặc áo đỏ tên Giáng Kiều, bèn cùng nàng kết duyên vợ chồng. Từ đó Uyên bỏ đạo Nho, học đạo tiên. Hơn một năm sau hai vợ chồng sinh được một con trai đặt tên là Trân. Tú Uyên tu tiên đắc đạo, người xung quanh vùng gọi là Trần chân nhân. Một hôm có hai con hạc trắng ngậm thư bay xuống. Chân nhân cùng tiên nữ Giáng Kiều và con đều cưỡi hạc bay về trời. Dân làng An Trạch kính phục, dựng đền thờ hai người trên nền nhà cũ và gọi là quán Bích Câu.

Chưa biết rõ quán Bích Câu được dựng vào năm nào. Quán cũ đã bị phá huỷ bởi bom đạn trong những năm kháng chiến chống Pháp, chỉ còn lại cổng. Quán hiện nay thấy được xây dựng lại trong những năm 50 bởi dân trong vùng. Khuôn viên của quán bị thu hẹp nhiều do cơ quan và dân xung quanh lấn chiếm.

Quán đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 2.3.1990.

6. ĐỀN CHÈM

Đền ở ven đê sông Hồng, gần cửa sông Nhuệ, thuộc xã Thuỵ Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đền thờ Đức thánh Chèm tức Lý Thân, còn gọi

là Lý Ông Trọng. Lý Thân người thuộc thời Thục An Dương Vương (257 - 207 trước Công nguyên) thân thể to lớn, cao 2 trượng 3 thước, sức khoẻ hơn người. Lúc trẻ ông làm một chức quan nhỏ ở huyện Ấp, đã bị vua quở phạt. Vì sao ông bị quở phạt, các sách ghi khác nhau. Có sách ghi ông thấy một tên lính đánh đập dã man dân phu nên ông đã tức giận giết chết tên lính đó. Có sách ghi trong trận thi đấu võ, ông đã lỡ tay giết chết một lực sĩ của nhà vua. Có sách ghi lại vì ông phá kho thóc chia cho dân nghèo đang bị đói... Vua thương ông là người khoẻ và tài giỏi nên không bắt giết. Vì sao ông sang nước Tần (Trung Quốc) thì có sách ghi là ông bỏ trốn sang nhà Tần và được cử làm quan võ, có sách ghi là ông được vua Thục cử sang sứ.

Khi ấy biên giới phía Bắc nhà Tần hay bị quân Hung Nô quấy nhiễu. Tần Thuỷ Hoàng đã xây Vạn Lý Trường Thành để ngăn chặn mà vẫn không trừ được tai hoạ. Vua Tần sai ông Trọng đem quân trấn giữ ở đất Lâm Thao (nay thuộc tỉnh Cam Túc). Ông đánh trận nào thắng trận đó, làm cho quân Hung Nô khiếp sợ, không dám quấy nhiễu nữa. Vua Tần phong thưởng cho ông rất hậu, ban tước cao, gả công chúa, định lưu giữ ông lại. Ông xin về nước và mất ở quê nhà. Có sách nói ông mất ở Trung Quốc. Sau khi ông mất, vua Tần sai đúc đồng làm tượng hình ông, dựng ở cửa Kim Mã kinh thành Hàm Dương (nay thuộc Thiểm Tây, Trung

Quốc). Chuyện kể tượng to lớn chứa được hàng chục người. Khi có sứ giả Hung Nô đến, vua Tần lại sai người vào trong tượng, làm cử động mặt mũi chân tay. Quân Hung Nô yên chí Lý Thân vẫn còn sống, không dám đem quân sang quấy nhiễu nữa. Từ đó Trung Quốc có lệ gọi những pho tượng lớn là Ông Trọng.

Đến đời Đường, Triệu Xương làm đô hộ Giao Châu, thường mộng thấy cùng Lý Thân bàn sách Xuân Thu, bèn hỏi chỗ ở cũ của ông, lập đền thờ ông. Sau này Cao Biền đánh quân Nam Chiếu, được ông hiển linh trợ giúp nên đã cho trùng tu lại đền thờ ông. Tương truyền đền Chèm được xây từ thời Bắc thuộc lần thứ 3 (603 - 639). Trong đền có tượng hai vợ chồng Lý Thân bằng gỗ sơn son thếp vàng, tạc năm 1888. Đền không to nhưng là một kiến trúc cổ có nhiều chạm trổ trên gỗ nên rất đẹp. Diện mạo hiện có của đền là từ lần sửa chữa đầu thế kỉ 20.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử kiến trúc, nghệ thuật ngày 9.1.1990.

7. CÁC ĐÌNH, ĐỀN THỜ CHU VĂN AN

Chu Văn An còn gọi là Chu An, sau khi mất vào ngày 28.11 năm Canh Tuất (1370), được vua

Trần Nghệ Tông ban tên thuỵ là Văn Trình Công, cho phối thờ ở Văn Miếu cùng Thất thập nhị hiền. Ông cũng được phong thành hoàng làng, thờ ở quê hương, nơi ông mở trường dạy học thôn Huỳnh Cung và nơi ông cáo quan về ở ẩn là núi Phượng Sơn, xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Chu Văn An quê ở thôn Văn, xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm, nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông sinh ngày 25 tháng 8 năm Nhâm Thìn (1292) và mất năm Canh Tuất (1370), thọ 78 tuổi. Sau khi đỗ Thái học sinh, ông không ra làm quan, trở về quê mở trường dạy học. Học trò nhiều nơi nghe tiếng ông đến học rất đông. Trong số học trò có nhiều người thành đạt, làm quan to trong triều như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, khi về thăm thầy vẫn giữ lễ, được thầy nói chuyện ít lời thì lấy làm mừng.

Vua Trần Minh Tông (1314 - 1329) đã mời ông làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám để dạy thái tử. Đến đời Trần Dụ Tông, vua cùng bọn nịnh thần bỏ việc triều chính, ăn chơi xa hoa, ông đã nhiều lần can ngăn không được, bèn dâng sớ thất trảm, đòi chém 7 kẻ nịnh thần được vua tin dùng. Trần Dụ Tông không nghe, ông bèn "treo mũ ở cửa Huyền Vũ", cáo quan về ở ẩn tại núi Phượng Sơn, xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, Hải Dương, lấy hiệu là Tiều Ẩn. Ông mất ở đó, khi được tin ông mất, vua Trần

Nghệ Tông đã sai quan đến làm lễ viếng, ban tặng tên thuỵ là Văn Trình và dành một vinh dự lớn cho người thầy dạy là được thờ ở Văn Miếu. Ông đã để lại hai tập thơ: *Quốc ngữ thi tập* bằng chữ Nôm và *Tiều Ẩn thi tập* bằng chữ Hán, một sách bàn về bộ Tứ thư là *Tứ thư thuyết ước*.

Một huyền thoại về nhân cách và đạo đức của ông cùng ngôi trường Huỳnh Cung vẫn được lưu truyền. Trong số nhiều học sinh từ các nơi đến học, có một người sáng nào cũng đến thật sớm để nghe thầy giảng. Người này không nói rõ quê ở làng nào, những học trò khác thì nói lại là người này cứ đến khu Đầm Đại thì biến mất, ai nấy đều cho là thần nước. Gặp năm hạn hán kéo dài, Chu Văn An không đành lòng trước cảnh đồng khô lúa chết, bèn hỏi học trò xem ai có phép gì làm mưa để cứu dân. Người học trò này đứng ra thưa xin vâng lời thầy nhưng cho biết như vậy là trái với luật thiên đình. Nói rồi người học trò này lấy nghiên mài mực, ngửa mặt lên trời khấn, lấy bút chấm mực và vẩy khắp 4 phương; vẩy hết mực rồi lại tung cả nghiên bút lên trời. Lập tức mây đen ùn ùn kéo đến, trời đổ mưa rất lớn làm cho đồng lúa trở lại xanh tốt. Đêm hôm ấy một tiếng sét vang lên và sáng hôm sau người ta thấy xác một thuồng luồng nổi lên ở đầm. Chu Văn An cho đó là xác của học trò đã vâng lời thầy làm mưa giúp dân, sai làm lễ an táng và lập miếu để thờ, gọi là miếu Gàn. Chỗ nghiên

mực ném rơi xuống biến thành đầm lớn, nước lúc nào cũng đen như mực, được gọi là Đầm Mực, thuộc địa phận làng Quỳnh Đô. Còn quản bút rơi xuống làng Tả Thanh Oai biến làng này thành một làng có nhiều người đỗ đạt.

Huyền thoại này nói lên tài đức của Chu Văn An đã cảm hoá được cả quỷ thần, vâng lời thầy, trái lệnh thiên đình, bất chấp thân mình.

Miếu Gàn thờ con vua thuỷ thần, người học trò của Chu Văn An. Trong miếu thờ thần còn có câu đối khá tiêu biểu:

"Mặc nghiễn khởi tường vân, nhất bút mực hồi thiên tự thuận.

Chu đình lưu hoá vũ, thiên trù vọng khiếp địa phần khô".

Tạm dịch: "*Mây lành từ nghiên mực bay lên, một ngọn bút ra công, trời thuận theo lẽ phải. Mưa tối giữa sân son đổ xuống, nghìn cánh đồng đội nước, đất nẻ trổ mùa hoa*" (Chu đình có hai nghĩa: sân son và sân nhà Chu Văn An).

Sau khi Chu Văn An mất các học trò cũ đã lập đền thờ ông trên địa điểm trường học cũ ở Huỳnh Cung. Khoảng đầu niên hiệu Vĩnh Thịnh, đền được sửa sang to rộng, có văn bia do ngự sử Nguyễn Công Thái soạn năm Vĩnh Thịnh thứ ba (1717). Đến năm Cảnh Hưng, Giáp Ngọ (1774) đền lại được trùng tu do tham tụng Bùi Huy Bích (người

cùng huyện) chủ trì, làm thêm bái đường rộng 5 gian. Đền thờ Chu Văn An ở Huỳnh Cung, ngoài bài vị thờ ông, triều Lê còn đặt bài vị thờ 61 văn thân của huyện Thanh Trì, trong đó có nhiều người nổi tiếng như Nguyễn Như Đỗ, Bùi Xương Trạch, Nguyễn Công Thể... Năm 1850, ông được vua Tự Đức phong thượng đẳng phúc thần, hàng năm, xuân thu nhị kì, văn thân trong huyện về hội tế. Đến năm 1860 đình lại được quyên góp để trùng tu thay trái nóc, chạm trổ cửa trong ngoài v.v... có văn bia do Phương Đình Nguyễn Văn Siêu soạn. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ngôi đình đã bị phá huỷ hoàn toàn, nền móng của đình vẫn còn một trụ cột, rùa đá, bia đá. Dân làng còn cất giữ được đồ thờ Chu Văn An như: 2 mũ cánh chuồn, 1 dải áo, 1 áo long cổn, 1 áo thụng hồng, 1 đôi hài, 1 ngai thờ, 1 truỳ đồng, 6 sắc phong, một cuốn thần tích được lập từ thời Lê Hồng Đức. Tất cả đều là nguyên bản. Nhân dân Huỳnh Cung đã tu sửa ngôi đình xứng đáng là nơi lập nghiệp của danh nhân văn hoá Chu Văn An, người con của quê hương Thanh Liệt, Thanh Trì.

Tại quê hương ông ở thôn Văn có đình thờ ông gọi là Đình Nội. Ban đầu đình vốn là một ngôi đền cổ, đến thời Lê Trung Hưng trở thành văn chỉ làng Thanh Liệt thờ các vị khoa bảng của làng Thanh Liệt. Theo bia "Tiên hiền bi kí" dựng năm Ất Dậu niên hiệu Cảnh Hưng (1765) thì đình Nội ban đầu

thờ Chu Văn An và tằng tôn của ông là Chu Đình Bảo, đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa thi Giáp Thìn (1484). Văn chỉ cũng thờ con trai Chu Văn An là Chu Tam Tỉnh thi đỗ khoa Ngự thí năm Tân Hợi, làm quan đến chức Hàn lâm trực học sĩ, tả hình viện đại phu và Lí Trần Thản, thi đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu, làm quan đến chức Tả tư giảng, sau khi mất được tuy tặng Binh bộ thượng thư.

Đình được dựng ngay sau khi ông mất thời Trần. Do đình nằm trong khu đất hẹp nên vị tú tài người làng là Vũ Huy Diệu đã cùng dân trong làng chọn nơi thoáng rộng, (khu vực hiện nay) để xây lại vào năm Giáp Tí, niên hiệu Tự Đức. Đình lúc ấy gồm một toà ở chính giữa chia làm 3 gian, lợp ngói, tả hữu 2 dãy giải vũ. Hai bên phối thờ 2 vị tiến sĩ là Chu Đình Bảo và Lí Trần Thản. Đến mùa xuân năm Nhâm Dần (1892), đình đã được sửa chữa lại.

Đình được xây dựng trên khu đất cao ráo, bên dòng sông Tô, nằm theo hướng đông bắc. Trước đây đình là một hệ thống kiến trúc liên hoàn, khi con đường ven sông Tô được mở rộng, di tích bị chia làm đôi: thuỷ đình trên ao bán nguyệt và khu kiến trúc chính ở phía sau. Thuỷ đình là một khu kiến trúc nhỏ hình bát giác nằm giữa ao hình bán nguyệt sát bờ sông Tô. Phần trên làm theo kiểu 2 tầng, tám mái, các đầu đao uốn cong, bờ nóc đắp đôi hình rồng chầu, trong nhà đặt tấm bia lớn.

Đình có hình chữ công với 3 nếp nhà tiền tế rộng 5 gian, xây kiểu tường hồi bít đốc, các bộ vì làm kiểu vòm bán nguyệt. Hậu cung gồm 3 gian nhỏ, vì làm kiểu "chồng giường, giá chiêng", mặt bằng theo kiểu 4 hàng ngang, vì làm kiểu "chồng giường", chạm khắc hình tứ linh,. tứ quý.

Đình Nội thờ Chu Văn An đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 21.1.1989.

8. MIẾU GÀN

Miếu Gàn nằm ở phía Nam thủ đô Hà Nội (cách trung tâm thủ đô khoảng 10km) trên một vị trí cao ráo, đẹp đẽ giữa cánh đồng làng Bằng, thuộc xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Miếu gắn liền với truyền thuyết đã được chép trong *Lĩnh Nam chích quái* gọi là "Thần Chằm Lâm Đàm". Sự tích ghi rằng vào đời Đại Khánh, khi Chu Văn An dạy học ở đây, có một học trò đến xin học nhưng cử chỉ ngôn ngữ khắc hẳn người thường. Thầy An lấy làm ngờ, - thử dò xem trò từ đâu tới. Một hôm thầy dậy sớm, trông ra xa thấy trò của mình từ dưới nước đi lên. Hồi đó, trời đang đại hạn, khắp nơi cầu đảo nhưng không ứng nghiệm. Chu Văn An thương dân khổ sở nên nói với người học trò đó, nhờ làm mưa chống hạn, giúp dân khỏi đói kém. Người học trò thoái thác nhưng

sau nể thầy nhận sẽ giúp làm mưa. Trò nói với thầy An rằng: con làm trái lệnh trời để tuân lời thầy và giúp dân chắc con sẽ bị trừng phạt. Quả nhiên, chỉ một lúc sau, mây đen kéo tới và một trận mưa lớn đổ xuống, cả cánh đồng no nước, nhưng tiếp theo là một tiếng sét lớn. Sáng hôm sau nhân dân thấy xác một con thuồng luồng nổi lên trên Đầm Mực. Thầy An cho rằng đó là học trò của mình đã thác sau khi giúp thầy. Ông thương tiếc vô hạn và bảo dân làm lễ an táng chu đáo rồi lập đền thờ. Từ đó Miếu Gàn được các triều vua sắc phong cho vị thần là thượng đẳng thần Bảo Ninh Vương.

Ngôi miếu này phản ánh tâm linh của cư dân nông nghiệp. Họ thờ phụng người anh hùng văn hoá vì dân mà thác, đồng thời khẳng định vị trí danh nhân Chu Văn An có mặt ở mảnh đất này.

Về kiến trúc, miếu tuy không lớn nhưng có nhiều mảng chạm khắc thể hiện sáng tạo nghệ thuật của ông cha ta thế kỉ 18 - 19. Ngoài ra, miếu còn giữ gìn được một bộ sưu tập cổ vật quý như nhang án thời Lê (thế kỉ 18), các khám thờ, long ngai, bài vị, hoàng phi, câu đối, và bát hương của đầu thế kỉ 19, 20 nhưng khá đẹp.

Miếu còn là một cảnh đẹp, với kiến trúc cổ ẩn mình dưới tán cây cổ thụ, phía trước là hồ nước rộng mênh mông, có thể đáp ứng nhu cầu văn hoá của nhân dân địa phương và khách thập phương.

Miếu Gàn đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử kiến trúc, nghệ thuật ngày 11.9.1993.

9. ĐÌNH CHỬ XÁ

Đình Chử Xá thuộc thôn Chử Xá, xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đình Chử Xá (có thời gian gọi là đền Chử Xá) thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dung công chúa, Hữu Phi Nhân, Càn Hải tứ vị đại vương và hai vị Đương Niên, Đương Cảnh. (Tiên Dung công chúa là con Vua Hùng và bà thứ phi là thợ cấy làng Đông Cảo; tứ vị đại vương ở đời Tống, Trung Quốc). Theo truyền thuyết Chử Đồng Tử vốn là con nhà nghèo phải đi bắt tôm cá ven sông, gặp Tiên Dung công chúa, thành vợ chồng. Chử Đồng Tử đi buôn học được phép thuật rồi truyền giảng cho vợ. Hai vợ chồng bỏ hết vinh hoa phú quý, tìm học đạo tiên. Đời sau tôn là một trong "tứ bất tử" của Việt Nam (ba người khác là Thánh Tản Viên, Thánh Gióng và bà Chúa Liễu).

Đình nằm trên khu đất cao, sát khu vực cư trú của làng, mặt tiền chữ nhị, hậu chữ công gồm nhà đại bái tiền tế và hậu cung.

Đại bái gồm 5 gian, 2 dĩ (chái) xây kiểu "tường hồi bít đốc tay ngai" có 2 trụ biểu lớn, trên cùng có

trái dành gồm 4 hạc chụm đuôi, đầu hướng về 4 góc. Đỉnh trụ có trang trí hổ phù và hình tứ quý đắp nổi trong 4 ô lồng. Bờ nối mái còn hàng hoa chanh. Đại bái và tiền tế cấu tạo tương tự. Phần nóc, được làm theo kiểu chồng giường với 3 con giường chồng lên nhau đỡ đầu, dép và thượng lương, nhưng ở đây con giường được làm cụt, chia làm 2, tạo ra khoảng trống ở giữa. Vì vậy nhiều người tưởng lầm đó là giá chiêng. Ở đại bái có kết cấu kiểu kẻ chuyền. Song vì ở đây, người xưa muốn giữ nguyên cao độ, độ dốc của mái, đồng thời muốn làm "thoáng" kiến trúc cho nên đã không đặt thêm hàng cột quân. Thay vì không làm cột quân, trên xà nách để nối cột cái với cột hiên, người ta đặt cột trốn. Cột trốn có nhiệm vụ liên kết chiếc kẻ từ cột cái ra cột hiên.

Nhà tiền tế có cấu tạo bình thường, có nghĩa là không có trên xà nách, mà ở đây chiếc kẻ được nối thẳng từ cột cái ra cột quân. Bộ vì được cấu tạo như sau: dưới cùng là một quá giang. Trên đó, trực tiếp quá giang đổ hai cột trốn và một số con giường cụt. Liên kết 2 cột trốn, ở phần ngọn có câu đầu tạo nên khung "giá chiêng". Câu đầu đội lần lượt 2 con giường cụt và 3 con giường nguyên để đỡ các hoành và thượng lương. Đây là cấu tạo lạ, có thể gọi là kiểu vì chồng giường kết hợp với giá chiêng. Thiêu hương có vì kèo làm theo kiểu chồng giường. Ở hậu cung, để đỡ mái, người ta cuốn vòm.

Đình có 44 đạo sắc và 1 chân đèn đời Mạc, sắc sớm nhất Dương Đức 3 (1675).

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 28.9.1990.

10. ĐÌNH, ĐỀN CỔ LOA

Đình, đền Cổ Loa trong khu di tích Cổ Loa, thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Trong khu di tích Cổ Loa có đình làng Cổ Loa, trong đình có bức hoành phi đề 4 chữ *Ngự triều di quy*. Theo truyền thuyết thì nơi đây là nền nhà cũ của điện ngự triều, nơi các quan trong triều An Dương Vương hội họp. Trên cột đình còn có đôi câu đối của Tôn Thất Thuyết, người thủ lĩnh kiên quyết chống giặc Pháp hồi cuối thế kỉ 19:

"Tặc đáo Loa Thành tuỳ diệt một
Điện vô quy nỗ dũ uy linh".

Nghĩa là:

"Giặc đến thành Loa phải diệt hết
Điện không nỏ báu vẫn linh thiêng".

Cạnh đình là am Bà Chúa tức là miếu thờ công chúa Mỵ Châu, nằm nép dưới gốc đa cổ thụ. Trong am có một tảng đá hình người cụt đầu, các cụ già bảo đó là tượng Mỵ Châu đã bị An Dương Vương

chém chết. Trên tường am có một bức hoành phi ghi một bài thơ bằng chữ Hán của Chu Mạnh Trinh.

Qua am My Châu tới đền Thượng tức đền thờ An Dương Vương. Đền này mới được xây dựng lại hồi đầu thế kỷ 20, chỉ có đôi rồng đá ở bậc tam cấp là di vật đời Trần hoặc Lê sơ. Trong đền có tượng An Dương Vương cũng mới được đúc. Trước đền có Ngọc Tỉnh (giếng Ngọc) tương truyền là nơi Trọng Thuỷ đã tự vẫn vì hối hận (chuyện kể đem nước này mà rửa ngọc trai thì ngọc sáng bội phần).

Ngoài các di tích trên, trong ba vòng thành đất còn có những dải đất như:

Ngũ Xạ Đài là nơi vua Thục đem quân sĩ luyện tập cung nỏ, Vương thuyền là căn cứ thuỷ quân.

Trong những năm gần đây, ngành khảo cổ học đã phát hiện nhiều di chỉ đồ đá, đồ đồng ở khu vực Cổ Loa. Tại khu Ba Cau có một kho vũ khí có tới hàng vạn mũi tên đồng hai, ba ngạnh. Nhiều rìu, lưỡi cày, vỏ trấu, xương thú vật và cả trống đồng nữa (1982) cũng được tìm thấy ở khu vực này. Trống đồng Cổ Loa thuộc về nhóm trống đồng xưa nhất đẹp nhất của nền văn minh Đông Sơn.

Ngày nay, Cổ Loa là một khu di tích lịch sử tiêu biểu của dân tộc và của Hà Nội ngàn năm văn vật.

Khu di tích Cổ Loa đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, khảo cổ, kiến trúc, nghệ thuật ngày 28.4.1962.

11. ĐÌNH, MIẾU CÔNG ĐÌNH

Đình và miếu thuộc xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Từ trung tâm Bờ Hồ theo đường Tràng Tiền, qua nhà Hát Lớn rẽ tay trái ra đường Trần Nhật Duật qua cầu Chương Dương, cầu Đuống đến km 11 - 12 qua thị trấn Yên Viên rẽ trái đi thêm 2km tới làng Công Đình và di tích.

Đình Công Đình thờ Thành hoàng là Đức Tả Phù. Theo truyền thuyết, Tả Phù quê ở Phù Ninh, nhà nghèo, có tài chăn ngựa cho vua. Lúc ấy có giặc Bầu (?) nổi lên ở miền ngược, ông xin đi đánh giặc, được chọn làm thám tử. Ông tỏ ra gan dạ và mưu trí, nắm được nhiều tin của giặc. Ông giả ăn mặc rách rưới đến trại giặc, lừa cho giặc uống rượu say rồi ra hiệu cho quân lính nhà vua tiến đánh. Giặc thua to, do có công, ông được phong "Tân nhật nhất phong". Ông xin vua cho 3 ngôi nhà của giặc Bầu, dỡ đem về xây dựng đình thờ thần có công phù giúp. Đến khi ông mất được dân làng thờ ở đình là thành hoàng làng.

Dòng chữ khắc niên đại 1668 và dấu ấn kiến trúc phong cách thời Lê là minh chứng thời khởi dựng của đình Công Đình.

Đình Công Đình còn lưu giữ được rất nhiều

dấu ấn ban đầu.

Tam quan kiểu cột đồng trụ, đắp nghê chầu. Phương đình có 16 cột gỗ lim to, 2 tầng mái với 8 lá mái, các góc đao dạng hình rồng cuốn đuôi cá chép. Phần trang trí chủ yếu ở cốn nách, đầu dui, đầu bẩy chạm rồng và phượng vũ hai cánh xoè rộng trong thế dang tay.

Đại đình 5 gian 2 chái, 3 gian giữa làm kiểu 2 cánh lớn, 2 bên cửa bức bàn. Kết cấu 4 bộ vì kèo không có giá chiêng mà làm "chữ thập chống nóc". Phần trang trí quan trọng là hệ thống đầu dư, tương tự như hệ thống đầu dư đình Đình Bảng, Hà Bắc, mang đậm nét phong cách hậu Lê. Đó là các đầu rồng mũi hếch, miệng há, ngậm ngọc châu, râu tóc hình số 8. Bộ phận cánh én đỡ xà hạ là chi tiết kiến trúc đặc biệt nhất ở đình Công Đình, gá đỡ kiểu cánh én làm trên thân gỗ bẹt hình đầu quay vào gian giữa, đuôi quay sang gian bên, thân chui qua cột cái.

Hệ thống cửa võng làm theo kiểu chân quỳ dạ cá. Phần trên là rồng chầu mặt trời, phía dưới các ô to nhỏ khác nhau có hình hổ phù, phượng trúc v.v. .. mặt hổ phù đơn giản và phóng khoáng hơn những hổ phù ở Đình Bảng.

Đình Công Đình còn giữ được sắc phong có niên hiệu sớm nhất là Dương Đức 3 (1673).

MIẾU CÔNG ĐÌNH

Miếu Công Đình thờ Nguyễn Nộn. Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, Nguyễn Nộn người làng Phù Đổng, vì bắt được vàng không nộp nên vua sai lính bắt. Nguyễn Nộn trốn, nổi dậy vào cuối đời Lý, tự xưng là "Hoài Đạo Vương". Khi nhà Lý suy yếu, ông chiếm giữ cả vùng Bắc Giang. Đến thời Trần (1226) quân của ông khá mạnh, hùng cứ cả một vùng. Vua Trần đã phong tước vương và gả công chúa cho ông. Đến năm 1229 thì ông ốm chết ở Phù Ninh.

Miếu Công Đình chỉ có 2 cột trụ xây, đỉnh là 4 chim phượng chụm vào nhau tượng trưng cho tứ phương. Toà đại đền 5 gian 2 chái, vì kèo "giá chiêng chồng giường", kẻ hiên và vì ván mê. Hai bức cốn hiên chạm nổi hình cây đào, lựu; bẩy chạm hoạ tiết trúc mai. Cốn gian giữa chạm kênh bong hình rồng chầu, mắt lồi, răng nhe. Các vì kèo ván mê chạm mặt hổ phù và hình hoa lá hoá rồng.

Cửa võng chạm thủng các đề tài mặt hổ phù, rồng, hoa dây, hoa xoắn được sơn son thếp vàng.

Đình, miếu còn các di vật khá phong phú như ngai thờ, ngựa thờ, bát bửu... Miếu có sắc phong sớm nhất niên hiệu Dương Đức 3 (1673).

Đình - miếu Công Đình là hai di tích khá hiếm còn lại đã lưu giữ dấu ấn kiến trúc thời hậu

Lê rất độc đáo và các mảng chạm khắc phong phú, đa dạng.

Đình và miếu Công Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

12. ĐÌNH CỰ CHÍNH*

Đình Cự Chính thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Trước khi bị thực dân Pháp tàn phá vào năm 1946 đình là một kiến trúc to và đẹp trong vùng. Đình hiện nay là do mới được xây dựng lại. Đình còn có tên là đình "Con Cóc" vì trên cột có chạm con cóc, ngụ ý cầu mưa. Phía trái trước đình có một giếng nước khơi, miệng rộng 40cm. Căn cứ vào nét chạm khắc trên đá ở mặt giếng có thể thấy được là giếng đã được đào vào thế kỉ 17.

Đình Cự Chính cùng với chùa Bồ Đề, Gò Đống Thây là một cụm di tích lịch sử liên quan đến việc nghĩa quân Lam Sơn của Lê Lợi bao vây thành Đông Quan.

Cụm di tích đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật ngày 28.9.1990.

13. ĐÌNH ĐẠI ÁNG

Tên chữ là Đình Đại Đản, thuộc xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Đại Áng thờ Cao Sơn, Quý Minh, Tản Viên và Bố Cái đại vương. Đô đốc Bảo (quân Tây Sơn) đã cho quân trú ở đây trước khi vào giải phóng thành Thăng Long.

Đình bao gồm tiền tế và hậu cung. Tiền tế có 5 gian, 2 chái. Vì kèo làm theo kiểu "thượng chồng giường hạ kẻ và bẩy hiên". Các đầu ở 2 gian giữa chạm lộng và chạm thủng hình đầu rồng. Đại đình (phương đình) làm theo kiểu chồng diêm, mái trên các bờ dải đắp nổi hình rồng. Hậu cung có kết cấu khá đặc biệt với gian ngoài cùng là vì kèo quá giang "vỏ cua", tạo nên không gian sâu kín, linh thiêng để đặt long ngai, bài vị của các vị thần. Đình có bố cục khác với ngôi đình thường thấy ở đất Bắc, ngược lại có nhiều nét có ảnh hưởng kiến trúc ở cố đô Huế (như vì vỏ cua) các mảng chạm khắc đẹp và tinh tế. Đình có 3 câu đối khảm trai, cuốn thư sơn son thếp vàng, hai bộ bát bửu, hai long sàng, hai cửa võng, 4 bộ kiệu và một long đình.

Đình và chùa Đại Áng đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.10.1991.

14. ĐÌNH ĐẠI CÁT(*)

Đình Đại Cát thuộc thôn Đại Cát, xã Liên Mạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Theo truyền thuyết, đình Đại Cát được xây dựng từ lâu đời.

Đình ở trên một khu đất cao rộng thoáng cạnh làng. Phía trước đình có một hồ nước nhỏ. Đình quay về hướng tây, có hình chuôi vồ. Đình gồm có mái nhà tiền tế gồm 1 gian, 2 dĩ, làm theo kiểu "tường hồi bít đốc", hậu cung 2 gian làm cũng theo kiểu "tường hồi bít đốc".

Đình thờ 3 vị thành hoàng là ông Quách Lãng, hai bà Đinh Bạch Nương và Đinh Tĩnh Nương.

Hàng năm, dân làng mở hội vào ngày 10 tháng 3 âm lịch. Lễ hội có thi bơi trải trên sông Nhuệ và sông Hồng.

Đình Đại Cát đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật ngày 31.1.1992.

15. ĐÌNH ĐẠI LAN(*)

Đình Đại Lan ở thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tương truyền đình, chùa, nghè Đại Lan có từ

lâu đời, nhưng do làng ở bên sông Hồng, bồi lở liên miên, nên làng cũng hay bị dời đổi, lúc ở bờ nam, lúc sang bờ bắc. Mỗi lần như thế đình, chùa lại chuyển theo.

Đình thờ 3 vị đại vương có công đánh giặc thời Hùng Vương là: Linh Hồ, Minh Chiêu và Cung Mục. Đến đời Lê, Nguyễn Như Đỗ được thờ làm Á thánh cùng ba vị thành hoàng. Nguyễn Như Đỗ tên chữ là Mạnh An, hiệu Khiêm Trai, sinh năm 1424, đỗ bảng nhãn năm 19 tuổi, 3 lần đi sứ, làm quan đến chức thượng thư, được gia phong Thái bảo Lan quận công. Cuối đời, ông về trí sĩ ở Từ Dương thọ 102 tuổi. Phan Huy Chú (1782 - 1840) viết về ông trong *Lịch triều hiến chương loại chí*: "Ông lúc trẻ thi đỗ khôi nguyên, khi lớn làm quan to, cũng là hiếm có trong hoạn đồ". Ông làm quan, giữ nhiều trọng trách, tính tình thẳng thắn, thanh liêm nên được triều đình coi trọng, nhân dân quý mến. Khi mất, vua cho thờ làm thành hoàng.

Đình có bố cục hình chuôi vồ, đại đình có 3 gian, hậu cung có 2 gian. Đình đã qua nhiều lần sửa chữa, quy mô kiến trúc đã thu nhỏ dần.

Đình còn giữ được 11 đạo sắc phong, sớm nhất là đạo sắc phong năm thứ 12 niên hiệu Chính Hoà (1691).

Đình (và chùa) Đại Lan đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.1.1989.

16. ĐÌNH ĐẠI MỖ (*)

Đình Đại Mỗ thuộc xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình Đại Mỗ thờ Ả Lã Nàng Đê là con gái của tể tướng Lữ Gia. Tương truyền, khi cha chết nàng đứng ra chiêu mộ dân binh theo Hai Bà Trưng khởi nghĩa. Khi khởi nghĩa thất bại, nàng theo gương Hai Bà đã trầm mình ở dòng sông Hát để giữ gìn khí tiết.

Đình còn thờ ba người của dòng họ Nguyễn Quý là Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Quý An và Nguyễn Quý Kính. Cả 3 cha con, ông cháu đều có đức độ, tài danh, có nhiều công lao với lịch sử đất nước. Nguyễn Quý Đức đậu thám hoa năm 1676, làm quan Thượng thư bộ Lại, kiêm Đông các đại học sĩ, tước Liêm Quận công. Nguyễn Quý An đậu hoàng giáp năm 1715, làm Hữu thị giảng. Nguyễn Quý Kính đậu hương khoa trúng thức, làm Tham tụng, Thượng thư bộ Lễ. Cả 3 người khi mất đều được vua phong là đại vương, phúc thần.

Đình Đại Mỗ gồm cổng, hai giải vũ và toà đình gồm hai dãy, hình chữ nhị. Toà đại bái đã bị thực dân Pháp phá huỷ trong kháng chiến. Nhà đại bái được làm 2 tầng 8 mái. Bộ khung gỗ lim được chạm khắc rất công phu, có các hình rồng, phượng, hoa lá trên các cồn, kẻ bẩy đầu dư con giường.

Đình Đại Mỗ (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật ngày 21.6.1993.

17. ĐÌNH ĐẠI YÊN

Đình Đại Yên thuộc phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đình Đại Yên xây dựng đã lâu đời, gắn liền với việc lập làng Đại Yên ở phía tây kinh thành Thăng Long từ thời Lý, Trần.

Đình Đại Yên thờ thành hoàng làng là Ngọc Hoa công chúa, một cô bé 9 tuổi đã có công trong trận đánh chúa Chàm là Chế Ma Na vào năm 1104. Cha của Ngọc Hoa là người Yên Định, Thanh Hoá ra Thăng Long dạy học, lấy vợ ở làng Đại Yên (xưa là Đại Bi) và sinh ra Ngọc Hoa.

Thời Lý, Chế Ma Na dẫn quân Chàm đến xâm chiếm nước ta. Nàng Hoa khi ấy mới 9 tuổi nhưng đã lớn như một thiếu nữ. Nàng đã mặc giả trai cùng cha tuyển binh đi dẹp giặc. Tới nơi, quân ta cùng giặc giao chiến trong mấy lần nhưng không phân thắng bại. Nàng Hoa lập kế vờ làm cô gái bán trầu cau, thuốc lào đem vào bán trong hàng ngũ giặc. Nàng đã thu được nhiều tin của địch, báo về cho quân ta. Nàng lựa thời cơ làm ám hiệu cho

quân ta xông vào diệt giặc. Quân giặc thua phải rút về. Đất nước thanh bình, nàng xin về quê mẹ ở làng Đại Yên và mất ở đó. Vua phong cho nàng là Ngọc Hoa công chúa, được dân làng thờ làm thành hoàng làng.

Ngoài việc thờ thành hoàng Ngọc Hoa, trong thời kì 1935 - 1936 đình còn là nơi truyền bá chữ quốc ngữ và là nơi học võ cho thanh niên bảo vệ xóm làng.

Theo thuật phong thuỷ ngày xưa thì làng Đại Yên nằm trên lưng rùa và đình làng ở vị trí đầu rùa. Căn cứ vào hàng chữ ghi trên nóc mái đình thì đình được sửa chữa lớn vào năm 1886.

Đình quay mặt về hướng tây, trước đình có một giếng nước, đình gồm cổng, sân gạch, hai bên có tả vu, hữu vu; nhà tiền tế, đại bái, hậu cung. Phía sau có mả công chúa Ngọc Hoa được xây thành hình vuông. Nhà tiền tế được kết cấu theo kiểu vì kèo trụ trốn, 4 góc ở chân cột vẩy ra 4 chiếc bẩy, ở 4 gian bên, mái được lót kín theo kiểu vòm cuốn (vỏ cua); đây là một hình thức kiến trúc hiếm thấy ở đình, chùa miền Bắc, giống như kiểu kiến trúc đình chùa ở Huế. Trang trí trên các bức cốn của nhà tiền tế là vân xoắn, lá cúc cách điệu. Nhà đại bái nhỏ hơn nhà tiền tế, gồm 3 gian với 4 hàng chân cột, có tường hồi bít đốc, kết cấu bộ vì kèo theo kiểu giá chiêng chồng giường, con nhị, nhưng

thay cột trốn bằng hai giường cụt. Trang trí đơn giản, nhiều vân xoắn tạo thành khối lớn ở đầu giường và đầu quá giang. Ngoài ra có các hình vẽ rồng cuốn thuỷ, rồng cuốn cột ở các cột sơn son thếp vàng.

Đình còn giữ được nhiều hiện vật có giá trị: 3 câu đối gỗ, 3 bức hoành phi, 1 lọ lục bình, 1 choé, 4 hương án, 2 bộ cửa võng...

Đình Đại Yên có giá trị lịch sử và kiến trúc nghệ thuật, đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 27.12.1990.

18. ĐÌNH, ĐỀN ĐỊNH CÔNG THƯỢNG

Đình Định Công Thượng ở Định Công Thượng, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Từ trung tâm Hà Nội đến di tích phải đi về phía Ngã Tư Sở rồi tiếp theo con đường Nguyễn Trãi, tới khoảng chợ Xanh rẽ vào đường 70B khoảng 2km đến cầu Lư (Định Công). Qua cầu đi tiếp 500 mét là tới di tích.

Di tích thờ Hoàng Công (còn gọi là chàng Sơ) là con Vua Hùng thứ 17 (Hùng Nghị Vương và bà Xuyến Nương). Ông sinh ra ở Đình Công nên được đổi làm Định Công, có tài, thông minh. Dưới triều Hùng Duệ Vương (Hùng Vương 18) ông được giao

đánh dẹp ở vùng châu Hoan, châu Hàn, châu Đông Hỷ, bắt sống được nhiều tướng giặc. Lúc về ông đã qua Định Công và khao quân. Thời Thục Dương Vương, ông làm thống lĩnh thuỷ quân cùng Cao Sơn, Quý Minh làm tả hữu. Ông được giao trấn giữ Quảng Đông 5 năm, sau được triệu hồi về nước, trên đường về ông mất ở cửa bể Bích Hải. Nhà vua lệnh cho dân Bích Hải lập đền thờ, riêng dân Định Công cho trùng tu cung miếu, hàng năm xuân thu nhị kì, các quan đến làm lễ và phong thượng đẳng phúc thần.

Người thứ 2 được thờ là Đoàn Thượng, người đất Hồng Châu, giương ngọn cờ phản Trần, phục Lý. Ông có công chữa khỏi bệnh dịch cho dân Định Công.

Đình gồm có tam quan và toà đại đình, tam quan xây kiểu 4 trụ. Toà đại đình bố cục mặt bằng kiểu chuôi vồ; đại bái 5 gian và hậu cung 3 gian. Đại bái xây kiểu "tường hồi bít đốc" gồm 6 bộ vì, gian giữa vì làm kiểu phía trước "chồng giường bẩy hiên", phía sau kèo kẻ suốt. Bốn vì còn lại làm kiểu vì kèo suốt, trụ trốn. Các vì ở hậu cung làm kiểu "chồng giường giá chiêng". Kiến trúc đã được tu bổ nhiều lần, có trang trí hoa dây, tích phật, cánh sen, vân mây, tứ quý v.v... Đình có những mảng chạm thế kỉ 17 (tích phật, tiên ông ngồi trên toà sen).

*

*   *

Đền Định Công Thượng thờ 3 vị tổ nghề kim hoàn là Trần Triều, Trần Điệu và Trần Hoàn là tổ nghề kim hoàn, chuyên đồ nhỏ: hoa tai, xuyến, hột vòng.

Đền kiến trúc kiểu chuôi vồ: toà tiền tế 5 gian, hậu cung 3 gian, mái làm kiểu chồng diêm có 3 gian giữa tiền tế. Hậu cung có 2 bộ vì kiểu chồng giường, các vì không có cột, dựa vào tường. Kiến trúc được chạm trổ hoa lá. Chân tảng đá khá độc đáo, hình vuông, chạm sừng tê bảo ngọc. Đền có cửa võng, đại tự, hoành phi, câu đối, long ngai, bài vị, sắc phong thần khả, kiệu, khánh, bia cổ...

Đình và đền được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 20.7.1994.

19. ĐÌNH ĐÔNG BA (*)

Đình Đông Ba thuộc xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Đình, chùa dựng sát đê sông Hồng, cách trung tâm Hà Nội khoảng 20 km về phía tây bắc.

Đình Đông Ba thờ ba vị phúc thần là Quách Lãng với hai người vợ là Đinh Bạch Nương và Đinh Tĩnh Nương đều là tướng của Hai Bà Trưng. Theo sự tích gốc gác hai nhà họ Đinh, Quách ở động Hoa Lư thuộc Châu Ái. Khi Trưng Nữ Vương phất cờ khởi nghĩa, Quách Lãng cùng Đinh Bạch Nương và

Đinh Tĩnh Nương bèn sắm sửa hành lí lên cửa sông Hát để yết kiến Hai Bà, trên đường đi có qua trang Thượng Cát. Thấy ba người có tài trí hơn người, Hai Bà giao cho họ nhiệm vụ chiêu mộ quân rồi cùng tham gia đánh thành Luy Lâu bắt Tô Định. Sau khi thu hồi bờ cõi, Hai Bà phong cho Quách Lãng, Đinh Bạch Nương và Đinh Tĩnh Nương về hưởng lộc ở làng Thượng Cát. Các vị tướng đã đem bổng lộc chia cho dân làng, lấy nhân nghĩa để đoàn kết mọi người, xây dựng phong tục tốt đẹp làm cho xóm làng thịnh vượng. Đến khi hai người vợ mất, Quách Lãng hi sinh trong trận chiến đấu với Mã Viện, nhân dân lập đền thờ, sau được phong làm thành hoàng làng Thượng Cát.

Đình Đông Ba là một công trình gồm: cổng, tả hữu mạc, phương đình, đại bái, hậu cung. Thời gian khởi dựng chưa được rõ nhưng được biết đã có hai lần trùng tu lớn dưới thời Tự Đức (1871) và Thành Thái (1902). Kiến trúc hiện nay là sản phẩm của hai lần trùng tu này. Kiến trúc và điêu khắc của đình cũng vẫn là kết cấu vì gỗ cổ truyền và các mảng chạm tứ linh trên cốn mê và hoa lá cách điệu. Đình còn một cỗ kiệu bát công. Đồ tế khí còn khá nhiều và đều có niên đại cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20.

Đình Đông Ba (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22. 4.1992.

20. ĐÌNH ĐÔNG NGẠC

Đình Đông Ngạc có tên Nôm là đình Vẽ, thuộc xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Đình được dựng lên để thờ 3 vị phúc thần, mỗi vị đại diện cho một thế lực trong xã hội:

1 - Hoả Quang Tiên Sơn hiệu Đại Thánh (thần Độc Cước). Thần linh hiển ở quận Nam nước Bắc, đền của thần vốn dựng ở cửa Roi (Nghệ An) rất linh thiêng, thời đại nào cũng có sắc phong.

2 - Con thứ hai của vua Lê Thái Tổ - tước công, huý Khôi, làm nhập nội tư mã bình chưởng quân quốc trọng sự, có công phò vua Lê trong việc chống Minh.

3 - Thổ thần, trong sắc phong còn giữ được ghi là Bảo vệ Chương Hoà đồn ngưng thổ địa hiển chưng chi thần - thần trừ tai nạn, cầu cúng linh ứng.

Tương truyền đình từ một ngôi miếu cổ được xây dựng từ thời Đường. Theo tấm bia trong đình, niên đại Dương Hoà nguyên niên (1635) cho biết đình được xây dựng lại, sau đó năm Mậu Tuất (1718) cũng có tu sửa. Đến thời kì Lê Cảnh Hưng cũng có trùng tu. Tiếp đến thời Minh Mạng 1836 lại trùng tu.

Đình xây dựng trên khu đất rộng thoáng, ven đê sông Hồng. Phía trước là tam quan ngoại với 1 gian, 2 cửa lớn mở vào, vì kèo kiểu giá chiêng, chạm trổ hoa lá cách điệu. Tiếp đó là tam quan nội với 3 hàng chân và có cấu trúc tương tự tam quan ngoại.

Toà đại đình có bố cục 2 nếp nhà hình chữ nhị. Phần mái tiếp giáp với nhau là máng nước chảy dọc suốt chiều dài đình. Toà ngoài có vì kèo làm kiểu chồng giường - kết hợp giá chiêng, và phía dưới cách đầu cột khoảng 1m có chiếc quá giang (giống như Văn Miếu, Hà Nội), cốn nách liên kết bằng kẻ chuyền. Toà này phần vách vẫn giữ được ván nong đổ lụa, chưa bị xây tường. Trang trí ở đây chủ yếu là hoa lá cách điệu và rồng.

Toà nội: Kết cấu và kiểu dáng tương tự toà ngoại, song trang trí chạm khắc đơn giản hơn.

Hậu cung: Đáng chú ý ở đây là bộ vì gian giữa và cốn nách cùng các đầu dư được chạm dày đặc đề tài rồng. Phong cách nghệ thuật mang đậm dấu ấn thời Lê Trung Hưng .

Đình còn giữ được nhiều di vật giá trị như tấm bia thời Lê, một bộ tranh sơn mài thế kỉ 18, nhang án thế kỉ 18, đôi phỗng và một số đồ thờ khác.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 23.7.1993.

21. ĐÌNH ĐÔNG PHÙ

Đình Đông Phù ở xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Theo truyền thuyết thì đình được xây dựng từ đời Trần, đến năm Cảnh Hưng 6 thì được đại tu và giữ nguyên dạng đến ngày nay.

Theo bản thần tích của Đông Phù cho biết: năm Giáp Thân, sau khi bình xong thiên hạ, Đinh Bộ Lĩnh đóng đô ở Trường Yên, dân chúng Thanh Đàm nhớ công ơn Nguyễn Siêu mà lập từ đường thờ cúng đặt tại chợ Đông Phù Liệt. Năm 1447 dựng miếu làm nơi thờ phụng thần. Ngày 21 tháng 1 năm Bính Dần (?) dựng một ngôi từ vũ 3 gian giáp bờ sông Đông Phù Liệt làm nơi thờ chung của cả 3 giáp. Đến năm Quý Tị (?) thì thờ riêng. Hiện vật có niên đại sớm nhất là đạo sắc phong ngày 20 tháng 10 năm Khánh Đức 2 (1650). Đình quay hướng tây nam, ngoài có 4 trụ gạch. Đình hình chữ công, hai bên có hành lang nối gian hồi tiền đình với hậu cung. Toà tiền đình 2 gian, 2 chái, nhà cầu 3 gian, hậu cung 3 gian. Trong đình còn nhiều hiện vật thế kỷ 17, 18 và 19.

Đình thờ tướng quân Nguyễn Siêu, một trong những người được Ngô Vương Quyền tin dùng và là một trong 12 sứ quân. Đông Phù chính là nơi Nguyễn Siêu chiếm giữ làm đại bản doanh.

Hàng năm, làng mở hội đình vào ngày rằm tháng 3 để tưởng nhớ công lao của vị thành hoàng có công với dân với nước.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 9.1.1990.

22. ĐÌNH, ĐỀN ĐÔNG THIÊN (*)

Đình, đền Đông Thiên thuộc thôn Đông Thiên, phường Vĩnh Tuy, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Đình Đông Thiên còn có tên chữ Hán là "Phúc Khánh từ".

Theo ngọc phả của Vĩnh Tuy, đình và đền Đông Thiên được xây dựng từ đời vua Lê Thánh Tông (1443 - 1497). Năm Hồng Đức 2 (1471) sau khi đánh thắng Chiêm Thành, với tấm lòng nhân nghĩa, bao dung, khuất phục kẻ mạnh, khoan hồng kẻ yếu, chính Lê Thánh Tông đã ra lệnh cho dựng một mái nhà tranh để thờ vua và công chúa Chiêm Thành. Đồng thời ông cho phép tù binh Chiêm Thành khai khẩn đất hoang, lập làng mới ở vùng Vĩnh Hưng (nay là Vĩnh Tuy). Trải qua nhiều lần mở mang, trùng tu sửa chữa, mái nhà tranh khi xưa đã được xây gạch, lợp ngói. Bên thờ vua và công chúa Chiêm Thành là đình, bên thờ Mẫu gọi là đền.

Đình, đền nằm giữa cánh đồng, đền sát bên trái đình. Đình, đền đều bố cục hình chuôi vồ, có 3 gian tiền tế, 3 gian hậu cung. Đình có thêm 2 nhà tả, hữu mạc. Trong đình, đền Đông Thiên bảo tồn được nhiều hiện vật có giá trị của triều Lê, Nguyễn.

Hàng năm ở đình diễn ra hai ngày lễ, lễ nhỏ vào ngày 2.9 âm lịch, lễ lớn vào ngày 8.10 âm lịch.

Đình, đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 9.1.1990.

23. ĐỀN ĐỒNG CỔ

Đền được xây dựng từ thời Lý vào năm 1028. Đền ở thôn Nam, phường Yên Thái, huyện Quảng Đức, thành Thăng Long, nay thuộc phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội. Đền thờ "Thiên hạ minh chủ tôn thần", tức thần núi Đồng Cổ ở xã Đan Nê, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Tương truyền ngày xưa khi Vua Hùng đi đánh giặc, trú quân ở dưới núi, đêm nằm mộng thấy thần hiện lên xin đem trống đồng theo quân để trợ chiến. Khi lâm trận, Vua Hùng nghe có tiếng trống vang lên trong không trung, thúc giục quân lính đánh giặc và đã thắng trận. Khi trở về Vua Hùng phong cho thần là Đồng Cổ đại vương. Sự tích thần cũng chép: thái tử Phật Mã vâng lệnh Lý Thái Tổ đem quân đi đánh Chiêm Thanh, khi đóng quân tạm nghỉ, đêm mộng thấy thần núi hiện ra dưới dạng một võ tướng uy nghiêm xin theo giúp phá giặc lập công. Thắng trận trở về, Phật Mã sửa lễ tạ thần núi và rước về thành Thăng Long để giữ nước và hộ dân.

Chính sử thì ghi việc dựng miếu thờ thần ở Thăng Long vào năm 1028. Trước khi Lý Thái Tổ mất một ngày, thái tử Phật Mã chiêm bao thấy một người xưng là thần núi Đồng Cổ báo trước là ba vương sẽ làm loạn. Phật Mã phòng bị, quả nhiên ứng nghiệm, dẹp được loạn và lên ngôi vua là Lý Thái Tông. Lên ngôi vua xong, Thái Tông phong tước cho thần núi Trống Đồng làm "Thiên hạ minh chủ" (người chủ trì việc thề trong nước). Ngày 25 tháng 3 năm ấy, vua cho dựng đàn thề ở đền Đồng Cổ, cắm cờ xí, treo gươm giáo, bắt các quan văn võ đi vào trước thần vị, cùng nhau uống máu ăn thề: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thần linh trị tội". Sau đó vì tháng 3 là ngày quốc kị nên chuyển sáng ngày 4 tháng 4. Văn võ bá quan, ai thiếu mặt bị phạt 5 quan tiền. Dân chúng kinh thành ngày hôm ấy nô nức đi xem lễ thề. Đến đời Trần vẫn còn giữ lễ như vậy. Đến đời Lê, đổi nơi thề ở bờ sông, còn đền Đồng Cổ thì sai quân đến tế.

Đền Đồng Cổ đã bị huỷ hoại nhiều, gần như đổ nát, mãi đến gần đây mới được tu sửa, chiếc trống đồng trong đền là trống mới được phục chế, ít giá trị lịch sử nghệ thuật, chỉ có giá trị tượng trưng cho nền văn minh lúa nước thời Đông Sơn, đã trở thành vật thiêng liêng gắn liền với công cuộc chống ngoại xâm bảo vệ đất nước.

Có thể nói thần Đồng Cổ và hội thề Thăng Long thời Lý là do nhà Lý tổ chức để thời sự hoá

một nghi thức cổ truyền của nhân dân từ thuở Vua Hùng dựng nước và dùng thần quyền phục vụ vương quyền, củng cố nhà nước phong kiến vừa được xây dựng.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 31.1.1992.

24. MIẾU ĐỒNG CỔ

Miếu Đồng Cổ, ở xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Tương truyền miếu thờ thần Đồng Cổ có từ đầu công nguyên (thời Hai Bà Trưng). Đến thời Lý (thế kỉ 11) việc thờ thần Đồng Cổ được ghi vào quốc sử. Trải qua năm tháng biến động, hiện miếu còn lưu giữ những sắc phong sớm niên hiệu Bảo Hưng nguyên niên (?). Đời Tây Sơn, miếu nằm ngay ở đầu làng Nguyên Xá gồm có cổng gạch, hồ bán nguyệt, sân gạch vuông, nhà tiền tế 5 gian tường hồi bít đốc, phương đình, hai dãy giải vũ song song với hậu cung. Thời thuộc Pháp hậu cung bị phá chỉ còn nền móng nên phương đình trở thành cung cấm.

Miếu Đồng Cổ đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 21.01.1989.

25. ĐỀN ĐỒNG NHÂN

Đền thờ Hai Bà Trưng còn gọi là đền Trưng Nữ Vương hay đền Đồng Nhân ở xã Đồng Nhân, huyện Thanh Trì, nay là phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, nước Việt bị nhà Tây Hán đô hộ (110 trước Công nguyên) năm 39 Thái thú Giao Chỉ là Tô Định tham lam, tàn ác lại giết hại Thi Sách, con một lạc tướng, là chồng của Trưng Trắc. Bà cùng em là Trưng Nhị nổi lên đánh đuổi Tô Định. Dân chúng các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố nổi lên hưởng ứng, thu được 65 thành trì ở Lĩnh Nam, tự xưng làm vua.

Năm 41 sau Công nguyên, vua Hán sai tướng là Mã Viện đem quân sang đàn áp. Hai Bà chống không nổi phải rút về Cẩm Khê sau đó thua và tự vẫn.

Trong kí ức của người Việt Nam, Hai Bà là những anh hùng có công với nước nên đã được nhân dân nhiều nơi lập đền thờ ca ngợi công đức.

Đền Hai Bà ở Hà Nội được dựng vào năm 1142 dưới triều vua Lý Anh Tông. Hai bà quê ở huyện Mê Linh, đất Phong Châu. Chị là Trưng Trắc, em là Trưng Nhị. Bấy giờ, thái thú Tô Định tàn bạo, giết hại chồng bà là Thi Sách. Hai Bà liền dấy quân khởi nghĩa lấy được 65 thành trì ở Lĩnh Nam. Về sau, nhà Hán sai Mã Viện sang đánh, Hai Bà

không chống nổi phải rút về giữ đất Cẩm Khê, sau cùng lên núi Thường Sơn rồi hoá. Một thuyết khác nói rằng Hai Bà cùng nhảy xuống sông Hát Giang tự vẫn, sau đó khí thiêng hoá thành hai tảng đá trắng trôi trên sông Hồng về bến bãi Đồng Nhân, đêm thường phát sáng rực rỡ. Dân làng thấy vậy, bèn lấy vải đỏ rước tượng vào bờ và lập đền thờ Hai Bà ở ngay bãi Đồng Nhân ven sông. Tương truyền tượng đầu đội mũ trụ, thân mặc áo giáp, hai tay giơ cao chỉ lên trời. Vua đã phát hai đôi ngà trang trí và hai pho tượng voi để thờ Hai Bà. Đến thời Chính Hoà (Lê Hi Tông) (1676 - 1705) có sắc phong "Lĩnh Nam liệt khái, thạch hoá chân dung" (nghĩa là đấng nghĩa liệt khảng khái đất Lĩnh Nam dung mạo kết tinh thành đá).

Do bãi sông bị lở dần, đền có nguy cơ bị đổ, dân phải dời về xã Đại Từ. Đến năm Gia Long 17 (1818) đền mới được chuyển vào tại thôn Hương Viên, trên nền khu Võ Sở (thời Lê dùng làm nơi luyện và thi võ). Dân làng Đồng Nhân ở ngoài bãi cũng di chuyển vào đó và thờ cúng Hai Bà, đền vẫn được gọi là đền Đồng Nhân.

Khu đền thờ hiện nay được chia làm hai phần: đền thờ Hai Bà và chùa thờ Phật. Đền thờ Hai Bà được xây theo kiểu "nội công ngoại quốc". Toà bái đường gồm 7 gian, mái dài rộng, bên trong có nhiều đồ thờ cúng. Gian ngoài có tượng hai con voi đen, một cái khánh bằng đồng thau, một bia đá

dựng năm 1840 dưới thời Minh Mệnh do tiến sĩ Vũ Tông Phan viết. Gian giữa có nhiều điêu khắc gỗ. Gian trong là nơi thờ cúng Hai Bà. Trên bệ đá cao khoảng một mét là tượng Hai Bà bằng đất luyện, tư thế ngồi, hai tay chỉ lên trời, mặc áo lụa vàng và đỏ. Hai bên là tượng 12 nữ tướng.

Bên cạnh là Miếu Quan Hoàng thờ Tam toà Thánh Mẫu và chùa thờ Phật đều được trưng bầy các đồ thờ cúng.

Đền có một bia, chùa có 9 bia.

Lễ hội đền Hai Bà: mồng 6 tháng giêng ngày vua Bà đăng quang; mồng 6 tháng hai, ngày hội lớn, hội chính. Mồng 1 tháng 8: ngày thánh đản (sinh nhật). Mồng 8 tháng 3: ngày thánh hoá. Trước ngày lễ chính từ ngày mồng 4 tháng 2, dân làng bắt đầu tế lễ nhập tịch. Mồng 5, lễ rước nước, hàng trăm người rước kiệu, bơi thuyền ra giữa sông lấy nước, nấu trầm hương rồi tắm tượng và thay quần áo. Việc dâng cúng rượu và trà vào hậu cung theo tục lệ cổ truyền thuộc về các lão bà. Lễ hội diễn ra rất tưng bừng, có rước kiệu, múa rồng, đấu cờ, đấu võ... Hội đền Hai Bà là một trong những hội lớn có tiếng ở kinh đô Thăng Long.

Hạ Lôi là quê hương của Hai Bà. Hát Môn là nơi tụ nghĩa, tế cờ và khởi nghĩa. Phụng Công là nơi Hai Bà đóng quân. Đồng Nhân là nơi rước được tượng hoá đá của Hai Bà. Bốn làng này trước đây

có tục kết nghĩa vì cùng chung thờ Hai Bà. Đây là một phong tục đẹp có ý nghĩa đoàn kết các nơi xoay quanh hai nữ anh hùng dân tộc.

Văn bia của tiến sĩ Vũ Tông Phan dựng trước cửa đền đã nói lên được lòng tôn kính của cả dân tộc với Hai Bà:

"Ôi trí tuệ biết nhường nào! Tài giỏi biết nhường nào! Nghĩa liệt và khí khái biết nhường nào! Chị em một nhà, anh hùng nghìn thuở. Có lẽ trong nữ giới chưa bao giờ có người như thế mà cũng là việc hiếm có trong dòng họ nhà tướng.

Việc làm của trượng phu không thể lấy thành hay bại để luận bàn. Việc làm của Hai Bà cũng không nên lấy thành bại mà luận bàn. Nghìn đời sau đọc sử xưa khiến ta càng tăng khí phách".

Đình, (chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 28.4.1962.

26. MIẾU HAI BÀ TRƯNG

Di tích thuộc phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại làng Đồng Nhân, huyện Thanh Trì xưa có lập đền thờ Hai Bà Trưng ở bãi sông. Về sau sông lở, dân làng chọn được một nơi ở vào miếu cũ, thuộc thôn Hương Viên, huyện Thọ Xương, được

ban cấp 6 mẫu đất, để lập đền, làm nơi hương đèn thờ phụng.

Đền được lập đầu tiên ở bãi sông, sau này đã lập đền ở phía trong nhưng nhân dân Đồng Nhân Châu vẫn cứ lập nên ngôi miếu để thờ Hai Bà như cũ. Hàng năm vào ngày hội mồng 5 tháng 2 âm lịch, dân làng Đồng Nhân tổ chức rước kiệu Hai Bà ra bờ sông, chỗ làng Đồng Nhân gốc, dừng kiệu tại miếu Hai Bà, đem đôi choé xuống thuyền bơi ra giữa dòng sông lấy nước về làm lễ tại miếu. Đến ba giờ chiều, sau khi làm lễ ở miếu Hai Bà lại rước về đền Đồng Nhân, tắm tượng mồng 6. Khi đền Đồng Nhân làm lễ thì dân bãi cũng làm lễ Hai Bà ở mức độ đơn giản hơn.

Kiến trúc nghệ thuật: miếu gồm có tam quan, sân, nhà tiền tế, hậu cung. Trong miếu còn nhiều di vật như hương án chân quỳ dạ cá, sập thờ, long ngai, bài vị long đình, đại tự, tam sự, đồ lễ bộ, bát hương đá, chuông đồng...

Miếu đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 5.2.1993.

27. ĐỀN ĐỐNG NƯỚC

Đền Đống Nước thuộc phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội.

Tương truyền xưa kia vùng đất thuộc đền có những cột nước từ dưới đất phun lên như một đống nước, vì vậy có tên là đền Đống Nước. Theo thuyết phong thuỷ, đất này nằm trên vòi con rồng nên mỗi khi trở trời nước lại phun lên, nên dân ở đây đã lập đền để thờ. Theo ngọc phả ghi chép thì nơi đây có một người con gái sinh ra khác thường là Ngọc Nương, khi nàng hoá, trời xám, mưa to, nước sông dâng (vào ngày 17 tháng 8). Từ đó đất này có nước dâng, các khách thương qua lại thấy linh thiêng, bèn lập miếu thờ Ngọc Nương công chúa. Đến thời Trần Anh Tông, khi vua cầm quân đánh giặc Nguyên có dừng lại và đã mộng thấy người con gái nói là con gái Long Vương xin theo để ngầm giúp vua đánh giặc. Khi toàn thắng trở về vua cho sứ đến dụ dân ở trại Đống Nước tu sửa miếu thờ, phong thần hiệu là "Nữ Bạch Ngọc Hồ, thuỷ tinh lân tinh công chúa" để dân thờ cúng.

Theo lời truyền lại, đền được lập từ lâu đời, song khảo sát kiến trúc còn lại thì ngôi đền được đại tu dưới thời Nguyễn. Kiến trúc còn lại chủ yếu là thời Nguyễn. Đến năm 1954 nhân dân ở đây góp tiền để tu tạo.

Đền nằm trên một khu đất bằng phẳng thuộc làng Ngọc Hà, bên phải là nhà máy bia Hà Nội, bên trái là đình Hữu Tiệp, đình Ngọc Hà, chùa Bát Mẫu. Phía sau đường Hoàng Hoa Thám là vùng Thuỵ Khuê sát Hồ Tây. Ở phía đông nam là đình

Đại Yên, tây nam là đình Liễu Giai, có thể nói đây là vùng có nhiều di tích cổ của thủ đô. Xung quanh đền có nhiều cây cổ thụ. Đền được xây trên mảnh đất hẹp, ngoài cửa đền có hồ vuông rộng tới 3 sào. Đền gồm có tam quan, sân vườn, tả mạc hữu mạc, đền chính và hậu cung.

Tam quan có 2 trụ biểu to, cửa chính làm kiểu 2 tầng mái giả chồng diêm có góc uốn cong và 2 cửa 2 bên cũng làm mái giả chồng diêm nhưng thấp và nhỏ hơn.

Tả mạc gồm 5 gian, làm nhà khách và hội họp.

Hữu mạc (nơi thờ bà Chúa) là dãy nhà 3 gian với hai nếp tạo thành chữ nhị, kiểu vì kèo trốn cột hai lớp mái. Liền với tả hữu mạc có hai lầu thờ tứ phủ cô và tứ phủ cậu.

Đền chính gồm 3 nếp nhà tiền đường, trung đường nằm song song và hậu cung ở sau nối liền trung đường. Trong toà trung đường, bên phải có tượng Đức Ông, bên trái có tượng Quan Âm nghìn tay nghìn mắt, đặt trong khám. Ở chính giữa có bàn thờ ông Hoàng Bảy và ông Hoàng Mười.

Hậu cung nối với trung đường thờ tam toà thánh Mẫu, tượng đặt trong khám sơn son thếp vàng lồng kính.

Tất cả nhà khám thờ, cửa võng, nhang án đều được chạm trổ tinh xảo.

Đền Đống Nước có một qui mô kiến trúc bề

thế, từ lâu đã trở thành trung tâm sinh hoạt văn hoá nhân dân địa phương và là nơi hội họp của làng. Đây cũng là một di tích bảo lưu tính chất văn hoá truyền thống giữa các làng trại của vùng nông nghiệp cổ phía tây kinh thành Thăng Long xưa, đang được bảo quản để nghiên cứu về lịch sử, nghệ thuật và làm chứng cho việc phát triển của thủ đô.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích nghệ thuật ngày 11.5.1993.

28. ĐÌNH ĐỨC HẬU (*)

Đình thuộc thôn Đức Hậu, xã Đức Hoà, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Đường đến từ thị trấn Sóc Sơn rẽ tay phải, qua núi Đôi, qua Tam Đảo, (Tân Minh) đến ngã tư Thá (xã Xuân Giang) đi tiếp độ 1km nữa là đến Đức Hậu. Di tích ở cách trung tâm Hà Nội khoảng 40km.

Đình Đức Hậu được xây dựng gần chùa, ở phía tây bắc của thôn Đức Hậu.

Đình Đức Hậu là một công trình kiến trúc gồm tiền đình, đại đình và hậu cung. Tiền đình phía trước cách một sân hẹp đến đại đình. Đại đình và hậu cung có một toà nối tạo thành hình chữ công (I).

Đình Đức Hậu thờ thánh Tam Giang: theo thần phả Tam Giang là anh em Trương Hống,

Trương Hát, quê ở Quế Võ, Bắc Ninh. Thời Tiền Lý có công tham gia chống xâm lược và được nhiều nơi thờ. (Sau khi Lý Phật Tử đánh đuổi Triệu Quang Phục, anh em họ Trương đã tự vẫn ở ngã ba Xà trên sông Như Nguyệt ngày 10-4 âm lịch. Các làng xã ven sông Cà Lồ đều thờ anh em họ Trương và thường gọi là thánh Tam Giang).

Không biết niên đại chính xác xây đình vào năm nào, nhưng theo phong cách chạm trổ ở các mảng cốn, xà và các đầu dư, kẻ bảy thì có thể đình được xây vào thế kỉ 17 và được tu sửa nhiều lần vào các thế kỉ sau.

Đình gồm có nhà tiền tế, đại đình, hậu cung. Tiền tế có 5 gian 2 chái, mái cong, vì kèo theo kiểu 4 hàng chân. Các vì kèo giữa và cạnh có cấu trúc khác nhau, hai vì kèo giữa và cạnh theo kiểu thượng xà chồng giường, kèo suốt luồn cột quân; hai vì bên trốn cột cái, trên chống xà, dưới kiểu tiền dư hậu bẩy. Các gian chái xây bịt, còn các gian giữa để thoáng cả trước sau. Nhà tiền tế chủ yếu bào trơn soi gờ, chỉ chạm ở các đầu con giường, đầu bẩy, thân kẻ. Đại đình là 3 gian 2 chái với mái đao uốn cong, kết cấu vì kèo 6 hàng chân, tổng số 48 cột lớn nhỏ. Đại đình trước đây có sàn nhưng nay lát gạch, dấu tích sàn chỉ còn các lỗ mộng. Kết cấu vì kèo: 2 vì giữa thượng chồng xà con nhị, câu đầu gối cột có đầu dư; trung xà kẻ đấu xà nách, tiền kẻ hậu kết liền với phần ống muống; hai vì cạnh

thượng giá chiêng, hạ trung kẻ trường, trên có dong đỡ hoành.

Phần ống muống có 2 gian nối với hậu cung, thiết kế vì giữa kiểu quá giang, trên giá chiêng, ở dưới có xà tạo mái diêm dưới (phần này kiểu chồng diêm).

Hậu cung có 3 gian, đầu hồi bít đốc tay ngai, mái trước chồng diêm 2 mái băng diêm giải muống; mái sau 1 mái, kết cấu đơn giản theo vì kèo hai cột chính và 1 cột phụ phía trước, phía sau có gác tường.

Nền đình vì giữa giải muống nâng cao hơn đại đình 80cm, có hai lối lên làm thêm 3 bậc. Hậu cung trên nóc có ghi Duy Tân nhị niên (1908) không rõ mới có hậu cung hay tu sửa. Về nghệ thuật chạm chủ yếu là ở đại đình, với các mảng chạm nổi bong kênh kiểu rồng có tai và nhiều thú như chuột, hươu, sóc, các loại đầu rồng mình thú với hình người trên đầu rồng, phụ nữ cưỡi rồng, v.v... có một số́t trang trí hoa lá cách điệu. Nhìn chung về nghệ thuật, đình Đức Hậu còn giữ được những mảng đẹp trên kiến trúc ít nơi có. Ngoài chạm trổ trên kiến trúc, đình Đức Hậu còn có 1 phù điêu gỗ chạm thánh Tam Giang với mẹ và em gái mang tính cách dân gian.

Đình (và chùa) Đức Hậu đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 10.3.1994.

29. ĐÌNH ĐỨC MÔN

Đình Đức Môn còn gọi là đình Cửa Đông, hiện ở nhà 38B phố Hàng Đường, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đình nằm sát tường hồi chùa Cửa Đông.

Đình trước kia có tam quan ở số nhà 38B Hàng Đường, phía ấy đã xây bịt lại, hiện nay đi vào đình phải nhờ lối tam quan của chùa. Đình Đức Môn có niên đại xây dựng tương đương với chùa Cầu Đông khoảng thời hậu Lê, thế kỉ 16-17. Kiến trúc đình gồm 3 toà nối liền nhau, đều chia 3 gian. Trong đình còn một quả chuông bị đục mất chữ niên hiệu, có lẽ quả chuông đúc năm thứ 8 niên hiệu Cảnh Thịnh (1800).

Đình thờ Ngô Văn Long, một tướng đời Hùng Vương 18. Thuở thanh niên ông là người tinh thông võ nghệ được vua tin dùng và phong ấp ở quê mẹ là làng Thành Quả (nay là Sinh Quả, huyện Thường Tín, Hà Tây). Hồi ở Hoan Châu (Nghệ An) có giặc Hồ Lư, Ngô Văn Long được cử làm tướng đem binh đi đánh dẹp. Thắng trận trở về, ông được phong chức cao nhất trong triều. Sau khi ông mất, làng Thành Quả thờ ông. Đến thế kỉ 11, Lý Thái Tổ lệnh cho các chùa thờ ông làm Long thần.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.9.1989.

30. ĐÌNH GIA LÂM (*)

Đình Gia Lâm ở thôn Gia Lâm, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Di tích nằm phía đông cách Hà Nội trên 20km. Từ Hà Nội qua cầu Chương Dương, cầu Chui rẽ theo đường số 5 đi 15km, rẽ trái đi 4km là đến khu di tích.

Theo truyền thuyết đình thờ Hộ Pháp cư sĩ họ Đặng. Ông sinh năm 26 trước công nguyên. Năm 18 tuổi, cha mẹ đều mất, ông đang học ở Gia Lâm, sau Hán Chiêu Đế cử làm thái thú Giao Châu. Đi đánh giặc, ông phủ dụ bảo ban lễ nghĩa, quân giặc xin hàng. Nhân lúc nhàn rỗi ông quay lại dạy bảo dân điều ân nghĩa, dân chúng đều bái tạ. Đến đời An Đế, Vương Mãng làm loạn, ông đem quân trấn giữ quan ải, bị bao vây, ông phá vòng vây chạy về Long Biên thì mất vào ngày 10 tháng 8 âm lịch. Vua nghe tin, bèn ban sắc cho làm phúc thần, lại cho các quận Cửu Chân, Nam Hải, Nhật Nam, Hải Dương, Gia Lâm cũng rước mĩ tự về thờ. Đình Gia Lâm dựng trên nền lớp học cũ của ông.

Đời Hán được phong Phổ Tế cư sĩ đại vương. Đời Trần phong là Đương Cảnh Thành Hoàng, Hộ Pháp Cư Sĩ Đại Vương. Đời Lê Thái Tổ phong làm Phổ Tế Cương Nghi Anh Linh, ban sắc chỉ cho trang Gia Lâm tu sửa lại đền miếu để thờ phụng.

Đình quay hướng đông, mặt bằng hình chữ nhị (=) gồm đình Thượng và đình Hạ, gồm 5 gian 2

dĩ, hiện nay chỉ còn phần hậu cung mới được tu tạo. Đình còn giữ được nhiều di vật quý: một tấm bia khắc ngọc phả năm Vĩnh Hựu 6 (1740), bộ long ngai, bài vị, kiệu long đình, hoành phi, câu đối, ý thơ, bộ bát bửu.

Đình Gia Lâm (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, nghệ thuật ngày 28.4.1994.

31. ĐÌNH GIA THUỴ (*)

Đình thuộc phường Gia Thuỵ, quận Long Biên, Hà Nội. Thời Nguyễn, thôn Gia Thuỵ thuộc xã Gia Thuỵ, tổng Gia Thuỵ, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Sau cách mạng tháng Tám ba thôn Gia Thuỵ, Mai Phúc, Sài Đồng được sáp nhập làm một lấy tên là xã Tiến Bộ; từ năm 1955 thuộc quận 8. Năm 1965 đổi là xã Gia Thuỵ, hiện nay là phường Gia Thụy, quận Long Biên.

Theo cuốn thần phả còn lưu giữ ở đình do Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn vào năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) thì đình thờ 4 vị tướng của An Dương Vương tham gia cuộc chiến đấu chống xâm lược của Triệu Đà. Do Loa Thành thất thủ, các ngài đã rút chạy về phía nam, tới thôn Gia Thuỵ thì trầm tiết để khỏi rơi vào tay quân giặc. Dân làng đã lập mộ và dựng đình tôn thờ những người đã hi sinh vì nước.

Bốn ngài vốn là 4 anh em tên là: Trung Thành, Đông Lương, Thông Vĩnh và Quý Nương. Trong cuộc chiến đấu ác liệt với quân Triệu Đà, ba vị nam tướng bị thương nặng, trên đường chạy từ Cổ Loa qua đất Thái Đường đến địa đầu làng Gia Thuỵ thì trầm tiết để khỏi rơi vào tay giặc. Người em gái là Quý Nương bèn ôm xác các anh đặt xuống giếng Bưởi gần đó, rồi gieo mình xuống giếng mà tự vẫn để giữ toàn ngọc thể.

Từ đó dân làng Gia Thuỵ lập đền thờ và coi Gò Giếng Bưởi là nơi "Mộ Tổ". Thời Trần phong là thượng đẳng phúc thần. Năm 1972 đình đã bị máy bay B52 của Mỹ phá huỷ. Nay dân địa phương đã góp tiền dựng lại đình theo lối cũ. Trong đình còn có một số di vật quý như kiệu, hương án, sắc phong. Đình và Gò Mộ Tổ được xếp hạng là di tích lịch sử có ý nghĩa giáo dục tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm, giữ vững độc lập chủ quyền của đất nước.

Đình Gia Thuỵ (và Gò Mộ Tổ) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 15.11.1991.

32. ĐÌNH GIÀN

Đình thuộc thôn Cao Đỉnh, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình Giàn thờ Lý Phục Nam là một tướng thời Lý Nam Đế, có công trong cuộc kháng chiến chống quân lương ở phương Bắc và Chiêm Thành ở phía nam. Đình đã được xây dựng từ lâu đời và được tu sửa nhiều lần.

Kiến trúc đình gồm đại đình, một nhà dọc (tương ứng với 3 gian giữa của đại đình) và nhà hậu cung.

Đại đình có 5 gian 2 dĩ, kiến trúc kiểu "thượng chồng giường giá chiêng, hạ kẻ". Nền nhà được tôn cao 50cm. Nhà dọc nối giữa đại đình và hậu cung gọi là nhà thiêu hương, có kiến trúc vì ngoài cùng kiểu kẻ chuyền, 3 vì giữa theo kiểu "thượng chồng giường giá chiêng, hạ kẻ". Gian trong cùng, nâng cao hai tầng mái, kiến trúc giống kiểu phương đình, bốn mái có đầu đao cong đắp hình rồng.

Hậu cung nối liền với nhà thiêu hương gồm 3 vì kèo theo kiểu quá giang, xây có bệ cao để đặt khám thờ.

Về trang trí có những hoa văn được chạm nổi các đầu kẻ ở nhà thiêu hương, đề tài là rồng mây, rồng lá, các giường chạm ván mây, cây lá. Kỹ thuật chạm nổi và chạm kênh bong. Trên bộ vì giường chạm hổ phù ngậm vành trăng, râu rồng tạo thành những hình mác. Hai bức cốn nách chạm tứ linh, đầu rồng nổi cao và hình phượng ngậm hoa, rùa, sen.

Nhìn chung những mảng chạm của đình mang

phong cách nghệ thuật của thế kỉ 19 cộng với những mảng chạm của cửa võng và các đồ thờ tự như án nhang, kiệu đã làm cho ngôi đình thêm vẻ trang nghiêm.

Ngoài những đồ thờ, đình còn một số bia kí thời Lê Cảnh Hưng, thời Gia Long và những lọ sứ cổ có giá trị nghệ thuật.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 27.12.1990.

33. ĐÌNH GIẢNG VÕ

Đình Giảng Võ ở làng Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đình thờ bà Lý Châu Nương, thường gọi là bà chúa Kho, một nữ tướng xuất sắc thời Trần, đã có nhiều cống hiến trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên.

Bà là con ông Lê Quỳnh, người phường Võ Trại, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên (nay là phường Giảng Võ). Thuở còn nhỏ bà được cha mẹ cho theo học ông thầy họ Ngô ở phường Bích Câu, đến năm 16 tuổi đã tinh thông võ nghệ, cưỡi ngựa bắn cung, trí dũng song toàn. Đến năm 22 tuổi bà lấy ông Trần Thái Bảo, hai người về sống ở Hoan Châu (Nghệ An).

Đến đời vua Trần Nhân Tông, giặc Nguyên đem quân sang chiếm nước ta. Trần Thái Bảo cùng Châu Nương đem hai ngàn gia binh chống cự. Bà đã buộc tóc giả nam, đổi y phục, ra lệnh cho vài trăm nữ binh làm quân thị nội, hơn nghìn quân nam phòng giữ phía ngoài, đóng kín các quốc kho, quyết tử không cho giặc vào kho cướp phá hàng tháng trời. Giặc Nguyên không thể nào vào được kho. Vừa lúc đó Thái Bảo trở về, phối hợp cùng đuổi đánh, giặc Nguyên phải rút. Nhà vua cảm phục tài năng của bà, giao cho Châu Nương coi quốc khố, ban thưởng rất hậu và cho ruộng đất ở phường Võ Trại làm ấp thang mộc, phong là "Quân Chưởng Quốc Khố".

Giặc Nguyên lại xâm lược nước ta một lần nữa. Bà cho quân lính canh phòng cẩn mật kho tàng, đánh lại giặc hàng chục trận. Nhưng rồi bà được tin chồng là Thái Bảo chết trận ở Thao Giang ngày 12-7. Ngày 20-7, bà lấy khăn hồng che mặt mà hoá. Tương truyền trong kho có tiếng nổ to như sấm, chỉ thấy còn lưu lại chiếc khăn hồng và hài phượng. Quân lính bèn kính cẩn làm lễ chôn khăn và hài ở ngay đó.

Sau khi bà mất, vua thương tiếc, phong cho bà là "Anh Linh Hiển Ứng Kho Nương công chúa, Chư Khố Đại Vương Phu Nhân Thánh Mẫu" và lệnh cho dân làng Võ Trại lập đình thờ phụng bà mãi

mãi. Dân làng được miễn tạp dịch phu phen, thuế má để chăm lo thờ cúng bà.

Đình hình chuôi vồ, đại bái gồm 3 gian, hậu cung 2 gian. Đình đã được sửa chữa nhiều lần. Có trang trí các hình đầu rồng, cửa võng. Đình còn lưu giữ được các đồ tế khí như: bàn thờ tay ngai, bài vị, kiệu bát cống, long đình. Ngoài ra còn các câu đối, hoành phi và nghê đá, bia đá.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 20.7.1994.

34. ĐÌNH GIAO TỰ

Đình Giao Tự ở thôn Giao Tự, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đình thờ vị vua cuối cùng nhà Lý là Lý Chiêu Hoàng, được gọi là Phật Kim thượng hoàng thái hậu.

Theo truyền thuyết, đình được xây từ rất sớm, đến thế kỉ 17 được trùng tu lớn vào năm Vĩnh Trị nguyên niên (1670). Đến năm 1725, sau một trận lụt lớn, đình lại được trùng tu một lần nữa. Năm Tân Mão, đời vua Gia Long (1821) cũng đã có một lần trùng tu lớn.

Đình dựng trên một khu đất cao, giữa thôn Giao Tự, quay hướng tây-nam. Đình gồm có tam quan, xung quanh có tường bao, hai bên hai dãy

giải vũ. Toà tiền tế đã hỏng từ lâu, nay chỉ còn lại đại đình ở chính giữa, gồm 3 gian 2 chái. Nhà thiêu hương gồm 3 gian, xây kiểu tường hồi bít đốc.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc, nghệ thuật ngày 31.01.1992.

35. ĐÌNH GIÁP NHẤT (*)

Đình Giáp Nhất tên cũ là đình Lý Thôn, ở thôn Giáp Nhất, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Đình thờ Phùng Lương, một vị tướng có tài có công giúp Phùng Hưng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược ở thế kỉ 8.

Đình được xây dựng từ lâu, trải qua năm tháng đã biến đổi nhiều, hiện đình còn có một tấm bia "hậu thần" khắc năm 1812, và một tấm bia khắc năm 13 niên hiệu Tự Đức (1892).

Năm 1952 đình dựng lại hậu cung, năm 1986, 1990 sửa hậu cung, đại bái.

Đình hiện nay có tam quan, sân, ao, đại đình 5 gian và hậu cung 3 gian song song với đại đình thành hình chữ nhị.

Đình (và chùa) Giáp Nhất đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, nghệ thuật ngày 31.01.1992.

36. ĐÌNH HÀ HƯƠNG

Đình Hà Hương còn có tên gọi là đình Giỗ Hương, thuộc thôn Hà Hương, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đình thờ hai vị thành hoàng có công thời Vua Hùng Vương thứ 6 là Thiên Uy đại vương và Minh Uy đại vương. Thần tích kể rằng hai ông đã có tài giúp dân chữa khỏi bệnh dịch, được Vua Hùng phong làm Khâm Thiên đại tướng quân và Minh Nghị triều chính, lại có tài cầm quân đánh giặc Xích Tị (giặc mũi đỏ) được vua ban Thiết chế đại tướng quân và Tham tán mưu sự đại tướng quân. Đặc biệt hai ông lập được công lớn trong cuộc trị nước, được vua phong làm Tổng binh quốc sự đại tướng quân. Hai ông cùng có công lao trong việc cùng Thánh Gióng đánh đuổi giặc Ân. Dẹp xong giặc cũng như Thánh Gióng, hai ông không về triều nhận thượng mã, cùng nhau lên núi về trời, để lại lòng thương nhớ cho dân Hà Hương nơi hai ông sinh ra lớn lên và cứu giúp nhân dân. Vua Hùng rất cảm động nhớ tiếc hai người tôi hiền, có công lớn với nước với dân, bèn cho tiền sửa sang lại cung hội đồng (đình) ở thôn Hà Hương do hai ông đã xây dựng từ trước, để thờ phụng. Nhà vua còn cấp ruộng làm hương hoả, ban quốc tế hàng năm, và phong cho hai ông là thượng đẳng phúc thần, ghi công ơn mãi mãi và truy phong cho: anh là Thiên

Uy đại vương; em là Minh Uy đại vương. Về sau nhà Lê cho làm cầu (giá ngự), ban cờ "lệ triều quốc tế" và bộ Lễ thay mặt nhà vua hàng lễ một năm.

Theo thần tích, đình được dựng từ thời Vua Hùng thứ 6. Căn cứ vào bố cục kết cấu kiến trúc và nghệ thuật trang trí, có thể nói đình đã được dựng từ rất sớm, trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa. Ngôi đình hiện nay còn giữ được phong cách thời hậu Lê, thế kỉ 18. Vào những năm đầu triều Nguyễn thế kỉ 19 đã tu sửa lại toà đại bái, dựng thêm nhà tiền tế ở phía trước đình. Đình được bố cục trên mặt bằng kiểu chữ công, hướng đình quay về phía tây-nam, gồm toà đại đình và hậu cung; tiền tế đã bị phá thời kháng chiến chống Pháp.

Toà đại đình có 5 gian, 2 dĩ, gồm 48 cột, đều kê trên nền tảng đá hình tròn. Mái đình có 4 góc đao cân đối.

Hậu cung có 3 gian với 4 bộ vì làm song song với toà đại đình, nối với đại đình bằng nhà cầu, các vì cấu trúc kiểu "chồng giường". Xung quanh gian giữa có ván che 3 mặt, thành khám thờ. Trần có màn giếng (ván trần) trang trí hoa văn đẹp. Ván hậu vẽ hình tứ linh, hai bên cạnh vẽ hình quan văn, quan võ đứng chầu. Đình còn giữ được nhiều hiện vật quý bằng gỗ, giấy, vải, gốm, sứ, kim loại, đặc biệt là có 53 đạo sắc phong từ năm 1629 đến năm 1925; các hương án, hoành phi, câu đối, long ngai, bài vị.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc ngày 21.01.1989.

37. ĐÌNH HÀ LỖ

Đình Hà Lỗ thuộc thôn Hà Lỗ, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Theo thần tích, đình Hà Lỗ được xây dựng từ đời Hùng Vương thứ 6. Hiện vật sớm nhất ở đình hiện nay là sắc phong niên hiệu Đức Long nguyên niên (1629). Đình dựng trên một thế đất đẹp, mặt bằng hình chuôi vồ. Đại bái gồm 3 gian, hậu cung 3 gian. Kiến trúc còn nhiều dấu ấn mang phong cách cuối Lê - đầu Nguyễn.

Đình thờ thành hoàng là hai anh em Vũ Dực Công và Vũ Minh Công dưới thời Hùng Vương 6. Hai ông đã có công dập tắt bệnh dịch cứu dân trong trang Hà Lỗ, cùng các vùng lân cận, sau đó được vua phong:

Dực Công làm Khâm thiên nguyên soái đại tướng quân.

Minh Công làm Minh nghị triều chính.

Sau hai ông lại có công trong cuộc kháng chiến chống giặc mũi đỏ (Xích Tị) với chức vị:

Dực Công là Thiết chế đại tướng quân.

Minh Công là Tham tán mưu sự đại tướng quân.

Do có công, lại được ban tước nên khi hai ông mất vua truy phong làm thượng đẳng thần cho 42 nơi thờ: ông anh là Thiên Uy đại vương, ông em là Minh Uy đại vương. Hàng năm dân làng Hà Hương, Hà Lỗ và lân cận tổ chức hội tưởng nhớ thành hoàng từ ngày 10 đến 20 tháng giêng âm lịch.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 21.1.1989.

38. ĐÌNH HÀ VĨ

Đình Hà Vĩ ở thôn Hà Vĩ, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Theo thần tích, năm 1426, Lê Lợi cho phép dựng đình thờ 5 vị tướng có công giúp nước là Thuỷ Hải, Đăng Giang, Khổng Chúng, Tam Giang và Đông Hải. Hiện trong đình còn lưu lại được các đạo sắc phong, sớm nhất có niên hiệu Cảnh Hưng 44 (1783).

Đình hình chữ công, toà đại đình 7 gian, 2 dĩ, hậu cung 3 gian. Đình đã qua nhiều lần tu sửa mở mang, lớn nhất vào các năm 1520, 1744, 1900.

Đình thờ 5 vị tướng có công với nước ở các giai đoạn lịch sử khác nhau: Thuỷ Hải, Đăng Giang, Khổng Chúng ở đời Hai Bà Trưng, thánh Tam Giang dưới đời Triệu Việt Vương và ông Đông Hải con ông Đoàn Thượng ở cuối đời Lý đầu đời Trần.

Hàng năm dân Hà Vĩ tổ chức giỗ các vị thành hoàng và ngày hội chung từ 12 đến 30 tháng giêng. Trong hội có đua tài đấu vật, thi dệt cửi, nấu ăn và mở hội xuống đồng thi cấy.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 21.1.1989.

39. ĐÌNH HẠ YÊN QUYẾT

Đình Hạ Yên Quyết có tên thường gọi là đình Cót, thuộc thôn Hạ Yên Quyết, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Đình Hạ Yên Quyết được xây dựng làm nơi thờ phụng Cao Sơn, Quý Minh và Lý Phật Tử. Đình là một công trình kiến trúc tôn giáo có quy mô bề thế, dáng vẻ cổ kính. Đình có kết cấu chữ công, toạ lạc trên khu đất cao ráo, rộng rãi, thoáng mát, ở rìa thôn Hạ Yên Quyết. Ca dao địa phương đã ca ngợi vẻ đẹp của đình:

Đình làm trên mắt hoàng xà
Có gò con nhái nhảy qua bên ngoài.

Đình xây theo hướng nam, có tam quan, đại đình, trung cung, hậu cung.

Tam quan dựng dàn trải theo chiều rộng, đăng đối với kiến trúc đình trên gò con nhái. Hai trụ cột

biểu lớn ở giữa cách nhau 5m, trụ cao 12m, đỉnh trụ đắp nổi 4 con phượng, con rồng quay 4 hướng; phần dưới là hình lồng đèn, bốn mặt đắp hình tứ linh (long, li, quy, phượng). Nối với trụ biểu bên phải là bức bình phong trên đắp nổi hình con thanh long, đối với bên trái đắp bạch hổ. Nối tiếp với bình phong là mái tam quan nhỏ, làm kiểu chồng diêm, 2 tầng 8 mái, mái giả ngói ống.

Đại bái là nếp nhà 3 gian 2 dĩ, xây kiểu "tường hồi bít đốc", mái lợp ngói mũi hài, bờ nóc đắp kiểu chữ đinh; hai đốc mái đắp hình rồng, miệng ngậm bờ nóc, bốn đao mái đắp nổi hình 4 rồng. Bên trong, bộ khung nhà với 6 bộ vì làm theo kiểu "thượng chồng giường, hạ kẻ chuyền - bẩy hiên" mái phân "thượng tứ hạ ngũ", cột gỗ tạo kiểu "thượng thu hạ thách". - Trang trí trên kiến trúc tập trung vào các bức cốn mê với những đề tài quen thuộc như "rồng ổ", "rồng cuốn thuỷ", "long, li, quy, phượng"; "tùng, cúc, trúc, mai". Bốn đầu dư gian giữa chạm lộng kết hợp chạm nổi hình rồng, các bẩy hiên chạm nổi hình hoa lá.

Toà trung cung nối liền với đại bái bởi một gian nhỏ, phía trên đổ trần bằng xi măng, phía trong 3 gian với hai hàng chân cột, vì làm kiểu "chồng giường giá chiêng, cột trốn". Trang trí đơn giản chỉ tập trung vào hai bức cốn phía trong với đề tài "rồng ổ". Hậu cung là nếp nhà 3 gian 2 chái, chạy ngang tạo thành chữ công. Các vì kèo làm kiểu "thượng chồng

giường, giá chiêng, cột trốn; mái lợp ngói mũi hài, bò nóc đắp kiểu hình rồng. Trang trí kiến trúc đơn giản, chủ yếu là bào trơn, đóng bén.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 10.3.1994.

40. ĐÌNH, ĐỀN HÀO NAM

Hào Nam là một làng cổ ở phía tây kinh thành, một trong 13 trại của Thăng Long xưa. Đình, đền thuộc thôn Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đình thờ Linh Lang đại vương thời Lý, có công trong việc đánh giặc và được vua ban thờ nhiều nơi như ở đền Voi Phục.

Đền có tên là đền nhà Bà, thờ Thuỷ tinh công chúa, có nơi gọi là Bảo Hoa công chúa, là người Hào Nam có công trong việc giúp Lý Thường Kiệt lãnh đạo quân dân Đại Việt chống Tống.

Đình và đền Hào Nam được xây dựng vào những năm đầu triều Nguyễn. Đình có quy mô kiến trúc rộng lớn, cảnh quan đẹp. Kiến trúc còn giữ được kiểu dáng cổ, nhiều mảng chạm khắc thời Nguyễn điêu luyện, tinh tế trên các bộ vì bằng phương pháp chạm nổi, chạm lộng các đề tài tứ linh. Đình và đền còn giữ được bức hoành phi, câu

đối, đại tự, hương án, bát bửu, cửa võng, giá văn, long ngai, bài vị, khám thờ, long đình, mũ, rùa, hạc và đồ gốm sứ, đồ đồng là những di vật có giá trị nghệ thuật.

Đình, đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật ngày 3.2.1994.

41. ĐÌNH HOÀ XÁ VÀ MINH NGỤ LÂU

Hoà Xá còn có tên là làng Tó. Minh Ngự Lâu có nghĩa là lầu Ngự Sáng. Di tích nằm giữa làng, bên bờ tả sông Nhuệ, thuộc thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình và Minh Ngự Lâu thờ Bà chúa Tó, còn gọi là Bà chúa Hến và Lê Đại Hành.

Bà chúa Hến (Đô Hồ phu nhân) hay cô gái làng Tó vốn là người rất giỏi mò cua, bắt hến khi xưa. Lê Đại Hành đã dừng chân tại Hoà Xá trên đường hành quân đánh quân Tống để lấy binh lương. Gặp người con gái làng Tó gánh gạo, vua đem lòng yêu mến. Sau chiến thắng, vua về lại Hoà Xá rồi mời nàng đến, phong làm quý phi, dân làng lấy làm vinh dự. Vua lại cấp ruộng đất, tiền của để lập cung điện ở nơi vườn cũ, gọi là "Đô Hồ phi cung". Sau khi vua và bà quý phi mất, dân

làng lập đình thờ nơi ở của bà, dựng lầu "Minh Ngự", nhà cung phi thành miếu điện để thờ 2 người có công với nước, với làng.

Di tích còn lại mang dấu ấn thời Lê khang trang, quy mô bề thế. Kiến trúc còn giữ được phong cách cổ, nhiều mảng chạm khắc đầu bẩy, đầu dư, hoành phi, câu đối, cửa võng, cuốn thư, hạc thờ, tượng bà Đô Hồ, ngựa đá thời Lê, bia đá, thần phả sắc phong, hương án, khám thờ, 2 cỗ long ngai (rất đặc sắc), đôi vẹt, 2 cỗ kiệu bát cống, bát bửu, áo mũ, v.v... là những tác phẩm nghệ thuật đẹp.

Di tích đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, ngày 5.2.1994.

42. ĐỀN HOÀ MÃ (*)

Đền Hoà Mã ở số 3 phố Phùng Khắc Khoan, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Làng Hoà Mã vốn có tên Đổi Mã là nơi vua Lê đến tế Nam Giao thay áo trước khi tiến hành nghi lễ. Thời Lê Trịnh, đây là khu vực điện Canh Y của đàn Nam Giao.

Đền Hoà Mã tương truyền được dựng khi lập làng. Các di vật cổ nhất tại khu di tích cũng xác nhận truyền thuyết trên. Sắc phong sớm nhất ở đền mang niên hiệu Cảnh Thịnh nguyên niên (1794).

Từ khi xây dựng đến nay, đền Hoà Mã được trùng tu sửa chữa nhiều lần, trong đó có một lần trùng tu lớn vào năm Ất Mùi niên hiệu Bảo Đại (1935), vào niên hiệu Tự Đức (?).

Đền Hoà Mã có mặt bằng hình chữ công gồm hai dãy nhà ngang và một ống muống. Đền quay về hướng đông, điện thờ hình chuôi vồ, đại bái gồm 3 gian, hậu cung 4 gian.

Đền Hoà Mã thờ Chúa Liễu. Hàng năm tại đền Hoà Mã mở hội vào ngày thượng nguyên (rằm tháng giêng).

Đền (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 12.12.1986.

43. ĐÌNH HOÀNG

Đình Hoàng nằm ở bên phải trục đường Nguyễn Phong Sắc, gần cầu đá, thuộc xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình có niên đại từ lâu đời, là nơi thờ phụng, tưởng niệm vị tướng tài nổi danh của thời Lý là hoàng tử Đông Trịnh Vương, người đã có công giúp nhà Lý dẹp tan giặc Văn Châu.

Ngôi đình cũ xưa kia được xây dựng trên một khu đất trung tâm của xã Cổ Nhuế. Khi nhà nước

quyết định xây dựng cầu Thăng Long ở vị trí phía nam cầu thuộc xã Đông Ngạc thì lấn vào vị trí ngôi đình. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định dịch chuyển ngôi đình từ địa điểm cũ về địa điểm hiện nay, tháng 3/1986 thì hoàn thành.

Đình Hoàng có kết cấu kiến trúc khác biệt so với kiểu kết cấu chữ đinh thông thường.

Đình Hoàng gồm phương đình và đại bái.

Phương đình là nếp nhà ba gian, xây dựng kiểu cột trụ vuông bằng xi măng, mái lợp ngói mũi hài, bờ nóc đắp kiểu bờ đình, đốc mái đắp nổi hình rồng lá, đầu đao uốn cong; kết cấu vì kèo kiểu "chồng giường, giá chiêng". Các bức cốn hồi chạm khắc đề tài "mai lão hoá rồng", "trúc lão hoá rồng", "rùa chở chữ thọ"; mảng chạm đặc sắc là đề tài "ngũ linh quần hội", "mai, cúc, trúc, tùng".

Toà đại bái xây kiểu "tường hồi bít đốc", mái lợp ngói mũi hài. Bờ nóc đắp kiểu bờ đình, chính giữa bờ nóc đắp nổi hình rồng chầu mặt nguyệt. Đầu đốc đắp hình rồng cách điệu, thân rồng trải dài theo bờ đình, bờ dải đắp gờ, giữa bờ dải, đoạn gấp khúc đắp hình nghê. Bốn đao mái tạo dáng cong hình rồng lá. Nội thất gồm 3 gian 2 chái, nhà xây tường bao, vì kết cấu kiểu "kèo cầu quá giang cột trốn", mái phân "thượng tứ - hạ ngũ", trang trí kiến trúc đơn giản, chủ yếu là bào trơn đóng bén.

Nối liền đại bái với hậu cung là dãy nhà cầu,

kết cấu kiểu vỉ ruồi, hai gian bên để trần, nếp nhà chạy song song với đại bái.

Hậu cung làm kiểu chồng diêm, 2 tầng 8 mái, mái lợp ngói mũi hài, bờ nóc đắp rồng, tám đầu đao hình rồng cách điệu. Hậu cung trổ 4 cửa, cánh cửa tạo kiểu thượng song hạ bản, phần nền bản cửa trang trí đề tài tứ quý, cột chủ yếu là bào trơn đóng bén.

Trong đình còn lưu giữ được nhiều đồ thờ cúng, nổi bật là cỗ kiệu bát cống có niên đại thế kỉ 18-19, 17 đạo sắc phong, đồ đồng, đồ gỗ, đồ đá...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 25.1.1994.

44. ĐÌNH HOÀNG MAI (*)

Di tích thuộc phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Đình thờ Trần Khát Chân (1370-1399) là một tướng thời Trần, có công đánh tan quân xâm lược Chiêm là Chế Bồng Nga. Hoàng Mai là đất điền trang của ông. Sau khi ông mất ở Tây Đô (thành nhà Hồ, Thanh Hoá) ông được nhân dân ở điền trang thái ấp phụng thờ làm thành hoàng.

Đình gồm có tiền đình, đại bái, nhà cầu và cung đình được trang trí hình "lưỡng long chầu nguyệt", các bộ vì mang phong cách kiến trúc thời

Nguyễn. Trong đình còn nhiều hiện vật quý như voi đá, ngựa, đại tự, cửa võng, hương án, long ngai, bài vị, tượng, cồng chiêng, bát bửu...

Đình Hoàng Mai (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật ngày 5.2.1994.

45. ĐỀN HOÀNH SƠN

Đền thuộc xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đền Hoành Sơn, một công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng của làng Vĩnh Thịnh, là nơi thờ Liễu Hạnh công chúa đã âm phù cho Phạm Xa (hiện nay thờ trong đình) giúp Lê Lợi đánh thắng giặc Minh và chặt đầu Liễu Thăng ở Lạng Sơn.

Đền Hoành Sơn toạ lạc trên một khu đất cao ráo giữa khu vực cư trú của làng, đền quay về hướng đông nam. Từ ngoài vào đền gồm có tam quan, 2 nhà tả hữu mạc rồi đến tiền tế, ống muống và hậu cung. Tam quan xây dựng đơn giản theo kiểu tam quan trụ. Trên cùng mỗi cột trụ là hình quả dành, phía dưới là phần lồng đèn. Bên trong 4 ô hình chữ nhật của lồng đèn trang trí đắp nổi hình tứ linh (long, ly, quy, phượng), 2 bên là hai cửa giả. Qua tam quan là đến sân đền, liền với sân là 2 nhà tả hữu mạc làm theo kiểu đầu hồi bít đốc, kèo quá giang, bào trơn đơn giản.

Nhà tiền tế: gồm 5 gian, 6 hàng chân cột; kết cấu vì kèo làm theo kiểu "thượng chồng giường hạ kẻ và bẩy hiên". Trang trí trên kiến trúc khá đẹp và công phu, nghệ thuật chạm trổ được thể hiện: chạm lộng hình rồng mây, hoa lá trên vì gian giữa và 2 gian bên; 4 đầu dư của 2 vì kèo gian giữa được chạm thủng kết hợp với chạm lộng hình đầu rồng. Các bức cốn được trang trí bằng nhiều màu sắc khác nhau, có bức cốn chạm tứ linh, có bức cốn nghệ nhân mượn hình tượng nghệ thuật dân gian để nói về sự kiện lịch sử khác có liên quan tới nhà Trần. Đó là bức cốn ở một góc có đuôi ngựa hiện dưới chân cột cờ, phía trong là 2 người đấu kiếm, ở giữa bức cốn là ngai vàng bỏ không, phía trên có lọng che, xa xa là 2 quan văn võ đứng chầu ngai vàng, cuối bức cốn là anh lính tốt đỏ, hông đeo kiếm, 2 tay khẩn trước ngực chầu và 1 người lính cầm cờ, 2 người đứng bên cạnh, 1 tăng ni mặt mũi phúc hậu, xa xa là ngôi tháp cổ. Đây có thể miêu tả đến sự kiện vua Trần Nhân Tông sau khi chiến thắng quân Nguyên, đã rời bỏ ngai vàng lên núi Yên Tử tu hành? Trong các ngôi chùa Việt Nam chưa thấy có ngôi chùa nào nói lên việc này, đền Hoành Sơn lại miêu tả, phải chăng đó là sự kết hợp hài hoà giữa Phật giáo và Đạo giáo?

Ngoài ra còn các bức cốn chạm mô tả thế giới thần tiên, sự tích người tiều phu, v.v... đó là những mảng chạm khắc đẹp tiêu biểu cho nghệ thuật

kiến trúc cổ Việt Nam cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19. Chúng ta gặp những bức cốn chạm thể hiện thế giới con người, thế giới thần tiên đầy sức hấp dẫn, huyền bí của đạo tiên trong một ngôi đền cổ.

Ống muống (hay nhà cầu) 3 gian kết cấu đơn giản, chủ yếu bào trơn kẻ soi, gian giữa ống muống hiện còn 1 hương án gỗ sơn son thếp vàng chạm lộng và chạm thủng với đề tài vân mây, hoa lá, mây lửa với các trang trí đắp nổi cảnh mây núi bố cục đăng đối.

Hậu cung làm khá kín đáo, các cửa bằng gỗ kết cấu khá đơn giản theo kiểu "kèo cầu quá giang". Bên trong có 3 khám thờ và tượng công chúa Liễu Hạnh sơn son thếp vàng.

Đền Hoành Sơn còn lưu giữ nhiều đồ thờ bằng gỗ, sứ, v.v... và các mảng chạm mang phong cách cuối Lê đầu Nguyễn có ý nghĩa và giá trị thẩm mĩ.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.10.1991.

46. ĐÌNH HOÈ THỊ (*)

Đình Hoè Thị thuộc thôn Hoè Thị, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình thờ thành hoàng là Phan Ông Tây Nhạc và vợ là Hoa Dung (vợ thứ ba). Ông là danh tướng

đời Hùng Duệ Vương, vốn gốc người Hà Trung, Châu Ái đã lập được công trạng trong sự nghiệp bảo vệ nước Văn Lang. Bà có công giữ thành, tiếp tế quân lương.

Tương truyền đình Hoè Thị có từ rất sớm. Hiện nay di tích còn giữ được 31 đạo sắc phong của các triều đại; sớm nhất là đạo sắc niên hiệu Vĩnh Thịnh 6 (1710). Các bức chạm khắc di vật trên kiến trúc cho thấy di tích có niên đại sớm nhất khoảng thế kỉ 17.

Đình có nghi môn, gò ngũ nhạc (tiền) và hậu tam tỉnh (ba giếng ở phía sau). Đình có mặt bằng "tiền - nhất; hậu - đinh".

Tiền tế và đại bái 5 gian, hậu cung 1 gian.

Đình (đền) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 9.1.1990.

47. ĐỀN HƯƠNG GIA

Đền Hương Gia ở thôn Hương Gia, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Ngôi đền trước kia xây dựng ở cánh đồng Lễ, xa làng tới 1km, sau đó mới chuyển về vị trí giữa làng như hiện nay.

Đền thờ anh em Trương Hống, Trương Hát, Trương Lừng, Trương Lẫy và cô em gái Đạm Nương.

Anh em Trương Hống có công tham gia cuộc kháng chiến chống giặc Lương, được Triệu Việt Vương phong: Trương Hống là Thượng tướng quân, Trương Hát là Tả tướng quân; Trương Lừng là Hữu quân.

Khi mất các ông được phong làm thánh Tam Giang, được thờ ở nhiều nơi.

Vua Lê Đại Hành phong mỹ tự: "Linh Ứng Tôn Thần".

Trong đền còn giữ được đạo sắc phong năm 1740. Đền đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa. Đền hiện nay quay về hướng đông nam, phía sau đền là chùa. Phía ngoài đền có bình phong xây gạch, rồi đến sân. Nhà tiền tế 3 gian 2 chái, phương đình, nhà trung đường 5 gian 2 chái. Nhà cầu có 3 gian, hậu cung 3 gian xây kiểu đầu hồi bít đốc. Di tích còn lại giữ được nhiều mảng chạm khắc, 15 đạo sắc phong và nhiều di vật nghệ thuật thế kỉ 18 - 19.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.3.1990.

48. ĐÌNH HỮU THANH OAI

Đình Hữu Thanh Oai thuộc xã Hữu Hoà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Hữu Thanh Oai là di tích liên quan tới một nhân vật lịch sử thế kỉ thứ 10 là Lê Hoàn, tức vua Lê Đại Hành. Truyền thuyết kể lại rằng vua Lê Đại Hành từ Hoa Lư ra dẹp giặc phương Bắc đã qua đây và cho quân sĩ dừng chân nghỉ tại một gò đất hình con rùa (quy). Dân biết tin, kéo ra chúc tụng, dâng cỗ chay cho vua và xin hộ kiệu, cắm hướng đình để sau này được thờ phụng. Sau khi vua qua đời, để ghi nhớ lại lần vua qua đây, dân đã lập miếu thờ ngài như thành hoàng ngay tại Gò Con Quy. Trong các ngày lễ hội, lễ vật truyền thống vẫn là cơm nắm, muối vừng là món ăn của quân lính nhà vua hồi ấy.

Lê Hoàn là vị anh hùng dân tộc đã dựng lên triều đại nhà tiền Lê. Ông từ một vị tướng giỏi của triều đình, sau khi Đinh Tiên Hoàng mất, nhờ có tài đức nên ông đã được triều đình, quân sĩ và ngay cả thái hậu Dương Vân Nga tôn lên làm vua. Ông đã đánh tan cuộc xâm lược của quân Tống và việc quấy rối biên cương của quân Chiêm Thành ở phía Nam.

Ngôi đình có lịch sử xây dựng từ lâu đời, tuy chưa có niên đại chính thức nhưng trong khi nạo vết lòng ao bán nguyệt tại di tích, dân làng đã tìm thấy nhiều viên gạch cổ có trang trí bông sen ở giữa mà ta thường gặp trong khu di tích Hoa Lư. Trong đình còn ghi hai niên đại khi trùng tu vào năm Kỉ Mão, Thành Thái (1899) và Bảo Đại

(1929). Kiến trúc nghệ thuật còn lại chủ yếu thuộc thế kỉ 19.

Đình còn lưu giữ được nhiều đồ thờ quí giá như 9 đạo sắc phong, sập thờ, long ngai, bài vị, hương án, long đình, kiệu...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, nghệ thuật ngày 15.2.1992.

49. ĐÌNH HUỲNH CUNG VÀ VĂN CHỈ CHU VĂN AN

Đình Huỳnh Cung và văn chỉ Chu Văn An thuộc xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Huỳnh Cung thờ Hồng Bắc đại vương là con Vua Hùng Nghi Vương làm thành hoàng. Theo truyền thuyết Hùng Nghi Vương là Vua Hùng thứ 17, sinh được 2 người con là Uy Mang và Hồng Bắc, sau khi hoá đã được phong thần và nhiều nơi thờ. Đình Huỳnh Cung còn phối thờ Chu Văn An vì ông là người có công với làng Huỳnh Cung xưa và là người danh tiếng trong lịch sử đời Trần. Chu Văn An là một ông quan thanh liêm, khi về làng dạy học có nhiều môn sinh nổi tiếng, nên khi ông mất được ban sắc và lập văn chỉ để thờ. Văn chỉ về sau còn thờ những vị đỗ đại khoa trong huyện.

Đình Huỳnh Cung và văn chỉ Chu Văn An, không rõ được xây dựng vào năm nào nhưng theo

tấm bia có niên đại 1717 và 1757 thì đình được làm từ trước đó. Tổng thể kiến trúc, các dãy nhà ngang dọc đã bị dỡ bỏ, chỉ còn ngôi đình và 2 cây cổ thụ ở sân. Đình có phong cách kiến trúc thời hậu Lê. Tuy qua nhiều lần tu sửa, song vẫn giữ được nhiều kiến trúc cổ. Đình ở trên một gò cao, gồm 5 gian kiểu 4 mái với góc đao cong, mái lợp ngói mũi hài. Trước đây cửa đình là cửa bức bàn nhưng ngày nay chỉ còn giữ được cửa bức bàn ở gian giữa, còn hai gian bên kiểu 2 cánh ngày nay.

Kết cấu vì kèo của đình theo kiểu "giá chiêng, chồng giường bẩy hiên". Các con giường, xà đều được làm tròn và chạm ở đầu các hoạ tiết vân xoắn và những nét mác khoẻ. Về chạm khắc các đầu dư được tạo tác nhiều vẻ, mặc dầu nhìn chung giống nhau và cân đối nhưng đều có nét riêng của từng cái một.

Văn chỉ Chu Văn An.

Hiện nay Văn chỉ Chu Văn An chỉ còn một trụ xây của tam quan cũ. Trong nền của văn chỉ còn lại một tấm bia bị gẫy trên rùa đá, còn đền xưa bị giặc Pháp phá huỷ. Gần đây nhân dân địa phương đã xây dựng lại trên nền cũ.

Ngoài phần kiến trúc còn lại của đình và văn chỉ, các hiện vật còn lại là thần phả, sắc phong, ngai, kiệu và các đồ thờ như chiêng, trống, lư hương v.v... (của đình) và văn chỉ còn giữ được 3 bia đá và 11 sắc phong v.v...

Đình Huỳnh Cung và văn chỉ Chu Văn An là một chứng tích lịch sử và nghệ thuật kiến trúc ghi dấu một làng cổ và về một danh nhân trong lịch sử cho đến nay vẫn được nhắc nhở đến là một tài năng mẫu mực, luôn luôn là tấm gương sáng cho mọi người.

Đình và văn chỉ đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 29.1.1993.

50. ĐÌNH ÍCH VỊNH (*)

Đình Ích Vịnh tên chữ là Thanh Trung Từ, tức là đền Thanh Trung. Đình Ích Vịnh thuộc thôn Ích Vịnh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Theo tấm bia đình Ích Vịnh thì từ xa xưa dân làng Ích Vịnh cùng thờ thành hoàng là Tô Hiến Thành với làng Lạc Thịnh. Đến năm Gia Long 7 (1808) đình Ích Vịnh được xây riêng cho làng Ích Vịnh, từ đó đến nay đình vẫn còn giữ được đại bộ phận kiến trúc lúc khởi dựng. Đình thờ Tô Hiến Thành một người văn võ song toàn, làm quan dưới 2 triều vua: Lý Anh Tông (1138-1175) và Lý Cao Tông (1176-1210). Ông làm quan tới chức Thái phó, Thái uý. Ông được Phan Huy Chú xếp vào số 4 người có công lớn giúp nước đời Lý.

Kiến trúc đình gồm có bình phong, nghi m tả mạc 5 gian, toà đại đình 5 gian xây kiểu "tườ hồi bít đốc", phần hậu cung (chuôi vồ) 4 gian. Ki trúc đã qua một số lần sửa chữa, về cơ bản v mang phong cách đầu Nguyễn.

Đình Ích Vịnh bảo tồn được nhiều hiện vật q mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn n tượng pháp, long ngai, bài vị, kiệu, nhang án, c đồ thờ tự.

Hàng năm ở đình có 2 ngày lễ chính thức v ngày sinh và ngày mất của Tô Hiến Thành (22 và 12-6). Trong những ngày lễ tưởng niệm đó dâ làng không cúng đồ ăn mặn mà chỉ cúng hươn hoa, oản, quả.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông t xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 9.1.1990

51. NGHÈ KEO (GIAO TẤT)

Nghè Keo còn gọi là đền Giao Tất thuộc xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Làng Keo có tên là Cổ Giao, thuộc huyện Long Biên, quận Giao Chỉ, xưa kia là địa bàn quan trọng ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ. Làng này xưa kia có nghề nấu keo da trâu và nghề sơn sơn thếp vàng.

Theo truyền thuyết, nghề thờ Đào Phúc cùng vợ là Tiên Anh, ông bà Đinh Dự và Mân Đường Hoa và quận công họ Đỗ. Bố Đào Phúc là Đào Bột vốn là người Thanh Hoa, nhà nghèo phải đi kiếm sống. Đến Keo gặp bà Nguyễn Thị Lương cùng nhau kết duyên rồi ở lại quê vợ vừa làm ăn vừa dạy chữ. Sau này ông trở thành thầy giáo ở vùng Dâu, Keo. Hai vợ chồng sinh hạ được một con trai đặt tên là Đào Phúc. Đào Phúc là người khôi ngô tuấn tú, thông minh học một biết mười, văn võ song toàn, tài cao chí lớn. Lúc đi thi ông đỗ Tiến sĩ (?) được vua khen là trang tuấn kiệt và vua gả con gái là Tiên Anh cho Đào Phúc. Vào cuối đời Lý có giặc ngoại xâm, vua cử Đào Phúc giữ chức thượng tướng quân đem dẹp giặc ngoài biển cả xa xôi. Về phần mình, Tiên Anh xin lo việc lương thảo cho chồng. Hai người cùng góp phần dẹp tan quân giặc. Sau khi thắng giặc, ông bà trở lại quê hương, bái tổ đường Giao Tất. Hôm ấy ngày 7 tháng 4 trời đất chuyển mình sấm sét nổi lên. Cả hai ông bà cùng hoá ở Cổ Thể (gần Keo) sau đó mối xông lên thành mộ lớn, từ đó dân làng gọi là núi "Bì". Dân địa phương thương tiếc tâu lên vua và tạc tượng lập bàn thờ.

Ông bà Đinh Dự và Mân Đường Hoa (tổ nghề ca trù).

Theo thần phả do Đông các đại học sĩ Đào Cử biên soạn đời Hồng Đức 7 (1476) có ghi: Vào đời Lê

Thái Tổ, ở đạo Trường Yên, Hoa Lư có nhà họ Đinh tên Lễ cùng nhân dân trong vùng theo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh. Ông Đinh Lễ nằm mộng thấy một người xưng là Đông Phương Sóc hiện lên và nói: ta thấy nhà ngươi nhân đức cao đầy, chắc sinh quý tử. Nói xong, bay đi. Đinh Lễ biết có mộng bá triều. Vợ ông có một đêm nằm mộng thấy con rắn xanh quấn quanh người. Từ đó bà có thai và sinh con là Đinh Dự vào ngày 6 tháng 4 Quý Tị. Cậu lớn lên khôi ngô tuấn tú lạ thường, tư chất thông minh, đàn, thơ, cờ, hoạ, hát xướng, tài năng không ai địch được. Nhân ngày tết đi chơi đến chùa Thiên Thai (phủ Thuận An) chàng gặp một người con gái nhan sắc tuyệt trần bèn hỏi, nàng đáp: Em là Đường Hoa Tiên Hải, người động Nga Sơn (đạo Thanh Hoá) lấy việc truyền lời ca tiếng hát làm vui. Hai người kết duyên và đã giúp vua giải khuây, quyết bắt giặc Minh. Vương cảm ơn nghĩa ấy mời cơm vợ chồng rồi thưởng tước. Sau đó Đường Hoa nói với chồng là nhờ vượng khí đất trời, nay hợp duyên lành được cùng chồng đi khắp nước, phổ biến ca trù cho nhân dân, nay đã mãn trần thế, xin tạ ơn chàng, nói xong nàng bay mất. Còn Đinh Dự sau khi bái tạ vương, đập đầu vào cột trụ đá hoá thành rắn xanh. Hôm ấy ngày 13.12. Vương lệnh cho các giáo phường đón mĩ tự, đem về thiết lập đền phụng sự, phong Đinh Dự là Thanh Xà đại vương, Mân Đường Hoa là công chúa và

chuẩn cho giáo phường Giao Tất cũng Lỗ Khê đạo Kinh Bắc và 12 giáo phường các nơi trong nước thờ tự làm tổ nghề ca trù.

Thiếu bảo quận công họ Đỗ, hậu thần của làng. Tấm bia hậu ghi về Thiếu bảo như sau: Đỗ tướng công tên tự là Như Triều, thuỵ là Mẫn Đạt, vốn là trọng thần nước Nam, là danh tướng phương Bắc từng giúp nhà Lý và được phong tặng: tối thượng tướng quân. Khi thấy đình, chùa 2 làng Giao Tất, Giao Tự đổ nát thấy không an lòng. Năm Ất Tỵ theo ý nguyện của dân, ngài bỏ tiền xây 3 gian 2 chái chùa. Năm Đinh Mùi xây thêm toà thượng điện, tiền đường, hậu đường, hành lang 2 dãy tam quan..., quy mô cực kỳ lộng lẫy. Năm Bính Thìn ngài lại cho 2 làng 200 quan tiền, 2 nén bạc, 6 mẫu ruộng phúc đức, chia cho 10 giáp nhận cấy cày.

Nghề Keo được dựng ở đình làng, có nhiều cây cổ thụ, quay hướng tây - bắc. Kiến trúc gồm tam quan, sân miếu thờ, đại bái, nhà nối phương đình có mái che, là 2 trụ lớn, đỉnh trụ đắp nổi 4 chim phượng chụm đuôi vào nhau, đầu quay 4 hướng; dưới là lồng đèn trang trí tứ linh, thân trụ vuông, 3 mặt gờ nổi ghi câu đối chữ Hán. Từ cổng trụ xây nối hai bức tường nỏ đắp nổi hình 2 ông hộ pháp. Ngoài tam quan có một miếu thờ nhỏ thờ Tứ phủ công đồng.

Đại bái gồm 5 gian xây trên nền cao kiểu

"tường hồi bít đốc". Phía ngoài xây 2 trụ biểu, đỉnh trụ đắp 2 con nghê châu đầu vào nhau, mái lợp ngói mũi hài cổ, bờ nóc đắp 2 con rồng chầu mặt trời.

Phương đình 8 mái 4 góc đao cong, lớp ngói mũi hài cổ, giữa hai mái có hàng chấn song con tiện bằng gỗ. Vì làm kiểu "chồng giường giá chiêng" trốn cột.

Hậu cung 3 gian xây kiểu "tường hồi bít đốc tay ngai". Hai hồi xây 2 trụ biểu, đỉnh trụ đắp hình trái dành, vì kiểu "chồng giường giá chiêng". Hậu cung đặt 3 bệ thờ. Bệ thờ chính thờ Đào Phúc - Tiên Anh công chúa. Bên trái thờ ông bà Đinh Dự và Mân Đường Hoa. Bên phải thờ Mẫu và hậu thần.

Nghè đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, nghệ thuật ngày 21.6.1993.

52. ĐÌNH KHƯƠNG HẠ (*)

Đình Khương Hạ gọi tên nôm là đình Gừng, thuộc thôn Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Theo lời truyền kể của dân làng, đình Khương Hạ được xây dựng từ khá sớm, bản sắc phong sớm nhất ở đình ghi niên đại Đức Long 5 (1633) cho thấy đình ít nhất có từ thế kỉ 17. Từ đó đến nay,

đình Khương Hạ qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, mở mang.

Đình thờ vị thành hoàng là Lê Dương Vệ. Tương truyền ông là một danh tướng triều Lê, có nhiều công lao. Khi nhà Mạc nổi lên, ông đem quân chống Mạc phò Lê. Trong một lần bị quân Mạc tấn công, do quân ít, thế cùng, Lê Dương Vệ đã phò xa giá vua Lê Chiêu Thống ẩn tại đình làng Vòng (sự kiện đã được ghi trong sách *Đại Việt sử kí toàn thư*).

Đình có cổng đình, sân đình, tả mạc, tiền tế, đại bái và hậu cung. Toà tả mạc 3 gian, toà tiền tế 7 gian, đại bái 7 gian, hậu cung 2 gian.

Trong đình Khương Hạ còn giữ được nhiều bộ phận kiến trúc và hiện vật cùng tượng mang phong cách hậu Lê và Nguyễn.

Đình (chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 18.1.1993.

53. ĐÌNH KHƯƠNG THƯỢNG

Đình Khương Thượng thuộc phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Đình Khương Thượng nằm ở trung tâm của làng.

Đình làng Khương Thượng thờ thành hoàng là Phổ Hóa Hoằng Tĩnh Chiêu Cảm đại vương. Tục truyền từ đời xưa, khi thành lập làng, một đêm,

trên trời có hào quang chiếu xuống một cái gò lớn ở ngoài đồng của làng. Dân làng bèn dựng miếu thờ ở đó. Đến đời ông Cao Biền nhà Đường sang đã phong cho thần là Phổ Hóa Hoằng Tĩnh Chiêu Cảm đại vương. Đến đời vua Lý Thái Tổ, khi đắp thành Đại La, một đêm ngủ ở miếu, gặp thần báo mộng. Đến đời nhà Lê đã mở trường thi võ ở đây, truyền đắp một gò lớn gọi là núi Cây Cờ. Khi trong nước có giặc, thần đã âm phù, giúp vua giết giặc. Vua cấp cho 7 mẫu công điền để làm ruộng thờ thần.

Thần đã được triều đình phong 20 đạo sắc, gồm 12 sắc đời Lê, sớm nhất là đời Lê Thần Tông niên hiệu Dương Hoà 8 (1642); 2 sắc đời Tây Sơn; 6 sắc đời Nguyễn, gần đây nhất là năm Khải Định 9 (1924). Bản sao những sắc này do Trường Viễn Đông Bác Cổ sưu tầm năm 1938, hiện nay vẫn còn được lưu trữ ở Trung tâm Thông tin khoa học xã hội.

Phía trước đình là một hồ nước lớn, sân đình được các cây cổ thụ che rợp bóng. Qua sân là nhà phương đình hình vuông, hai mái, các góc có trục lừng chạm khắc hình hoa sen. Các con giường của bộ vì nóc tạo thành các bức cốn chạm khắc hổ phù, rồng mây khá đẹp, các đầu dư cũng là các đầu rồng. Giữa các xà đại thượng và xà đại hạ có tượng con nghê với đường nét nổi khá sinh động. Qua phương đình là toà đại đình 9 gian. Mặc dù nền và mái đình bị hư hỏng nhưng các kiến trúc cổ còn khá nguyên vẹn. Các đầu dư, cốn góc, xà, bẩy hiên

chạm khắc dày đặc các đề tài rồng mây, rồng lá, rồng trúc... Hoà với các kiến trúc cổ là các bức đại tự, hoành phi, nhang án được chạm khắc và sơn thếp rực rỡ, tạo nên một khung cảnh cổ kính. Hậu cung của đình trước kia nối với đại tự thành hình chuôi vồ nhưng đã bị hỏng, nay xây mới cùng với hai giải vũ, không có gì đặc biệt. Ở sân trước cửa đình còn một tấm bia đá dựng năm Khải Định thứ 8 ghi lại việc sửa chữa đình.

Là kiến trúc cổ có niên đại thế kỉ 19 hoà với không gian cây xanh và hồ nước, đình Khương Thượng đã tạo thành một khung cảnh đặc sắc ở ngay giữa thủ đô Hà Nội.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 27.12.1990.

54. ĐÌNH KHƯƠNG TRUNG (*)

Di tích thuộc thôn Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Khương Trung là một làng cổ ngoại thành Thăng Long, của vùng đất Tam Khương xưa (Khương Trung, Khương Thượng, Khương Hạ) tổng Khương Đình. Từ thời Lý, đất là một cứ điểm xung yếu phía nam thành Đại La. Qua các thời Trần, Lê, Tây Sơn, hệ thống luỹ đất thường xuyên được gia cố ở khu vực này.

Theo truyền thuyết, thời Hùng Vương 18, hai võ tướng là Trần Minh và Trần Quang quê ở Vĩnh Phú, lúc ra đời có ánh hào quang phủ khắp người nên đặt tên là Quang và Minh. Hai ông theo Vua Hùng Dực Vương chống lại Thục Phán. Khi Thục Phán thu phục đất, có mời hai ông ra giúp nước. Tuy không thần phục Thục Phán song thấy nước nhà lâm nguy, hai ông đã ra trận và chiến thắng. Khi chiến thắng trở về đi qua vùng Thanh Đàm, thấy cảnh đẹp thuận lợi việc làm ăn, hai ông dừng lại đó dựng nhà, cày ruộng, không ra làm quan cho Thục Phán. Về già hai ông mất, tự nhiên mối đùn lên thành gò. Tại đây dân làng xây hai ngôi miếu để thờ. Cứ đến ngày 5.1 (âm lịch) dân làng tổ chức rước hai ông từ miếu về đình. Ngoài việc thờ hai vị trên, đình còn thờ bà hậu tham Trịnh Thị Quý (quê ở Nam Đàn, Nghệ An). Bà là vợ ông tham tri nhà Trịnh, bà để tâm làm phúc cho đình và chùa do đó sau này bà được tôn thờ. Đình còn lưu giữ được hai sắc phong thời Lê (1652) và Quang Trung (1791).

Đình dựng trên nền đất cao, mặt bằng đình hình chữ đinh. Trên mái đắp hình rồng chầu mặt trời, các bờ giải điểm xuyết hoa văn chữ triện, hình rồng. Kết cấu vì nóc của gian giữa kiểu chồng giường, các vì bên kiểu giá chiêng. Các bức cốn nách làm kiểu kẻ. Nhìn chung đình không chạm trổ nhiều, thỉnh thoảng có điểm xuyết đôi nét các mô típ bàn đèn, sách, lộc bình, ngũ quả, đào, trúc, v.v...

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, văn hoá ngày 16.12.1993.

55. ĐÌNH KIỀU NHỊ

Di tích thuộc thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình thờ thần Bạch Hạc Tam Giang là người có công đánh giặc bảo vệ vương triều Hùng Duệ Vương, hồi đầu công nguyên. Ông tên là Đào Trường, được phong làm Thổ lệnh thống quốc đại vương, thống lĩnh thành Phong Châu trấn giữ thành Bạch Hạc, chức quốc thống trưởng lệnh đô đại Lạc Long hầu đại tướng quân. Ông chỉ huy đội quân Văn Lang đánh tan cuộc xâm lược thứ hai của giặc phương Bắc, rồi dẹp loạn ở Hồng Châu (Hải Dương). Khi từ Hồng Châu trở về ông mất. Nhà vua truyền cho thiên hạ, các sở tại, các nơi hành cung đều lập miếu thờ, cộng lại là 72 nơi và ban mĩ tự là: "Thượng đẳng phúc thần, vạn cổ huyết thực, dữ quốc đồng hưu, vĩnh vi hằng thức". Sau đó vua còn lệnh truyền cho thành Phong Châu, thuộc đất vùng Bạch Hạc Tam Giang, Quán Tam lập miếu thờ và đắp tượng Thổ Lệnh và Thạch Khanh (?) tay cắp long đao, đứng trong quán giữa miếu thờ.

Di tích hiện nay quay về hướng đông nam gồm các bộ phận kiến trúc là giếng, sân, giải vũ, đại

đình. Đại đình 5 gian, đầu hồi bít đốc, mái lợp ngói ta, mặt bằng 6 hàng chân. Vì làm kiểu "chồng giường, giá chiêng, bẩy hiên". Trang trí tập trung vào phần mái và các cốn mê, đề tài tứ linh, tứ quí, cửa võng trang trí lưỡng long chầu nguyệt.

Di tích còn bảo tồn được nhiều di vật có giá trị: bát bửu, chấp kích, sập thờ, long ngai, bài vị, hạc đồng, lư đồng, 7 tấm bia hậu (có tấm bia Cảnh Trị nguyên niên), các đạo sắc phong, bệ đá, thềm bậc, v.v...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 20.7.1994.

56. ĐÌNH KIM GIANG

Đình Kim Giang còn gọi là đình Lưu Cầu, thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Kim Giang có qui mô kiến trúc vừa phải, mặt bằng hình chữ công, đình quay về hướng tây nam.

Nhà đại bái gồm 5 gian theo lối "đầu hồi bít đốc", bộ vì kèo kết cấu giá chiêng kê đấu rất chắc chắn và nhẹ nhàng thanh thoát. Hoa văn trang trí chủ yếu là các loại hoa văn truyền thống như rồng phun mây, long cuốn thuỷ, cá hoá long, tứ linh, hổ phù, chùm hoa, cúc trúc, đao mác xen lẫn hoa văn mây, nước.

Hậu cung là một ngôi nhà vuông với kết cấu vì kèo tám mái lợp ngói ta chắc, khoẻ, thanh thoát.

Theo thần phả còn giữ được tại đình cho biết đình thờ tướng Mạo Giáp Hoa. Ông sinh vào thời vua Lê Anh Tông (1557-1573) trong một gia đình họ Lê ở làng Thiên Bản, xã An Thái. Ông học giỏi thi đình đỗ đầu bảng (?) được cử làm đốc học đạo Sơn Tây, 6 tháng sau phong tham tri bộ Binh. Giặc Chiêm Thành xâm lấn. Ông được cử làm Tổng thống đại thần quân vụ, lĩnh 3.000 quân sĩ đến đạo Sơn Tây đánh dẹp, giặc tan, trên đường dẫn quân về Thăng Long, qua Thường Tín, đến Thanh Trì, qua xã Kim Lũ, đến Chụ Cầu (tức thôn Kim Giang). Ông cho quân nghỉ, mở tiệc ăn mừng cùng nhân dân địa phương. Hôm đó là ngày rằm tháng 7 năm Quý Tỵ. Sau đó ông cử người về Thăng Long báo tiệp còn mình ở lại vui cảnh đồng quê. Thấy làng Chạ, Lư Cầu có địa thế huyết mạch phát người tài đức, bèn ban cho dân làng 300 quan tiền để dựng miếu thờ. Miếu vừa dựng xong thì ông hoá, đó là ngày 12.2 năm Đinh Hợi (1627).

Từ đó nhân dân trong vùng này nhớ ơn ông và thờ cúng ông vào các ngày:

- Ngày 12 tháng 2 là ngày sinh.
- Ngày 15 tháng 7 là ngày thắng trận.
- Ngày 12 tháng 2 là ngày hoá.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, văn hoá ngày 21.1.1989.

57. ĐỀN KIM GIANG

Đền Kim Giang còn gọi là đền Lư Cầu, thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đền nằm cạnh đình và chùa. Theo thần phả và bài vị thờ đặt ở đền Kim Giang hiện nay cho biết đền thờ bà Lê Ngại My Châu, người đã sinh ra Mạo Giáp Hoa, thành hoàng làng đã được thờ ở đình. Bà quê ở làng Thiên Bản, xã An Thọ, Châu Phong sống thời Lê Anh Tông (1557-1573). Nhân dân Kim Giang lập đền thờ bà để ghi nhớ công ơn người mẹ anh hùng đã có công đánh giặc ngoại xâm giữ nước.

Đền ở trên một khu đất cao, quay mặt về hướng tây nam, phía trước đền có một cái hồ khá rộng xung quanh xây tường cao. Hồ trồng sen, chính giữa có một cái gò đất có cây cổ thụ xoè bóng tạo thành một phong cảnh thiên nhiên thơ mộng, liền với hồ là lớp sân rộng, sân được lát bằng gạch bát vuông cổ kính.

Tiếp đến là đền, đền có bố cục mặt bằng hình chuôi vồ gồm nhà tiền tế và hậu cung. Tiền tế 5 gian, xây theo kiểu đầu hồi bít đốc, tay ngai. Bên

trong bộ khung gỗ bố trí 4 hàng cột, vì "thượng chồng giường, hạ kẻ chuyền". Các cột cái gian giữa sơn son thếp vàng trông rất lộng lẫy, các đầu bẩy hiên chạm nổi các hình rồng, mây, chim, phượng, hoa lá, văn mây và vân hình học. Phía trong gian giữa tiền tế là bộ y môn sơn son thếp vàng. Phía trên y môn là hình hai con rồng uốn khúc chầu qua quả cầu lửa, hai bên y môn là đề tài tứ linh: long, li, qui, phượng, được chạm lộng kết hợp với chạm thuỷ.

Hậu cung nối liền với tiền tế sử dụng bộ vì 4 hàng chân, bố trí kiểu "thượng chồng giường, hạ bẩy hiên". Các con giường chạm nổi đề tài rồng, núi văn mây, đao mác, mặt hổ phù, các đầu bẩy chạm nổi đề tài hoa lá, vân hình học.

Đình và đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, văn hoá ngày 21.1.1989.

58. ĐÌNH KIM LIÊN

Đình Kim Liên trước đây thuộc địa phận phường Kim Hoa, sau thuộc phường Đông Tác, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, nay thuộc phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Đình Kim Liên cũng được gọi là đền Kim Liên.

Đình thờ thần Cao Sơn. Theo truyền thuyết thì Cao Sơn là một trong 50 người con của Lạc

Long Quân và bà Âu Cơ, đã theo cha lên núi. Thần là thần núi đã có công giúp Sơn Tinh đánh thắng Thuỷ Tinh. Thần cũng có công giúp vua Lê Tương Dực dẹp loạn khôi phục nhà Lê. Vua Lê cho xây dựng đền và dựng bia "Cao Sơn đại vương thần từ bi minh". Tương truyền tấm bia đó vốn dựng ở huyện Phụng Hoá (Nho Quan), đến đời Hoằng Định (1600-1619) nổi lên ở Bồ Đề, đã được dân làng Kim Liên kéo về dựng ở di tích hiện nay.

Phía trước đình có một cổng gạch gồm 2 trụ, bên trên là 2 con nghê. Tiếp sau cổng là một sân gạch rộng, hai bên có hai dãy giải vũ, mỗi dãy có 3 gian. Tam quan và đình được xây trên một gò đất cao hơn. Từ sân phải bước lên thềm qua 9 bậc gạch, xây bằng gạch vồ. Hai bên thềm có hai sấu đá thời Lê, hướng ra phía cổng.

Tam quan của đình là một nếp nhà 3 gian, xây kiểu tường hồi bít đốc. Bốn góc tường hồi có 4 cột trụ. Bốn bộ vì đỡ mái được làm theo kiểu "chồng giường, giá chiêng, cột trốn". Các con giường được chạm nổi hình mây cuốn. Câu đầu và hai bẩy của hai vì ngoài được chạm bong kênh và chạm lộng nhiều lớp các hình phượng, rồng, long mã...

Đình được bố cục theo chữ "đinh" gồm bái đường và hậu cung. Bái đường đến nay chỉ còn dấu vết là một nền đất cao và những tảng đá kê chân cột. Hậu cung còn đến ngày nay là một nhà dọc 3

gian, xây gạch trần. Gian ngoài xây bệ gạch, đặt hương án sơn son thếp vàng, có chạm thủng và chạm nổi các hình hổ phù, bát bửu, long mã tranh chầu, tứ linh, tứ quý... Bên phải gian ngoài có 2 long ngai thờ thần Cao Sơn đại vương. Long ngai thần Cao Sơn có mặt đáy hình vuông có nhiều lớp theo kiểu "chân quỳ dạ cá", các lớp trên được chạm thủng hình hoa dây. Ở gian ngoài cũng có long ngai thờ hai nữ thần phối hưởng là "Thuỷ Tinh đệ tam tôn nữ Đông Hổ Trưng Vương mẫu" và "Huệ Minh phu nhân" (bài vị từ đền khác đưa đến, cũng không rõ sự tích).

Đình còn giữ được 39 đạo sắc phong, gồm 26 đạo thời Lê Trung Hưng , 13 đạo thời Nguyễn, cổ nhất là sắc phong năm Vĩnh Tộ thứ hai (1620). Đền có 4 câu đối và 2 tấm bia đá. Bia "Cao Sơn đại vương thần từ bi minh" ghi lại công lao của thần Cao Sơn giúp vua Lê dẹp loạn do Thượng thư Lê Tung soạn năm 1510, Đông Các đại học sĩ kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu soạn năm Hồng Thuận thứ 2 (1510). Bia hai mặt, chạm rồng và hoa mây. Toàn văn chữ Hán, khắc chân phương, gồm 47 dòng, khoảng 100 chữ.

Đình Kim Liên ở phía nam thành Thăng Long thờ thần Cao Sơn cùng với thần Bạch Mã phía đông, thần Trấn Vũ ở đền Trấn Vũ phía bắc và thần Linh Lang ở đền Voi Phục phía tây, đã họp thành "Thăng Long tứ trấn", tạo nên ý nghĩa thần

thánh của mảnh đất kinh đô, các triều đại phong kiến đều được các thần linh yểm trợ.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 9.1.1990.

59. ĐÌNH KIM MÃ

Đình ở số 61 phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Các thư tịch và sắc phong, thần phải đều cho biết đình Kim Mã thờ 3 vị thành hoàng là: Bố Cái Đại Vương, Linh Lang Đại Vương và quan thái giám thái tể Hoàng Phúc Trung. Sự có mặt của các vị thần này có liên quan trực tiếp đến những sự kiện lịch sử lớn diễn ra trong vùng.

Bố Cái Đại Vương là nhân vật lịch sử lớn của dân tộc ta ở thế kỉ thứ 8, ông đã lãnh đạo nhân dân cả nước giành lại độc lập trong 7 năm. Sự tích về người anh hùng dân tộc tiêu biểu này, được ghi chép trong nhiều sử sách và lưu truyền rộng rãi trong nhân dân. Đình Kim Mã thờ phụng Bố Cái Đại Vương cũng là một thí dụ.

Vào nửa cuối thế kỉ thứ 8, chính quyền nhà Đường ngày càng suy yếu. Chiến tranh giữa các phiên trấn (bọn tiết độ sứ cai quản miền biên cương) và triều đình đã làm cho vương triều Đường

ngày càng suy yếu. Chúng tự ý trưng thu thuế má. Cao Chính Bình hai lần thắng quân Chà Và ở Chu Diên, được phong làm Đô hộ sứ An Nam. Y ra sức bòn rút của cải của nhân dân ta bằng sưu cao thuế nặng. Khoảng đời Đại Lịch (766 - 779) nhân dân căm phẫn, lợi dụng quân lính ở Tống Bình nổi dậy chống bọn đô hộ, người hào trưởng đất Đường Lâm là Phùng Hưng đã tập hợp dân chúng nổi dậy giành độc lập cho dân tộc.

Để ghi nhớ công lao của Phùng Hưng, dân một số làng đã lập đền thờ Bố Cái Đại Vương và tôn ông làm thành hoàng làng. Dân trại Mã (Kim Mã) đã thờ Bố Cái Đại Vương làm thành hoàng làng.

Đình Kim Mã đã bị thực dân Pháp phá huỷ. Đình đã xây mái bằng, làm trụ sở uỷ ban nhân dân phường. Nay đã được sửa lại làm nơi thờ phụng của nhân dân.

Trước đình còn hai trụ lớn, xây đẹp trang trí trang nhã. Đình còn một bia, văn bia do Lê Cúc Hiên soạn dựng năm 1875, nói về Phùng Hưng và làng Kim Mã. Văn bia có giá trị lịch sử tiêu biểu nên đã được tuyển chọn vào trong tuyển tập văn bia Hà Nội.

Đình còn lưu giữ được sắc phong thần phả, một cỗ ngai cao 1,2m nghệ thuật thế kỉ 19.

Cách đình Kim Mã khoảng 500m có lăng Phùng Hưng đã được công nhận là di tích lịch sử.

Đình Kim Mã tuy đã biến đổi, những địa điểm xây dựng đình có liên quan trực tiếp tới nhân vật được thờ, là nơi bảo lưu dấu vết của Phùng Hưng và truyền thuyết liên quan tới các vấn đề lịch sử của kinh thành Thăng Long, như là nơi luyện ngựa của cung đình (tàu mã), là pháp trường thời Lý...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 27.12.1990.

60. ĐÌNH KIM QUAN (*)

Đình thôn Kim Quan nằm ở vùng đất cổ, thuộc phường Việt Hưng, quận Long Biên, cách trung tâm Hà Nội khoảng 8 km về phía bắc theo đường Hà Nội - Lạng Sơn. Đình, chùa cách nhau khoảng 400m.

Truyền thuyết cho biết làng Kim Quan được lập từ đời vua Lê Hiển Tông (1448-1504) do phò mã Lê Đạt Chiêu di dân nghèo tới đây khai phá mà thành. Sau ông được thờ là thành hoàng làng cùng với một viên quan nữa họ Trịnh tên Đồ là người giỏi thuật phong thuỷ, giúp dân xây cất nhà cửa được yên lành, giàu có. Ngoài hai vị trên, đình còn thờ hai vị nữ thánh là Thiên Tiên Đào Hoa và Hà Tiên Phương Dung - tương truyền là vị sư tổ của nghề ca trù Việt Nam. Cả 4 vị đều là nhân thần có công với làng với nước và được các triều đại phong sắc. Nhưng vị thần chính bảo hộ cho cuộc

sống tâm linh của dân làng là Linh Lang Đại Vương - một nhân vật ra đời từ tục thờ rắn của dân tộc Việt cổ xưa chuyên sống bằng nghề lúa nước. Thần Rắn chỉ là huyền thoại nhưng lại gắn với hiện thực của 2 vị hoàng tử triều Lý là Hoàng Châu và Chiêu Văn là những người có công đánh thắng Tống từ hồi thế kỷ 11. Các nơi thờ Linh Lang thường được coi là tối linh từ và thần thì được phong là thượng đẳng thần, được nhân dân khắp vùng đồng bằng rất sùng bái.

Đình nằm trên một khu đất vuông vắn và cách biệt với khu dân cư, quang cảnh khá đẹp. Đình nhìn ra hướng đông nam, phía trước có hai cây đa và giếng nước nay thành hồ rộng.

Qua cổng đình xây kiểu vòm cuốn, ta đến sân đình lát gạch Bát Tràng rồi tới nhà tiền tế gồm 7 gian gỗ lim, mái lợp ngói, đầu hồi bít đốc, bộ kèo chồng giường. Các đầu bẩy thường chạm rồng, chắc, mập, khoẻ và đơn sơ.

Nhà trung tế là nơi diễn ra các nghi lễ và sinh hoạt việc làng. Tại đây có bức đại tự cổ đề "Thánh cung vạn tuế". Các mảng chạm khắc ở đây thường là hình mây, lá được tạo tác từ thế kỉ 17, 18. Hoành phi có 5 chữ: Thượng đẳng tối linh từ.

Hậu cung có chạm khắc hoa lá đơn giản và thường là bào trơn đóng bén rồi xây bệ thờ cao 1m, đặt ngai thờ của 5 vị thành hoàng làng.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 11.6.1992.

61. ĐÌNH VÀ NGHÈ KIM SƠN

Cụm di tích đình, nghè Kim Sơn thuộc xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội, cách trung tâm Hà Nội gần 20 km theo quốc lộ 1A rồi sang quốc lộ 5, tới cây số 16, rẽ trái đi tiếp con đường 182 khoảng 3km nữa là tới nơi.

Đình và nghè được dựng lên thờ những vị thành hoàng làng từ rất sớm có hai anh em sinh đôi Cao Điền Công và Cao Đỗ Công đã có công giúp Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân.

Truyền thuyết kể rằng 2 anh em Điền Công, Đỗ Công chính là thiên thần, trời cho đầu thai vào gia đình ông Cao Trạch và bà Lê Thị, vốn là người nhân đức nổi tiếng khắp vùng. Khi hai anh em 18 tuổi, đất nước loạn li, dân tình khổ cực vì 12 sứ quân. Nghe Đinh Bộ Lĩnh khởi binh ở động Hoa Lư hai anh em liền tìm tới ra mắt. Vua thấy hai anh em khôi ngô, tuấn tú liền nhận ngay, phân Điền Công vào ban văn, Đỗ Công vào ban võ. Chỉ một thời gian ngắn hai anh em đã dẹp yên 7 sứ quân, còn 5 sứ quân hùng mạnh thì chính Đinh Tiên

Hoàng dẹp nốt. Từ đó nhân dân yên ổn làm ăn, ấm no vui vẻ.

Lúc này 2 vị truyền cho binh sĩ cùng nhân dân Kim Sơn lập một doanh cư, chiêu mộ các dân li tán, không phân biệt giàu nghèo tới đây khai phá, sửa sang nghề nông, chăn tằm dệt cửi, lấy nhân nghĩa thuận hoà mà cấu kết làng xóm; nhân dân Kim Sơn no ấm hạnh phúc và nhớ ơn 2 vị rất nhiều. Lúc này, quân Chiêm Thành lại xâm phạm bờ cõi. Vua lại triệu hai vị về triều, cho mang quân đánh dẹp, chỉ một trận, quân Chiêm đại bại về nước. Vua Đinh thưởng công cho hai vị, cấp cho đất Kim Sơn là nơi chịu ơn 2 ông. Một ngày, khi hai ông cùng quân sĩ trở về Kim Sơn thì trời bỗng nổi giông tố rồi hai ngài cùng hoá. Từ đó nhân dân Kim Sơn lập đền thờ cúng. Ngày nay đình còn lưu giữ được 17 sắc phong của các triều phong cho hai vị từ thế kỉ 17 đến thế kỉ 20. Hàng năm cứ đến ngày sinh và ngày mất của hai vị, dân làng mở hội rất vui và tràn đầy tình nghĩa, đoàn kết.

Dân Kim Sơn rất tự hào vì mảnh đất này có nhiều danh nhân, hiếu học đỗ cao như Nguyễn Mậu Tài, Nguyễn Mậu Vân, Nguyễn Mậu Đại, Nguyễn Mậu Thịnh, Phạm Ích Khiêm... (thế kỉ 17 - 18).

Ngôi đình xây sát với nghè, muốn vào đình ta phải qua tam quan, có hai trụ biểu cao, mà đỉnh là 4 con phượng chụm đuôi thành trái dành. Lồng

đèn được đắp nổi tứ linh, mặt trước của nghi môn là 2 mảng chạm trổ trúc, lão mai, các loại hoa quả, bút, kiếm. Hai trụ hai bên nghi môn là hình con nghê quay mặt vào nhau. Qua một sân rộng với các cây bưởi, lan, ngâu, đại... ta tới đại đình và hậu cung. Do đình tu sửa gần đây nên đáng tiếc các mảng chạm khắc nghệ thuật không còn mà chủ yếu là bào trơn đóng bén. Tuy nhiên, chỉ nhìn các chân tảng của cột cũ còn lại ta có thể thấy đình cũ chắc là to lớn và đẹp đẽ nhiều. Hậu cung cũng đơn giản như đình, chỉ có 2 khám thờ, 2 bài vị của hai vị thần thành hoàng cùng một số đồ tự khí.

Nghè: chính là nơi thờ gốc của hai vị thành hoàng làng. Tương truyền đây chính là dinh của hai ông lúc sinh thời. Nghè có hai dãy nhà, xây dựng theo kiểu chữ nhị. Phía trước là 3 gian tiền tế, phía sau là 3 gian hậu cung, liên hệ với nhau trong một không gian khép kín. Nghè cũng như đình, kiến trúc không có gì đặc sắc, nhất là nghệ thuật chạm khắc, trong hậu cung của nghè cũng là bàn thờ thành hoàng.

Có lẽ điểm nổi bật của nghè là bức cửa võng kín cả gian, với 4 chữ lồng trong khung vuông, chiếm vị trí trung tâm của kiến trúc. Chính giữa y môn là một vòng tròn xoắn thay cho mặt trời. Những vòng xoắn này là biểu hiện của 3 yếu tố: thiên, địa, nhân là 3 lực lượng tạo nên thế giới.

Nghệ thuật này hơi giống hình dáng của toà tiền bái Văn Miếu Quốc Tử Giám ở thế kỉ 17.

Những di vật còn lại trong đình và nghè cũng thực là quý giá, mang dấu ấn nghệ thuật thế kỉ 17 - 18. Nhang án với nghệ thuật chạm nổi, chạm bong đủ loại đề tài như phượng ngậm thư, rùa cuốn thuỷ, hoa cúc minh khai, hoa chanh, sóng nước, đồng tiền, triện gấm, hổ phù... rất bay bướm, tinh vi. Hai bài vị thờ thần cũng có niên đại thế kỉ 17, riêng bành ngai làm vào thế kỉ 18 rất đẹp với hình tượng rồng, mây, cúc, sen, phượng, sóng nước... Các cỗ kiệu sơn son thếp vàng để rước thần là những tác phẩm của thế kỉ 19 có trang trí hình rồng. Hai pho tượng phỗng bằng gỗ là hình tượng tù binh Chàm được tạo tác vào thế kỉ 15. Các tấm bia đá và nhang án đá có kích thước lớn còn nguyên vẹn. Ngoài ra các đồ thờ tự, long đình, gươm giáo, bát bửu, câu đối, đại tự, lư hương, đỉnh, mâm đồng, lọ hoa, đồ gốm sứ cũng là các cổ vật giá trị, nâng cao thêm giá trị cổ kính của di tích này.

Đình và nghè đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

62. ĐÌNH LẠC THỊ (*)

Đình Lạc Thị thuộc thôn Lạc Thị, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Lạc Thị có từ lâu đời, hiện nay tại chùa còn tấm bia cổ khắc năm 1716. Từ đó đến nay, đình Lạc Thị đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa vào các năm Cảnh Hưng 44 (1753), Minh Mệnh 6 (1825), Bảo Đại 9 (1935), 1954; 1973 và một số lần sửa chữa nhỏ khác.

Đình thờ Tô Hiến Thành và vợ là Lã Thị Dung. Tô Hiến Thành hiệu là Phi Diên, người làng Hạ Mỗ, trấn Sơn Tây, đỗ Thái học sinh năm Mậu Ngọ (1138) dưới triều Lý Anh Tông, mất ngày 12-6-1179 (Kỷ Hợi). Ông là người tài văn giỏi võ, là một trong 4 người có công lớn dưới triều Lý, làm quan tới chức Thái uý, nổi tiếng thanh liêm, cương nghị.

Di tích đình, chùa Lạc Thị làm liền kề nhau ở trên một gò đất cao nhất của làng. Đại đình hình chuôi vồ, đại bái 5 gian, làm kiểu tường hồi bít đốc, hậu cung có 3 gian.

Trong đình còn giữ được nhiều hiện vật và các mảng kiến trúc thế kỉ 18 và 19.

Hàng năm làng tổ chức hội vào ngày mất của ngài để tưởng nhớ công lao.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 9.1.1990.

63. ĐÌNH, MIẾU LẠI ĐÀ (*)

Đình, miếu Lại Đà ở thôn Lại Đà, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Theo truyền thuyết đình, miếu Lại Đà được xây từ khá sớm, qua nhiều đợt trùng tu sửa chữa, đến cuối thế kỉ 19 được mở mang quy mô to đẹp như ngày nay. Đình Lại Đà trước kia vốn là đền, đến cuối thế kỉ thứ 18 chuyển thành đình. Đình dựng trên đầu hổ vàng (theo thuyết phong thuỷ), mặt chính quay hướng nam.

Đình thờ trạng nguyên Nguyễn Hiền, người xã Dương A, huyện Thượng Hiền (nay thuộc huyện Nam Ninh, Nam Định). Ông đỗ trạng nguyên năm Đinh Mùi, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình 16 (1247) đời Trần Thái Tông khi mới 13 tuổi, có nhiều công lao. Ông mất, vua cho lập đền thờ ở quê, phong là thượng đẳng phúc thần và được lập đền thờ ở 32 nơi trong đó có Lại Đà. Ông mất ngày 14-8 năm Bính Tý.

Cửa đình bổ hai trụ lớn nối với tường bao quanh chạy song song, hai bên nối với tam quan chùa và cửa miếu, phía trong là hai giếng tròn tượng trưng cho hai mắt hổ, tiếp đến là sân đình. Đại đình gồm 5 gian, các vì gỗ chạm khắc mang phong cách hậu Lê (thế kỉ 18). Trong hậu cung có đặt chiếc ngai thờ bằng gỗ sơn son thếp vàng, đôi lân chầu phong cách thế kỉ 17.

Miếu Lại Đà gồm hai toà, mỗi toà ba gian tường hồi bít đốc. Bên trong có khám gỗ mang phong cách nghệ thuật điêu khắc Nguyễn và tượng thánh Mẫu Tiên Dung.

Miếu thờ thánh Mẫu Tiên Dung, theo truyền thuyết là người có công phù giúp trạng nguyên Nguyễn Hiền dẹp quân giặc Chiêm Thành xâm lược, được nhà Trần phong làm phúc thần, thờ cùng Nguyễn Hiền.

Đình, miếu đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.9.1989.

64. ĐÌNH LÁNG HẠ

Đình Láng Hạ, còn gọi là đình Ứng Thiên. Đình còn được gọi là đền Hậu, đền Ứng Thiên, đình Nhà Bà. Đình nằm ở phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Theo truyền tích, đình Láng Hạ có nguồn gốc từ ngôi đền cổ được vua Lý Thánh Tông xây dựng sau cuộc nam chinh 1069 để thờ Nguyễn Quân Hậu Thố, một nữ thần có công phù hộ nhà vua đánh thắng quân Chiêm Thành. Ngoài ra đền còn thờ Cao Sơn đại vương, công chúa Vĩnh Gia, hoàng tử Linh Lang và Từ Lương tôn thần.

Đình đã được xây dựng từ rất sớm nhưng căn cứ vào kiến trúc được ghi chép, đình được trùng tu lần gần đây nhất vào năm 1890. Đình có mặt bằng hình chữ công. Trước đình có một con đường nhỏ dẫn qua một vườn cây rộng, có ao lớn. Đình gồm có

nhà tiền tế 5 gian, phương đình được xây 2 tầng, tám mái. Hai bên phương đình là hai dãy nhà tả vu và hữu vu. Sau phương đình là hậu cung gồm 3 gian. Nghệ thuật chạm khắc của kiến trúc, trên cốn, triện tàu, kẻ, bẩy là tứ linh và hoa lá. Đặc biệt một số đầu kẻ trên cột là hình đầu rồng và phượng khá đẹp, độc đáo. Đình còn nhiều bộ hoành phi, cửa võng, khám thờ, tượng hầu và nhiều sắc phong có giá trị.

Đình Ứng Thiên gắn với những sự kiện lịch sử đất nước ta ở thế kỉ 11, cho thấy sự phát triển của lịch sử, tôn giáo, văn hoá của kinh thành Thăng Long xa xưa.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 27.4.1992.

65. ĐỀN LÊ TUẤN MẬU

Đền thờ Lê Tuấn Mậu, còn gọi là đền Cụ Tiết, thuộc thôn Thuỵ Lôi, xã Thuỵ Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đền thờ Cụ Tiết có từ đời hậu Lê.

Lê Tuấn Mậu là người làng Thuỵ Lôi, xã Thuỵ Lâm, huyện Đông Anh. Ông đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ năm Canh Tuất (1490), được cử giữ các chức: Ngự sử đài, Đô ngự sử, Tư điện tiền đô chỉ huy sứ, Lễ

bộ thượng thư.

Khoảng năm Quang Thuận (1516-1522) nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, Lê Tuấn Mậu về ở ẩn tại làng Thuỵ Lôi làm nghề dạy học. Mến tài cụ, vua Mạc mời ông vào làm quan, ông từ chối không được, một hôm nhân buổi vào chầu ông định giết vua Mạc, nhưng việc không thành, ông bị nhà Mạc giết chết.

Đến niên hiệu Cảnh Trị (1663-1671) nhà Lê Trung Hưng, truy phong ông là bậc tiết nghĩa, phong làm thượng đẳng phúc thần, lập miếu thờ ông tại làng Thuỵ Lôi và giao cho nhân dân địa phương thờ phụng.

Đền kiến trúc hình chuôi vô gồm 3 gian tiền tế và 2 gian hậu cung. Kiến trúc đền bằng gạch ngói, kiểu thức vì "thượng giường, hạ kẻ", bào trơn đóng bén không trang trí.

Đền đã được tu sửa nhiều lần. Hiện nay mang dấu tích kiến trúc dưới thời Nguyễn.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, ngày 27.1.1986.

66. ĐỀN LÊ XÁ

Đền Lê Xá thuộc thôn Lê Xá, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đền thờ ông Đào Kỳ và bà Phương Dung, là hai vị tướng có công trong cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng hồi đầu công nguyên. Đào Kỳ được phong làm nguyên soái, Phương Dung được phong làm tham mưu. Hai người đã lập được nhiều công lao, sau nhà Hán sai Mã Viện sang xâm lược, Hai Bà Trưng thất trận. Đào Kỳ hi sinh, Phương Dung tuẫn tiết. Do có công lao to lớn hai người được các đời vua sau phong làm thượng đẳng phúc thần và lập đền thờ ở thôn Lê Xá là hành cung khi xưa của hai người.

Theo truyền thuyết, đền có từ lâu đời, nhưng dựa vào các cấu kiện và trang trí, kiến trúc còn lại, đền có phong cách thế kỉ 19. Đạo sắc phong sớm nhất ở đền ghi năm 44 niên hiệu Cảnh Hưng (1783), như vậy có thể đoán định đền có trước năm vua Cảnh Hưng ban sắc. Đền được tu sửa lớn năm Nhâm Tuất niên hiệu Khải Định (1922).

Đền quay về hướng nam - tây nam, trông ra cánh đồng. Cạnh đền chính có một ngôi miếu thờ nhỏ ở bên phải và 2 dãy nhà ở phía trước. Dãy bên trái 3 gian, dãy bên phải 8 gian. Toà đại tế 5 gian. Trong đền còn bộ long ngai, bài vị cùng nhiều đồ thờ cúng khác.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 31.1.1992.

67. ĐỀN LỆ MẬT

Đền Lệ Mật ở thôn Lệ Mật, xã Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội.

Đền thờ ông Hoàng Đức Trung tên là Công, có công vớt công chúa nhà Lý (triều Lý Thái Tông) trên sông Đuống, được vua ban cho 13 trại (thập tam trại) phía tây Thăng Long để chiêu tập người bản trang và các vùng lân cận đến khai phá. Đến nay dân 13 trại đều lập đền thờ. Hàng năm vào ngày 23.3 âm lịch họ lại về thăm quê cha đất tổ, ca dao có câu:

"Đến ngày hai ba tháng ba
Dân trại ta vượt Nhị Hà thăm quê,
Kinh quán, Cựu quán đề huề
Hồ Tây cá nhảy đi về trong mây".

Theo truyền ngôn, đền được xây dựng từ thời Lý. Theo tấm bia còn lưu ở đền, vào thế kỉ 16 đã có một lần đại tu. Năm 1670 đại nguyên soái Trương Phúc Bảo cúng thiết mộc và 12 dát bạc, đứng lên đại tu.

Đền quay về hướng nam, toà đại bái đường 7 gian, 2 dĩ, đầu hồi bít đốc, hậu cung 2 gian. Đền hiện bảo tồn nhiều di vật cổ, sớm nhất có bản sắc phong niên hiệu Vĩnh Khánh (1730), tấm bia khắc năm thứ 3 niên hiệu Dương Đức (1740) và bia dựng năm thứ 24 niên hiệu Chính Hoà.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.3.1988.

68. ĐỀN LIỄU GIAI

Đền Liễu Giai thuộc phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội. Từ thời Lý nơi đây đã có địa danh là Thập Tam Trại do đó vị thần được thờ ở đền là ông Hoàng Lệ Mật. Ngoài ra đền còn thờ thánh Mẫu và Thuỷ Tinh phu nhân.

Đền Liễu Giai quay hướng tây nam. Phía trước có tam quan, kiến trúc chính hình chữ công. Phía trước là tiền tế 5 gian xây kiểu "đầu hồi bít đốc", giữa là ống muống, sau là hậu cung 3 gian nhỏ. Bộ vì tiền tế làm kiểu "thượng chồng giường hạ kẻ chuyền". Hai đầu hồi trước tiền tế còn hai trụ biểu đắp gạch vữa trang trí ô hộc là hai loại hình khá phổ biến. Sau cánh cửa bức bàn làm kiểu "thượng song hạ bản", chạm nổi tùng, lộc, mai, hạc, liên hoàn có niên đại thế kỉ 19 là tác phẩm đẹp. Các bộ phận của kiến trúc tiền tế như đầu tư, cốn nách đều được chạm khắc rồng phượng, các mảng chạm này đều có niên đại thế kỉ 19. Ống muống và hậu cung làm đơn giản và không có giá trị nghệ thuật đáng kể.

Ngoài các tác phẩm kiến trúc có điêu khắc trên, đền còn bảo lưu được nhiều di vật quý hiếm

như: 1 cỗ kiệu bát cống sơn son thếp vàng rực rỡ, một khám thờ cao 2,2m, rộng 1,8m, sâu 1,1m, 1 đôi câu đối, 1 bức đại tự, v. v... Trong khám thờ đã nói trên còn có 3 pho tượng Mẫu. Ở gian bên trái hậu cung còn có tượng Huỳnh Nương, tượng hầu.

Bên cạnh những giá trị về kiến trúc nghệ thuật, đền Liễu Gia có nhiều ý nghĩa về lịch sử, về địa danh giúp cho việc nghiên cứu sự hình thành và phát triển của thành Thăng Long.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc ngày 27.12.1990.

69. ĐÌNH LỖ KHÊ - ĐỀN CA CÔNG

Đình Lỗ Khê và đền Ca Công thuộc xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Tương truyền đình được xây dựng rất sớm, cuối thế kỉ 19 bị đốt, sau đó được làm lại. Năm 1917 đình được sửa chữa lại, to đẹp hơn, năm 1941 lại tu sửa, năm 1987 tu sửa nhỏ.

Đình bố cục kiểu "nội công, ngoại quốc" gồm có tiền tế 5 gian, trung tế 5 gian, hậu cung 3 gian.

Đình còn giữ được nhiều hiện vật cổ trong đó có 8 đạo sắc phong niên đại từ hậu Lê đến triều Nguyễn.

Theo thần phả, sắc phong, đình Lỗ Khê thờ 4 vị là ông Điện Hưng, ông Út Đầu Rền, ông Dương

Trực, ông Tô Quang (tục gọi là đức thánh Cả, thánh Hai, thánh Ba và thánh Tư).

Hai ông thánh Cả và thánh Tư (ông Điện Hưng và ông Út Đầu Rền) có công đánh giặc giữ nước dưới thời Hùng Vương được phong là nhị vị đại vương:

- Ông Cả: Điện Hưng Hiển ứng linh phù đại vương.

- Ông Út: Đầu Rền Phổ tế linh ứng đại vương.

Hai ông Dương Trực và Tô Quang có công trong cuộc kháng chiến chống xâm lược nhà Minh của khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Hai ông được phong tước hiệu là:

- Đức thánh Hai: Dương Trực hầu đại liêu đại vương.

- Đức thánh Ba: Tô Quang hầu đại liêu đại vương.

Đền thờ Ca Công được dựng từ thời hậu Lê do dân hàng huyện đóng góp. Đền thờ có 5 gian lợp ngói, cột lim vuông, ngoài sân lát gạch Bát Tràng. Trong nhà có bức hoành phi khắc 4 chữ Hán: "Sinh tài tự điển" tương truyền do vua Lê Thánh Tông ban cho. Bức cửa võng chạm lưỡng long chầu nguyệt. Hai pho tượng gỗ sơn son thếp vàng uy nghi trong khám thờ là hai vị tổ truyền bá nghề lập ra giáo phường Lỗ Khê từ hơn 500 năm nay.

Đền thờ hai vị tổ nghề ca hát Lỗ Khê là Đinh

Dự và Mãn Đường Hoa công chúa. Đinh Dự là con Đinh Lễ một vị tướng tài trong khởi nghĩa Lam Sơn. Khi Đinh Lễ đóng quân tại đây sinh ra Đinh Dự. Sau Đinh Dự lớn lên gặp Đường Hoa, học nghề cầm ca, rồi trở về lập ra giáo phường Lỗ Khê với nghề hát ả đào nổi tiếng hơn 5 thế kỉ.

Hàng năm ở đền có ngày lễ tưởng nhớ hai ông bà vào 5-4 âm lịch là ngày sinh ra ông, ngày 15-11 là ngày giỗ của hai ông bà.

Đình Lỗ Khê hàng năm vào đám tháng giêng, lệ làng quy định nếu năm mất mùa thì đám từ 4 đến 10 tháng giêng âm lịch. Nếu được mùa thì đám từ 10 đến 19 tháng giêng âm lịch. Nếu bội thu thì từ 10 đến 27 tháng giêng âm lịch.

Đình và đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc ngày 21.1.1989.

70. ĐỀN LƯ GIANG

Đền Lư Giang thuộc phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Đền thờ Phạm Tố Thu và Phạm Ngưu Tất là hai tuỳ tướng thân cận của Trần Khát Chân. Hai ông cùng đi đánh Chiêm Thành với Trần Khát Chân, sau cùng Trần Khát Chân mưu sát Hồ Quý Ly không thành, cùng bị giết với Trần Khát Chân.

Nhà Lê đã dựng đền thờ hai ông ở khu vực điền trang thái ấp của Trần Khát Chân. Đền còn thờ Thuỷ Tinh công chúa và Trần Hưng Đạo.

Đền làm kiểu trùng thiềm điệp ốc, phía trước có ao, phía ngoài có tiền tế, nhà ngang, nhà tự khí. Phía trong hình chữ đinh gồm đại bái và hậu cung. Đại bái 3 gian, cung cấm 1 gian.

Kiến trúc có trang trí, chạm trổ tứ linh, tứ quý. Đền còn lưu giữ được nhiều di vật quý: đại tự, hoành phi, câu đối, hương án, khám thờ, tượng thờ, bát bửu, long ngai, bài vị, bia đá (thế kỉ 17) chuông đồng, thần phả, sắc phong.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật 20.7.1994.

71. MIẾU MẠCH LŨNG

Miếu Mạch Lũng ở thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Tương truyền miếu Mạch Lũng được xây dựng từ đời Hùng Vương. Miếu đã được tu bổ tôn tạo nhiều lần. Hiện nay miếu quay hướng tây nam, mặt bằng hình chuôi vồ, gồm đại bái 3 gian, chuôi vồ 4 gian. Trong kiến trúc còn giữ được nhiều mảng trang trí, chạm trổ mang phong cách thế kỉ 17, đề tài phong phú: người đánh đàn, múa, đấu vật.

Miếu Mạch Lũng thờ 3 vị thần có công giúp Vua Hùng chống giặc là:

- Chàng Cả Minh Mỗ đại vương thượng đẳng thần.
- Chàng Hai Minh Mỗ đại vương thượng đẳng thần.
- Chàng Ba Minh Mỗ đại vương thượng đẳng thần.

Và mẹ của 3 vị thành hoàng là:

Thánh Mẫu Soa nương vua bà.

Hàng năm lễ hội vào ngày 10.2. âm lịch.

Lễ hoá của Soa nương ngày 15.5. âm lịch.

Lễ hoá của ba vị thần là 13.7. âm lịch.

Đình được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 18.1.1993.

72. ĐÌNH, NGHÈ MAI ĐỘNG

Đình, nghè Mai Động thuộc phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Đình, nghè Mai Động thờ tướng Nguyễn Tam Trinh, cụ tổ lò vật Mai Động, đồng thời là người có công trong khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (có tài liệu gọi là Triệu Tam Trinh) được phong chức đô uý, tước Liệt hầu. Sau khởi nghĩa Hai Bà thất bại, ông hi sinh. Vua Lê Đại Hành gia phong: Nam Sơn Tam Trinh đại vương.

Tương truyền đình, nghè Mai Động được dựng vào thế kỉ 15-17. Di tích hiện bảo tồn nhiều hiện

vật niên đại thế kỉ 17 như tấm bia Triệu Mai Đình khắc năm thứ 20 niên hiệu Chính Hoà (1699), bia hậu thần bi kí dựng năm thứ 2 niên hiệu Vĩnh Thịnh (1719).

Đình, nghè Mai Động được xây dựng gần nhau. Tương truyền nền đình trước kia là nơi học trò của ông luyện võ, nghè là nơi ở của ông sau khi đánh đuổi Tô Định. Đình quay hướng đông nam, ngoài có cổng, sân rồi đến toà đại đình 5 gian, ống muống 6 gian nối đại đình với hậu cung. Song song với ống muống còn có hai dãy tả, hữu vu làm nơi đặt bia và hội họp.

Nghè quay về hướng tây bắc, mặt bằng kiến trúc kiểu chuôi vồ, phía ngoài có cổng, sân, tiền tế 5 gian, hậu cung 2 gian.

Hàng năm làng vào đám tưởng nhớ ông vào ngày 10.12 âm lịch.

Đình và nghè đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc ngày 27.1.1986.

73. ĐÌNH MAI PHÚC *

Đình Mai Phúc ở thôn Mai Phúc, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội. Dân địa phương quen gọi là Đình Trong để phân biệt với đình ngoài đã bị phá huỷ.

Tương truyền đình được dựng từ rất xa xưa để thờ 2 anh em là Lê Xuân Vinh và Lê Xuân Nương là 2 anh em đã có công giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân ở thế kỉ thứ 10 và giúp dân Mai Phúc bảo vệ xóm làng. Người anh được sắc phong là Xuân Vinh đại vương và em được phong là Xuân Nương công chúa.

Đình hiện nay có mặt bằng hình chữ nhị gồm một toà đại đình và hậu cung. Đình quay hướng đông nam. Đại đình gồm 5 gian làm kiểu đầu hồi bít đốc tay ngai. Hậu cung gồm 3 gian kiểu đầu hồi bít đốc. Trong kháng chiến chống Pháp đình đã bị phá hoại nặng nề. Nhân dân đã sửa chữa đình Trong còn lại.

Đình còn lưu giữ một số đồ tế khí, các sắc phong có niên hiệu Dương Đức (Lê Gia Tông, 1671-1675), Chính Hoà (Lê Hi Tông, 1675 - 1705), Vĩnh Thịnh (Lê Dụ Tông, 1705 - 1729). Đặc biệt đình còn lưu giữ được một quyển sách bằng đồng. Sách đồng được tạo năm Khải Định 5 (1920), không khắc tên người viết chữ Hán và khắc chữ. Sách gồm 12 lá đồng khổ 18x34cm, được đóng lại bằng dây đồng, nặng khoảng 1kg, không trang trí. Trên các lá đồng có khắc chữ Hán và đánh số trang từ 1 đến 12 ở góc trái. Mỗi trang có 7 đến 8 dòng, mỗi dòng từ 5 đến 12 chữ, tổng cộng khoảng hơn 2000 chữ khắc chìm, chân phương. Nội dung ghi là do Nguyễn Bính, Hàn lâm viện, Đông các đại học sĩ

soạn. Nội dung ghi lại sự tích 2 vị thành hoàng có tài trí, thông minh, dũng cảm dẹp loạn 12 sứ quân.

Hàng năm dân làng mở hội tưởng nhớ công đức của hai vị thành hoàng vào ngày 10 tháng 12 âm lịch.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, nghệ thuật ngày 21.01.1992.

74. ĐÌNH MỄ TRÌ HẠ

Đình Mễ Trì Hạ thuộc xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình được xây dựng ở giữa làng trên một khu đất rộng, rợp bóng cây cổ thụ trên 100 tuổi. Đình quay về hướng tây nam, phía trước là gò đất cao.

Đình thờ thành hoàng làng là Cao Sơn, Quý Minh trong số 50 người con của Lạc Long Quân và và Âu Cơ đã theo cha lên núi. Đình còn thờ Thánh Đầm, Quốc Vương thiên tử Lý Bí, người đã có công lãnh đạo khởi nghĩa chống quân nhà Lương ở thế kỉ 6 và Diêm La thiên tử tức Lý Phật Tử. Nơi đây cũng chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử như tướng Lê Thụ nghĩa quân Lam Sơn đã đánh thắng quân xâm lược Minh vào năm 1426 và đô đốc Đặng Tiến Đông bí mật tiến quân ra Mễ Trì rồi bất ngờ đánh vào đồn Khương Thượng khiến cho Sầm Nghi

Đống phải thắt cổ tự vẫn.

Đình đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và nói chuyện với hơn 200 đại biểu của xã và các xã ngoại thành Hà Nội 12.1.1958. Chủ tịch đã nói chuyện với hội nghị tại sân đình, động viên nông dân tích cực sản xuất và tặng huy hiệu cho một số người có thành tích xuất sắc. Nhân dân xã Mễ Trì đã ghi tạc lời Bác dạy và đã đúc tượng Bác đang nói chuyện và lập bàn thờ Bác ngay trước pho tượng.

Đình có các mảng chạm khắc phong phú và đẹp đẽ. Có mảng thể hiện con trâu đứng nghỉ dưới bóng cây đa cổ thụ, có mảng thể hiện nhiều kiểu rồng khác nhau như rồng ổ, rồng hút nước, cá hoá rồng, trúc hoá rồng, rồng ngậm ngọc hươu, cây tùng...

Đình còn giữ được 34 đạo sắc phong thần của các triều đại, các đồ gỗ thờ tự quý như hương án, ngai thờ, bát bửu, kiệu gỗ, nhang án, hoành phi, câu đối, đại tự. Đình còn có 3 bức cửa võng nghi môn sơn son thếp vàng, các bia đá thần phả và nhiều đồ đồng cổ thế kỉ 19, 20.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích, kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

75. ĐÌNH MỄ TRÌ THƯỢNG

Đình Mễ Trì Thượng gọi theo tên làng Mễ Trì

Thượng thuộc xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình Mễ Trì trước kia thờ Cao Sơn và Quý Minh là hai vị thần, con của Lạc Long Quân và bà Âu Cơ. Về sau thờ thêm Lý Bí là người có công trong cuộc chống xâm lược và sau thờ Lý Phật Tử. Đình còn là nơi giấu quân của đô đốc Đặng Tiến Đông thời Tây Sơn trước khi kéo vào giải phóng Thăng Long.

Đình gồm đại đình 7 gian, xây kiểu tường hồi bít đốc, vì kèo kiểu "thượng chồng giường giá chiêng, hạ xà nách", bẩy hiên, phân mái "thượng tứ hạ ngũ". Kiến trúc mang phong cách thế kỉ 19 với các chi tiết văn mây, lá lật và các kiểu tùng, mai hoá long và cảnh rồng cuốn thuỷ v.v... Chạm khắc ở đại đình rất nhiều đề tài và khá trau chuốt, kể cả những trang trí đắp vữa trên trục biểu.

Hậu cung nối với gian giữa đại đình, gồm 4 gian, vì kèo theo kiểu "chồng giường giá chiêng, xà nách". Nghệ thuật chạm khắc ở hậu cung đơn giản hơn với những đề tài mang tính dân gian như người cưỡi ngựa, cua, cá, sóng nước và tứ linh, tứ quý.

Đình còn giữ được nhiều bản thần phả, sắc phong, một bia đá, sáu bức hoành và chín câu đối, sập thờ v.v...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

76. ĐÌNH, MIẾU MIÊU NHA

Đình, miếu Miêu Nha thuộc thôn Miêu Nha, xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Miêu Nha có tên nôm là Kẻ Ngà.

Đình, miếu Miêu Nha thờ Lý Nam Đế, người đã có công lãnh đạo nhân dân đánh đuổi quan lại đô hộ nhà Lương ở thế kỉ 6 và thành lập nước Vạn Xuân. Ngoài thờ Lý Nam Đế, đình Miêu Nha còn thờ các thiên thần: Thuỷ Hải Long Vương, Nhật Long Vương, Nguyệt Long Vương, Thiên Chúa Bình Vương.

Tương truyền đình Miêu Nha được xây dựng từ thế kỉ 6, đã trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa mở mang. Đến nay di tích còn nhiều mảng chạm khắc mang dấu ấn phong cách nghệ thuật thế kỉ 17 - 18.

Đình Miêu Nha được xây dựng trên khu đất cao. Đình quay hướng tây bắc, phía trước là một ao vuông, gồm hai nhà giải vũ rồi đến tiền tế và toà đại đình, bố cục mặt bằng hình chữ công. Nhà tiền tế 3 gian, 2 dĩ, mang phong cách thế kỉ 17 - 18. Đại đình 5 gian, 2 dĩ, kiến trúc mang phong cách nghệ thuật thời Lê Trung Hưng .

Miếu Miêu Nha là một công trình kiến trúc nhỏ được xây từ đầu thế kỉ 20 gồm nhà tiền tế và hậu cung. Nhà tiền tế có 3 gian, hậu cung 3 gian.

Trong di tích còn một số hiện vật nghệ thuật có giá trị như bia đá, sắc phong, thần phả, long ngai, bài vị.

Hàng năm dân Kẻ Ngà lấy ngày 12.1 âm lịch làm ngày mở hội để tưởng nhớ các thần.

Đình và miếu đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc ngày 21.1.1989.

77. ĐÌNH NAM DƯ HẠ *

Đình thuộc xã Trần Phú, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Hiện nay không còn tài liệu nào ghi rõ niên đại xây dựng của đình. Đình đã qua nhiều lần tu sửa, tuy có những bộ phận kiến trúc xây dựng lại bằng những chất liệu hiện đại nhưng công trình kiến trúc của đình vẫn mang phong cách dân tộc.

Đình Nam Dư Hạ, còn lưu giữ được nhiều sắc phong và ngọc phả nói về 3 vị thần được thờ là Tam đầu Cửu Long Vương. Theo truyền thuyết, thần có công phù giúp Lê Lợi chống quân Minh, Thái uý Chưởng võ Thái sư Nguyễn Xí một trong những khai quốc công thần cũ nhà Lê, Lê An Hoàng thái hậu, Chương Thị Miếu.

Đình Nam Dư Hạ còn lưu giữ được cửa mã, là nét kiến trúc cổ rất hiếm ở Việt Nam (chùa Kim

Liên, chùa Nghi Tàm) của thế kỉ 18. Tại cửa mã, 2 bên có 2 trụ cột gạch vuông có đắp nhiều hình hoa quả, mái cửa mã lợp ngói ta, trên bờ nóc đắp lưỡng long chầu nguyệt, bộ vì mái bằng gỗ chạm rồng cuốn thuỷ, nét chạm đơn giản nhưng sống động. Ngoài cửa mã chính bên phải còn một cổng nhỏ, xây hai tầng mái, mái giả ngói hài. Qua cổng là sân đình khá rộng, hai bên là 2 dãy tả hữu 5 gian 2 chái, vì kèo kết cấu đơn giản.

Toà đại đình rộng 5 gian có 5 cửa vào theo kiểu vòm cuốn. Cách một hiên rộng 1,8m với 4 cột hiên tròn qua 3 cửa là vào hậu cung. Bộ vì kèo làm kiểu chồng giường đơn giản.

Nét nổi bật của đình Nam Dư Hạ là hiện còn lưu giữ được nhiều ngai thờ mang nét chạm thế kỉ 19 rất đẹp. Thành ngai là các cột tiện chạm vật linh, tay ngai là đầu rồng chạm công phu, chân ngai là các tầng vuông được chạm các mảng thủng, chạm lộng hình hoa lá rồng mây. Ngoài ra còn 3 cỗ kiệu bát cống nguyên vẹn, sơn son thếp vàng, chạm khắc tỉ mỉ cầu kì trau chuốt đầu rồng, thân rồng, đuôi rồng. Đây là những cỗ kiệu mang nét chạm khắc cuối Lê - đầu Nguyễn. Đình còn giữ được 12 đạo sắc phong của các triều Lê, Nguyễn (1703-1924).

Đình (và chùa) Nam Dư Hạ đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.10.1990.

78. ĐÌNH NAM DƯ THƯỢNG *

Đình Nam Dư Thượng ở thôn Nam Dư Thượng, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Đình thờ hai vị thành hoàng là Minh Hoa An Quốc đại vương cùng vợ là Hoàng Phi Trần và Đương Thống đại vương cùng phu nhân là Nguyệt Thái công chúa.

Minh Hoà An Quốc đại vương là con Vua Hùng Vương thứ 17 có công trong việc trị quốc an dân.

Đương Thống đại vương còn gọi là Thống Công, em Sơn Thánh (Sơn Tinh) sống dưới triều Hùng Duệ Vương. Sơn Thánh lấy Mị Nương còn Thống Công lấy công chúa Nguyệt Thái. Hai người có nhiều công lao đối với triều Vua Hùng.

Đình nằm giữa thôn quay về hướng đông nam, kiến trúc đình khá đơn giản. Hiện vật trong đình ngược lại rất phong phú, gồm: 1 long đình, 1 nhang án, 4 long ngai, bài vị, 2 hoành phi, 2 cỗ kiệu lớn phong cách điêu khắc thế kỉ 18-19. Ngoài ra còn có 1 bộ bát bửu, 1 thần phả, 16 sắc phong, sớm nhất năm Cảnh Hưng 44 (1783), muộn nhất năm Khải Định 9 (1924), 1 đỉnh đồng, 1 đôi hạc, 2 bát nhang sứ.

Đình (và chùa) Nam Dư Thượng đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc, nghệ thuật ngày 31.1.1992.

79. ĐÌNH NAM ĐỒNG *

Đình mang số nhà 73 đường Nguyễn Lương Bằng, thuộc phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội, nơi đây nguyên là đất trại Nam Đồng thuộc tổng Hạ, huyện Vĩnh Thuận đời Lê.

Đình thờ Lý Thường Kiệt, vị anh hùng dân tộc ở thế kỉ 11.

Kiến trúc đình có quy mô khang trang, gồm trụ biểu, tam quan, đại đình và hậu cung. Đình có nhiều mảng chạm khắc đa dạng, nhiều bức cốn được chạm khắc độc đáo với những thủ pháp dân gian thế kỉ 19, đạt giá trị nghệ thuật cao.

Đình lưu giữ được nhiều hiện vật có giá trị như 5 tấm bia đá có niên hiệu Cảnh Hưng 17 (1756), Cảnh Hưng 32 (1771), Gia Long (1815), Minh Mạng (1836)...; Đình cũng còn lưu giữ ngai gỗ sơn son thếp vàng thế kỉ 17, nhang án, hạc, đỉnh, lư hương...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.10.1991.

80. ĐÌNH NGỌC CHI, MIẾU VĨNH THANH

Đình Ngọc Chi thuộc thôn Ngọc Chi, miếu Vĩnh Thanh thuộc thôn Vĩnh Thanh, đều thuộc xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đình Ngọc Chi, miếu Vĩnh Thanh đều thờ ba cha con tướng nội hầu là con ông Đào Hoằng và bà Hoàng Thị Trung tên là Hãn Công là Nội hầu thời vua Thục, Nội hầu lấy Ả Nương sinh được 2 con là Đống Công và Vực Công. Lớn lên cả ba cha con đều làm quan dưới quyền Thục Vương. Thục thất thủ Cổ Loa, 3 cha con lui về quê (Chiêm Trạch - tên cũ của Vĩnh Ngọc) và hi sinh tại quê. Tam Công được phong làm thành hoàng làng.

Kiến trúc đình còn giữ được những mảng khắc hình người múa, cưỡi rồng thế kỉ 17. Các hình chạm, đầu bẩy, con giường trang trí nghệ thuật thế kỉ 18 và 19. Di vật còn lại khá nhiều, có giá trị nghệ thuật: kiệu, long ngai, bài vị, ngựa gỗ, bát bửu v.v...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.6.1993.

81. ĐÌNH NGỌC ĐỘNG

Đình Ngọc Động tên nôm là đình làng Lị, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đình thờ ba vị được ghi trong bài vị là:

- Đào Độ Thống đại vương gia phong Tế Thế hộ quốc hùng tài trợ thống đại vương.

- Chiêu Hiển đại vương gia phong Tế Thế hộ quốc anh linh cảm ứng đại vương.

- Đào Tam Lang đại vương gia phong Tế Thế hộ quốc thông minh chính trực đại vương.

Tương truyền đình được xây dựng từ rất sớm, đã trải qua nhiều lần trùng tu sửa chữa. Hiện đình nằm bên phải sông Nghĩa Trụ.

Toà đại đình, hậu cung còn đến nay mang phong cách kiến trúc thời Nguyễn. Đình còn một số vì kèo cũ giữ nguyên phong cách chạm trổ theo đời hậu Lê.

Đình quay hướng tây - nam, mặt bằng hình chuôi vồ, đại đình 3 gian 2 chái. Trong đình còn nhiều hiện vật có giá trị như bát cống, long ngai, bài vị...

Hàng năm làng mở hội từ ngày 9 đến 12.2 âm lịch.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 9.1.1990.

82. ĐÌNH NGỌC HÀ

Đình thuộc phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội.

Ngọc Hà là một trong 13 trại do dũng sĩ họ Hoàng ở Lệ Mật lập nên từ thời Lý. Đây là một nơi nổi tiếng của kinh thành Thăng Long xưa, gần trại

hàng hoa (tức vườn Bách Thú và phủ toàn quyền thời Pháp).

Ngọc Hà ở ven Hồ Tây, xưa kia có rừng lim rậm rạp. Người dân đến đây lập trại và trồng hoa cung cấp cho kinh thành Thăng Long. Ngọc Hà là một vùng đất dẹp, do đó đây cũng là nơi các vua chúa quan lại thường dựng dinh thự.

Đình Ngọc Hà chưa rõ được xây dựng từ năm nào nhưng ở một câu đối của toà tiền tế có ghi ngày trùng tu vào 16.10.1898. Những mảng chạm khắc và những hiện vật còn lại cũng giúp ta nhận thấy nó được tạo tác vào thời kỳ cuối Lê đầu Nguyễn.

Đình toạ lạc trên một dải đất rộng bao quanh là hồ nước. Đình quay hướng nam và ngày trước cổng đình là một ao rộng hình vuông. Từ ngoài muốn vào đình phải qua cầu. Trước đình có xây bức bình phong cao 2m, đắp nổi hình con hổ từ trong lùm cây lao ra. Mặt trong phía đình đặt hai con voi đá đẹp, ở tư thế quỳ quay mặt vào nhau, rất sống động. Sau khi qua cổng tam quan với hai cột chính cao 6m, ta đi vào trong thấy hai toà giải vũ, mỗi toà 3 gian.

Đình chính được xây theo kiểu trùng thềm điệp ốc, kiểu thức cổ truyền của dân tộc. Cấu trúc bên trong theo phương cách "trên giường dưới kẻ". Vào trong toà tiền tế ta thấy nổi bật các hoành phi, câu đối, hương án, đồ tế khí sơn son thếp vàng rực rỡ, chạm khắc tỉ mỉ, cầu kì.

Sau nhà tiền tế là toà phương đình hình vuông, kiểu chồng diềm 3 tầng, ở các góc mái đắp hình khối khác nhau như rồng, mây xoắn. Trên đỉnh đắp hình bầu rượu. Giữa hai tầng mái là hình cuốn thư đắp nổi, 2 đầu là đôi chim phượng, ngoài là 1 quyển sách mở, 1 bên là bút, 1 bên là kiếm.

Đỡ 4 góc phương đình là 4 cột có trang trí rồng lớn dài 2m. Trong lòng nhà trang trí cuốn thư, sách, gươm, các loại hoa trái 4 mùa. Trong phương đình có bày cỗ kiệu bát cống, chạm khắc rồng khá tinh xảo phong cách thế kỉ 18-19.

Toà hậu cung cũng được đắp nổi trên các cột hình nghê, sư tử, đầu rồng, cá chép hoá rồng, mãnh hổ hạ sơn. Gian giữa hậu cung đặt ngai thờ, bài vị và đồ tế tự quý của thế kỉ 19.

Nhìn chung đình có kiến trúc nghệ thuật cuối thế kỉ 18 và có liên quan tới các di tích lân cận như chùa Một Cột, đền Quán Thánh, chùa Trấn Quốc... Đình là một kiến trúc đẹp, niềm tự hào của làng Ngọc Hà.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 15.2.1992.

83. ĐÌNH NGỌC HỒI

Đình Ngọc Hồi ở đầu làng Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Ngọc Hồi được xây dựng từ rất sớm. Đạo sắc phong sớm nhất còn lưu giữ ở đình trong tổng số 25 đạo sắc phong còn lại ghi niên hiệu Cảnh Hưng 9 (1747). Tấm bia hương ước quy định đất đai của đình cũng như vành đai chung quanh làng dựng ngày 18-8 niên hiệu Cảnh Hưng 5 (1743) đã nói lên sự cổ kính của ngôi đình.

Đình thờ 3 vị thánh vương là Bảo Công và hai em gái là Á Mô Nương và Nhị Mô Nương. Ba anh em có công trong kháng chiến chống Nguyên Mông, Bảo Công được phong Cư sĩ đại vương, Á Mô Nương và Nhị Mô Nương được phong là Tham tán mưu sự. Khi họ mất vua lại phong cho Bảo Công làm Cư sĩ Quảng hoá đại vương, hai người em làm công chúa, giao cho thôn Ngọc Hồi (quê hương của 3 vị thánh) lập đền thờ.

Đình hiện có tam quan, sân, toà đại đình 5 gian làm kiểu đầu hồi bít đốc ống muống 3 gian, hậu cung 3 gian. Di vật còn lại trong đình Ngọc Hồi khá phong phú, gồm 1 cuốn thần phả ghi sự tích 3 vị đại vương, 25 đạo sắc phong từ 1747 đến 1923, 3 bộ long ngai bài vị sơn son thếp vàng, 3 bát hương bằng đất nung trang trí rồng đắp nổi, 1 choé sứ cao 36cm, 1 đỉnh đồng, 2 cửa võng chạm thủng hình lưỡng long chầu nguyệt, sơn son thếp vàng, 2 bộ kiệu gỗ chạm thủng đề tài tứ linh, sơn son thếp vàng, 4 bức hoành phi và 3 đôi câu đối ca ngợi công đức các vị thần.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.9.1989.

84. ĐÌNH NGỌC MẠCH

Đình Ngọc Mạch nằm ở xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình thờ Lý Lang con của Lý Nam Đế.

Đình Ngọc Mạch là một kiến trúc khá hoàn hảo gồm: phương đình, đại bái, hậu cung, tả vu, hữu vu.

Phương đình có mặt bằng vuông, hai tầng tám mái, đề tài chạm khắc ở phương đình chủ yếu là tứ linh, tứ quý. Sau phương đình là đại bái rộng 5 gian 2 dĩ. Về kết cấu của đại bái vẫn tuân thủ như các công trình kiến trúc truyền thống đương thời nhưng riêng các đề tài chạm khắc trên các bức cốn khá độc đáo với các cảnh như người cưỡi mây đánh đàn, người cưỡi ngựa đánh đàn, người đi cầy, cảnh văn võ bá quan, cảnh uống rượu, cảnh thuyền bè sông núi, cảnh long mã. Đề tài tứ linh, tứ quý ít xuất hiện. Các bức chạm được thể hiện khá sinh động tạo nên sự độc đáo ít thấy ở những ngôi đình khác.

Đình Ngọc Mạch còn giữ được nhiều đồ vật quý như cửa võng, kiệu bát cống thế kỉ 18, nhang án, ngai thờ, bộ bát bửu thế kỉ 19.

Cảnh quan đình Ngọc Mạch có nhiều cây cổ thụ lớn hoà với mái đao cong vút của kiến trúc tạo nên một vẻ đẹp đơn sơ cổ kính.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

85. ĐỀN NGỌC SƠN

Nói đến đền Ngọc Sơn không thể không nói đến hồ Hoàn Kiếm. Hồ đã tôn vẻ đẹp cổ kính của đền và kiến trúc đền đã hoà hợp với cảnh thiên nhiên cây xanh nước biếc của hồ, gợi nên những cảm giác chan hoà giữa con người và thiên nhiên. Đền và hồ đã gợi lại những kỉ niệm xưa về lịch sử dân tộc, thức tỉnh niềm tự hào yêu nước chính đáng, thức tỉnh tâm linh mỗi người Việt Nam và sự trường tồn của dân tộc.

Đảo Ngọc Sơn xưa được gọi là Tượng Nhĩ (tai voi), khi Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long đặt tên là núi Ngọc Tượng, đến đời Trần gọi là Ngọc Sơn. Hồ Hữu Vọng cũ bị lấp dần đến hết không còn dấu vết. Còn hồ Tả Vọng, về phía bắc và phía đông (khoảng từ Hàng Đào đến Hàng Dầu ngày nay) bảy mươi năm trước là một làn nước không sâu lắm, người ta bắc những cầu gỗ nhỏ làm đường giao thông, sau đó cũng bị thực dân Pháp lấp nốt làm đường và mở một phố gọi là phố Cầu Gỗ.

Trên đảo Ngọc Sơn có cung Khánh Thuỵ của Chúa Trịnh, đã bị Lê Chiêu Thống đốt trụi. Theo sách "*Hà Thành linh tích cổ lục*" thì từ đời Lê, trên đảo Ngọc đã có đền thờ Quan Công, người nổi tiếng trung nghĩa đời Tam Quốc (Trung Quốc). Khi vua Lê và chúa Trịnh dùng hồ làm nơi duyệt thuỷ quân thì đền được coi như một võ miếu. Dân Hà thành lại thờ thêm thần Trần Hưng Đạo bên cạnh Quan Công (theo Khâm định Việt sử thông giám cương mục thì đó là tượng Lê Lai, công thần khai quốc đời Lê đã xả thân cứu chúa). Cuối đời Lê, cung Khánh Thuỵ đổ nát bị đốt cháy không còn. Một nhà từ thiện tên là Tín Trai lập ra trên nền cung cũ một ngôi chùa gọi là chùa Ngọc Sơn. Vào năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) các con của Tín Trai nhường cho Hội Hướng Thiện, đổi làm đền thờ tam thánh. Hội Hướng Thiện đã bỏ gác chuông, xây lại các gian điện chính, các dãy phòng hai bên, đưa tượng Văn Xương đế quân vào thờ và đổi tên là đền Ngọc Sơn (Văn Xương là nhân vật đời Kiến Vũ (25-55 sau công nguyên) bên Trung Quốc, sau khi chết được phong là thần chủ về văn chương khoa cử, thường được thờ ở các nhà học ngày xưa).

Đến năm 1865, án sát Nguyễn Văn Siêu đã đứng ra tu sửa đền. Trên núi Ngọc Bội cũ, ông cho xây một tháp đá, đỉnh tháp hình ngọn bút lông, thân tháp có khắc ba chữ "Tả thanh thiên" (viết lên trời xanh), ngày nay thường gọi đó là Tháp

Bút. Đi qua Tháp Bút tới một cửa cuốn gọi là Đài Nghiên, trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá hình nửa quả đào bổ đôi theo chiều dọc, có hình ba con ếch đội. Trên nghiên có khắc một bản minh nói về công dụng của cái nghiên mực xét về mọi phương diện triết học. Chiều sâu của nghiên mực mỏng dày không đều nên bài minh được khắc chỗ nhiều chỗ ít. Cột ít có một chữ, cột nhiều có ba chữ, toàn bài có 64 chữ, gồm 30 cột. Người đời sau ca ngợi là: "Nhất đài Phương Đình bút". Ở cổng ngoài đi vào có hai bức tường hai bên, một bên là bảng rồng, một bên là bảng hổ, tượng trưng cho hai bảng cao quý nêu tên những người thi đỗ, khiến cho sĩ tử ngày ngày đi qua càng gắng công học để thi đỗ. Hai bên bảng là câu đối:

Nhân gian văn tự vô quyền, toản bằng âm đức,

Thiên thượng chủ tư hữu nhãn đan khán tâm điền

Đại ý nói: học trò đi thi trong quan hệ ở văn chương dở hay hay, cốt phải có âm đức. Thần Văn Xương ở trên trời luôn nhìn xuống xem xét lòng thiện ác của mỗi người.

Từ bờ hồ ra đền được bắc một chiếc cầu, đặt tên là cầu Thê Húc (Giữ lại ánh sáng đẹp của mặt trời), hai bên cầu có 3 chữ: "Thê Húc Kiều". Cầu Thê Húc dẫn đến cổng đền Ngọc Sơn, ở đây gọi là Đắc Nguyệt Lâu (lầu được trăng) dưới bóng cây đa cổ thụ, ở giữa một vùng cây cối um tùm, coi như từ

dưới nước nhô lên. Đền chính gồm 2 ngôi nối liền nhau, ngôi đền thứ nhất về phía bắc thờ Trần Hưng Đạo, phía trước thờ Văn Xương, trước mặt là bái đường. Tượng ở hậu cung được đặt trên bệ đá cao khoảng 1m, hai bên có hai cầu thang bằng đá. Tượng Văn Xương đứng, tay cầm bút. Về phía nam có đền Trấn Ba (đình chắn sóng), ngụ ý là cột trụ đứng vững giữa làn sóng (không lành mạnh trong nền văn hoá đương thời). Đình hình vuông có tám mái, mái hai tầng, có 8 cột chống đỡ, bốn cột ngoài bằng đá, bốn cột trong bằng gỗ.

Trong đền Ngọc Sơn có nhiều câu đối (bằng chữ Hán) ca ngợi cảnh đẹp, sự tích của hồ như:

Phiên âm:

Kiều dẫn trường hông thê đảo ngạn,
Lâu dương minh nguyệt toạ hồ tâm.

Dịch nghĩa:

Cầu vắt cầu vồng kề bên đảo,
Lầu trăng soi sáng đọng giữa hồ

Phiên âm:

Vạn kim bảo kiếm tàng thu thuỷ,
Nhất phiến băng tâm ngọc tại hồ.

Dịch nghĩa:

Bảo kiếm nghìn vàng chìm nước biếc,
Lòng trung một tấm dựng ngọc bầu.

Hiện nay trong đền thờ các tượng: Văn Xương Đế Quân, Lã Động Tân, Quan Vân Trường, Trần Hưng Đạo và Phật A Di Đà.

Văn Xương Đế Quân theo truyền thuyết, là chủ tế ở cung Văn Xương gồm 6 ngôi sao trông coi võ bị binh đao, văn học, phúc lộc, thăng thưởng, hoạ phúc trừng phạt và việc văn học. Văn Xương là thần của Đạo Giáo, được thờ ở bên Trung Quốc. Đời Lê Thánh Tông, Nguyễn Công Định đi sứ Trung Quốc đem tượng thần về thờ chung ở Chân Vũ Quán với Huyền Thiên Thượng đế. Đến năm 1843, Hội Hướng Thiện mới rước từ Chân Vũ quán đem về thờ ở đền Ngọc Sơn. Người dân đến đây cầu cúng các việc, còn sĩ tử trước khi đi thi, thường đến đây để cầu mộng thần Văn Xương, mong thi đỗ. Lã Động Tân cũng là thần của Đạo giáo, người đất Kinh Triệu đời Đường. Theo truyền thuyết thì ông thi hai lần không đỗ tiến sĩ nên đã bỏ lên núi Chung Nam Sơn tu luyện kiếm pháp, học được thần thư và luyện đàn chữa bệnh, được coi là một trong tám vị tiên, được người đời sau thờ cũng tôn là Lã Tổ. Quan Vân Trường là một tướng giỏi thời Tam Quốc, nổi tiếng vì lòng trung nghĩa, được thờ cúng trong dân chúng ở Trung Quốc, được tôn là Quan Đế. Tượng Trần Hưng Đạo mới được dựng thờ thời sau vì đã có công lớn trong việc đánh giặc Nguyên xâm lược, có nghĩa khí cao cả vì nước như Quan Đế. Tượng Phật A Di Đà được thờ ở trong hậu cung.

Đền Ngọc Sơn thờ Đạo giáo, thờ Quan Vân Trường trung nghĩa, thờ Trần Hưng Đạo và thờ cả phật A Di Đà đã thể hiện tín ngưỡng của dân tộc không cần phân biệt các vị thần có xu hướng khác nhau và chỉ quan niệm những vị thần đó là những "ông Thiện" đem cái thiện, tốt lành đến cho mọi người và dạy mọi người làm điều tốt lành.

Đền có 9 bia, đáng chú ý nhất là văn bia do Phương Đình Nguyễn Văn Siêu và án sát Đặng Văn Tá ghi lại lịch sử ngôi đền.

Đền Ngọc Sơn không chỉ in sâu trong tâm trí mọi người vì những kỉ niệm và cảnh đẹp thiên nhiên mà còn nhắc nhở đến những hoạt động của Hội Hướng Thiện đã diễn ra ở đây hồi nửa sau thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20: "... Hội Hướng Thiện vốn do những người khoa mục thành lập. Ở thời kì đầu, hội chủ yếu nhằm cố gắng làm những việc đem lại lợi ích cho người... Từ nay thờ thần đã có nơi, kẻ sĩ phu kết bạn với nhau yêu cảnh này, vì mến tên hồ này mà việc tu dưỡng du ngoạn nghỉ ngơi đều có nơi có chốn. Hứng vui ngắm trăng dưới nước, hóng gió trên non, có thể giúp nhiều cho điều thiện dẫu chỉ riêng mình được hưởng". (văn bia đền Ngọc Sơn của Nguyễn Văn Siêu).

Hội Hướng Thiện đã có những hoạt động giữ gìn đạo đức dân tộc, xuất bản nhiều sách khuyên làm điều thiện trong bối cảnh lịch sử thực dân Pháp đến xâm lược nước ta, tuyên truyền một nền

văn hoá xa lạ với dân ta, việc làm đó thực sự là nuôi dưỡng tinh thần dân tộc yêu nước.

Những sách khuyên dạy cách làm người của Hội Hướng Thiện như:

- **Âm chất giải âm:** in ở đền Ngọc Sơn năm 1859. Sách chép các câu nói hay, các chuyện về làm tốt được tốt, khuyên răn cách đối nhân xử thế, góp phần làm cho thuần phong mỹ tục ngày một thịnh.

- **Âm chất văn phú:** Sách này do Lê Quý Đôn biên tập, in ở đền Ngọc Sơn năm 1839. Sách khuyên mọi người làm điều thiện (qua văn giáng bút của Văn Xương đế quân) làm cho tam giáo ngày một mở mang.

- **Âm chất văn chú chứng:** Sách in ở đền Ngọc Sơn năm 1863. Sách khuyên người ta làm phúc nhằm để cho con cháu được hưởng những kết quả do ông cha để lại.

- **Cầu phúc chỉ nam:** in ở đền Ngọc Sơn năm 1850. Sách khuyên mọi người làm điều tốt.

Đền Ngọc Sơn đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật danh thắng ngày 10.7.1980.

86. ĐÌNH NGỌC TRỤC

Đình ở thôn Ngọc Trục, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình thờ vị nữ tướng thời Hai Bà Trưng và 3 vị đại vương có công giúp hai bà giải phóng đất nước là Ả Lã Nàng Đê và Nang Tập Bộ Thiên La đại vương đệ nhất, đệ nhị và đệ tam (là con Nàng Đê).

Đình lại thờ Đào Trực, người ở Trung Văn xã Ngọc Trục có công giúp Lê Hoàn tiêu diệt giặc Tống, giải phóng giang sơn, đất nước. Sau khi thắng giặc, ông được Lê Hoàn phong chức đô đốc quận công.

Theo truyền thuyết và thần tích, đình Ngọc Trục có từ lâu đời. Hiện di tích còn lưu giữ được bản sắc phong có niên đại vào năm thứ 8 niên hiệu Cảnh Trị (1670). Trải qua nhiều thế kỉ, đình hiện nay còn khá quy mô. Đình được xây dựng trên một khu đất cao rộng, thoáng mát ngoài rìa làng. Cửa đình nhìn ra sông Nhuệ theo hướng đông bắc. Mặt bằng đình kiểu chuôi vồ gồm đại đình và hậu cung, phía ngoài có cổng gạch, giếng nước, phương đình. Phương đình làm kiểu chồng diềm 8 mái. Đại bái đình 5 gian 2 dĩ, kiểu đầu hồi bít đốc. Hậu cung 4 gian. Trong đình còn lưu giữ nhiều mảng chạm khắc và hiện vật đời hậu Lê và đầu đời Nguyễn, từ thế kỉ 17 đến thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 31.1.1992.

87. ĐÌNH NGŨ XÃ *

Đình Ngũ Xá ở số nhà 16 phố Nguyễn Khắc Hiếu, (chùa Ngũ Xã ở số nhà 44 phố Ngũ Xã). Cả hai di tích đều thuộc phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội.

Tương truyền khoảng thế kỉ 17-18, có một số thợ đúc đồng quê ở xã là Đông Mai, Châu Mỹ, Long Thượng, Đào Viên và Điện Tiền huyện Siêu Loại kéo nhau ra bán đảo hồ Trúc Bạch lập nên một làng gọi là Ngũ Xã Tràng (trường đúc của 5 xã) và mở lò đúc đồng. Cùng thời gian này họ dựng ngôi đình thờ vị tổ sư nghề đúc đồng là Nguyễn Minh Không, rồi tôn làm thành hoàng (1796). Đình quay hướng đông bắc, tiền tế 5 gian, đại đình 5 gian, ống muống 5 gian và cung cấp. Trong cung cấm đặt tượng đức thánh tổ bằng gỗ cao 1,7m.

Đình (và chùa) Ngũ Xã đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 15.5.1993.

88. ĐỀN THÁI Y NGUYỄN HỮU ĐẠO

Di tích đền Thái y Nguyễn Hữu Đạo nằm ở xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Theo các tài liệu Hán Nôm, Nguyễn Hữu Đạo

là một danh y có nhiều đóng góp cho y học dân tộc Việt Nam. Nguyễn Hữu Đạo là một người học giỏi song không ra làm quan mà đi vào nghiên cứu y thuật, tài năng của ông đã sớm được trọng dụng. Ông đã được vua Lê Hiển Tông cho gọi vào cung chữa bệnh cho hoàng hậu và phong chức thái y viện thượng ngự y. Sau đó theo Hoàng Ngũ Phúc phục vụ việc đánh dẹp hai xứ Thuận Quảng và được phong nhiều chức tước. Khi về già ông xin nghỉ hưu tại quê nhà nhưng vẫn đi bốc thuốc, đi thăm bệnh cho dân không lấy tiền. Có lần vua về quê thấy ông sống trong cảnh bần hàn có hỏi: "Làm quan mà ông liêm khiết thì con cháu thế nào?". Ông đáp: "Thần có ruộng, con cháu cày cấy đủ ăn. Thần có nhiều sách, chúng có học, lại theo hầu vua và cần nhất là có ơn với dân, thần không cần giàu". Vua nói: "Khanh làm quan mà liêm khiết quá như nhà chùa, trẫm khó nói quá". Vua về triều, phát 3.000 quan, sai người mang lại nhà cho ông. Khi ông mất, ngôi nhà được sử dụng làm nơi thờ cúng. Tại nhà ngoài còn bài thơ của vua Lê Hiến Tông khắc trên gỗ để tặng ông.

Đền Thái y hiện nay là một ngôi nhà bé nhỏ dựng trên nền ngôi nhà cũ. Trong nhà có nhiều hiện vật liên quan đến cuộc sống của lương y Nguyễn Hữu Đạo, như: 1 hương án, 1 hoành phi, 4 đôi câu đối, 3 long ngai, 1 y môn, 3 biển gỗ, 1 đôi nghê đỡ giá văn sơn son thếp vàng có niên đại

nghệ thuật thế kỉ 18 (?) Đền còn 1 tộc phả, 2 sắc phong năm Cảnh Hưng 3 (1782) và Cảnh Hưng 47 (1786), 7 cuốn sách thuốc.

Đền Thái y được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử lưu niệm danh y Nguyễn Hữu Đạo ngày 28.1.1994.

89. ĐÌNH THÔN NHA

Đình thôn Nha thuộc phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội.

Đình thôn Nha thờ 3 vị có công với nước là: Đô Thống đại vương và Xuyên Hoa công chúa đã từng giúp vua Lê Đại Hành chống quân Tống xâm lược năm 981, Linh Lang đại vương có công chống giặc phương Bắc thế kỉ 11.

Đình thôn Nha toạ lạc trên một khu đất bằng phẳng trên sườn đê tả ngạn sông Hồng. Đình được xây theo hình chữ tam, quay mặt về hướng nam. Đại đình có 5 gian, trung đình có 3 gian, cung cấm có 3 gian được xây kiểu "tường hồi bít đốc tay ngai". Kết cấu các bộ vì kèo vững chắc theo kiểu "thượng chồng giường giá chiêng, hạ kẻ chuyền".

Điêu khắc trang trí trên các bộ khung nhà mang sắc thái riêng. Hậu cung được bào trơn, trung đình được chạm khắc đơn giản các đề tài mây, lá, rồng, với kĩ thuật chạm nổi, thân kẻ và

bẩy được chạm sâu các hình rồng lá, rồng mây. Bốn đầu dư dưới câu đầu ở hai vì giữa được trang trí đầu rồng với kĩ thuật chạm nổi, chạm bong nhiều lớp, dáng khoẻ chắc, có phong cách nghệ thuật điêu khắc đầu thế kỉ 19.

Đình thôn Nha còn lưu giữ được cuốn thần phả về Linh Lang đại vương do Hàn lâm Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn vào năm Hồng Phúc nguyên niên (1572), một cuốn ghi sắc phong thần của các đời vua Cảnh Hưng, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, các bài văn tế và danh sách các quan chức, các nhà khoa bảng của làng từ đời Lê đến cuối thế kỉ 19.

Đình (và chùa) thôn Nha đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 28.9.1990.

90. ĐÌNH NHÂN HOÀ *

Đình Nhân Hoà thuộc thôn Nhân Hoà, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Nhân Hoà là ngôi đình cổ xây dựng từ đời Lê. Đình thờ Đoàn Thượng Công và bà Triệu Thị Lã là bà phi thời Trần Nhân Tông. Cả hai người đều được phong thần cấp đất thờ cũng từ thời Trần.

Hiện nay đình có kiến trúc kiểu chữ đinh,

bằng gỗ lim, gồm đại đình và hậu cung. Đại đình là ngôi nhà ba gian, bít đốc, phía trước có trụ biểu. Trong đình, gian giữa lát gạch, 2 bên được tôn cao làm chỗ ngồi.

Hậu cung gồm 2 gian, cả đại đình và hậu cung đều làm theo kiểu chồng giường, các đầu bẩy đại đình đều được chạm hoa lá, vân xoắn. Cửa hậu cung làm theo kiểu "thượng song hạ bản", trên có ý môn chạm rồng chầu. Đình Nhân Hoà còn giữ được nhiều đồ thờ tự và các sắc phong của các triều đại.

Đình Nhân Hoà (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 22.4.1992.

91. ĐÌNH NHẬT TÂN

Đình nằm sát đê sông Hồng, thuộc phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Đình Nhật Tân được xây dựng từ xa xưa thờ đức thánh Linh Lang đại vương thời Trần. Ngôi đình có tiền thân từ ngôi điện Nhất Chiêu, sau được xây dựng lớn, mở rộng thành đình làng. Chính tại ngôi đình này tháng 12.1946 đã tổ chức lễ thành lập đội quyết tử quân của quận Lãng Bạc. Sau toàn quốc kháng chiến 19.12.1946, Liên khu I chọn đình là trạm tiếp tế cho mặt trận, vận chuyển

lương thực, thực phẩm đồng thời là trạm cứu thương đón tiếp từ các nơi về và chuyển đi an toàn khu. Cũng chính tại đình, hồi 9 giờ sáng ngày 8.5.1960 đã được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và kiểm tra hòm phiếu của xã trong kì bầu cử đại biểu Quốc hội khoá II-1960.

Đình Nhật Tân đã bị giặc Pháp đốt năm 1947 vì đây là cơ sở của Liên khu I, hiện chỉ còn lại toà cung thượng.

Toà cung thượng gồm 3 gian 2 dĩ, xây kiểu tượng hồi bít đốc. Phía trước hiện xây nới thêm nếp nhà thấp hơn 3 gian 2 dĩ - kiểu bán mái che hiên. Toà chính kết cấu kiểu "chồng giường giá chiêng" và "kéo cầu quá giang", cột trốn mái lợp ngói tây, vì nóc đắp kiểu bờ đinh, hai đầu đốc mái hạ đắp hình nghê, bờ đình mái thượng đắp lưỡng long chầu nguyệt.

Đình còn lưu giữ những di vật có giá trị như tấm bia đá niên hiệu Hoàng Định 3 (1643), tám bộ long ngai, bài vị thời Lê, 36 đạo sắc phong từ thời Lê đến thời Nguyễn, bức trâm chép thơ bằng chữ thảo thếp vàng và nhiều đồ thờ tự quý.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, nghệ thuật ngày 25.1.1994.

92. ĐỀN NỘI AM

Đền Nội Am thuộc thôn Nội Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đền dựng sau khi Nguyễn Phục mất và được phong làm thành hoàng làng năm 1470. Sắc phong sớm nhất ghi niên hiệu Dương Hoà 3 (1637).

Đền thờ thành hoàng làng là Nguyễn Phục. Nguyễn Phục còn có tên là Tùng Giang tiên sinh, sau lại gọi là Đông Hải đại vương. Ông vốn người Đoàn Lâm, huyện Gia Phúc (nay thuộc Tứ Lộc) xứ Hải Dương: mẹ ông họ Nguyễn, quê ở Nội Am. Ông đỗ tiến sĩ khoa Quý Dậu (1453), ra làm quan, được cử vào sứ bộ sang Trung Quốc 3 lần, có một lần ông đã học được nghề trồng dâu nuôi tằm đem về dậy cho dân ta, vì vậy ông còn được phong là tổ sư nghề tằm tơ Việt Nam. Ông làm quan thanh liêm, sau khi mất (1470) vua Lê Thánh Tông cho lập đền thờ ở nhiều nơi, phong hiệu cho là Đông Hải đại vương, do có lúc ông đã được trao việc vận chuyển lương thực đánh Chiêm Thành ở ven biển miền Trung.

Đền hiện có tiền tế và hậu cung, mặt bằng hình chuôi vồ. Tiền tế 3 gian 2 dĩ, làm kiểu đầu hồi bít đốc. Hậu cung 2 gian. Trong đền hiện còn lưu giữ được 34 đạo sắc, trong đó 17 đạo đời Lê, 2 đạo đời Tây Sơn, 13 đạo đời Nguyễn.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 12.12.1986.

93. ĐÌNH PHẠM TU

Đình Phạm Tu là tên gọi theo vị thần được thờ, nhân dân địa phương còn gọi là đình Ngoại để phân biệt với đình Nội thờ Chu Văn An. Đình ở thôn Trung xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì Hà Nội.

Theo truyền thuyết, ngay sau khi Phạm Tu mất (8.545), vua Lý Nam Đế sai thái quan cùng triều quan xem xét công trạng rồi phong tặng là Long Biên Hầu, phong làm Bản cảnh thành hoàng, sắc cho bản hương là thang mộc ấp, sai làm miếu phụng sự lưu truyền mãi mãi. Theo tấm bia "Trung tôn kí sự thạch bi" năm 1872 xã yêu cầu dân làng dỡ bỏ ngôi đình để gộp xây một miếu chung cho cả ấp. Sau đó đời sống nhân dân sa sút, đến năm 1898 các vị chức sắc, kì mục trong làng đã cùng với dân xây lại ngôi đình. Kiến trúc đình hiện nay cơ bản còn giữ hình dạng của lần xây dựng đó.

Phạm Tu sinh ngày 10.3.476 tại thôn Văn, xã Thanh Liệt. Ông đã cùng nhân dân trong làng đứng lên tham gia khởi nghĩa Lí Bí, đánh đuổi quan đô hộ là Tiêu Tư về Bắc, lập nên nước Vạn Xuân. Ông lại có công trong cuộc đánh đuổi giặc Lâm Ấp. Trong trận chiến chống quân xâm lược nhà Lương ông đã anh dũng hi sinh.

Hiện nay trong di tích còn bảo tồn được nhiều

di vật quý như: hai bức y môn trang trí hình tứ linh, tứ quý, ba bức hoành phi, bảy tranh thờ, hai lộc bình sứ đời Thanh, một long án, một long ngai, một bài vị, một đôi hạc gỗ, một tấm bia đá: "Thọ đàn bi kí", bảy sắc phong, một cuốn ngọc phả, bốn đôi câu đối.

Đình xây dựng trên một khu đất cao giữa cánh đồng. Đình quay mặt về hướng đông nam trông ra đầm nước rộng phía trước. Kiến trúc chia làm hai bộ phận riêng biệt: đình và thọ đàn.

Đình Ngoại có kiến trúc hình chữ đinh. Đại đình xây kiểu "đầu hồi bít đốc tay ngai". Phía trong, các vì làm theo kiểu kèo quá giang. Các bức cốn trang trí rồng mây. Hậu cung gồm 2 gian nhà nhỏ, vì làm kiểu "chồng giường giá chiêng". Trong hậu cung xây ba bệ gạch để đặt các khám thờ bằng gỗ sơn son. Trong khám đặt ảnh Phạm Tu và tả hữu cùng các nàng hầu.

Hàng năm, vào ngày sinh (3.3 âm lịch) và ngày hoá (20.7 âm lịch) của thần, dân làng đều có lễ cúng tế. Lễ hội có lễ tế rước linh đình, các nghi thức tương tự như nghi lễ cúng rước thường thấy ở các đền thờ thần như rước cờ đại, cờ ngũ hành đuôi nheo, long ngai, bài vị, long án.

Đình được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc, ngày 21.1.1989.

94. ĐỀN THƯỢNG, ĐỀN MẪU PHÙ ĐỔNG

Khu di tích Phù Đổng gồm: đền Thượng, đền Hạ, miếu Ban, Giá ngự, mộ Trần Đô Thống, và chùa Kiến Sơ, thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội

1. Đền Thượng. Tương truyền đền đã có từ thời Hùng Vương, được xây dựng trên nền nhà cũ của ông Gióng và được tu bổ thêm khi Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long vào đầu thế kỉ 11. Đền Thượng to và đẹp. Trước đền có ao rối để tổ chức múa rối nước hàng năm vào ngày hội. Giữa ao có nhà thuỷ tạ. Thuỷ tạ được xây theo kiểu mái chồng, bên trong có nhiều bức chạm trổ trên gỗ các cảnh sinh hoạt: người chăn dê, người thổi ống sì đồng... Đền được xây ở ngay dưới chân đê. Phía trước là một sân gạch rộng và tam quan. Tam quan được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 19. Phía trước thềm có đôi rồng đá, có nét chạm khoẻ và phóng khoáng, phía sau có đôi sư tử đá, đều được tạo tác vào năm Ất Dậu niên hiệu Vĩnh Thịnh đời Lê Dụ Tông (1705). Nhà thiêu hương cũng được xây như nhà thuỷ tạ nhưng nhỏ hơn. Nhà tiền tế liền đó nhưng gồm hai nhà: nhà ngoài và nhà trong. Nhà ngoài do Điền quận công Nguyễn Huy (1610 - 1675), người làng Phù Dực đứng ra xây dựng. Nhà trong do trạng nguyên Đặng Công Chất, người làng Phù Đổng đứng ra tôn tạo cũng vào thời Lê Trung Hưng . Ở bậc thềm vào cung của nhà tiền tế có 39 viên đá xanh kích thước 30 x 20 x 10, mỗi viên có chạm hình rồng 4 chân.

Trong hậu cung gồm 12 gian có tượng Thánh Gióng cao 3m, hai bên có 6 tượng quan văn, quan võ; 2 phỗng quỳ và 4 viên hầu cận. Trong đền có ngai thờ chạm trổ tinh vi, được làm từ thế kỉ 17, đôi choé sứ cổ tương truyền là của bà Chúa Chè Đặng Thị Huệ (vợ Trịnh Sâm) cúng tiến, bình hương, nghê đồng, hai thanh kiếm. Đền có lưu giữ được 21 đạo sắc phong (đời Lê: 12 đạo, đời Tây Sơn: 3 đạo, đời Nguyễn: 6 đạo); cổ nhất là đạo sắc phong đời Lê Thần Tông năm Đức Long 5 (1634).

Trong đền còn một số câu đối của anh em Nguyễn Du viết:

"Thiên giáng thánh nhân bình Bắc địch,
Địa lư thần tích trấn Nam bang".

Tạm dịch:

Trời sinh bậc thánh trừ giặc Bắc,
Đất giữ oai thần trấn cõi nam.

Câu đối của Cao Bá Quát:

"Phá giặc đản hiểm tam tuế vãn,
Đằng vân do hận cửu thiên đê".

Tạm dịch:

Ba tuổi diệt thù vẫn hiềm là còn muộn
Chín tầng mây vượt vẫn hận là chưa cao.

2. Đền Mẫu. Còn gọi là đền Hạ, tên chữ là

Khánh Quang Điện, đền làm ở ngoài đê, là nơi thờ bà mẹ Thánh Gióng. Trước đây được thờ chung ở đền Thượng nhưng đến năm Quý Hợi, Chính Hoà thứ 4 đời Lê Hi Tông (1683), được lập đền thờ riêng ở thôn Ngô Xá, mười năm sau lại được thiên về chỗ hiện nay trước là một sân nhỏ và tam quan. Trong đền có đôi phỗng đá, một bộ đài bạc và hai bình hương đá.

Hội Gióng được tổ chức vào ngày mồng 9.4 âm lịch hàng năm. Có câu ca:

"Ai ơi mồng 9 tháng 4
Không đi hội Gióng cũng hư cả đời".

Trước ngày lễ chính, dân làng tổ chức nhiều trò chơi như vật, chọi gà, đánh cờ và hát Ải Lao. Đây là một điệu dân ca rất cổ, ban đầu thì hát bằng tiếng Lào, sau chuyển sang hát bằng tiếng Việt. Bài hát có những câu như sau:

"Nhớ xưa thứ 6 Hùng Vương.
Hai mươi tám tướng cường nữ nhung,
Xâm thương cậy thế khoe hùng
Quân mã sang đóng chặt một vùng Vũ Ninh
Giời sai thánh tướng giáng sinh
Giáng về Phù Đổng ẩn hình ai hay,
Mới lên ba tuổi thơ ngây
Nghe vua cầu tướng ngày rầy ra quân.
Gọi sứ phán bảo ân cần
Gươm vàng ngựa sắt để binh tức thì.

Thánh Vương khi ấy ra uy,
Nửa chiều sấm sét tức thì giặc tan.
Áo nhung cởi lại Linh Sơn.
Thoát đà thoát nợ trần hoàn lên tiên...

(Theo Nguyễn Văn Huyên).

Hội Gióng với những lễ tiết rất phong phú, là một nghi thức thờ cúng anh hùng dân tộc, là một cuộc diễn xướng tổng hợp nhắc lại sự tích anh hùng của ông Gióng dẹp giặc Ân.

Đền Thượng và đền Mẫu Phù Đổng cùng cụm di tích Phù Đổng đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử văn hoá ngày 21.2.1975.

95. ĐỀN PHÙ ỦNG VỌNG TỪ

Đền Phù Ủng còn gọi là Phù Ủng vọng từ (đền thờ vọng thành hoàng làng Phù Ủng) ở số nhà 25 phố Lý Quốc Sư, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Theo những sắc phong, thần phả còn lại ở đền, nhất là những sắc phong thời Lê Cảnh Hưng đã cho biết đền được dựng muộn nhất vào thế kỉ 18. Đến năm 1946, giặc Pháp ném bom làm sập bái đường, sau đó nhân dân đứng ra làm lại. Kiến trúc hậu cung hiện còn mang dấu ấn thời Nguyễn (thế kỉ 19). Di tích là một tổng thể hợp thành từ nhiều

kiến trúc độc lập. Hiện tại, đền còn tam quan hai dãy nhà ngang và đền chính, có hình chuôi vồ. Cổng đền nằm sát hè đường Lý Quốc Sư, cao hơn mặt đường 60cm. Cổng được xây gạch, cửa chính xây kiểu chồng diêm, hai tầng mái, mặt trước đắp nổi 4 chữ Hán lớn: "Phù Ủng vọng từ". Qua cổng tam quan tới sân gạch vuông dẫn vào đền, hai bên sân là hai dãy nhà giải vũ, bái đường ba gian, hậu cung 2 gian, trang trí các đề tài quen thuộc như rồng mây. Trong di tích còn khá nhiều hiện vật, hoành phi, câu đối, tượng, long ngai, bài vị.

Phù Ủng (Hải Hưng) là quê hương của tướng quân Phạm Ngũ Lão, người đã có nhiều đóng góp trong cuộc đấu tranh chống quân Nguyên, thời nhà Trần. Khi ông mất, vua Trần Minh Tông đã nghỉ chầu 5 ngày và cho xây đền thờ Phạm Ngũ Lão ngay tại quê nhà (làng Phù Ủng, huyện Kim Thi, Hải Hưng) để tỏ lòng thương tiếc và ghi nhận công lao của ông.

Sau này, một số người làng Phù Ủng ra kinh thành Thăng Long làm ăn đã lập đền thờ và rước bài vị về thờ. Tương truyền đền Phù Ủng ở Thăng Long được đặt ngay trên mảnh đất đóng quân xưa của ông khi ông còn đương chức.

Đền Phù Ủng ngoài việc thờ Phạm Ngũ Lão còn thờ đức Thánh Trần (Trần Hưng Đạo) vừa là bố vợ nuôi của Phạm Ngũ Lão (Trần Hưng Đạo gả

con gái nuôi cho Phạm Ngũ Lão) vừa là vị tướng tài ba, có công phát hiện tài năng của Phạm Ngũ Lão, đồng thời thu nạp Phạm Ngũ Lão vào đội quân chống xâm lược và đào tạo ông thành một vị tướng tài ba, dũng lược. Bên cạnh tượng Phạm Ngũ Lão, Trần Hưng Đạo, đền còn thờ vợ Phạm Ngũ Lão là cô Thuỷ Tiên công chúa.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử văn hoá ngày 16.11.1988.

96. ĐÌNH PHÚ DIỄN

Đình Phú Diễn nằm ở bờ nam sông Nhuệ, thuộc xã Hữu Hoà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình thờ 2 thành hoàng là hoàng đế Lê Đại Hành là 1 vị tướng của người là Trần Thông quê ở Phú Diễn.

Truyền thuyết dân gian ở vùng này vẫn thường nhắc mãi sự kiện vua Lê Đại Hành trên đường hành quân lên phía bắc chống giặc đã dừng chân tại đây và săn bắn. Sau lần đó, làng mang tên "Đại Hành" một thời gian dài để ghi nhớ mãi nhân vật được tôn kính nhất lúc bấy giờ. Trong đình hiện vẫn còn giữ được cuốn thần phả "Phú Diễn Lê Đế phả lục" do Hàn lâm Đông các học sĩ Nguyễn Bính soạn năm 1572 và sao lại năm 1710 ghi chép khá tỉ mỉ về sự nghiệp của Lê Đại Hành.

Ngôi đình tuy không lớn nhưng khá đẹp. Công trình có 2 cột biểu lớn, xây cách nhau 2,4m, trên đỉnh cột là 1 trái dành do 4 chim phượng chụm đuôi vào nhau tạo thành, dưới có 4 đầu rồng hướng mặt về 4 góc. Sát hai chân cột có 2 con sấu bằng đá quay mặt vào nhau.

Sau cột là sân gạch dẫn vào nhà đại đình. Trong sân, trên trục cửa chính còn hai con nghê và hổ đá càng làm tăng thêm vẻ linh thiêng cho di tích.

Đại đình gồm 5 gian. Gian giữa bày hương án và đồ tự khí, 2 gian bên để trống, thuận lợi cho sinh hoạt văn hoá công cộng.

Hậu cung là một nếp nhà dọc 2 gian, nối với đại đình. Gian ngoài là các đồ tự khí, gian trong là cung cấm. Ngăn cách 2 gian là hệ thống của bức bàn được chạm công phu với đề tài tứ linh, tứ quý, trong cung cấm là hai long ngai cùng một số đồ thờ tự khác.

Các mảng chạm khắc nghệ thuật ở đình thường được tập trung trên bề mặt các vì nhà. Trên các con giường và đầu xà thường chạm các hình lá, vân mây. .. Ở các bẩy hiên là các hình đầu rồng, mũi nở, mắt lồi, râu và tóc kết thành đao nhọn bay về phía sau. Thân rồng có vẩy cá, rất phổ biến trong điêu khắc thời Nguyễn.

Chưa có niên đại chính xác của đình nhưng trong bia hậu có nói tới việc hậu thần đã bỏ tiền ra sửa đình từ thời Gia Long (1807). Với hàng trăm

năm tồn tại, đình còn bảo lưu được nhiều cổ vật quý như 6 tượng thú vật bằng đá, hạc gỗ, kiệu gỗ, hương án, long ngai, bát bửu, bát hương đều thuộc thế kỉ 18 - 19; 10 đạo sắc phong của các vua và 1 cuốn thần phả, 3 tấm bia cổ cùng nhiều hoành phi, câu đối.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật ngày 22.4.1992.

97. ĐÌNH PHÚ DIỄN

Đình Phú Diễn thuộc thôn Phú Diễn, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình thờ thần Bạch Hạc Tam Giang, tên là Đào Trường, có công trong thời Hùng Vương được phong làm Thổ Lệnh quốc thống đại vương, trấn giữ kinh thành Bạch Hạc, chức Quốc trưởng lệnh đô, Lạc Long Hầu đại tướng quân. Sau đó ông lại chỉ huy thuỷ quân đánh tan giặc ngoại xâm, và dẹp loạn ở vùng Hồng Châu (Hải Dương). Khi ông mất được phong là Thượng đẳng phúc thần, vua cho phép 172 làng lập đền thờ ông. Phú Diễn là một trong những nơi thờ ông.

Kiến trúc đình theo kiểu chữ công, gồm đại đình, nhà cầu và cung cấm. Đại đình 5 gian, nhà cầu 2 gian, cung cấm 3 gian. Kiến trúc còn giữ

được các cấu kiện gỗ theo lối cổ. Trên kiến trúc có trang trí hình tứ linh, rồng ổ, tứ quý, hoạt cảnh ca múa v.v... có phong cách nghệ thuật thế kỉ 18. Di tích còn nhiều hiện vật quý như: long ngai, bài vị, hương án, sập, hạc, kiệu, mâm đồng, sắc phong, thần phả, bia đá.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 10.3.1994.

98. ĐÌNH PHÚ ĐÔ

Đình Phú Đô thuộc làng Phú Đô, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Theo thần phả của đình và lưu truyền trong nhân dân thì đình Phú Đô thờ Lã Nam Đế (Lý Thiên Bảo) và Đinh Lễ, thời chống quân Minh đã cùng với Nguyễn Xí hoạt động quân sự ở vùng này. Đình còn thờ Đinh Dự là con của Đinh Lễ cùng vợ Đinh Dự là Mãn Đường Hoa, là hai tổ sư của nghề ca trù mà nhiều nơi thờ.

Đình gồm có tam quan, phương đình, đại đình, hậu cung và tả, hữu mạc.

Phương đình làm kiểu chồng diêm, các góc mái uốn cong, tám mái, trên đỉnh đắp 4 con phượng, có 4 cột gỗ lim to và 12 cột quân xây bằng gạch. Vì kèo kiểu chồng giường ở trên và các xà nách, cốn

kẻ, xà đại ở dưới. Các đề tài chạm trổ là tứ linh, tứ quý.

Đại đình gồm 5 gian 2 dĩ, xây kiểu bít đốc, hai đầu nóc đắp 2 con kìm kiểu đầu rồng. Vì kèo đại đình theo kiểu "thượng giường hạ kẻ", mái phân thượng tam, hạ tứ trện 4 hàng chân. Về chạm trổ ở đại đình chủ yếu tập trung 2 vì gian giữa với các chi tiết vân mây và cúc tùng, cúc hoá long. Chính diện đại đình còn có cửa võng chạm rồng chầu mặt nguyệt. Nền lát gạch bát cổ.

Hậu cung nối với gian giữa đại đình kết cấu kiểu chuôi vồ, gồm 3 gian xung quanh xây tường bao, các vì kèo hậu cung làm 2 kiểu - một kiểu "thượng giường hạ bẩy" và một kiểu "thượng kèo hạ bẩy" trên 4 hàng chân. Trong hậu cung đặt ngai thờ Lý Thiên Bảo ở chính giữa, bên phải thờ Thánh Cả và giá hương thờ Đinh Dự. Bên trái đặt ngai thờ bà Hoàng Thái Phi An Nhân và bà Tuyên phi Nguyễn Quý Tân.

Ngoài phần kiến trúc và nghệ thuật chạm khắc, đình còn giữ được thần phả về sự tích Lý Thiên Bảo và tổ sư giáo phường. Có 12 đạo sắc phong (3 thời Lê và 9 thời Nguyễn). Đồ gỗ thờ có bộ bát bửu, hương án, ngai, ngựa thồ và các bức đại tự, câu đối, kiệu bành, kiệu đình, hạc...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

99. ĐÌNH, ĐỀN PHÚ THỊ *

Đình, đền Phú Thị ở thôn Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Làng Phú Thị còn gọi là làng Sủi.

Đình thờ tướng quân Đào Liên Hoa. Theo thần tích, Đào Liên Hoa người Hà Trung, Thanh Hoá, lớn lên theo Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất đất nước. Ông được phong Tây Vĩ đại vương, từng đứng đầu sứ bộ ta sang Trung Quốc cầu phong cho Đinh Bộ Lĩnh. Khi về nước được phong làm Thống lĩnh thiên hạ, Đốc thuỷ bộ binh mã đại tướng quân, dẹp loạn ở Vũ Ninh (Bắc Ninh) rồi đóng đại bản doanh ở làng Sủi. Ông có nhiều công lao và ân huệ với nhân dân địa phương. Khi ông mất, vua Đinh hạ chiếu phàm làng nào thuộc địa phận ngài cai quản đều được phép lập đền thờ ngàn năm hương hoả. Hàng năm dân làng mở hội vào ngày 3.3 (âm lịch) để tưởng nhớ ông.

Đền Sủi thờ bà Nguyên phi Ỷ Lan, xây dựng sau khi bà qua đời khoảng đầu thế kỉ 12.

Trải qua bao năm tháng đình, đền Sủi đã được trùng tu sửa chữa nhiều lần, lớn nhất vào các năm 1633, 1636, 1641, 1701, 1821.

Hiện nay di tích tập trung trên một khu đất cao, rộng rãi và bằng phẳng, đình, đền được xây kế tiếp nhau và liên hệ với nhau bằng hệ thống cửa

ngách nhỏ bên trong. Di tích quay mặt về hướng đông, đình, chùa đặt theo thể "tiền thần hậu Phật" với các bộ phận kiến trúc đan vào nhau. Bên ngoài là 2 cột biểu lớn, trước đền dành chỗ cho "rừng bia": bia tiến sĩ, bia công đức... của làng.

Đền thờ Ỷ Lan gồm tiền tế, phương đình và hậu cung. Đình gồm có toà đại đình 5 gian, hậu cung 2 gian. Chùa ở sau đình, có 2 dãy nhà ngang song song với hậu đình. Toà tam bảo hình chuôi vồ với 5 gian tiền đường, 3 gian hậu cung.

Đình, đền Sủi còn giữ được nhiều trang trí kiến trúc và di vật các thế kỉ 17, 18, 19.

Đình, đền Phú Thị đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.1.1989.

100. ĐÌNH PHÙ XÁ ĐOÀI *

Đình thuộc thôn Phù Xá Đoài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn Hà Nội, thôn Phú Xá Đoài có tên nôm là làng Nầm, nay vẫn gọi là Phú Nầm.

Đình thờ Lê Phụng Hiểu, một nhân vật lịch sử, được thờ làm thành hoàng làng. Năm 1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về chúc tết nhân dân trong xã ở đình.

Đình làm thời Lê, dựng thượng lương năm Cảnh Hưng 37 (1776), bố cục chữ đinh.

Đình còn giữ được nhiều mảng chạm khắc và kiến trúc thế kỉ 18 với các trang trí: tứ linh, tứ quý, hươu nai, chuột và nhiều hiện vật nghệ thuật giá trị: sắc phong, hoành phi, câu đối, bia đá, ngai thờ, bài vị, kiệu bát cống, hạc, hương án, chuông, sập...

Đình (và chùa) Phù Xá đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 16.11.1991.

101. ĐÌNH PHÚC HẬU *

Đình Phúc Hậu thuộc thôn Phúc Hậu, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đình thờ Tam Lang đại vương, một công thần thời Lý. Theo ngọc phả thì Tam Lang là con Lý Khánh Vân (Vạn Hạnh) khi đó Lý Công Uẩn là con nuôi. Trong sự nghiệp xây dựng vương triều Lý, ông có nhiều công, ngay cả trong cuộc phản loạn của Đông Chinh Vương, Dục Thánh Vương, Vũ Đức Vương; Tam Lang đã cùng các triều thần tham gia việc trấn trị giữ yên việc nối ngôi của thái tử Phật Mã (Lý Thái Tông). Tam Lang được phong ấp ở vùng Hậu Trại và sau mất ở vùng này nên được nhân dân thờ. Ngày nay Hậu Trại đổi tên là Phúc Hậu. Vì miếu thờ ngày xưa không còn nên dân Phúc Hậu thờ ở đình.

Thời Lê Thái Tổ sau khi bình định giặc Minh đã phong sắc là Hiển Ứng đại vương.

Kiến trúc của đình. Qua sắc phong thời Lê, tượng phỗng và các mảng chạm thì đình đã được xây dựng từ lâu. Trong thời kháng chiến chống Mỹ, đình lại bị hư hại nhiều, sau thời hoà bình nhân dân đã sửa lại làm nơi hội họp.

Hiện nay đình gồm có: đại đình 5 gian nối liền với hậu cung; trước đại đình có tam quan. Kiến trúc đình theo lối kiến trúc gỗ truyền thống với những cột bằng gỗ và các mảng cốn, đầu dư, đầu bẩy ở đại đình đều được chạm trổ. Các mảng chạm còn nhiều chỗ giữ phong cách nghệ thuật thời Lê với những nét chạm trau chuốt nhưng mạnh và dứt khoát.

Đình Phúc Hậu còn giữ được nhiều đồ thờ có giá trị nghệ thuật và 19 đạo sắc.

Đình (và chùa) Phúc Hậu đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.2.1994.

101. ĐÌNH PHÚC LÝ

Đình Phúc Lý thuộc xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình Phúc Lý thờ Bạch Hạc Tam Giang một vị

tướng của Hùng Duệ Vương có nhiều công lao đánh giặc phương bắc, bảo vệ đất nước Văn Lang. Sau khi ông hoá, được đời sau suy tôn làm phúc thần.

Ngày 5.12.1895 cụ Đỗ Tráng Kiên người Tây Tựu lấy đình Phúc Lý làm cơ sở tập hợp lực lượng để cướp kho bạc Hà Nội cứu khổ cho dân. Sau vụ đó cụ bị Pháp xử chém tại Nhổn. Năm 1946 đình, chùa là nơi luyện tập của du kích và là nơi thành lập đội cảm tử quân.

Đình Phúc Lý có quy mô khá lớn. Ngoài cùng là khu vườn nhỏ dẫn vào ao vuông trước sân gạch lớn. Hai bên có hai dãy tả, hữu mạc. Kiến trúc chính kiểu chữ công gồm đại bái, nhà cầu và hậu cung. Trang trí kiến trúc là các bức cốn chạm khắc rồng phượng. Các di vật gồm hương án, kiệu bát cống, kiệu vây, tượng, bát bửu... có niên đại cuối thế kỉ 19.

Đình (và chùa) Phúc Lý đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.6.1993.

103. ĐỀN PHÚC XÁ

Đền Phúc Xá thuộc phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội. Đền nằm ở ven đê tả ngạn sông Hồng, cách cầu Long Biên khoảng hơn 1km.

Đền Phúc Xá thờ Lý Thường Kiệt, vị anh hùng dân tộc đã có công đánh thắng quân Tống xâm lược ở phía bắc và quân Chiêm Thành ở phía nam.

Các tài liệu như *Đại Việt sử kí toàn thư* và *Việt sử thông giám cương mục* đều ghi Lý Thường Kiệt tên là Ngô Tuấn, người phường Thái Hoà, thành Thăng Long, song không rõ phường Thái Hoà xưa ở đâu. Quả chuông chùa An Xá đúc năm Chính Hoà 11 cho biết An Xá là quê hương của Ngô Tuấn. Phúc Xá hiện nay có tên cũ là An Xá. Đền Phúc Xá còn bài vị thờ ông, chính là quê hương Lý Thường Kiệt. Do sông Hồng lở bên hữu ngạn nên đền chuyển sang bên tả ngạn.

Đền còn thờ vợ chồng Đào Kỳ, Phương Dung và bốn vị công chúa không rõ sự tích.

Đền Phúc Xá đã bị giặc Pháp phá huỷ trong kháng chiến chống Pháp, mới được dựng lại, gồm có đại đình và một nhà giải vũ.

Đền còn giữ được các sắc phong thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn phong cho đình được thờ Việt Quốc Công Lý Thường Kiệt.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 23.7.1993.

104. ĐÌNH PHÙNG KHOANG

Đình nằm giữa làng Phùng Khoang trên mảnh

đất số 119, diện tích 3038m^2. Phùng Khoang còn gọi nôm là làng Khoang, thuộc xã Trung Văn, huyện Từ Luyên, Hà Nội. Thời Lê gọi là Phùng Quang thuộc xã Nhân Mục Môn, huyện Thanh Trì, trấn Sơn Nam Thượng. Năm 1723 cho lệ vào huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây. Thời Nguyễn đổi là xã Ngọc Trục, tổng Đại Mỗ, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông. Năm 1964 nhập vào huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình thờ Đoàn Thượng, một danh tướng đời Lý. Ông là người Hồng Châu (Hải Dương). Khi nhà Lý mất ngôi về tay nhà Trần, Đoàn Thượng đã chiếm giữ Hồng Châu chống nhau với nhà Trần. Sau khi ông mất, nhân dân nhiều địa phương thờ ông để nêu cao tinh thần trung liệt. Tổng số 72 nơi thờ. Trong đình còn nhiều đôi câu đối ca ngợi danh nghiệp của ông.

Đình được xây dựng khá sớm, gắn bó với cảnh sắc và con người Phùng Khoang. Trong đình còn những mảng chạm khắc thời Lê, các bản sắc phong, sớm nhất vào niên hiệu Lê Chính Hoà 19 (1698). Văn bia cho thấy đình được tu sửa lớn vào các năm 1721, 1758, 1805. Đình có quy mô lớn, nhiều hiện vật có giá trị nghệ thuật như nhang án, kiệu, long đình, ngai, bài vị.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.10.1991.

105. ĐÌNH PHƯƠNG LIỆT

Đình Phương Liệt thuộc phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Đình thờ Cao Sơn đại vương là vị thần được nhiều nơi thờ. Truyền thuyết cho rằng Cao Sơn có tên là Nguyễn Hiền và em ruột là Nguyễn Sùng (Quý Minh) đều là anh em con chú của Sơn Tinh (Tản Viên Sơn Thánh) là người ở trang Thanh Uyên huyện Tam Nông (Phú Thọ). Thần Cao Sơn có công chống lại thuỷ tai do Thuỷ Tinh gây ra để đánh Sơn Tinh.

Bên cạnh ngai thờ Cao Sơn, đình còn có ngai thờ Hoả Quang tôn thần, có bài vị đề là Tích lịch Hoả Quang tôn thần.

Đình Phương Liệt được xây dựng từ lâu đã qua nhiều lần tu sửa, còn mang dáng nét kiến trúc triều Nguyễn. Từ ngoài vào là tam quan, hai bên sân là tả, hữu mạc đến đại đình và khu phụ ở phía sau. Bao quanh đình là tường thấp. Đại đình có 5 gian xây bít đốc, kết cấu theo kiểu chồng giường, có 4 hàng chân. Nền lát gạch, gian giữa tôn cao 20cm làm nơi hành lễ. Các mảng cốn, kẻ đều chạm đề tài tứ linh và văn hoa, lá lật. Cửa võng được chạm trổ, sơn son thếp vàng.

Đình còn lưu giữ được nhiều đồ vật thờ như đỉnh rồng, cây nến, bát hương. ..

Đình (cùng với chùa và miếu) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 18.1.1993.

106. ĐÌNH QUAN NHÂN

Đình Quan Nhân còn gọi là đình Mọc hoặc đình Mọc Quan Nhân, thuộc làng Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Đình thờ vị thần nhân là Trung Nghĩa đại vương Hùng Lãng Công, cháu đời thứ 9 của Hùng Vương. Ông là con trai thứ của Ninh Hải quận vương, cháu Hùng Điền Vương, trước kia trấn trị huyện Vũ Tiên (Thái Bình), sau về giữ vùng Quan Nhân. Ông có công đánh giặc Nam Chiếu và Lục Nam, được phong là Bố Chính.

Tương truyền đình xây dựng từ rất sớm. Hiện nay ở đình còn tấm bia dựng vào năm Chính Hoà 22 (1701). Đình dựng trên một khu đất cao ráo, kiến trúc hình chữ công gồm có tam quan, đại đình, ống muống (thiêu hương), hậu cung. Đại đình có 7 gian, xây kiểu "đầu hồi bít đốc tay ngai", thiêu hương 3 gian, hậu cung 3 gian. Kiến trúc nghệ thuật của đình mang phong cách thế kỉ 17-18. Trong đình còn một số hiện vật quý như tấm bia đồng khắc thần tích Trung Nghĩa đại vương Hùng Lãng Công.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.9.1989.

107. ĐÌNH QUÁN LA

Đình Quán La, ở thôn Quán La, xã Xuân La, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Đình Quán La còn gọi là Quán Già La, Quán Khai Nguyên hay Quán Chùa Hang.

Theo cuốn *Việt Điện u linh* của Lý Tế Xuyên (thế kỉ 14) viết thì Quán Khai nguyên được dựng từ niên hiệu Khai Nguyên đời Đường (715-739). Đến đầu năm Thiệu Long (1258) đời nhà Trần, sư Văn Thảo dựng lại đền, đổi làm chùa... từ đó, sư các nơi đến họp, người xa gần đến lễ và ngoạn cảnh rất đông, xe ngựa thường đi chật đường không ngớt. Hiện trong đình còn 18 đạo sắc, sớm nhất là đạo sắc năm thứ 1 niên hiệu Thịnh Đức (1653) chứng tỏ đình Quán La có từ rất sớm.

Đình thờ thành hoàng làng là Duệ Trang cùng hai nàng hầu của bà, những người có công khai phá đất đai, dạy dân quanh vùng cày cấy. Các đạo sắc phong tặng Duệ Trang là: Đại vương thượng đẳng thần, Trung Dũng, Uy Mục, Trinh Thuần, Hộ quốc ti dân.

Đình Quán La dựng trên một khu đất cao, các

cụ thường gọi là Thất Tình. Đình có vườn, tam quan, sân. Đình xây theo hướng nam ghé tây. Đại đình 4 gian, hậu cung 1 gian.

Đình Quán La còn bảo tồn được nhiều hiện vật, tượng, các mảng chạm khắc cổ có giá trị.

Đình (chùa) Quán La đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 31.1.1992.

108. ĐỀN QUÁN THÁNH

Đền được lập từ khi Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long (1010). Vua cho rước bài vị của thần về ở phía tây bắc thành, gọi là Huyền Thiên Chấn Vũ đại đế quán. Quán là nơi thờ tự của đạo Giáo, dân chúng quen gọi là đền Trấn Vũ hoặc đền Quán Thánh. Đền hiện ở ngã tư đường Thanh Niên và đường Quán Thánh, đời Lê thuộc đất phường Thuỵ Chương, huyện Vĩnh Thuận, ở phía nam Hồ Tây.

Theo truyền thuyết dân gian và các bản sự tích chép bằng chữ Hán, (do tổng đốc Hà Nội - Hưng Yên là Nguyễn Đính và Dumoutier nguyên là thanh tra học chính Bắc Kì sưu tầm và biên soạn năm 1888), thì Huyền Thiên Chấn Vũ có rất nhiều công lao với dân vùng Giao Chỉ trước đây và Thăng Long nên được coi là thành hoàng phía bắc

của thành. Huyền Thiên Chấn Vũ là thần cai quản phương bắc, đã sang nước Việt đánh đuổi ngoại xâm 3 lần. Lần thứ nhất, vào đời Hùng Vương thứ 6 quân giặc từ vùng biển tràn vào đánh phá, không tướng nào chống cự lại được. Thần đã hoá thân vào trong cái gậy đá của một gia đình ông bà già ở Tiên Lạt, xứ Việt Thường, rồi biến thành 1 cậu bé 7 tuổi, thông minh nhanh nhẹn, khi nghe vua cầu người tài giỏi đánh giặc, đã một mình đánh tan giặc và sau đó đến ngọn núi Phượng Hoàng (huyện Kim Anh ngày nay) thì hoá. Lần thứ hai, vào đời Hùng Vương 7, giặc Hán sang xâm lược nước ta do tướng là Thạch Linh dẫn đến đóng ở bờ sông Thương. Danh tướng nước ta là Lý Công Đạt đem quân đến núi Tam Tùng để chống giữ nhưng bị thua, phải chạy về đến thành Long Đỗ (Thăng Long). Vua cho cầu người tài giỏi giúp nước. Huyền Thiên Chấn Vũ đã đầu thai vào một bà mẹ ở làng Nghĩa Vi tổng Vũ Ninh thành một cậu bé, bỗng chốc lớn lên nhanh chóng và nói với sứ giả rèn cho một con ngựa sắt nặng nghìn cân và một roi sắt nặng trăm cân. Thần cùng 3 tướng dẫn 3 vạn quân, đuổi đánh chúng ở xứ Vũ Ninh, giết được 4 tướng giặc và sau đó đến núi Vệ Linh rồi hoá, bay lên trời. Vua Hùng phong tước gọi là Thiên Vương và cho lập đền thờ thần. Ở nơi thần sinh ra, dân làng cũng lập đền thờ và khắc vào bia đá 7 chữ "Đổng Thiên Vương Thánh Mẫu cô trạch". Như vậy

là Huyền Thiên Chấn Vũ cũng chính là Thánh Gióng mà nhân dân ta vẫn thờ cúng, có công trong việc đánh giặc Ân.

Bên cạnh giúp dân chống xâm lăng, Huyền Thiên Chấn Vũ còn giúp dân trừ từ ma, yêu quái phá hoại đời sống yên lành vùng xung quanh thành Thăng Long. Vào đời Hùng Vương 14, ở làng Bồ Đề cạnh sông Hồng có một con rùa có nhiều phép làm hại dân, thần đã đến và làm phép để giết chết. Vào cuối đời các Vua Hùng, gần thành Long Đỗ có một con cáo chín đuôi rất dữ tợn, thần đến đánh chết, chỗ giao tranh trở thành Hồ Tây. Khi vua An Dương Vương xây thành Cổ Loa, có tinh gà trắng và quỷ ở vùng núi Thất Diệu hiện ra quấy nhiễu phá thành, theo lời cầu khẩn của thần Kim Quy, Huyền Thiên Chấn Vũ đã hiện lên ở núi Xuân Lôi, nay thuộc tỉnh Hà Bắc để giúp An Dương Vương trừ tà. Vua cho lập đền ở phía bắc thành Cổ Loa, thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội ngày nay. Thần trở về phương Bắc, đầu thai làm con vua Tuỳ, lớn lên thần đã tu luyện các phép. Thần trở lại nước Nam đến thành Long Đỗ (Hà Nội ngày nay), thần vứt ruột lòng xuống sông Hồng Hà, các thứ đó biến thành rùa, rắn, gây tai hoạ cho dân, thần lại ra tay diệt chúng rồi bay lên trời. Đời Đường Đức Tông, có một con quỷ gieo rắc các bệnh tật cho trẻ em Trung Quốc, thần đã giúp cho trẻ khỏi bệnh. Đời vua Đinh, có một cây ngô đồng cổ

thụ đã trở thành tổ của loài quỷ có răng vàng, thường gây tai hoạ cho xung quanh, thần đã biến thành một pháp sư để diệt trừ lũ quỷ đó.

Đời vua Lê Đại Hành, thần đã hoá thành nguyên soái Thiên Bồng hạ giới xuống làng Lỗ Lâm (nay là xã Định Công) gần thành Long Đỗ để diệt trừ quỷ dữ. Thần treo áo nón vào góc một cây anh đào rồi biến mất. Khi Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng là hai tướng nhà Tống sang đánh nước ta, thần đã đến động viên vua và giúp. Thần hoá phép thành một trận cuồng phong làm cho nước sông Trương và Nguyệt Đức dâng sóng to như biển cả, thần hiện ra thành một vị tướng trên trời, cao 10 trượng, mặc áo chiến bao vàng, tay cầm ngọn giáo bằng vàng. Quân Tống trông thấy khiếp sợ chạy trốn. Vua cho xây ở núi Sóc đền thờ thần và cho dựng tượng thần như đã trông thấy trong lúc ra trận. Đây là lần thứ 3 thần giúp dân ta chống giặc ngoại xâm.

Đời Lý Thánh Tông, trên sông Hồng Hà, ở gần kinh thành Thăng Long, lại có 3 con vật là Hồ tinh, Quy tinh và Xà tinh phá vỡ đê sông Hồng, Huyền Thiên Chấn Vũ đã xuất hiện từ hồ Dâm Đàm, hoá thành một trận giông tố sấm sét giết chết chúng, từ đó đê sông Hồng được vững vàng. Vua cho lập đền thờ gọi là đền Chân Vũ, chính là ngôi đền hiện nay.

Đến đời Trần nhiều quỷ dữ lại xuất hiện ở châu Yên Phú (Bắc Giang), thần đã xuống đánh đuổi chúng rồi bay lên trời, vết chân thần đi nay còn ở các làng Châu Hồ và Nội Trù. Vào cuối đời Trần, ở vùng Gia Lâm, lại có một con quỷ cái là "Mẹ ranh cành sát" và một con hổ đến phá hại dân lành, thần đã giúp tiêu diệt chúng rồi lại bay lên trời.

Thần có rất nhiều phép lạ vì thần đã tu luyện trong hang ở Vũ Dương trong 42 năm, khi còn ở phương Bắc. Thần đã giúp cho dân nhà Chu khỏi bệnh dịch hạch, thần đã tiêu diệt trong nháy mắt tất cả các loài quỷ dữ. Thần đã được Thượng đế phong 36 tước cao quý bắt đầu là từ Đại Từ, Đại Bi và sau lại được gọi Huyền Thiên Thượng Đế. Thần đã đem lại bình yên cho dân Việt Nam, là một phúc thần nên được gọi là Đế Phúc Thiên Nam. Đến đời Lê Nhân Tông và Lê Thánh Tông, các vua cũng thường đến đây để cầu mưa mỗi khi có hạn hán, những lời khấn thần còn ghi trong *Thiên Nam dư hạ tập*.

Ngôi đền hiện nay đã được sửa chữa nhiều lần. Năm Đinh Tỵ niên hiệu Vĩnh Trị 2 (1677), đời Lê Hi Tông, chúa Trịnh Tạc sai đình thần là Nguyễn Đình Luân trùng tu. Tượng Huyền Thiên Chấn Vũ trước đây bằng gỗ đã bị mối mọt, đã được triều đình cho đúc lại bằng đồng đen (hun). Tượng cao 8 thước 2 tấc ta (3,48m) chu vi là 8 thước 7 tấc

(3,78m) nặng 6600 cân ta (3.986,4kg). Trên thực tế, đo chiều cao là 3,07m, chu vi là 8m. Tượng mặt vuông, mắt nhìn thẳng, râu dài, tóc xoã không đội mũ, mặc áo đạo sĩ, ngồi trên bục đá, tay trái bắt quyết, tay phải chống gươm có rắn quấn và chống lên lưng một con rùa. Tượng Huyền Thiên Chấn Vũ là một công trình nghệ thuật đúc tượng điêu khắc độc đáo, đánh dấu kĩ thuật đúc đồng và tài nghệ của dân ta cách đây 3 thế kỉ. Ở nhà bái đường có một pho tượng nữa, nhỏ hơn, cũng bằng đồng đen, nhiều người cho rằng đây là tượng ông Trùm Trọng, người thợ cả đã chỉ huy việc đúc pho tượng Chấn Vũ. Tượng này là do các học trò của ông đúc để ghi nhớ công ơn của thầy. Cùng đúc với tượng là quả chuông cao gần 1,5m treo ở gác tam quan.

Sau khi sửa xong, trạng nguyên Đặng Công Chất và tiến sĩ Hồ Sĩ Dương đã soạn văn bia. Thời Tây Sơn, đô đốc Lê Văn Ngữ, cùng nhiều người nữa đã quyên tiền đúc chiếc khánh bằng đồng (chiều 1,10 x 1,25m) vào năm Cảnh Thịnh 2. Mặt khánh khắc chữ Hán đại ý nói đền mới có chuông và trống, nay có thêm khánh sẽ hoàn chỉnh hơn về những âm thanh phát ra. Khánh gợi hình ảnh mặt trăng và núi rừng. Nghe tiếng khánh vang lên, những người đang buồn rầu bỗng trở nên vui vẻ, người ngu tối sẽ trở nên minh mẫn.

Đến đời Nguyễn, vua Minh Mạng đến thăm

đền, đã cấp tiền tu sửa, năm 1923 cho đổi tên là Chấn Vũ Quán. Năm 1856, bố chánh Sơn Tây là Phạm Xuân Quế, bố chánh Hà Nội là Tôn Thất Giáo, tri huyện Vĩnh Thuận là Phan Huy Khiêm đã tổ chức quyên góp trùng tu, sửa lại chính điện, đình đốt hương, bái đường và gác chuông, làm thêm hai dãy hành lang bên phải và bên trái, đắp lại bốn pho tượng đại nguyên soái, tượng thần Đương Niên hành khiển, đắp lại tượng Văn Xương Đế Quân và dời xuống hậu đường phía sau. Năm 1842 vua Thiệu Trị đến thăm và dâng một đồng tiền vàng, cùng 15 đồng tiền vàng loại vừa do các hoàng thân dâng, được đúc lại thành một cái vòng vàng, dùng sợi dây bạc xâu để treo ở cổ tay tượng thần. Đằng sau đền lại đắp hòn núi non bộ trong một bể con và dựng một đền nhỏ gọi là Vũ Đương Sơn. Sửa chữa xong, có dựng bia do tiến sĩ Lê Hi Vĩnh soạn. Đền có 6 bia. Kiến trúc, trang trí của đền hiện nay chủ yếu là đời Nguyễn.

Huyền Thiên Chấn Vũ là một hình tượng kết hợp thần thoại tín ngưỡng Trung Quốc đã được Việt Nam hoá, là một biểu tượng của sức mạnh chống thiên nhiên và ngoại xâm của dân tộc đã được thần linh hoá. Thần không phải chỉ là của đạo giáo mà thực sự là một vị phúc thần, thành hoàng của kinh thành Thăng Long. Chính vì vậy đông đảo dân chúng khắp nơi đã về dự lễ dâng hương vào mùa xuân.

Đền Quán Thánh đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử văn hoá ngày 28.4.1962.

109. ĐÌNH QUẢNG BÁ

Đình Quảng Bá thuộc xã Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Đình Quảng Bá thờ Phùng Hưng (Bố Cái đại vương) và 6 vị thần khác. Các câu đối, đại từ và tấm bia đá dựng năm 1811 (hiện nay còn lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử) khẳng định điều này. Theo truyền thuyết của các cụ trong làng thì nơi đây là đại bản doanh của Phùng Hưng khi tiến đánh thành Tống Bình, các gò đống với tên gọi cổ xưa như gò Lá Cờ (nơi cắm cờ tập trận), gò Bến Trùm (nơi quân lính xuống tắm), gò Con Mộc (nơi quân lính tập mộc khiên) càng minh chứng cho truyền thuyết.

Ngày 29.9.1962 Hồ Chủ tịch đã về thăm địa phương và đứng trên thềm đình nói chuyện với nhân dân trong cuộc mít tinh phát động phong trào phòng dịch.

Đình dựng trên thế đất cao trông ra Hồ Tây, gồm giếng đình, cổng đình, sân đình, hai bên giải vũ, đại đình và hậu cung. Phần kiến trúc quan trọng nhất là đại đình và hậu cung. Đại đình gồm 2 nếp nhà chính xây theo kiểu chữ nhị, lợp ngói ta. Bờ nóc chạy thẳng, ở chính giữa có đắp hổ phù đội

mặt trời. Hai đầu hồi được đắp hoa vân mây cuộn và hình cá hoa rồng. Đại đình có 7 gian, 6 vì kèo làm kiểu giá chiêng, các bộ vì đều được trang trí văn mây, hoa lá cách điệu. Đáng chú ý là các bức cốn của đình được chạm trổ rất tỉ mỉ, bức bên phải với đề tài rồng, lân, bên trái là rồng phượng. Đặc biệt là bộ cửa võng đồ sộ sơn son thếp vàng với đề tài cửu long tranh châu được tạo tác tinh tế đến từng chi tiết.

Hậu cung 3 gian chính xây cao hơn hẳn đại đình. Ở giữa bờ nóc có đắp bầu rượu và cá hoá long. Kết cấu vì kèo hậu cung đơn giản, phía trên các vòm cuốn có đắp hình lưỡng long chầu nguyệt, phượng hàm thư, lân vờn câu v. v... Ở gian giữa có ngai thờ Phùng Hưng với nét chạm khoẻ, mạch lạc. Đáng chú ý hơn cả là một nhang án mang phong cách thế kỉ 17 - 18 dạng sập chân quỳ với các hoạ tiết chạm rồng, hoa lá, mặt trời đặt ngay sát ban thờ gian hậu cung.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.10.1991.

110. ĐÌNH QUỲNH ĐÔ

Đình Quỳnh Đô thuộc thôn Quỳnh Đô, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Quỳnh Đô được xây dựng khá lâu đời. Di tích còn giữ được những hiện vật có niên đại khá sớm như đạo sắc phong năm thứ 2 niên hiệu Vĩnh Khánh (1720).

Đình thờ thành hoàng là Tô Hiến Thành. Tô Hiến Thành hiệu Phi Diên người làng Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng (Hà Tây) sinh ngày 22.1 âm lịch (không rõ năm). Ông làm quan trải 3 triều vua: Lý Thần Tông (1128-1138), Lý Anh Tông (1138-1175), Lý Cao Tông (1175-1210). Ông tận tâm vì nước, làm quan đến chức Thái phó, Thái uý, cầm quân đánh giặc, điều khiển triều đình trị nước, an dân có rất nhiều công trạng. Ông làm quan liêm khiết, trung chính. Ông mất ngày 12.6 âm lịch năm 1179, vua thương tiếc, giảm ăn 3 ngày, nghỉ chầu 6 hôm. Nhiều nơi đã lập đền thờ ông.

Đình Quỳnh Đô hiện nay có tam quan, trên có bức đại tự đề 4 chữ: Quỳnh Đô công đình. Bên trong sân có nhà tiền tế 5 gian làm kiểu đầu hồi bít đốc. Song song với nhà tiền tế là toà đại bái 5 gian xây kiểu đầu hồi bít đốc.

Đình (chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.9.1989.

111. ĐÌNH SÀI ĐỒNG

Đình Sài Đồng ở thôn Sài Đồng, phường Gia Thuy, quận Long Biên, Hà Nội.

Đình thờ Linh Lang đại vương, người có công trong cuộc kháng chiến chống Tống ở thế kỉ 11. Do có công lớn, hi sinh vì nước nên Linh Lang đại vương được thờ ở nhiều nơi; điểm thờ chính ở đền Voi Phục (công viên Thủ Lệ), tương truyền là cung điện của ngài.

Đình Sài Đồng có từ lâu đời. Đình quay hướng nam, phía trước có giếng. Mặt bằng toà đại đình hình chuôi vồ, gồm đại bái 5 gian, hậu cung 1 gian và tả hữu mạc, mỗi bên 4 gian. Di vật trong đình gồm có 1 thần tích, 12 đạo sắc phong, sắc sớm nhất còn lại vào năm Cảnh Hưng 44 (1783), Quang Trung 4 (1792), Cảnh Thịnh 1 (1793), 1 long ngai, bài vị sơn son thếp vàng, 9 chiếc đài bằng đồng bên trong đặt 9 chiếc chén bằng bạc, 1 bộ bát bửu, 2 quán tẩy sơn son thếp vàng chạm rồng phượng, hoa mai, lá sen, 2 cỗ kiệu sơn son thếp vàng, 1 đôi hạc đứng trên lưng rùa, 1 phỗng bằng gỗ có niên đại thế kỷ 18.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.1.1992.

112. ĐỀN SÁI VÀ LỄ HỘI RƯỚC VUA

Đền Sái thuộc thôn Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đền Sái là di tích gắn liền với việc vua Thục An Dương Vương xây thành Cổ Loa. Tương truyền vua xây thành cứ ngày đắp đêm lại bị đổ, mãi không thành, vì bị yêu ma Bạch Kê Tinh (tinh gà trắng) phá hoại. Tinh gà trắng ban ngày trú ẩn ở núi Thất Diệu, ban đêm lại xuất hiện. Vua không biết tìm cách nào để trừ khử, bèn làm đài cầu khẩn, liền được Huyền Thiên Chấn Vũ sai thần Kim Quy hiện ra mách bảo kế chém giết tinh gà trắng nên thành ốc mới xây xong. Tưởng nhớ công đức của Huyền Thiên, vua đã cho xây đền ở đỉnh núi Thất Diệu để thờ, đền này được gọi là đền Sái. Đây cũng là nơi Huyền Thiên đã tu luyện và cũng được gọi là Vũ Đương Sơn. Vua Thục hàng năm thường đến bái yết, quan quân từ Cổ Loa kéo đến, sau khi làm lễ tượng trưng cho việc giết Bạch Kê tinh, lại trở về kinh đô. Lý Thái Tổ sau khi dời đô ra Thăng Long đã đến núi Sài cầu Huyền Thiên và sinh được hoàng tử. Thấy công đức của Huyền Thiên rất to lớn nên vua đã cho xây đền Chấn Vũ ở phía bắc kinh thành, rước Huyền Thiên về thờ ở đó và thần được coi là thần ngự trấn phía bắc của "Thăng Long tứ trấn". Khi nhà Lý chống quân Tống xâm lược thì thần Huyền Thiên Chấn Vũ được thờ ở đền Sái đã hiện ra hỗ trợ trên sông Như Nguyệt làm cho quân Tống phải khiếp sợ.

Đền Sái được xây trên một quả đồi cao giữa đồng, gồm nhiều công trình, quay mặt về hướng

nam trên nhiều mặt bằng theo chiều thoải dần của sườn đồi. Từ dưới đi lên phải qua 25 bậc thềm đá. Tiếp đến gác chuông là một nhà 3 gian 2 chái. Sau gác chuông là đền Kính Thiên, nhà tiền tế, tiền đường, hậu cung. Dấu vết kiến trúc thời Lý, Trần không còn. Những công trình này có thể đều được xây dựng vào thời cuối Lê đầu Nguyễn. Đền có nhiều đồ thờ cổ, tượng thần Huyền Thiên Chấn Vũ bằng đất sơn son thếp vàng, cao, ngồi tĩnh tại, chân đế có chạm các hình rùa và rắn, phía sau có 2 tượng phụ mẫu. Đặc biệt có cây hương đá làm vào thời Lê Chính Hoà và các viên gạch lát có vẽ vân rồng thời Lê. Đền Sái còn gồm các dấu tích liên quân đến Huyền Thiên Chấn Vũ như "mã để tiên tích" (vết chân của ngựa tiền), "tiền tỉnh" (giếng tiền), "tiền trì" (ao tiền). Đền được xây trên một quả đồi, xung quanh có rừng cây xanh tốt cảnh quan đó giúp thêm cho vẻ tôn nghiêm của nơi thờ thần.

Ở phía đông của đền, trên một quả đồi nhỏ, tên gọi là Châu Lai, còn đền Thượng, thờ Cao Sơn đại vương. Cách đền vài trăm mét có một gò đất được gọi là Mô vọng bái là nơi để vua làm lễ bái vọng đền trong lễ hội hàng năm. Trong thôn có đình Nhội, tương truyền đình này làm trên đất hành cung của vua Thục khi vua về làm lễ bái yết Huyền Thiên; do đó ngôi đình này không thờ thành hoàng làng.

Lễ hội đền Sái được gọi là Lễ "hội rước vua"

được tổ chức vào ngày 12 tháng giêng hàng năm. Từ trước tết âm lịch, dân làng đã chọn người đóng vua, sứ, quan trấn thủ và các quan khác đồng thời tập dượt nghi lễ. Ngày mồng 5 tháng giêng lễ sửa đường; mồng 6 lễ cắm dinh, chọn chỗ cho vua, sứ và các quan đặt dinh của mình; ngày mồng 9 làm lễ thượng thỉnh, làm cỗ chay gồm bánh dày, bánh chưng dâng vua để phát cho quan quân. Mồng 10, làm lễ "sỉnh sinh": vua khao thưởng dân. Ngày 11, những người đóng vai vua, sứ, quan đi lễ thành hoàng làng là Đồng Hải đại vương và Tam Giang đại vương. Ngày 12 lễ chính, từ sáng sớm mọi người đóng các vai đã tề tựu ở đình. Vua và sứ được con cháu khênh kiệu rước từ nhà ra. Mọi người đều hoá trang, đánh phấn, mặc quần áo, đội mũ, đi hia như đóng vai. Lễ hội bắt đầu bằng việc vua (đóng đinh ở trong đình) sai 4 xá nhân đến gọi quan trấn thủ (đóng ở ngoài cùng) sang hầu. Quan trấn thủ mời sứ cùng sang. Sứ phải đi vòng 3 vòng quanh đình, 4 xá nhân mới cho vào yết kiến vua. Các quan viên mang theo những đầu gà làm bằng gốc tre sơn trắng bôi phẩm đỏ làm mào. Các đầu gà được bêu lên để làm lễ mừng, mọi người hò reo. Quan trấn thủ vào hầu vua và nhận lệnh trông thành để vua xa giá. Sau đó, vua đến dinh quan trấn thủ. Quan trấn thủ điểm danh quân và đọc "tích ca" rồi làm lễ rước vua ra Đồng Châu, có các quan lính đi hộ vệ. Vua đến gò Mô làm lễ bái vọng thần Huyền Thiên. Sau lễ bái vọng, vua lên kiệu

quay trở về. Sứ ngồi trên kiệu được rước về đền. Đám rước có dàn nhạc cổ, phường bát âm, chiêng trống hoà tấu. Khi đến đền Thượng, sứ xuống làm lễ ướm gươm vào hòn đá ở sau đền rồi chém 3 nhát, có đổ phẩm đỏ, tượng trưng cho Bạch Kê tinh đã bị giết. Xong việc sứ (Thanh Giang) vào đền làm lễ bái tạ Cao Sơn đại vương và ẩn ở trong đó. Kiệu không có người được rước quay về.

Lễ hội rước vua kéo dài gần hết một ngày, nhằm diễn lại tích vua Thục cùng sứ Thanh Giang giao thành cho quan trấn thủ, rồi đến đền Sái cầu Huyền Thiên Chấn Vũ và diệt trừ được tinh gà trắng. Buổi sáng ở đình còn tổ chức hát cửa đình và hát tuồng. Ngày hôm sau còn các trò vui chơi khác như vật, chọi gà, cờ tướng... Dân làng là người dự hội và rước lễ cũng đồng thời là người xem hội, do đó lễ hội có tính chất quần chúng rộng rãi. Lễ hội có ý nghĩa lịch sử, biểu thị tinh thần ngưỡng mộ, biết ơn những thế lực đã giúp cho việc xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

Đền Sái đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc ngày 27.1.1986.

113. ĐÌNH, NGHÈ SEN HỒ

Đình, nghè Sen Hồ thuộc xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Sen Hồ là một làng cổ tiêu biểu và có

truyền thống văn hoá nên tới nay vẫn giữ được cụm di tích đình, nghè Sen Hồ và chùa Vạn Xuân.

Cụm di tích này được xây dựng trên một khu đất cao, tách biệt với khu cư trú. Chùa và nghè nằm ở vị trí trung tâm. Đình ở chính phía sau ngôi chùa. Theo truyền thuyết đình nghè Sen Hồ thờ Hùng Hiển, một nhân vật anh hùng dưới đời Vua Hùng Vương thứ 6. Theo cuốn "*Đại vương ngọc phả*" do Hàn lâm các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn ngày 10.9 năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) thì Hùng Hiển thông minh, ham học tập, văn võ song toàn. Năm 16 tuổi, cha mất được kế vị, tước phong Hùng Bá Công. Năm 19 tuổi là một chàng trai anh hùng. Năm 24 tuổi được Vua Hùng giao chức Bố Chính công, gần gũi nơi triều chính, khi giặc Ân sang xâm lược, Hùng Hiển công được phong chức Đại tướng quân, mang 5 ngàn quân chống giặc ở vùng Liên Đường, Gia Lâm. Ông chiêu mộ dân binh trong trang Liêu Đường và Kim Đường. Liêu Đường sau đổi tên là Sen Hồ. Sau ông được giao quản lĩnh thuỷ binh phối hợp với đạo quân của ông Gióng chống giặc ở cửa biển Hải Ninh. Giặc tan, dân Sen Hồ lập sinh từ thờ ông để ghi nhớ công lao người anh hùng có công với dân với nước.

Đình Sen Hồ mang phong cách kiến trúc thời Lê Trung Hưng , hình chữ nhất với toà đại đình to, rộng. Đại đình gồm 5 gian 2 dĩ, xây kiểu "tường hồi

bít đốc", mái lợp ngói ta. Các vì kèo kết cấu theo kiểu "thượng chồng giường giá chiêng hạ kẻ". Phần tam giác trên hai câu đầu của vì được chạm nổi 2 rồng chầu và mặt hổ phù ở chính giữa. Các cốn nách trên 2 vì giữa được chạm nổi bong kênh, chạm lọng rồng và phượng. Các hình rồng phượng hầu như được chạm khắc bề mặt của các bức cốn, điểm xuyết thêm hoa sen, rùa, cá chép, long mã, vân mây và các con trâu, hươu, nai... Các hoạ tiết ấy được thể hiện chắc, khoẻ, mạch lạc, điêu luyện, phản ánh giai đoạn chuyển tiếp từ Lê sang Nguyễn. Ở gian giữa đại đình, sát với tường hậu cung là cung cấm để thờ thần. Trong cung có khám thờ, chạm trổ tinh vi và có các pho tượng thị giả, có niên đại thế kỉ 19. Đình còn giữ được 7 đạo sắc phong của các triều đại phong cho vị thần được thờ ở đình là Hùng Hiển Công.

Nghè Sen Hồ có quy mô kiến trúc khá lớn, hình chữ tam. Ba nếp nhà được xây kế tiếp nhau theo hướng tây nam và liên hệ với nhau trong một không gian khép kín gồm nhà tiền tế, trung đường và hậu cung.

Tiền tế là nơi hội họp các thành viên trong làng xã nên được trang trí nhiều trên các cấu trúc của khung nhà. Các nghệ nhân xưa thường sử dụng kĩ thuật chạm nổi, chạm lộng và chạm bong kênh. Các hoạ tiết văn thực vật, văn mây, rồng lá, hoa cúc, phượng và văn chữ triện được sử dụng phổ

biến và mang nhiều tính sáng tạo. Riêng hình tượng rồng cũng đã biến cách rất linh hoạt, lúc thì rồng lá, lúc thì rồng cuốn thuỷ, lúc thì rồng trong mây. .. Tóm lại, kiến trúc nghè cũng tương tự như ngôi đình và hậu cung.

Nghè cũng còn giữ được nhiều di vật quý được tạo tác ở thế kỉ 18 và 19, như long ngai, bài vị, hạc gỗ, kiệu bành, bát bửu, phỗng, hương án v.v...

Đình nghè Sen Hồ (và chùa Vạn Xuân) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

114. ĐÌNH SIÊU QUẦN

Đình Siêu Quần thuộc thôn Siêu Quần, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Siêu Quần thờ hai vị nhân thần có công với nước thời Lê sơ là khai quốc công thần Trịnh Khả và tiến sĩ Nguyễn Phục. Phối thờ các vị phúc thần này còn có hai bà phu nhân là Minh Diễn công chúa Phương Dung và Quý Minh Trí Tỉnh phu nhân.

Trịnh Khả là người tham gia hội thề Lũng Nhai, có nhiều công, sau đánh thắng giặc Minh được ban quốc tính.

Nguyễn Phục (Tùng Giang tiên sinh) là người

xã Đình Vân, huyện Gia Phúc, xứ Hải Dương, xuất thân trong gia đình nho học, mẹ là người họ Nguyễn quê ở Kẻ Am, Thanh Trì. Ông đỗ thứ 3 trong số những tiến sĩ của khoa thi Quý Dậu (1453). Sau đó ông được mời vào giảng sách trong cung, dạy cho Nghi Dân, hoàng tử Tư Thành (sau này là vua Lê Thánh Tông). Ông đã đi sứ nhà Minh, học được nghề trồng dâu, nuôi tằm về nước dạy cho dân. Sau đó ông lại tham gia đánh Chiêm Thành. Ông chết khi phụ trách quân lương nam chinh.

Đình gồm đại đình, hậu cung, kiến trúc mang phong cách thời Nguyễn. Các bộ phận kiến trúc chạm rồng, hoa lá các đề tài hổ phù, long ẩn, tứ linh. Đình còn các di vật: hoành phi, câu đối, cửa võng, sập, hương án, hạc thờ, tam sư đồng, 4 cỗ long ngai, bài vị, sắc phong.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.2.1994.

115. ĐỀN SÓC

Di tích thuộc làng Xuân Tảo, thời Lý là hương Minh Tảo, thời Lê đổi là xã Minh Cảo, huyện Từ Liêm sau là xã Xuân Tảo. Năm 1961 đổi là xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Các sách xưa như *Việt điện u linh, Lĩnh Nam*

Chính quái, Đại Nam nhất thống chí đều nói nhiều đến di tích thờ Sóc Thiên Vương. Thời Lý việc tế ở đền được coi là quốc tế, vua và bộ Lễ hàng năm đến tế, cầu cho quốc thái dân an. Mỗi lần tế (mồng 7 tháng giêng) là một ngày hội lớn của dân Tây Hồ và Thăng Long.

Di tích xưa được kiến trúc to lớn khá đồ sộ còn nhiều chân tảng đá thời Lê đường kính khoảng 1m. Trên kiến trúc có nhiều mảng chạm khắc tinh tế các đề tài truyền thống: tứ linh, tứ quý... Đền còn có các đồ thờ: kiệu long đình, long ngai, hương án sơn son thếp vàng, đặc biệt là pho tượng Thiên vương, cao 4 m 56, làm vào cuối thế kỉ 18, bia đá khắc năm Chính Hoà 7 (1682), những chân tảng đá lớn chạm hoa sen thế kỉ 17, có đường kính 1,05m.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 15.11.1991.

116. ĐỀN SÓC SƠN

Đền thờ Thánh Gióng ở địa phận làng Vệ Linh nay thuộc xã Phú Lĩnh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, nên còn được gọi là đền Vệ Linh.

Tương truyền sau khi đánh tan giặc Ân ở Núi Trâu ngoài Vũ Ninh, Thánh Gióng phi ngựa về sông Hồng cho ngựa uống nước, rồi qua sông đến

bờ Hồ Tây thì nghỉ lại, mở cơm nắm ra ăn. Ăn xong, ngài phi ngựa lên phương bắc, tới làng Phù Lỗ thì dừng chân và ngủ một giấc. Ngủ dậy, Thánh Gióng phóng ngựa tới núi Sóc Sơn, phi thẳng lên đỉnh núi, cởi áo sắt vắt lên cành cây trâm, rồi cả người lẫn ngựa bay lên trời. Nay trên đỉnh núi có một mô đá giống hình móc cây được dân gọi là "cây cởi áo". Dân địa phương tưởng nhớ đã lập đền thờ ở đây gồm có đền Thượng và đền Hạ. Đền Thượng ngày nay không còn nữa. Đền Hạ cũng bị cháy vào năm 1898 nên kiến trúc của đền đều là do đời sau làm mới cả. Đền chỉ còn sót lại sau hoả hoạn đôi ngựa gỗ.

Hàng năm vào mùa xuân, ngày mồng 5 tháng giêng, dân 9 tổng: Sơn Dược, Phù Lỗ, Ninh Bắc, Hương Dinh, Kim Anh, Liêu Thương, Cổ Bái, Đông Đô, Xuân Bang, cùng đến tế và mở hội linh đình. Có nghi thức "dâng hoa tre" (một đoạn tre có một đầu được chẻ xơ) và "chém tướng" (giặc Ân).

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 28.4.1962.

117. ĐỀN SÒNG SƠN

Di tích ở số 35 phố Tôn Đức Thắng, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đền thờ bà chúa Liễu một trong "tứ bất tử" của tín ngưỡng Việt Nam. Đền mang tên "Sòng Sơn vọng từ" đã nói lên ý nghĩ, tâm linh của người dân Thăng Long.

Di tích nằm trong khu vực của di tích lịch sử văn hoá Văn Miếu Quốc Tử Giám. Kiến trúc đền mang vẻ đẹp dân gian truyền thống, trong đền còn nhiều pho tượng cổ thế kỉ 19. Hệ thống cửa võng cuốn thư, khám thờ, câu đối. Hoành phi, đại tự, chuông đồng, đồ gốm sứ rất có giá trị. Khám thờ của đền cũng là một trong những tác phẩm điêu khắc, sơn son thếp vàng có giá trị vào thời Nguyễn.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích nghệ thuật ngày 5.2.1994.

118. ĐÌNH TÀM XÁ

Đình Tàm Xá thuộc thôn Tàm Xá, xã Tàm Xá, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Theo thần tích của đình còn giữ được thì làng Tàm Xá đã có từ lâu đời. Đình Tàm Xá thờ thần Tản Viên (Nguyễn Tuấn) Cao Sơn Quý Minh và Long Linh (là 1 trong số 50 người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ). Qua các sắc phong cho thấy đình đã có từ cuối thế kỷ 16 đầu thế kỉ 17. Dân làng đã dỡ đi, làm lại và dời vị trí mấy lần vì những lần bị

lụt lớn. Cho đến 1974 dân Tàm Xá mới định vị trí đình như hiện nay.

Đình chỉ còn giữ lại những phần kiến trúc và đồ thờ tự là những chứng tích của ngôi đình lớn xưa. Đình có quy mô nhỏ: gồm 3 gian dọc trên một nền cao, kiểu vì kèo quá giang, chia thành 2 phần, phần trước là nơi hội họp, tế, phần sau xây bệ. Đình còn 4 ngai thờ, 1 án nhang chạm trổ khá đẹp và đồ thờ như bát hương, đỉnh trầm. Đình còn giữ được những tảng đá lớn và bia, nghê gỗ, cửa võng và 72 bản sắc phong. Đình Tàm Xá với lịch sử xây dựng qua các vị trí, với những dấu kiến trúc cổ và bản thần tích cũng như các sắc phong qua nhiều thời nói lên quá trình chống thiên tai, lũ lụt của làng Tàm Xá từ xa xưa và việc thờ Sơn Tinh Tản Viên và Long Linh đã ứng với điều kiện thiên nhiên.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 11.3.1992.

119. ĐÌNH TÂY MỖ, ĐỀN AM

Di tích nằm ở xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình thờ thần Long Hải đại vương. Bên trái đình thờ Ả Lã Nàng Đê là tướng của Hai Bà Trưng.

Đình Tây Mỗ có kiến trúc hình chữ nhật, quay hướng tây nam. Bộ vì mái làm kiểu "thượng chồng giường giá chiêng hạ kẻ", đặt trên 6 hàng chân. Ở gian giữa của đại bái có xây một bức tường ngăn tạo thành hậu cung, hai bên hậu cung còn 2 gian vẫn thông với đại bái phía trước. Trên toàn bộ các kết cấu kiến trúc được chạm khắc dầy đặc đề tài tứ linh, tứ quý... có phong cách nghệ thuật từ đầu thế kỷ 19-20.

Đền Am là một công trình nhỏ gồm một nhà tiền tế và hậu cung, được bố cục theo kiểu chữ đinh. Nghệ thuật kiến trúc không có gì đặc sắc. Đền còn giữ được nhiều di vật quý như ngai thờ, kiện mui luyện, nhang án, hương đồng.

Đền thờ Phúc Vương Tranh là con thứ 6 của vua Lê Thánh Tông, sinh ngày 27.3. năm Quang Thuận 8 (1467) và mất 6.8 năm Cảnh Thống 3 (1500). Vương là người học rộng tài cao, có đức độ. Khi mất được rước về chôn tại quê mẹ, xứ đồng thôn Hạnh Hoa, xã Tây Mỗ. Trên mộ có dựng bia đá, nay đã mòn.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

120. ĐÌNH, MIẾU TÂY TỰU

Đình, miếu Tây Tựu thuộc xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Tên Tây Tựu có từ đời vua Minh Mệnh nhà Nguyễn, trước kia gọi là Tây Đăm, do phải kiêng chữ huý tên nhà vua (Nguyễn Phúc Đảm) nên đổi thành Tây Tựu. Tuy nhiên nhân dân trong vùng vẫn gọi là đình Đăm.

Di tích cách trung tâm Hà Nội khoảng 20km về phía tây. Miếu Tây Tựu nằm ở bờ sông Nhuệ sát bên đường; đình ở trong làng, cách miếu 1000m.

Đình, miếu Tây Tựu đều thờ thần Bạch Hạc Tam Giang. Theo sử sách, thần là người có công trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền của dân tộc dưới thời kì Hùng Vương.

Đình, miếu Tây Tựu có những nét đẹp cổ kính. Đình có quy mô khá hoàn chỉnh tiêu biểu của ngôi đình Việt Nam. Phía trước là "ao chạ" hình vuông, tiếp đến là hai lầu chính ngự, bốn phương đình và hai dãy nhà tả hữu mạc dẫn vào khu đình. Dọc hai bên phải và trái có thuỷ đình, nhà hậu, văn chỉ và từ vũ cùng hai xưởng thuyền. Toà chính ngự xây trên đất cao 50cm rồi đến giá ngự. Đại đình và hậu cung có 5 gian. Nhà thuỷ tạ 3 gian. Miếu có tam quan, tiền tế 5 gian, hậu cung 3 gian.

Trong di tích còn nhiều hiện vật quý như: cửa võng, tượng phỗng, long ngai, quán tổng, hạc thờ, tượng đá, thần phả, sắc phong, khám, hương án, bia đá v.v...

Địa phương còn bảo lưu được tục bơi Đăm nổi tiếng.

Đình, miếu Tây Tựu đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 18.1.1993.

121. ĐÌNH, MIẾU TẾ XUYÊN *

Đình, miếu Tế Xuyên còn gọi là Ninh Xuyên theo tên làng xưa. Đình còn có tên là "Kinh Bắc hành cung" ở thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đình và miếu đều thờ Đỗ Trung là người có công đánh giặc Chà Hoà thời Trần. Ông vốn người Chàm sau khi đánh được giặc ông được phong đất Vũ Ninh. Khi về đây, ông thấy vùng hữu ngạn sông Thiên Đức đất đai màu mỡ nên đưa dân sang khai khẩn và còn cho xây dựng hành dinh và luỹ bảo vệ. Ông cũng là người giúp và khuyến khích dân trong việc nông, nên dân nhớ ơn và sau khi ông mất dân lập đình thờ ngay trên hành dinh của ông. Theo ngọc phả đại vương công thần triều Trần Dụ Tông do Nguyễn Bính biên soạn thì Đỗ Trung tức là vua Chàm làm nội thần nhà Trần được xây dựng hành cung ở Tế Xuyên.

Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* thì Đỗ Trung là người Chàm duy nhất được tôn làm thành hoàng ở

vùng đồng bằng Bắc Bộ. Điều này có thể gợi ý cho việc nghiên cứu về hành cung của vua Chàm Chế Chí ở Gia Lâm.

Đình Tế Xuyên còn là nơi dùng làm cơ quan in ấn tài liệu cách mạng thời kì 1941 - 1942, nơi đồng chí Lê Quang Đạo khi đó là Bí thư Ban cán sự đảng huyện Từ Sơn, sau đó làm Bí thư Cán sự đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã từng hoạt động. Thời kì 1946 - 1954 miếu và chùa còn là nơi hoạt động của cán bộ nội thành và du kích.

Đình Tế Xuyên là một công trình kiến trúc gồm có nhà tiền tế, đại đình, hậu cung, nhà cầu nối đại đình với hậu cung và tả mạc, hữu mạc ở hai bên hậu cung. Đình có sân gạch rộng và tường bao tạo thành một không gian khép kín. Trên mái nhà tiền tế, các bờ dải có đắp rồng, nghê. Trang trí trong tiền tế rất phong phú với những mảng chạm những vân mây, cây lá và các đầu dư chạm rồng và các cốn chạm tứ linh, tứ quý. Đại đình và hậu cung nối với nhau bằng một nhà cầu tạo hình chữ công. Đại đình có quy mô lớn, gồm lớp nhà ngang kiểu 4 mái có đao cong, bờ nóc đắp rồng chầu mặt trời, hai bên đầu hồi đắp hổ phù. Kết cấu vì kèo của đại đình theo kiểu "thượng chồng giường giá chiêng hạ kẻ", mái phân "thượng tứ hạ ngũ". Cột cái có đường kính 60cm, cột quân 45cm, được kê trên những tảng đá to, dày. Đại đình gồm 5 gian trước đây có sàn gỗ nay đã bị mất. Trên tất cả các bộ phận kiến

trúc của đại đình được chạm nổi các hoa văn rồng, mây trau chuốt, phong cách của cuối đời Lê đầu Nguyễn.

Miếu được xây dựng trên khu đất cao trước chùa, miếu có quy mô nhỏ gồm nhà tiền tế, đại bái và hậu cung. Nhà tiền tế 5 gian, xây bít đốc tay ngai, vì kèo kiểu "thượng chồng giường giá chiêng hạ kẻ". Các con giường, xà kẻ đều được bào trơn, bào xoi. Đại bái và hậu cung được bố cục thành hình chữ đinh. Đại bái có kiến trúc kiểu chồng diêm. Hậu cung gồm ba gian đối với phần giữa của đại bái, cũng kiến trúc kiểu hai tầng mái. Hai vì kèo ngoài hậu cung làm chồng giường, chồng khít với nhau thành cốn giường. Gian giữa hậu cung có sàn gỗ cao, bưng ván, làm nơi thờ cúng.

Đình, miếu Tế Xuyên còn một số bia, chuông, hương án, kiệu, hoành phi và câu đối. Ở chùa, ngoài tượng còn một hương án, 1 cây hương đá và bia có từ cuối Lê đầu Nguyễn Tây Sơn.

Đình, miếu (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 23.6.1992.

122. ĐÌNH THÁI BÌNH

Đình Thái Bình thuộc thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đình Thái Bình thờ bà hoàng hậu nhà Trần là Lý Chiêu Hoàng. Lý Chiêu Hoàng huý là Phật Kim con vua Lý Huệ Tông, thái sư Trần Thủ Độ gả cho Trần Cảnh rồi nhường ngôi cho Trần Cảnh làm hoàng hậu. Bà được các triều sau phong: Nguyên Lý thần hiệu, Phật Kim thượng hoàng thái hậu linh ứng, phụ quốc hiển hựu khang dân chi thần; tặng phong mĩ tự: công thần.

Đình Thái Bình được dựng từ lâu, kiến trúc trông về hướng nam. Đình có mặt bằng hình chuôi vồ. Toà đại đình 7 gian, hậu cung 3 gian.

Trong đình còn bảo tồn được nhiều mảng chạm di vật mang phong cách thế kỉ 18 - 19.

Hàng năm dân làng tổ chức lễ sinh thần ngày 12.3 âm lịch, làng vào đám 5 ngày. Lễ hoá thần vào ngày 12, 13 tháng chạp, lễ mộng thân 25.7 âm lịch.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 31.1.1992.

123. ĐÌNH THÁI CAM *

Đình Thái Cam ở số nhà 44 phố Hàng Vải, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Theo truyền ngôn của dân địa phương thì đình còn gọi là đình Rổ Rá vì trước đình xưa kia là nơi

bầy bán đồ đan, hoặc còn gọi là đình Tân Khai (gọi theo tên thôn xưa).

Đình thờ thần Tô Lịch, thần Bạch Mã (còn gọi là thần Long Đỗ) và thần Thiết Lâm, là những vị thành hoàng bảo hộ thành Thăng Long xưa, từ khi Lý Thái Tổ dựng đô tại Thăng Long (1010).

Theo tấm bia năm Minh Mệnh 21 (1840) và tấm bia "Bản tự chân chuyện bi kí" khắc năm 1845 thì đình Thái Cam được xây dựng năm 1822, là năm thành lập thôn Tân Khai trên khu đất khai hoang ở ven đường phía đông thành cũ đời Lê. Sau đó đình Thái Cam được trùng tu sửa chữa nhiều lần, lớn nhất vào năm 1951. Nay đình chỉ còn hậu cung xây kiểu chữ công quay về hướng đông nam.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 9.1.1990.

124. ĐÌNH THANH AM

Đình Thanh Am ở thôn Thanh Am, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội.

Đình được xây dựng từ khá lâu đời. Đình thờ hai vợ chồng Đào Kỳ - Phương Dung là 2 vị tướng có công giúp Hai Bà Trưng đánh giặc, khi mất đã được phong là Đô Hộ đại vương và An Lạc công

chúa. Đình cũng thờ Nguyễn Bỉnh Khiêm, một danh nhân văn hoá thế kỉ 16. Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 - 1585) tên là Văn Đạt, tự là Hạnh Phủ, hiệu là Bạch Vân tiên sinh, quê ở làng Trung Am, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Ông thi đỗ trạng nguyên dưới triều Mạc, năm 1535, lúc đã 44 tuổi và ra làm quan với triều Mạc trong 8 năm. Trong thời gian làm quan ở kinh đô, ông đã đưa con cháu lên định cư tại làng Thanh Am bên dòng sông Thiên Đức (sông Đuống) xây dựng thành một làng trù phú, lúc đầu có tên là Hoà Am. Sau khi ông mất, do có công với dân làng nên được tôn thờ cùng làm thành hoàng làng.

Đình Thanh Am có quy mô kiến trúc lớn, chiều dài 29m, chiều rộng 11m, diện tích là 328m^2. Đình có 4 mái lợp ngói ta, có các đầu đao uốn cong. Bờ nóc có đắp đôi rồng chầu mặt trời lửa trên đầu hổ phù ở giữa. Đình có 7 gian, các bộ vì được làm kiểu "chồng giường giá chiêng hạ kẻ" trên 6 hàng chân. Giá chiêng được tạo thành bởi 2 cột trốn đặt trên câu đầu to. Giường nách được chồng thưa, đầu ăn sâu chân mộng cột quân và cột hiên. Cột cái cao 5,1m, chu vi 1,8m, cột quân chu vi 1,4m, cột hiên chu vi 1,2m, cột được kê trên đá tảng to. Bộ khung gỗ của đại đình được chạm trổ, các con giường được chạm nổi hoa lá vân mây. Đầu kẻ được chạm sâu các hình rồng mây, phần trên có chạm tứ linh, tứ quý khắp bề mặt của kẻ.

Hậu cung gồm 3 gian, sát phương đình, kiến trúc đơn giản theo kiểu chữ công.

Đình còn lưu giữ được cuốn thần phả viết về Trình Quốc Công Nguyễn Bỉnh Khiêm và cuốn Sấm kí một quả chuông "Tạo chú hồng chung" có niên hiệu Cảnh Thịnh 1 (1793).

Đình Thanh Am đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 9.1.1990.

125. ĐÌNH THANH HÀ

Đình Thanh Hà toạ lạc tại số 10 Ngõ Gạch, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đình thờ đại vương họ Trần, tên Lựu, sống dưới triều Trần, có công đánh dẹp giặc phương Bắc. Ngày khải hoàn, đại vương về đến thôn Thanh Hà, tổng Đồng Xuân, thành Thăng Long mở tiệc khao quân, và mời phụ lão các làng chung quanh tới dự, ai nấy vui mừng. Đại vương được phong Thiên Đô đại thành hoàng túc thanh linh ứng đại vương. Ông sinh ngày 4.4 và mất 15.9 (âm lịch).

Tương truyền đình xây dựng từ thời Trần, trải qua nhiều lần trùng tu sửa chữa nay đình còn giữ được nhiều mảng chạm khắc, cửa võng và đồ thờ tự

bằng gỗ sơn son thếp vàng mang phong cách nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.1.1989.

126. ĐỀN THANH NHÀN

Đền Thanh Nhàn ở xóm Trung, thôn Thanh Nhàn, xã Thanh Nhàn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Đền còn được gọi là đền Tam Tổng vì đền thờ Phù Đổng thiên vương do 3 tổng Cổ Bái, Kim Anh và Gia Thượng cùng lo việc thờ cúng.

Đền Thanh Nhàn thờ Phù Đổng thiên vương Thánh Gióng. Tương truyền đây là nơi đức Thánh Gióng đi qua, nghỉ ngơi lấy thêm quân trong dân làng để đánh giặc Ân.

Ngôi đền đã có từ lâu theo sắc phong và bi kí ghi lại cuối thế kỉ 16 đã có đền. Đến năm 1947, thực dân Pháp cùng tay sai đã phá hoại; chỉ còn lại cung đệ nhất, cung đệ nhị và đệ tam mới được khôi phục lại trên nền cũ. Nhìn chung, mặt bằng đền Thanh Nhàn bố cục hình chữ tam, gồm các cung tiền tế, cung đệ tam, cung đệ nhị (tức hậu cung), ba cung đệ nhị, đệ tam, tiền tế đều có tượng đức thánh Phù Đổng và một số đồ vật tế lễ.

Hàng năm vào ngày 6 tháng giêng tổ chức mở hội tưởng nhớ ngày đức thánh qua đây nghỉ lại.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.3.1990.

127. ĐỀN THẮNG TRÍ

Đền nằm giữa thôn Thắng Trí, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Đền thờ Cao Sơn, Quý Minh là hai vị tướng có công ở thời kì Hùng Vương 18. Truyền thuyết cho biết hai ông khi thắng lớn ở chân núi Sóc Sơn, đã về mở tiệc ăn mừng, cải tên trang Thanh Hoa thành Thắng Trí để kỉ niệm. Sau khi các ông mất được phong đệ nhất thánh cả Cao Sơn, đệ nhị Quý Minh hiển ứng. Đền còn thờ thần bản thổ là Cao Sơn Uy Minh.

Đền có mặt bằng hình chữ công, gồm đại tế, giải muống và hậu cung. Đại tế gồm 7 gian, giải muống 2 gian, hậu cung 3 gian. Kiến trúc chạm hoa văn thực vật, hổ phù. Đền còn nhiều di vật quý như hoành phi câu đối, hương án, hạc, kiệu bát cống, bài vị, quán tẩy, bộ tam sự, bát bửu...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 20.7.1994.

128. ĐÌNH THỊ CẤM

Đình Thị Cấm thuộc thôn Thị Cấm, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Theo truyền thuyết, đình Thị Cấm được xây dựng từ xa xưa. Hiện nay hiện vật cổ nhất lưu giữ tại đình là đạo sắc phong niên hiệu Vĩnh Thịnh (1707) vì vậy có thể đoán định đình được dựng trước niên đại đó.

Đình Thị Cấm thờ thành hoàng là Cổ mục phán quan Phan Ông Tây Nhạc và 3 bà vợ. Ông là người có công bảo vệ triều đại của Hùng Duệ Vương. Các bà vợ là Tả phi nhân công chúa, Hữu hoàng hậu công chúa và Hoa Dung công chúa có công trong việc bảo vệ doanh trại, cung cấp quân lương.

Đình làm trên một khu đất bằng phẳng kề bên khu cư trú của làng, quay mặt về hướng đông, trông về kinh thành Thăng Long. Kiến trúc đình Thị Cấm gồm tam quan gạch, nhà ngang và toà đại đình. Toà đại đình hình chuôi vồ. Đại bái đình ngoài 5 gian, xây tường gạch kiểu "đầu hồi bít đốc". Sau đình ngoài tiếp đến đình trong hình chuôi vồ, phần bái đường 3 gian, hậu cung 2 gian.

Để tưởng nhớ công lao của vị thành hoàng, hàng năm dân làng tổ chức hội làng từ 12 đến 22.2 âm lịch.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.3.1990.

129. ĐÌNH, ĐỀN THỌ AM

Đình, đền Thọ Am ở thôn Thọ Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội, cách trung tâm khoảng 15km.

Có thể đoán định là di tích ra đời từ đầu thế kỉ 17 khi xem các bản sắc phong đời Dương Hoà, Phúc Thái v.v... Năm Thiệu Trị 3 đình được mở rộng theo kiểu nội công ngoại quốc. Năm Tự Đức 13 (1860) làm thêm 2 dãy tả hữu mạc, năm 1861 chữa lại hậu cung và năm Đồng Khánh nguyên niên (1886) trùng tu đại đình và giữ như hiện nay.

Đình Thọ Am thờ 2 vị thần là Đoàn Thượng (thời Lý, Trần) và Nguyễn Phục (thời Lê). Hai vị thần này đều có ghi chép trong lịch sử.

Nguyễn Phục còn gọi là Tùng Giang tiên sinh, người xã Hoài Lâm, Gia Phúc, Hải Dương, xuất thân trong một gia đình nhà nho có truyền thống, mẹ là người họ Nguyễn quê Kẻ Am (tức Thọ Am).

Đoàn Thượng người Hồng Thị, huyện Trường Tần, Hải Dương. Ông làm quan thời Lý, khi Trần đoạt ngôi triều Lý ông chống lại và sau bị thương và mất ở làng An Nhân, được dân lập miếu thờ.

Triều Lê phong ông là thượng đẳng phúc thần, nhiều nơi thờ ông là thành hoàng.

Đình có quy mô kiến trúc với nhiều lớp nhà, gồm đại đình, hậu cung. Đại đình có 5 gian, 1 dĩ xây bít đốc. Chính giữa nóc đắp hổ phù, phía trước có trụ biểu. Đình có vì kèo kết cấu kiểu "thượng chồng giường giá chiêng hạ kẻ". Bốn hàng chân, mái phân thượng tứ hạ ngũ, cột cái có chủ vị 120cm. Bậc lên đình xây bằng đá phiến, có phiến dài 1,1m, rộng 45cm. Hậu cung nối với gian giữa đại đình, xây tường bao kín tạo thành chữ đinh. Nhà rộng, có 4 bộ vì kèo theo kiểu "giá chiêng kẻ chuyền". Nền lát gạch đỏ, gian trong cũng có sàn cao để làm nơi thờ. Dọc 2 bên hậu cung có 2 dãy giải vũ, mỗi dãy 3 gian, kết cấu đơn giản vì kèo quá giang, tường hồi bít đốc, tường hậu cung có gắn một số bia. Về nghệ thuật chạm khắc ở đình Thọ Am được thể hiện trên khung nhà, các con giường với hoạ tiết hoa văn thực vật vân mây; các bẩy hiên được chạm rồng cách điệu. Đình còn có các mảng chạm trên ván nong đặt dưới hệ thống xà ngang nối các cột quân.

Đền Thọ Am được xây dựng để thờ Thánh Mẫu (mẹ Nguyễn Phục). Trước kia Thánh Mẫu cũng đặt thờ chung trong đình nhưng sau nhân dân đã xây đền và rước về thờ riêng ở đây (theo ghi ở nhà tiền tế của đền vào năm Khải Định bát niên, 1923).

Đền được xây sát phía sau hậu cung đình. Đền có quy mô kiến trúc nhỏ hình chữ đinh. Nhà tiền tế đền gồm 3 gian xây kiểu "thượng chồng giường giá chiêng hạ kẻ" mỗi vì có 4 cột mái phân thượng tứ hạ ngũ. Các con giường đều được chạm hoa văn thực vật vân mây và các bẩy hiên đều chạm rồng mây. Hậu cung đền gồm hai gian xây dọc, gắn với gian giữa tiền đường, kết cấu đơn giản. Trong xây bệ gạch cao để đặt đồ thờ và tượng Thánh Mẫu. Khám thờ chạm trổ cầu kì, thể hiện hình dáng như một ngôi nhà mái cong rất ít thấy trong số khám thờ mà chúng ta được biết.

Ngoài những kết cấu kiến trúc và những mảng chạm và hoạ tiết trang trí đình và đền còn giữ được nhiều hiện vật quý giá như bia đá, hoành phi, câu đối, long ngai, đòn kiệu và bộ bát bửu. Đình còn có quả chuông đúc thế kỉ 19, một bát hương gốm và lư đồng cùng những sắc phong từ thời Lê đến thời Nguyễn.

Đình, đền Thọ Am là một quần thể kiến trúc đẹp, các mảng chạm có giá trị nghệ thuật hết sức hấp dẫn, là một dấu tích về nền nghệ thuật truyền thống.

Những đồ thờ tự của đình, đền với một khối lượng nhiều như thế cộng với các sắc còn giữ được là một tài sản quý.

Đình, đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

130. ĐÌNH THỔ KHỐI

Đình Thổ Khối thuộc thôn Thổ Khối, phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội.

Đình Thổ Khối được xây dựng từ rất lâu. Di vật cổ nhất ở đình là bản sắc phong niên hiệu Vĩnh Khánh 2. Đình đã qua nhiều lần trùng tu, các tấm bia đá ở đình cho biết một số năm trùng tu là Cảnh Hưng 46 (1785), Minh Mệnh 3 (1822), Minh Mệnh 18 (1837). Năm Quý Mùi (1833) sửa chữa đại đình, năm Bính Tuất (1886) chữa hậu cung.

Đình Thổ Khối thờ 6 vị thành hoàng làng là: Bố Cái đại vương, Cao Sơn đại vương, Linh Lang đại vương, Bạch Đa đại vương, Dị Mệ đại vương và Đào thành hoàng.

Theo thần tích vào thời nhà Lê có người họ Đào (không rõ tên tuổi) quê làng Thổ Khối, tổng Trung Ban, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tìm đến bãi bồi này làm ăn sinh sống. Từ đó người đến khai phá đất bãi đông dần lên, lập thành làng mới, lấy tên là ấp Thổ Khối. Sau khi người họ Đào mất, dân làng ghi nhớ công ơn bèn thờ trong đình gọi là Đào thành hoàng.

Bố Cái đại vương Phùng Hưng là một vị anh hùng dân tộc đã có công đánh đuổi giặc đô hộ nhà Đường giành lại độc lập cho dân tộc ở thế kỷ 8. Ông người Đường Lâm, thị xã Sơn Tây.

Linh Lang đại vương có công đánh giặc Tống ở thế kỉ 11.

Cao Sơn đại vương là con Lạc Long Quân, một bộ tướng của Tản Viên sơn thần.

Đền thờ Linh Lang đại vương (đền Voi Phục) và đền thờ Cao Sơn (Kim Liên) được coi là 2 trong "Thăng Long tứ trấn" ở triều Lý.

Hai vị Bạch Đà đại vương và Dị Mệ đại vương không còn thần tích truyền thuyết nhắc tới nên chưa rõ sự tích.

Đình hiện nay là một quần thể kiến trúc bao gồm: tiền tế, đại đình, cung ngoài, cung cấm là các dãy nhà nằm song song với nhau và nối với nhau bằng ống muống, thiêu hương. Tiền tế 7 gian, đại đình 5 gian 2 chái, cung ngoài 3 gian, cung cấm 3 gian. Trang trí trên kiến trúc và di vật ở đình rất phong phú, đặc biệt đình còn giữ được 67 đạo sắc phong của các triều Lê, Nguyễn.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 9.1.1990.

131. ĐÌNH THỔ QUAN

Đình ở số 215 ngõ Thổ Quan (phía bên số lẻ phố Khâm Thiên) thuộc phường Thổ Quan, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đình thờ Phương Dung, Hiểu Hựu và Quý Minh làm thành hoàng, cả 3 đều được phong là "thượng đẳng phúc thần". Họ có công trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Khu Ống Lệnh, ngõ Lệnh Cư là nơi tập họp nghĩa binh, nghe tiếng ống lệnh là xuất phát tấn công. Sau khởi nghĩa thất bại, các ông cùng về Thổ Quan và mất ở đó.

Đình đã được dựng từ lâu đời, qua nhiều lần sửa chữa, dựng lại. Ngôi đình hiện nay được dựng vào năm Giáp Ngọ, đời vua Thành Thái (1894) gồm có tam quan, đại đình 5 gian hình chuôi vồ. Đình còn các hiện vật quý như: thần phả, sắc phong, 3 bia đá, 4 long ngai, 3 bài vị, 2 khám thờ, bộ bát bửu, bảng văn, một bộ đỉnh đồ, lư hương, đài đồng.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.6.1993.

132. ĐÌNH THƯỢNG CÁT *

Đình Thượng Cát thuộc xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình Thượng Cát được xây dựng trên khu đất rộng, tách biệt với khu dân cư của làng. Đình quay hướng đông, trông ra hồ nước rộng. Đình ở phía trước, chùa ở phía sau tạo ra kiểu "tiền thần hậu Phật".

Đình Thượng Cát là nơi tưởng niệm 3 nhân vật quan trọng và có công lớn trong cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng là Quách Lãng, Đinh Bạch Nương và Đinh Tĩnh Nương.

Đình Thượng Cát có quy mô kiến trúc lớn, bao gồm đại đình, hai dãy tả, hữu vu ôm lấy sân gạch vuông và tam quan phía trước. Cổng tam quan xây gạch dạng 4 trụ biểu, lối vào giữa hai cột được làm bốn mái nhỏ khá cầu kì, các góc đao uốn cong, bờ nóc đắp cao hình chữ công, giữa có hàng hoa chanh thủng. Chính giữa có cổng chính đắp hình hổ phù ngậm vành trăng. Các trụ biểu ở trên ngọn đắp hình 4 con chim phượng chụm đuôi, dưới hình phượng có 4 đầu rồng nhô ra ở các góc trụ, bốn ô long phía dưới trang trí tứ linh (long, ly, quy, phượng). Đại đình có quy mô lớn hình chữ nhật dài 29,4m; rộng 13,6m. Nhà làm kiểu 4 mái với các đầu đao uốn cong. Đình lợp ngói ta, chính giữa bờ nóc đắp nổi đề tài "lưỡng long chầu nguyệt". Bộ vì kèo của toà đại đình được làm theo kiểu "thượng chồng giường giá chiêng hạ kẻ". Mỗi bộ vì chính được dựng trên 6 hàng chân, mái phân "thượng tứ

hạ ngũ", các cột cái đường kính 53cm, cột hiên 33cm, cột quân 40cm làm kiểu "thượng thu hạ thách". Đá tảng kê chân cột có hai lớp, lớp dưới là hình vuông có kích thước 87cm x 87cm, lớp trên hình tròn đường kính 60cm. Toà đại đình gồm 5 gian 2 dĩ, mặt trước là hệ thống cửa bức bàn. Nền lát gạch Bát Tràng, trước thềm bậc cửa của gian giữa có đặt đôi sấu đá thời Lê Trung Hưng. Trang trí đình Thượng Cát rất phong phú, những bộ vì bên các giường, kẻ, xà được chạm nổi, bong kênh và hình vân thực vật, vân mây, rồng lá, long mã với phong cách nghệ thuật thế kỉ 19. Đặc biệt là hai bộ vì giữa vẫn bảo tồn nguyên vẹn những mảng trang trí của thời Lê Trung Hưng thế kỉ 17. Kẻ vì phải có các đề tài long mã, ngựa, rồng chầu, hoa cúc. Kẻ vì trái thể hiện long mã kết hợp với vân mây, thân. Kẻ chạm nổi đôi rồng đang nô rỡn; trên hình rồng là người ngồi trên mỏm đá đang trầm tư suy nghĩ; người cưỡi rồng, cưỡi ngựa có tiểu đồng gánh hành lí theo sau. Bốn bức cốn nách trang trí đậm đặc bằng kĩ thuật chạm lộng nhiều lớp với các đề tài rồng ổ, phượng, long mã, tiên cưỡi rồng lớn chầu mặt trời, trên thân rồng có hình chim phượng đang bay, đuôi rồng bị một rồng nhỏ ngậm chặt như trò chơi rồng rắn.

Cung cấm đơn giản làm ván bưng hai mặt bên, phía trước có cửa bức bàn, trên cửa treo một

vòng lớn, trong cung đặt long ngai, bài vị thành hoàng làng.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

133. ĐÌNH THƯỢNG ĐỒNG *

Đình thuộc thôn Thượng Đồng, xã Hội Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đình thờ thành hoàng làng Trịnh Chính, 1 tướng cùng 2 em đã có công chống giặc ngoại xâm thời vua Lý Nam Đế, dựng nước Vạn Xuân.

Đình còn các di vật giá trị, như: bản thần tích, 9 đạo sắc phong, 2 ngai thờ, 3 bài vị, tượng thần bằng gỗ sơn son thếp vàng và 10 pho tượng tả tướng quân bộ hạ, 2 cửa võng, 2 y môn, bát bửu, hương án, kiệu long đình, đôi ngựa gỗ hồng bạch và bức hoành phi. Do bị thực dân Pháp phá huỷ nên đình không còn di tích. Các đồ thờ cúng đều để ở trong chùa và thành hoàng cũng được thờ ở chùa.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 18.1.1993.

134. ĐÌNH THUÝ LĨNH *

Đình Thuý Lĩnh thuộc thôn Thuý Lĩnh, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội (Thuý Lĩnh là một làng cổ, trước kia là làng đất bãi ven sông Hồng có bãi dâu tươi đẹp, vì thế có tên là Thuý Ái, về sau này mới đổi thành Thuý Lĩnh).

Đình Thuý Lĩnh thờ Linh Lang đại vương. Theo thần phả ghi: "Linh Lang là con vua Lý Thái Tông có tên tự là Đà, sinh ngày 13 tháng chạp năm Kỉ Tị, là một hoàng tử toàn tài, có sức khoẻ hơn người. Năm 15 tuổi đã theo Lý Thái Tông đi đánh Chiêm Thành, có công được ban thưởng. Linh Lang mất năm 1064, vua cho lập đền thờ, nơi thờ chính là Thủ Lệ và Bồng Lai, Thuý Lĩnh đã lập đền thờ trong đình làng.

Hàng năm đến ngày 6.1 làng có lệ tổ chức vật cầu, rước nước.

Đình bao gồm: tam quan, tiền đình, trung đình và hậu đình. Tam quan được xây theo kiểu tam quan trụ, 2 trụ giữa to, cao, trên chóp là 4 con phượng chụm thành hình quả dành, cột có câu đối chữ Hán. Tiền đình gồm 5 gian kiểu 4 mái, lợp ngói mũi hài; bờ nóc có mặt trời, các đầu đao chạm hình đầu rồng uốn cong. Các vì kèo theo kiểu "chồng giường giá chiêng", nền lát gạch Bát Tràng. Ở gian giữa tiền đình có 4 đầu dư chạm lộng hình

đầu rồng. Các thành giường chồng khít lên nhau, các đầu kẻ chạm vân mây và các bức cốn chạm rồng. Trung đình nối với tiền đình ở gian giữa, vì kèo theo kiểu "chồng giường giá chiêng xà nách". Hậu cung nối với trung đình, xây kiểu đầu hồi bít đốc, 3 gian kiến trúc kiểu chồng giường giá chiêng đơn giản.

Trong đình còn giữ được một khối lượng hiện vật khá phong phú như thần phả, 8 sắc phong (đạo sớm nhất từ thời Cảnh Hưng 4 (1782), hoành phi câu đối. Các đồ thờ có các án nhang, kiệu, ngai thờ, và một số đồ dùng bằng sứ v.v...

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 18.1.1993.

135. ĐỀN THUỴ HƯƠNG

Đền Thuỵ Hương ở thôn Thuỵ Hương, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Đền thờ anh em Trương Hống, Trương Hát, Trương Lừng, Trương Lẫy và cô em gái Đạm Nương. Anh em Trương Hống có công trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Lương, các ông được Triệu Quang Phục (Triệu Việt Vương) phong:

- Trương Hống là thượng tướng quân.

- Trương Hát là tả quân vu.

- Trương Lừng là hữu quân vu.

Sau khi mất các ông được tôn thần, được thờ ở nhiều nơi, gọi là Thánh Tam Giang.

Đền được xây dựng từ lâu, trong đền hiện có 21 đạo sắc phong, trong số đó, đạo sắc sớm nhất ghi niên đại 1647. Dân địa phương cho biết đền trước kia xây lui về phía sau 50m. Trước ngôi đền là đường trục làng. Sau trong làng xảy ra nhiều chuyện không may, làng bèn chuyển ngôi đền về chỗ hiện nay. Đền nằm trên bờ sông Ngũ Huyền Khê, đã trùng tu nhiều lần. Năm 1928 lại sửa nhà trung đường, nhà cầu và hậu cung. Năm 1940 sửa nhà tiền đường, 1978 lại sửa tiền đường. Đền Thuy Hương có bố cục "tiền chữ nhất, hậu chữ công". Nhà tiền đường 7 gian làm kiểu đầu hồi bít đốc tay ngai. Nhà trung đường 5 gian 2 chái, nhà cầu 3 gian, hậu cung 3 gian. Trong đền, trên kiến trúc bảo lưu nhiều mảng chạm khắc, di vật mang phong cách nghệ thuật thế kỉ 17, 18.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.3.1990.

136. ĐỀN THUỴ KHUÊ

Đền Thuy Khuê ở phường Thuy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* thì khu vực đền Thuỵ Khuê vào đời Lý là nền của điện Thuỵ Chương. Triều Hồ đã sai dỡ điện Thuỵ Chương mang gỗ ngói về xây dựng ở Tây Đô (Thanh Hoá). Thấy điện bị phá huỷ, dân địa phương mới nhân nền cũ dựng đền để thờ Uy Linh Lang đời Trần. Như vậy, có thể đền Thuỵ Khuê đã được dựng vào cuối triều Hồ đầu đời Lê sơ thế kỉ 15. Đền hiện nay còn những viên gạch vồ, tấm bia đá dựng năm 1621. Đền cũng đã qua nhiều lần trùng tu sửa chữa. Toàn bộ khu đền chia ra thành hai bộ phận kiến trúc chính là tiền tế, hậu cung và tam quan. Tiền tế và hậu cung có kiểu chuôi vồ, tiền tế 5 gian, hậu chung 3 gian, cung cấm 3 gian. Trên kiến trúc còn nhiều mảng chạm khắc mang phong cách hậu Lê khá đẹp.

Hàng năm, hội đền được tổ chức xuân thu nhị kì để tưởng nhớ Uy Linh Lang.

Hội xuân vào ngày sinh của thần 3.12 âm lịch và ngày hoá 12.12. âm lịch.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.1.1986.

137. ĐÌNH THUỴ LÔI

Đình Thuỵ Lôi thuộc xã Thuỵ Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Tương truyền ngôi đình là dinh của An Dương Vương ngự khi về bái yết Huyền Thiên Chấn Vũ. Có lẽ vì vậy ngôi đình không thờ thành hoàng làng như các ngôi đình làng Việt Nam khác mà chỉ thờ thần. Sau này trong quá trình phát triển, đền trở thành nơi thờ 4 vị thần vốn được thờ ở các ngôi đình khác trong xã, là:

- Huyền Thiên Chấn Vũ ở đền Sái.

- Cao Sơn đại vương ở đền Thượng.

- Thánh Tam Giang và Đông Hải đại vương ở đền Thượng.

Đình đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa lại. Đình hiện nay cấu trúc hình chuôi vồ gồm đại đình và hậu cung. Đại đình 5 gian 2 chái, hậu cung 3 gian.

Đình đã 2 lần đổi địa điểm vào năm Ất Dậu (1885) và năm Tân Mùi (1931).

Hàng năm, làng vào đám ngày 10.9 âm lịch, giã đám ngày 20.9 âm lịch để tưởng nhớ An Dương Vương và các vị thần thờ ở đình.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 27.1.1986.

138. ĐÌNH TÌNH QUANG *

Đình Tình Quang thuộc thôn Tình Quang, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội.

Đình được dựng vào khoảng đầu niên hiệu Chính Hoà (1676). Đến năm thứ 9 niên hiệu Tự Đức 1856 do đào con sông Đuống thay cho con sông Thiên Đức, năm 1913 đê bị vỡ phải đắp con đê quai vì vậy đình nằm ở ngoài bãi. Từ năm 1918 đến năm 1922 đình được trùng tu lớn, năm 1935 sửa chữa 2 bên giải vũ; năm 1946 quân Pháp đóng ở đình, năm 1971 trùng tu lại.

Đình thờ Lí Bí, Đinh Điền và Lý Chiêu Hoàng.

Tháng giêng năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân đánh đuổi thứ sử nhà Lương là Tiêu Tư giải phóng đất nước. Tháng giêng năm 544, Lý Bí tuyên bố dựng nước, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân. Ông lên ngôi hoàng đế, xưng là Nam Đế, đặt niên hiệu là Đại Đức, đóng đô ở Long Biên.

Đinh Điền là một tướng của Đinh Tiên Hoàng, có công lớn trong sự nghiệp thống nhất đất nước, dẹp loạn 12 sứ quân ở thế kỉ 10.

Lý Chiêu Hoàng vị nữ hoàng cuối cùng của triều Lý sau nhượng ngôi cho nhà Trần (Trần Cảnh).

Đình quay hướng đông, phía trước có ao, trên bờ ao dựng tấm bia năm thứ 5 niên hiệu Vĩnh Thịnh (1709), qua ao đến nghi môn, sân, 2 dãy giải vũ. Đình có mặt bằng hình chuôi vồ, đại đình 5 gian, hậu cung 3 gian.

Đình (chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 11.5.1993.

139. ĐÌNH TỔ THỊ

Đình Tổ Thị nằm ở giữa làng thuộc thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình thờ vị tướng của Lê Đại Hành là Tuấn Lương Trần Phổ Hoá và bà vợ của ông Ngôn Thượng Ban Phương Anh. Bà là nhũ mẫu đã từng nuôi công chúa con vua Lê Đại Hành và Đô Hồ phu nhân trong thời gian dài tại ấp Tổ Hoa Xá.

Ông Trần Phổ Hoá là người phò triều Lê đánh Tống, có công lớn được phong là "Dũng mãnh tướng quân lĩnh thần". Trải qua các triều bà đã được phong "Thượng ban nhũ mẫu".

Ngọc phả ghi: "Thời Trần, có giặc Nguyên đến xâm lược, thành Thăng Long bị vây, vua Trần sai quân đến cầu khẩn bí mật ở miếu này thần đã hiển linh ngầm giúp đánh lui giặc Nguyên. Đến Lê Thái Tổ khởi nghĩa dẹp giặc Minh thần cũng ngầm giúp các tướng phá tan quân giặc. Sau khi chiến thắng, các vua đều gia phong mĩ tự".

Đình còn 3 gian hậu cung, bên cạnh là ngôi miếu, một nhà thiêu hương, ba gian nhà ngoài là nơi ngồi làm lễ. Đình làm kiểu mái thượng, mái hạ, trang trí hoa văn hình học cách điệu, hình hoa lá, đầu rồng. Đình có tượng bà nhũ mẫu long ngai, bài vị, tượng và ngai thờ Trần Hưng Đạo, kiếm thờ, hoành phi, câu đối, cửa võng. Ngoài ra còn có tượng Phật, hạc, bát bửu, sắc phong v.v...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.2.1994.

140. ĐÌNH TRÂN TẢO

Đình Trân Tảo (còn gọi là đình làng Tảo) thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đình thờ Lý Công Tấn, một danh tướng đời tiền Lý. Trong cuộc khởi nghĩa của Lý Bí, ông đã có công đánh giặc, được phong là đại tướng quân. Trong cuộc kháng chiến chống quân Lương do Bá Tiến cầm đầu năm 545, ông được cử làm tướng tiên phong chặn giặc. Ông mất vào 2.12 âm lịch năm đó được thờ làm thành hoàng làng. Các đời vua sau đó đã ban mĩ tự cho ông là Linh Thông Hiển hiện vương. Theo thần phả thì thần đã có công âm phù giúp Đinh Tiên Hoàng thống nhất đất nước và Trần Hưng Đạo đánh thắng quân Nguyên.

Trong kháng chiến chống Pháp đình còn là nơi huấn luyện bộ đội.

Theo dân gian, đình được xây dựng từ khá sớm, căn cứ vào các dấu vết còn lại có thể biết được là đình đã được xây dựng vào khoảng thế kỷ 17.

Đình có 3 gian, 2 chái, nền lát gạch. Đình đã qua sửa chữa nhiều lần gần đây vào các năm 1900; 1925; 1928; 1939. Các mảng điêu khắc còn lại mang phong

cách thời hậu Lê với những cảnh hình người đầu hổ, người, vật, người cưỡi voi, người múa rồng v.v...

Hàng năm đình mở hội làng từ ngày 8 đến ngày 18.3 để mừng chiến thắng.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.3.1990.

141. ĐỀN TRẤN VŨ

Đền Trấn Vũ nằm phường Thạch Bàn, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Đền thờ Huyền Thiên Trấn Vũ.

Đền xây dựng trên một địa thế cao, rộng và được làm quay về hướng bắc. Đền Trấn Vũ bố cục trong tổng thể "tiền thần hậu Phật" nhưng chùa đã bị đổ nát. Kiến trúc của đình có 2 toà hình chữ nhị và có chuôi vồ hai tầng nối đằng sau. Bộ vì nhà tiền đường, làm kiểu thượng "chồng giường giá chiêng" đặt trên quá giang. Đầu kẻ của bộ vì giữa bên trái chạm rồng, các con giường chạm mây lá đơn giản. Chân cột hiên nhà tiền đường làm bằng đá xanh vuông, xung quanh trang trí rồng lá, đầu cột chạm hình lá sồi. Sau tiền đường là trung đường 5 gian 2 dĩ. Trên các bức cốn chạm rồng mây, đây còn là nơi đặt ngai, tượng võ sĩ đá và tượng Phật ở các nơi mang về và đều có niên đại cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20. Sau cùng là thượng cung nối với trung đường bằng một nhà cầu.

Thượng cung gần vuông, xây 2 tầng 9 mái khá đẹp. Đây là nơi đặt pho tượng đồng Trấn Vũ cao 3,8m, chu vi 8m, nặng 9 tấn. Tượng trong tư thế ngồi buông chân, mắt nhìn thẳng, tay phải đặt trên đốc kiếm chống lên lưng rùa, tay trái bắt quyết giơ ngang ngực. Diềm áo đúc nổi hoa lá, bố tử chạm hình long mã, các nếp áo bó sát thân nhưng vẫn mềm mại tạo cho tượng sống động đầy uy lực. Hai bên tượng Trấn Vũ có hai hàng tượng 10 vị nguyên soái bằng đất đứng chầu. Chính giữa phía sau tượng có bài vị khắc chữ Hiển linh Trấn Vũ Quán. Theo tấm bia kí ở đền cho biết: trải qua 14 năm từ năm 1788 đến năm 1802 nhân dân ở đây mới đúc xong tượng. Có thể nói tượng đồng Trấn Vũ là một tuyệt tác của nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Tây Sơn. Xét về kích cỡ tượng đứng hàng thứ 2 sau pho tượng Phật ở chùa Ngũ Xã.

Đền Trấn Vũ đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 27.12.1990.

142. ĐÌNH, ĐỀN TRIỀU KHÚC *

Cụm di tích thuộc xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình thờ Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng. Theo sử thì Phùng Hưng người quê Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, là một hào kiệt thời bấy giờ (766 - 799),

viên quan Đường lúc đó là Cao Chính Bình bị bao vây đã sợ hãi ốm rồi chết. Nghĩa quân giành được thắng lợi, quân Đường phải rút về. Phùng Hưng được nhân dân tôn là Bố Cái Đại Vương. Trong khi đem quân đánh thành Tống Bình, Phùng Hưng đóng doanh trại ở Triều Khúc nên sau khi ông mất, cũng như ở quê hương Đường Lâm và nhiều nơi khác, Triều Khúc đã lập đền thờ ông.

Đình có quy mô kiến trúc lớn gồm tam quan, phương đình, hai bên có hai dãy giải vũ, rồi đến đại đình và hậu cung. Tam quan là một nhà 3 gian, trước có trụ. Phương đình là ngôi nhà vuông 8 mái, các đầu dư, kẻ đều chạm rồng và các bờ dải cũng đắp rồng uốn tạo thành những đường uốn cho bờ mái.

Giải vũ gồm hai dãy, mỗi nhà gồm 3 gian ở hai bên sân. Đại đình là công trình kiến trúc đình gồm 5 gian, phía trước có cửa bức bàn, các vì kèo đại đình theo kiểu "chồng giường giá chiêng bẩy hiên". Các đầu dư ở đây được chạm công phu hình đầu rồng và hai đầu hồi là hai hổ phù. Các đầu bẩy cũng đều chạm rồng hoặc lão mai, trúc, hoá rồng. Nhìn chung, đình có kiến trúc đồ sộ và chạm trổ hết sức cầu kì, phong cách thời Nguyễn.

Hậu cung đình đơn giản về kiến trúc, được làm liền với đại đình tạo thành hình chữ đinh và chủ yếu bào trơn đóng bén kín đáo.

Đền Triều Khúc (ở làng vẫn gọi là đền thờ sắc).

Đền được xây ở giữa làng, trông ra hồ rộng.

Đây là ngôi nhà rộng phía trong có hệ thống sàn, trước sau đều để trống, thoáng đãng. Sau ngôi nhà có sàn này là ngôi nhà để làm nơi thờ (có thể gọi là tiền đình) nối liền với hậu cung, hai bên đầu hồi có tường nối suốt cả 3 toà. Đền Triều Khúc được chạm trổ khá công phu. Các đầu bẩy và cuốn nách đều chạm tứ linh và vân mây, hoa lá.

Đình, đền (và chùa) Triều Khúc đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 29.1.1993.

143. ĐÌNH TRONG, ĐÌNH NGOÀI VÀ ĐỀN DỤC ANH

Cụm di tích nằm ở phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Di tích quần tụ trong một thôn, bên sông Tô Lịch, cách Ngã Tư Sở chừng vài cây số.

Đình Trong, đình Ngoài và đền Dục Anh là cụm di tích thờ chung 3 vị thành hoàng là ba anh em ruột: Phạm Uyển, Phạm Miễn và Phạm Huy. Theo thần tích ba anh em họ Phạm người làng Thọ Xương, quận Nam Xương đều có trí lực hơn người. Lớn lên gặp hoạ đất nước đang chìm đắm dưới ách đô hộ của nhà Đường khi Phùng Hưng và em là Phùng Hải là cậu họ của 3 anh em đứng dậy phất cờ khởi nghĩa, ba anh em họ Phạm đã đứng dưới cờ của Phùng Hưng, chiêu mộ quân sĩ vây thành Tống Bình. Cao Chính Bình trong thành lo sợ quá phát bệnh rồi chết. Sau khi đánh đuổi giặc ngoại

xâm ba anh em họ Phạm được phong tướng coi sóc các vùng ở phía tây Hà Nội. Khi ba ông mất nhân dân trong vùng đã lập đền thờ.

Đình Trong có quy mô khá lớn, phía trước là một ao tròn, qua ao là cổng với 4 cột đồng trụ. Qua tam quan có hai nhà tả, hữu vu ở hai bên. Kiến trúc chính gồm đại bái 5 gian 2 dĩ, phía sau có hậu cung nối vào gian giữa đại bái. Bộ cửa đại bái làm kiểu bức bàn suốt 5 gian. Vì mái làm kiểu "thượng chồng giường hạ kẻ". Điêu khắc trên kiến trúc tập trung ở các cốn mê, bẩy, kẻ và các con giường. Đề tài trang trí phong phú với lão trúc, long mã, long cuốn thuỷ, cá chép vượt vũ môn.

Đình Ngoài hiện nay đã bị mất tam quan. Đại bái gồm 3 gian. Bốn cửa làm kiểu "thượng song hạ bản". Bộ vì mái làm kiểu "thượng chồng giường giá chiêng hạ kẻ". Trang trí được tập trung vào các bức cốn của gian giữa với đề tài tứ linh, tứ quý; các bẩy và kẻ thì chủ yếu là vân xoắn và hoa lá.

Đền Dục Anh được xây dựng ở ven đê trông ra sông Tô Lịch. Tam quan của đền là một nếp nhà 5 gian. Kiến trúc chính của đền có tiền tế 5 gian, làm kiểu chồng diêm 2 tầng, phía sau tiền tế là đại đền và hậu cung.

Cụm di tích đình Trong, đình Ngoài và đền Dục Anh còn nhiều đồ tế khí, bia, chuông, tượng cũng như kiến trúc đều là sản phẩm nghệ thuật thế kỉ 19-20.

Cụm di tích có giá trị nhất định về lịch sử đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

144. ĐỀN TRÚC LÂM *

Đền Trúc Lâm còn có tên là Trúc Lâm đài thuộc thôn Công Đình, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đền có lịch sử xây dựng khá sớm, tư liệu chính xác nhất là tấm bia niên hiệu Cảnh Hưng 7 (1746) và sắc phong ở đền niên hiệu Cảnh Hưng 1 (1740).

Đền gồm tam quan xây theo kiểu tứ trụ, hai cột đồng trụ lớn, đỉnh đắp đôi nghê chầu nhau. Đền chính 3 gian, mái lợp ngói bò. Kết cấu có 4 vì kèo kiểu "thượng giường hạ kẻ", các bức ván mê có trang trí hoa văn xoắn, hoa lá trên nền vân triện. Đầu kẻ trang trí cá hoá rồng phong cách cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20.

Hậu cung 2 gian, không gắn liền với đại đền nên ở gian giữa có các bức cốn mê chạm rồng vờn mây, sóng nước, thân uốn gấp khúc, vẩy thể hiện ra như vẩy cá chép. Cửa võng chạm kiểu chân quỳ dạ cá, đề tài tứ linh, hoa lá, sơn son thếp vàng làm cho điện thờ trang nghiêm lộng lẫy. Hai bên hương án có 4 pho tượng đứng chầu.

Đền (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

145. ĐÌNH THÔN TRUNG *

Đình Trung thuộc xã Dương Hà, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Theo bia kí do tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) Hoàng Đôn Phu soạn năm Chính Hoà 19 (1698) thì đình dựng vào thế kỷ 17 để thờ vị công thần thời Hai Bà Trưng là Hà Uyên và hai vị thiên thần đã hiển ứng giúp việc hộ quốc, an dân.

Đình thôn Trung có quy mô kiến trúc lớn gồm đại đình, hậu cung và tả, hữu vu. Từ ngoài vào, qua sàn đình, 2 bên tả, hữu vu đến đại đình nối với hậu cung có hình chữ đinh. Đại đình gồm 5 gian 2 dĩ, kiểu 4 mái có đao cong, hai bờ dải có đắp các con giống trang trí. Các vì kèo làm kiểu khác nhau giữa hai vì giữa, hai vì cạnh và hai vì đầu hồi. Vì giữa kết cấu kiểu chồng giường, cốn nách có 2 đầu dư, tất cả đều được chạm trổ với những nét thanh thoát. Vì bên có dạng trên chồng giường dưới kẻ, phần chạm chỉ tập trung vào đầu hai con giường. Còn hai vì đầu hồi có phần trên có trụ đỡ thượng lương. Mặt trước đình, gian giữa có cửa bức bàn, 2 gian bên cạnh xây tường mở cửa sổ, còn 2 gian cuối mở kiểu cửa 2 cánh có bản lề. Nền đình lát gạch Bát Tràng. Đình có hệ thống sàn, ngày nay chỉ còn dấu tích với các lỗ mộng ở thân cột. Hậu cung đình gồm 2 gian dọc, nối với gian giữa đại đình và hậu cung có hệ thống cửa, phần giữa là cửa bức bàn,

hai bên có 2 cửa nách. Vì kèo kiểu "thượng chồng giường giá chiêng, hạ kẻ". Tất cả đều được chạm trổ rồng, cá hoá rồng. Nhìn chung đình, cả đại đình và hậu cung có kết cấu chắc chắn và được chạm trổ hoa văn truyền thống của các kiến trúc gỗ Việt Nam, nhiều nét theo phong cách thời cuối Lê.

Đình còn giữ được một số hiện vật như hoành phi, câu đối, bát bửu, long ngai, kiệu và một số sắc phong từ cuối thời Lê cho đến thời Nguyễn.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 11.5.1993.

146. ĐÌNH TRUNG LẬP *

Đình thuộc xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Theo bản ngọc phả của đình thì đình Trung Lập được dựng lên để thờ vua Chiêm là Nha Cát đại vương và vợ là Nguyệt Nga công chúa. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* thời vua Lê Thánh Tông, quân Chiêm đã nhiều lần đến cướp phá châu Hoá, vua đã nhiều lần sai các tướng Lê Bôi, Lê Xí, Lê Khả đi đánh.

"... Năm 147 Trà Toàn sai con đem quân đánh lại vua. Tháng 3 bắt sống Trà Toàn đem quân về, đưa Trà Toàn ra ngoài Trấn và làm nhà nhỏ cho ở.

Nguyệt Nga là vợ vua Chiêm đã không chịu khuất phục nên nhảy xuống sông tự vẫn. Vua Lê cho là người khí tiết, sau này ở vùng Vĩnh Tuy, Trung Lập, vua Lê cho quân Chiêm đã về hàng ra khai khẩn làm ăn và cho dân làm đình thờ Nha Cát - Nguyệt Nga và việc thờ khởi từ đó, về sau lại được phong làm phúc thần".

Đối chiếu với lịch sử và bản thần phả việc vua Chiêm là có thật, chỉ có điều tên khác nhau có thể do phiên âm tên khác chăng?

Cũng theo truyền thuyết lại thì đình ngày xưa có quy mô lớn, nhưng đình cổ đã hư và tu sửa nhiều lần, lần gần đây nhất là 1953 đã trùng tu và giữ như hiện nay.

Hiện nay kiến trúc đình gồm có tam quan, tả hữu mạc, đại đình và hậu cung. Tam quan được xây kiểu 2 tầng mái (giả) hai bên có trụ xây, đây là phần mới xây thêm về sau này. Đình có sân lát gạch, 2 bên là giải vũ, mỗi giải vũ gồm 3 gian, vì kèo quá giang đơn giản. Đình chính làm kiểu chữ đinh gồm đại đình và hậu cung. Đại đình gồm 5 gian 2 chái xây bít đốc, trên bờ nóc đắp rồng chầu mặt trời. Trong đình, nền lát gạch Bát Tràng, phía trước có hiên rộng, kiến trúc vì kèo quá giang, trốn cột cái, gác trên tường, kèo suốt đơn giản, không chạm trổ. Nối với đại đình, hậu cung được xây theo kiểu vòm cuốn, trong đặt ngai thờ thành hoàng là

Nha Cát và Nguyệt Nga công chúa ngoài ra còn thờ thổ thần và có 2 bài vị ở đền dựa vào là Nguyệt Nga (?) và Nguyệt Thái công chúa.

Đình Trung Lập còn một số đồ thờ tự có giá trị nghệ thuật, trong đó có hai phỗng đá và bộ bát tiên theo dạng bát bửu, được tạo hình phía trên bằng gỗ sơn son thếp vàng.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 13.3.1994.

147. ĐÌNH, ĐỀN TRUNG TẢ

Di tích còn có tên là Văn Chương linh từ thuộc phường Thổ Quan, quận Đống Đa, Hà Nội. Đình, đền Trung Tả nằm ở bên số chẵn phố Khâm Thiên, ở chỗ số nhà 264 rẽ vào ngõ Trung Tả chừng 30m.

Đình, đền Trung Tả thờ bà Quang Phục hoàng thái hậu Ngô Thị Ngọc Giao (mẹ vua Lê Thánh Tông). Sự tích bà Ngô Thị Ngọc Giao đã được viết trong Lê Quý Đôn tuyển tập (trang 125-126). Đền còn thờ đức thánh Trần Hưng Đạo. Khi các giáp trong làng Văn Chương không nhất trí thì giáp Trung Tả thờ riêng Trần Hưng Đạo làm thành hoàng.

Theo truyền thuyết, đình được xây từ thời hậu Lê. Qua các bia tại đình, như bia năm Tự Đức 13 (1860), bia năm Thành Thái 1 (1889), bia năm Bảo Đại 3 (1928), đình đã được trùng tu nhiều lần cuối thế kỉ 19.

Đình có tượng Trần Hưng Đạo cao khoảng 1m, nhiều đại tự, câu đối, cửa võng.

Đền còn lưu giữ được bức đại tự lớn như: "Lê triều thái hậu"; "Hoa Tú hội linh" và các câu đối sơn son thếp vàng. Đền có nhiều tượng; Bồ Tát, Hoàng Mười bến củi, Hoàng Bẩy Bảo Hà, Quan Âm thiên thủ thiên nhãn, Thích Ca sơ sinh. Bà chúa đệ nhị Thượng Ngàn, bà chúa đệ tam Thượng Ngàn, tượng bà Ngô Thị Ngọc Dao và hai thị nữ. Đền còn có bài vị Trần Hưng Đạo. Tượng có phong cách nghệ thuật thế kỉ 19.

Đình và đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.6.1993.

148. ĐÌNH TRUNG TỰ *

Đình Trung Tự thuộc phường Phiên Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Đình Trung Tự còn có tên là đình Đông Tác.

Đình, chùa ở gần nhau và nằm ngay cạnh đình Kim Liên, là di tích nổi tiếng thờ Cao Sơn đại

vương, một trong tứ trấn của kinh thành Thăng Long xưa.

Đình Trung Tự có thể được xây dựng vào cuối thế kỉ 17 đầu thế kỉ 18.

Đình Trung Tự ngoài việc thờ Tào quận công làm thành hoàng còn thờ Cao Sơn đại vương và Minh Huệ công chúa (?). Đình có một bia đá do thượng thư bộ Lễ, Đông các đại học sĩ kiêm tế tửu Quốc Tử Giám thời Lê Trung Hưng soạn. Trong bia có nói đến sự kiện phế, lập Lê Uy Mục và Lê Tương Dực và được thần Cao Sơn đại vương phù trợ - do đó thần Cao Sơn đại vương rất được tôn thờ.

Đình gồm đại bái dài 22m, rộng 8m chia làm 5 gian, hai hồi có trụ xây cao 6m. Hậu cung dài 12m rộng 4m, 3 gian và một gian nối mái (theo chữ đinh). Kết cấu vì kèo đại bái theo kiểu chồng giường, kẻ đầu đơn giản. Phần chạm trổ chủ yếu tập trung vào các bẩy hiên trước, đầu dư và các con giường, nét chạm và bố cục thanh thoát. Hai mảng cốn của hậu cung được chạm trổ công phu đề tài tứ linh. Ngoài phần chạm trổ còn trang trí đồ thờ, cửa võng và nhang án.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 23.6.1992.

149. ĐÌNH TRUNG VĂN

Đình Trung Văn nằm ở xóm Đình, làng Trung Văn trên khoảnh đất số 309, có diện tích 1154 mét vuông, trước đây thuộc xã Phùng Khoang. Thời Lê gọi là Phùng Quang thuộc xã Nhân Mục Môn, huyện Thanh Trì, trấn Sơn Nam Thượng. Năm 1723 cho lệ thuộc vào huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây. Thời Nguyễn là xã Ngọc Trục, tổng Đại Mỗ, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông. Năm 1965 nhập vào huyện Từ Liêm, nay là xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình thờ Thuỷ Hải long vương, Lạc Long Quân và Đào Trực, một vị tướng thời Lê Hoàn. Ông có công đánh giặc Tống xâm lược ở phía bắc, được phong chức Thiên bảo, đứng đầu quan võ. Sau ông lại cầm quân dẹp giặc Chiêm xâm lấn phía nam, ông bị thương, khi về đến Trung Văn thì mất. Dân làng đã tôn thờ ông. Quanh khu vực này có 18 đền từ Sấu Giá đến Trung Văn đều thờ ông.

Đình còn giữ được 10 đạo sắc phong, sớm nhất là năm Minh Mạng 21.

Đình được xây dựng vào cuối thời Lê, đầu Nguyễn. Đình gồm có sân, toà đại đình, nhà bia. Nhiều mảng chạm khắc trong toà đại đình là những tác phẩm nghệ thuật đẹp tiêu biểu cho nghệ thuật thế kỉ 19. Đình còn giữ được nhiều di vật

như nhang án, cửa võng, bát bửu, long đình, cuốn thư đều sơn son thếp vàng.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.10.1991.

150. ĐÌNH TRƯỜNG LÂM *

Đình Trường Lâm ở thôn Trường Lâm, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội.

Tương truyền đình Trường Lâm xây dựng từ thời Lý, trải qua nhiều lần di chuyển, sửa chữa, trùng tu. Đình và chùa ở gần trung tâm làng. Theo niên đại ghi trên kiến trúc, đình Trường Lâm được dựng vào khoảng từ 1846 đến 1896.

Đình thờ 3 vị thành hoàng là Đào Hoa, Phù Nàng và Linh Lang. Chưa rõ thần tích của hai bà Đào Hoa và Phù Nàng. Linh Lang đại vương là nhân vật có công trong cuộc kháng chiến chống Tống thế kỉ 11. Do có công lớn lao, hi sinh vì nước, ông được thờ ở nhiều nơi, thờ chính ở đền Voi Phục (Thủ Lệ).

Đình có kiến trúc "nội công ngoại quốc" gồm đại bái 5 gian, ống muống 4 gian, hậu cung 1 gian. Trên kiến trúc đình Trường Lâm bảo tồn được nhiều mảng chạm khắc thế kỉ 19. Trong di tích còn nhiều di vật nghệ thuật thế kỉ 18.

Năm 1958 tại đình Trường Lâm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm động viên nhân dân địa phương lao động sản xuất.

Hàng năm làng vào đám từ 10 đến 15 tháng hai âm lịch, đám rước có trò múa lột rắn rất hấp dẫn.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.1.1992.

151. ĐÌNH TU HOÀNG

Đình Tu Hoàng ở thôn Tu Hoàng, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Theo tương truyền thì đình có từ sau khi Lý Nam Đế mất (thế kỉ 6) dân làng đã lập đền thờ ngài. Hiện nay di vật cổ nhất ở đình là đạo sắc phong năm 1783 đời vua Lê Cảnh Hưng.

Đình thờ thành hoàng là Lý Nam Đế. Các bản sắc phong đều tôn ông làm Quốc vương thiên tử. Tấm bài vị ở long ngai giữa trong cung thờ ghi dòng chữ Hán "Quốc vương thiên tử Lý Nam Đế Hoàng đế".

Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú ghi về ông như sau: "Vua họ Lý, tên Bôn. Người Long Hưng, Thái Bình, vốn dòng hào phú văn võ toàn tài. Ông từng làm quan với nhà Lương

nhưng bất đắc chí trở về Thái Bình. Bởi ghét cảnh nội thuộc nhiễu loạn, ông bèn dấy binh đánh đuổi Tiểu Tư, phá quân Lâm Ấp rồi lên ngôi, xưng Nam Việt Đế, đổi hiệu là Thiên Đức thiết lập trăm quan, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân".

Kiến trúc đình hiện nay có tam quan, phương đình hình vuông, đại đình. Toà đại đình hình chuôi vồ gồm tiền tế 3 gian, 2 chái, hậu cung 3 gian.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.3.1990.

152. ĐÌNH TƯ ĐÌNH

Di tích nằm ở bờ trái sông Hồng, cách trung tâm Hà Nội khoảng 7km, thuộc phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội.

Tư Đình là một làng cổ có từ thời Hai Bà Trưng (hồi ấy mang tên Cổ Linh). Truyền thuyết kể rằng vị thần ấy là Thành Công Tượng Việt đại vương, người đã có công đánh quân nhà Hán. Ông được ban thực ấp ở vùng này và ngay khi còn sống ông đã cho xây đền thờ mình (sinh từ) tại thôn Tư Đình. Sau khi ông hi sinh trong chiến đấu chống giặc, ông được cả 5 thôn trong xã thờ làm thành hoàng.

Sau đó, ở các triều đại sau, một số tướng lĩnh của Lê Đại Hành và thời Lý cũng được đưa vào đây

thờ phụng, như Đô Hồ Đại Lã, Linh Lang, trong đó vị tướng quan trọng nhất là Linh Lang đại vương, hoàng tử của vua Lý, có công đánh giặc phương Bắc ở thế kỉ 11.

Linh Lang là vị thần được thờ ở trên 200 nơi, điều đó nói lên ảnh hưởng lịch sử rộng lớn của ông tại các làng quê đồng bằng Bắc Bộ.

Đình Tư Đình được xây kiểu chữ nhị, gồm đại đình và hậu cung. Đại đình bề thế, rộng lòng, mái lợp ngói ta. Trên nóc đắp đôi rồng lớn chầu mặt trời. Sáu bộ vì đỡ mái được làm theo kiểu "thượng chồng giường giá chiêng hạ kẻ". Trước đây, đình có bộ ván sàn đẹp dùng làm chỗ ngồi khi có việc làng nhưng nay đã bị hư hỏng, mất mát. Bộ khung đại đình được các nghệ nhân xưa chạm nhiều mảng điêu khắc giá trị trên tất cả các con giường, kẻ bẩy, đầu dư. Phần lớn được trang trí bằng kĩ thuật chạm nổi, chạm lộng với đề tài rồng, hoa lá, mây, hổ phù, sư tử, hươu với trái đào, mai, trúc, tứ linh, tứ quý... hết sức sinh động, tinh tế. Hậu cung đơn giản hơn đại đình nhiều, về kiến trúc chỉ bào trơn, bào soi, nhẹ nhàng. Hơn nữa, nó mới được trùng tu lớn vào năm 1920 nên các yếu tố cổ hầu như không còn.

Qua các biến động lịch sử, đình bị mất mát, hư hại nhiều nhưng vẫn còn một số đồ giá trị như 3 bộ long ngai, 1 bộ kiệu, 1 bức hoành phi và 3 đạo sắc, 1 cuốn ngọc phả.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 2.10.1991.

153. ĐỀN TƯƠNG THUẬN

Đền Tương Thuận là tên gọi theo địa danh. Làng Tương Thuận xưa thuộc tổng Vĩnh An kinh thành Thăng Long, nay đền thuộc phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đền là nơi thờ đức thánh Trần Hưng Đạo. Hưng Đạo Vương là vị anh hùng dân tộc, người đã từng làm Tiết chế thống lĩnh quân sĩ ba lần đánh tan quân Nguyên Mông. Ông là con An Sinh Vương Trần Liễu (anh ruột vua Trần Thái Tông), tên thật là Trần Quốc Tuấn, quê làng Tức Mạc, phủ Thiên Trường. Bên cạnh việc thờ Trần Hưng Đạo đền còn thờ danh thần Phạm Ngũ Lão vốn là một danh tướng được Vương gả con gái nuôi và nhận làm gia thần. Phạm Ngũ Lão người làng Phù Ủng, huyện Ân Thi, Hưng Yên, vốn có sức khoẻ lạ thường. Ông là một võ tướng giỏi của Trần Hưng Đạo đã lập nhiều công lớn. Vì vậy ông được phong lên làm Điện tiền thượng tướng quân, khi mất được truy tặng thượng đẳng phúc thần.

Năm 1948 nhà sư Đàm Thịnh sửa sang lại đền và đặt thêm bàn thờ Phật và Liễu Hạnh công chúa.

Năm 1972 ngôi đền đã bị huỷ hoại nặng vì bom B52 của Mĩ. Nay đã được xây lại. Toà đại bái gồm 3 gian, kiểu tường hồi bít đốc, kết cấu vì kèo kiểu "kèo cầu quá giang vượt - cột trốn". Nối tiếp là phần hậu cung 3 gian chuôi vồ, vì kèo kiểu "giá chiêng, kèo cầu quá giang cột trốn". Nhìn chung kiến trúc giản đơn, các cấu kiện bào trơn đóng bén không có trang trí, trừ phần vỉ ruồi ở phía ngoài có đắp hình hổ phù. Trong di tích còn giữ lại được một số tượng Phật, tượng các vị Thánh Mẫu và tượng thành hoàng, ngoài ra còn vài sắc phong thời Cảnh Thịnh, Thiệu Trị.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 23.7.1993.

154. ĐÌNH VẠN PHÚC

Đình Vạn Phúc thuộc xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Vạn Phúc thờ Uy Nang là con Vua Hùng Vương thứ 17. Sự tích kể Vua Hùng Vương 17 đi tuần du ở Hồ Tây, đất Long Biên gặp một người con gái đẹp tên là Xuân Dung, vua đem về cung, lập làm cung tần, Xuân Dung có thai, một năm rưỡi sau, sinh đẻ được 2 người con trai tên là Uy Nang và Hồng Bác. Khi lớn lên 2 anh em ham đọc sách, giỏi âm nhạc, võ nghệ, được phong làm

tướng, đến năm 20 tuổi cả 2 đều qua đời. Vua Hùng thứ 13 là Hùng Duệ Vương rất thương tiếc ra lệnh cho 27 địa phương lập đền thờ, trong đó có Vạn Phúc.

Đình toạ lạc trên một khu đất rộng, quay hướng tây nam. Đình có quy mô kiến trúc khá đồ sộ do nhiều nếp nhà ngang tạo thành. Từ ngoài vào bao gồm: tam quan, đại đình, phương đình, hai dãy tả, hữu vu.

Tam quan dài 13m, cao 6m. Ở chính giữa tam quan xây kiểu vòm cuốn trên đó là hai mái chồng diêm khá cao to, tạo nên vẻ đồ sộ của di tích. Hai cửa phụ cũng xây theo kiểu vòm cuốn, mái chồng diêm. Ngoài cùng là 2 cột trụ xây giống như hai cột chính nhưng thấp nhỏ hơn.

Toà đại đình là ngôi nhà hình chữ nhật làm theo kiểu đầu hồi bít đốc, bộ khung làm theo kiểu "thượng giường hạ kẻ" với 4 hàng chân cột, phía trên là bộ mái vẩy. Bờ nóc đắp nổi với hai con cá hoá rồng đang há mồm ngậm lấy bờ nóc.

Trang trí chủ yếu của đình Vạn Phúc tập trung vào phương đình gồm 8 mái. Đó là kiến trúc cổ và đẹp, mái lợp ngói ta dày, cảm giác bay bổng của kiến trúc được tạo ra bởi các góc đao thon dài uốn cong. Đặc biệt 4 mái cong với các đầu rồng nổi cao ở phía trên đao cuộn xoắn trên lưng rồng như những con thuyền rồng trên trống đồng Đông Sơn.

Phần cổ diêm là nơi tiếp giáp giữa mái nọ với mái kia được xử lí khéo, giống như những mảng chạm nghệ thuật hơn là nhằm chức năng che mưa nắng. Đáng chú ý là những bức cốn chạm nổi, trong đó có bức cốn cảnh vườn chùa, sinh động, một góc là chú hươu non đang gặm lá toát lên một vẻ u tịch thanh lặng của ngôi chùa. Bức thứ hai là tả cảnh bầy thỏ trong vườn chùa. Còn bức cốn khác được trang trí các đề tài "rồng cuốn thuỷ", tứ linh, tứ quý, long mã chầu mặt trời, phượng hàm thư, tùng lộc, thông cúc, trúc, mai, mang phong cách nghệ thuật thế kỉ 19. Tiếp đến phần hậu cung, đình có kết cấu kiến trúc dạng chữ đinh hay còn gọi là chuôi vồ, làm theo kiểu thường hạ kẻ đơn giản.

Tóm lại đình Vạn Phúc vẫn bảo tồn được kết cấu truyền thống, các hình tượng trang trí nhà đại đình và phương đình thể hiện rõ tài năng sáng tạo nghệ thuật của điêu khắc kiến trúc truyền thống.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

155. ĐÌNH VẠN PHÚC

Đình Vạn Phúc còn được gọi là đình Vạn Bảo, nằm trong ngõ 32 phố Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đình có nguồn gốc xa xưa từ thời Lý. Khu vực này vốn có một ngôi đền nhỏ thờ Linh Lang đại vương, trải qua các thời kì biến động, đền bị hư hỏng, đổ nát. Nhân dân địa phương sửa sang lại khu vực đền và dựng ngôi đình thờ thành hoàng.

Đình thờ Linh Lang đại vương, ngài là hoàng tử nhà Lý, có công trong cuộc kháng chiến chống Tống ở thế kỉ 11 và đã hi sinh oanh liệt, ngài đã được thờ ở nhiều nơi, đền chính ở Voi Phục (công viên Thủ Lệ).

Toà tiền tế ở phía trước đại đình được xây dựng vào tháng 2 âm lịch niên hiệu Minh Mạng 7 (1826). Còn hậu cung được khởi công tu tạo vào tháng 10 âm lịch niên hiệu Thành Thái 16 (1904). Đình hiện nay có cổng, tam quan, sân, 2 dãy tả mạc, nhà tiền tế, trung tế và hậu cung. Trong di tích còn bảo tồn nhiều mảng chạm khắc, di vật mang phong cách nghệ thuật thế kỉ 19 có giá trị.

Hàng năm hội lớn tưởng nhớ thần vào ngày 10.2 âm lịch.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 29.1.1986.

156. VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

Miếu thờ bậc thánh sư của Nho giáo là Khổng Tử, được dựng vào tháng 8 năm Canh Tuất, niên

niệu Thuần Vũ 2 (tháng 9 năm 1070). Sau này vua Lê Thánh Tông cho sửa Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế (tứ phối là Nhan Uyên, Tăng Sâm, Tử Tư và Mạnh Tử; thất thập nhị hiền là 72 người học trò giỏi của Khổng Tử). Vua Lý Thánh Tông sai chọn thầy giỏi đến nhà học ở phía sau chính điện để dạy hoàng thái tử Lý Càn Đức học. Năm Thái Ninh 5 (1076) "lại chọn người biết chữ trong các quan chức trong triều vào học", từ đó nhà học trong Văn Miếu được gọi là Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên của nước ta có nhiệm vụ đào tạo trí thức Nho học đảm nhận các chức vụ trong bộ máy cai trị của đất nước. Văn Miếu Quốc Tử Giám là một di tích lịch sử có hơn 900 năm tồn tại, đã qua nhiều lần sửa chữa nhưng địa điểm thì vẫn giữ nguyên. Theo bản đồ Thăng Long, Đông Đô thì Văn Miếu Quốc Tử Giám nằm gọn trên đảo của hồ Đại Hồ ở phía nam nội thành, trước mặt có một cái eo hồ nhỏ, sau được giữ lại thành hồ Văn.

Văn Miếu Quốc Tử Giám hiện nay nằm trên một khu đất hình chữ nhật, chiều dài 306 mét, một bên là phố Văn Miếu, một bên là phố Tôn Đức Thắng, mặt trước rộng 61 mét là phố Quốc Tử Giám, mặt sau 75 mét là phố Nguyễn Thái Học, thuộc phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội. Xung quanh có tường xây bằng gạch vồ Bát Tràng bao bọc, bên trong có tường xây thấp chia ra làm 5 khu.

Khu thứ nhất bắt đầu với cổng chính, biển ngang ở cổng lớn trước đề Thái Học Môn, đến đời Thành Thái (1889-1909) khi Quốc Tử Giám chuyển vào Huế được chữa lại Văn Miếu Môn. Trước và sau có hai đôi rồng đá nghệ thuật điêu khắc thời Lê. Lối đi ở giữa lát gạch Bát Tràng dẫn đến cổng "Đại Trung Môn" mở đầu cho khu thứ hai. Hai bên cổng Đại Trung Môn có hai cổng nhỏ có tên là Thành Đức (trở nên đạo đức) và Đại Tài (trở nên tài giỏi). Vẫn lối đi ấy dẫn đến Khuê Văn Các (gác vẻ đẹp của sao Khuê, sao Khuê là sao chủ về văn học). Khuê Văn Các được xây dựng vào năm 1805 do tổng trấn Bắc Thành là Nguyễn Văn Thành khi cho tu sửa Văn Miếu đã cho xây thêm. Gác là một lầu vuông 8 mái, bốn bên tường là cửa sổ hình mặt trời toả các tia sáng, cột phía dưới, trước làm bằng gỗ, khoảng niên hiệu Minh Mạng (1820 - 1840), tổng đốc Đặng Văn Hoà đã cho xây lại thành 4 cột chống 4 góc, tầng dưới thoáng rỗng. Hai bên gác có 2 cổng nhỏ gọi là Súc Văn (văn hàm súc) và Bí Văn (văn sáng đẹp). Khu thứ ba từ Khuê Văn Các đến Đại Thành Môn, ở giữa có một cái hồ vuông lớn có lan can bao quanh, gọi là "Thiên Quang Tỉnh" (giếng trời trong sáng). Hai bên hồ là hai khu vườn bia. Khu vườn bia là khu di tích có ý nghĩa quan trọng nhất của Văn Miếu Quốc Tử Giám. Hiện nay còn lại 82 tấm bia của 82 khoa thi Hội và thi Đình ghi tên những người đậu tiến sĩ từ trạng nguyên

đến tiến sĩ đệ tam giáp dưới triều Lê từ năm 1442 đến năm 1779. 10 bia dựng năm 1484 là những bia cổ nhất ở Hà Nội sau bia chùa Kim Liên, Nghi Tàm, Quảng Bá. Bia thường được dựng vào năm sau của khoa thi, nhưng có nhiều khoa thi do trong nước có nhiều việc bận không dựng được ngay, nên đã có lần vào năm 1653 dựng liền một lúc 25 bia cho 25 khoa thi trước đó. Năm 1717 cũng dựng 21 bia cho 21 khoa thi. Dưới triều Lê, tính từ năm 1442 đến 1787 có 98 khoa thi tiến sĩ; triều Mạc cũng tổ chức được 21 khoa thi tiến sĩ, nếu được dựng đủ thì còn thiếu nhiều, song có thể là do có khoa thi chưa có điều kiện dựng, hoặc bị mất, hỏng nên hiện nay còn 82 tấm. Những tấm bia tiến sĩ đều được dựng trên các con rùa bằng đá. Rùa là một con vật sống lâu hàng mấy trăm năm, tượng trưng cho sự trường tồn vĩnh cửu, là con vật linh thiêng thường được trang trí nơi thờ cúng tôn nghiêm. Những tấm bia đều được dựng bằng đá xanh lấy từ làng An Hoạch, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá, được những người thợ đá xã Kính Chủ, phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tạo hình, mài nhẵn, những người thợ khắc chữ làng Hồng Lục, xã Liễu Chàng, huyện Gia Lộc khắc chũ. Chữ Hán khắc trên bia được viết theo lối chữ triện có hình vuông vắn. Những khoa thi từ 1441 đến 1529 gồm 14 tấm có kích thước nhỏ, cao chưa quá 1,35 mét, trang trí giản đơn, trán bia có hình mặt trời và các

tia sáng, mây lửa; diềm bia có các hoa lá và vân mây. Loại bia thứ hai gồm 25 tấm dựng cho các khoa thi từ 1554 đến 1653, cao to hơn loại trên, trán bia cong vút hình bán nguyệt, có trang trí các hoa sen, hoa hồng, hoa lan, hoa mai, hoa mẫu đơn, ngoài ra còn có hình chim, cò, vạc, có cảnh đầm sen, có vịt đùa nhau tìm mồi. Loại thứ ba gồm 43 bia dựng cho những khoa thi từ 1656 đến 1779, có kích thước cao to hơn hai loại trên, bia đời Cảnh Hưng cao đến 2,14 mét. Trán bai trang trí hoa lá mây lửa cách điệu, bố cục đăng đối. Diềm bia trang trí nghèo đi, các hoa dây uốn lượn hình sin, theo kiểu lá lật. Những tấm bia dựng thành hai hàng ở phía đông và tây, không thấy theo một thứ tự, đều có những nhà bia để che mưa nắng đã bị hư hỏng, nay đã được dựng lại. Giữa hai dãy có hai nhà bia nhỏ lưu giữ những bài văn của những lần tu sửa. Mỗi tấm bia đều ghi rõ năm tổ chức khoa thi theo niên hiệu của vua trị vì đất nước năm đó, một bài văn nói về khoa thi có ghi rõ cả các quan trường, những lời biểu dương việc học, tên người soạn văn bia, khắc chữ... cuối cùng là tên những người đậu tiến sĩ khoa thi đó có kèm theo quê quán, có khi ghi cả tên xã, chức vụ trước khi thi, người đậu cao được xếp trên, người đậu thấp được xếp dưới. Những tấm bia này đã có tác dụng rất lớn đối với những người theo Nho học, khuyến khích việc học tập thành tài giúp ích đất nước, tôn vinh những

người đỗ đạt, khuyên răn họ phải tuân theo những điều đã học trong sách thánh hiền, phải luôn tu dưỡng bản thân. Ở một chừng mực nhất định, những tấm bia tiến sĩ ở Văn Miếu đã có tác dụng về tinh thần, đạo đức, góp phần vào việc đào tạo một tầng lớp trí thức ở thời đại đó, biết lấy lý tưởng thờ vua, phụng sự dân, đem lại ấm no tốt lành cho dân, không khuất phục trước uy vũ, không sa đoạ vì lợi danh. Một số người đã trở thành danh nhân của đất nước.

Qua cửa Đại Thành Môn là đến khu thứ tư. Một cái sân rộng lát gạch vuông Bát Tràng, hai bên là hai dãy nhà tả vu và hữu vu, xưa thờ các danh nho trong đó có Chu Văn An và Trương Hán Siêu. Cuối sân là nhà đại bái và hậu cung, bên trái có chuông "Bích Ưng đại chung" (chuông lớn của trường Giám) do Nguyễn Nghiễm (cha của Nguyễn Du) đúc năm 1768, bên phải có tấm khánh đá, mặt trong đề hai chữ "Thọ Xương" (vốn ở văn chỉ huyện Thọ Xương mới chuyển về đây năm 1954) mặt ngoài có khắc một bài minh kiểu chữ lệ, 12 câu, nói về công dụng của loại nhạc khí này. Hậu cung có tượng của Khổng Tử ngồi trên bệ đá, tượng của cha mẹ Khổng Tử và Tứ phối. Tượng đều bằng gỗ sơn son thếp vàng.

Khu thứ năm sau nhà hậu cung là trường Giám, là nơi học tập của các thí sinh thời Lê. Đến đời Nguyễn, Quốc Tử Giám chuyển vào Huế thì nơi

này là đền Khải Thánh thờ cha mẹ Khổng Tử. Năm 1946, giặc Pháp đã đốt trụi khu vực này, nay chỉ còn trơ hai nền cũ. Trước sân còn có bốn cột trên có bốn cái nghiên mực bằng đá có khắc chữ "Thái Học đường nghiên" (nghiên mực của nhà Thái Học). Chữ khắc trên nghiên ở mỗi nghiên khác nhau theo lối chữ chân, lệ, tống, triện.

Văn Miếu Quốc Tử Giám đã được tu sửa nhiều lần vào những năm 1484, 1511, 1536, 1762, 1785, 1805, 1863, 1888... vì vậy bóng dáng kiến trúc của thời Lý, Trần không còn lại dấu vết. Phần lớn các kiến trúc tồn tại đều là sản phẩm thời Lê mạt và Nguyễn sơ. Toà bái đường và thượng điện là sản phẩm thời Lê mạt song cũng không phải là cùng thời. Văn Miếu Môn, Đại Trung Môn, Khuê Văn Các, Đại Thành Môn là sản phẩm kiến trúc thời Nguyễn. Nhà tả vu và hữu vu được dựng lại thời Pháp thuộc.

Văn Miếu Quốc Tử Giám là một khu di tích lịch sử mang ý nghĩa biểu trưng cho tiến trình văn hoá của Việt Nam, là một bằng chứng về sự đóng góp của Việt Nam vào nền văn minh Nho giáo trong khu vực và vào nền văn hoá mang ý nghĩa nhân văn của toàn thế giới.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử văn hoá ngày 28-4-1962.

157. ĐÌNH VĂN TRÌ

Đình Văn Trì cách trung tâm Hà Nội 15km về phía tây (trên quốc lộ 32 A đi Sơn Tây) thuộc xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình toạ lạc trên một vùng đất cổ kính, nơi đã phát hiện và khai quật được nhiều di vật khảo cổ từ 3,4 ngàn năm trước. Vị thần được thờ là thần Đồng Cổ (giống như ở đền Đồng Cổ tại Bưởi và đình Nguyên Xá), nhưng ở đây qua các nghi lễ rước xách ta thấy rõ hơn và minh giải được lễ minh thệ để cố kết nhân dân xây dựng và bảo vệ đất nước. Đình còn đầy đủ cả bài vị, tên hiệu "Dương Cảnh thành hoàng - Đồng Cổ Sơn Chu Minh thượng đẳng thần" thần tích và 11 đạo sắc phong cho thần từ đời Lê tới Nguyễn.

Các triều đại xưa đã tiến hành các hội thề, trùng với lời ghi trong quốc sử gắn bó chặt với đời sống tinh thần của Thăng Long thời Lý - Trần.

Ngoài ý nghĩa lịch sử, đình còn là một công trình kiến trúc nghệ thuật có quy mô to lớn, bề thế, với đầy đủ cây đa, giếng nước cùng nhiều cổ vật quý giá trong nội tự. Tấm bia của đình được dựng từ năm Chính Hoà 15 (1704) còn các hiện vật và tác phẩm điêu khắc thì được tạo tác trong các thế kỷ 17; 18, 19.

Các mảng chạm khắc trong đình rất tinh tế,

đa dạng phản ánh những ước vọng của nhân dân, mong cho sự hài hoà của thiên nhiên như tứ quý, tứ linh. .. hoa, lá, trên các đồ thờ tự, các câu đối, đại tự, kiệu bát cống...

Ngôi đình đã được trùng tu nhiều lần.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

158. ĐỀN VỆ QUỐC

Đền Vệ Quốc nằm trên đất phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội. Nhân dân ở vùng này thường gọi là miếu Giáp Đông, vì nằm trên địa phận thôn Giáp Đông, phường Hồ Khẩu xưa. Ngoài ra còn có tên gọi là đền Đức Thánh Em để phân biệt với đền thờ Đức Thánh Anh là Dực Thánh thờ tại thôn Giáp Bắc, cách đấy khoảng 100m.

Tương truyền đền lập từ thời Lý để thờ Cống Lễ đại vương (tức Vệ Quốc tướng quân) có công đánh giặc Chiêm Thành đời nhà Lý. Sau khi ông mất được dựng đền thờ. Theo sách Tây Hồ chí, phần mộ có ghi: "Vệ Quốc là em Dực Thánh Công, nhà ở trên gò Ngư Đại, ấp Hồ Khẩu, quay xuống hồ, trông ra sông Tô Lịch. Sau hoá, người trong ấp nhân nhà cũ làm đền thờ, nay vẫn còn".

Hiện nay di tích có mặt bằng hình chữ công

gồm tam quan, tiền tế 5 gian xây kiểu đầu hồi bít đốc. Nhà cầu 2 gian, hậu cung 3 gian. Đền còn giữ được nhiều di vật cổ, sớm nhất là đạo sắc, niên hiệu Vĩnh Thịnh 6 (1710).

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, lịch sử ngày 21.1.1989.

159. ĐÌNH THÔN VIÊN

Đình thôn Viên thuộc thôn Viên, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Đây là mảnh đất tụ cư từ rất sớm của người Việt cổ, làng Cổ Nhuế còn có tên là làng Kẻ Noi.

Đình thờ hoàng tử Đồng Chinh là con vua Lý Thái Tổ. Năm Thuận Thiên thứ 18 (1027) vua xuống chiếu cử Đồng Chinh Vương đi dẹp giặc ở Châu Văn, Vương đi qua bản xá khi đó có họ Nguyễn, họ Hoàng và họ Lưu đã đem dân binh ra phủ phục nghênh đón ở bên đường xin Hoàng Vương tên huý để tôn thờ làm thành hoàng làng. Thấy dân quá khẩn khoản, tâm thành, Hoàng Vương thương sự nghèo khó của dân mà răn rằng: "Nay các người còn nghèo, nên làm lễ vào ngày 10.10 đó là ngày sinh của Hoàng Vương và cũng là ngày thụ phong Hoàng Vương", lại ban cho vật phẩm đem theo khi ra trận là bánh nếp, chè đậu xanh và bánh rán. Sau khi thắng trận trở về,

vương tâu chuyện trên, hoàng đế phán rằng: "Lòng người mong mỏi như con trẻ mong mẹ, lẽ nào bỏ". Lý Thái Tổ lại xuống chiếu ban cho một mảnh đất 1.600 mẫu cho Cổ Nhuế đời đời nối nghiệp.

Đình thôn Viên toạ lạc trên khu đất rộng và quay mặt về hướng bắc. Đình gồm toà tiền tế và đại đình. Toà tiền tế gồm 4 gian 4 mái, trên đắp rồng chầu. Bộ vì nóc làm kiểu giá chiêng, cốn nách là chiếc kẻ. Kiến trúc này không được trang trí gì. Toà đại đình có quy mô lớn hơn gồm 5 gian. Bộ vì nóc làm kiểu giá chiêng chồng tam thông qua các trụ trốn; cốn nách kiểu cốn mê. Các cấu kiện ở đây đều có chạm khắc hoa văn, đặc biệt ở các cốn nách chạm nổi đề tài tứ linh. Nhìn chung đây là sản phẩm của thời Nguyễn.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 21.6.1993.

160. ĐÌNH VIỆT YÊN

Đình ở thôn Việt Yên, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Đình còn có tên Kẻ Vẹt. Đình Việt Yên thờ tướng Nguyễn Siêu làm thành hoàng làng. Thần họ Nguyễn, tên huý là Triều, tên chữ là Nguyễn Siêu, sinh giờ thân, tháng giêng năm Giáp Thân (cuối thế kỉ 9) là bậc anh tuấn phi thường, gốc (ông) người Bắc quốc, cha chết, không về nước

theo mẹ ở lại làm người Nam. Vốn người giàu có, lại có tài vũ dũng thao lược, được Ngô Vương Quyền tín dũng cho làm thống lĩnh tướng quân. Tướng quân chiếm lĩnh Đông Phù Liệt (Thanh Trì). Nguyễn Siêu phủ dụ kẻ xa gần, chiêu người hiền, khắp nơi đều nể uy. Chừng 7 năm sau, trong nước vô chủ, 12 sứ quân tranh ngôi thứ. Mãi đến tháng 11 Nhâm Dần, Đinh Bộ Lĩnh chiêu binh khởi nghĩa, tất cả bộ lạc đều sợ, thiên hạ cho rằng không địch nổi. Nguyễn Siêu cho quân sĩ tập luyện, xây thành đắp luỹ trên từ sông Cái xã Việt Yên, dưới thì ngang sông Con tới xã Phúc Am. Đinh Bộ Lĩnh biết tin thẳng đến. Nguyễn Siêu chuẩn bị lương thảo, thiết lập cạm chông. Ngày 10.7 hội thề, phân quân số làm hai, một giữ thành, một cầu viện binh. Ngày 15.7 bỗng nhiên lũ lớn, gió gầm thét, thuyền rồng đắm, khí giới quân nhu đều mất cả. Sau đó vài tháng, trôi tới Bái Xuyên một con ngựa thần trôi ra giữa dòng, ba tháng không thối. Nhân dân cho là linh thiêng, lập đền cầu cúng". Việt Yên là nơi đóng đồn luỹ của tướng quân Nguyễn Siêu, nên được các triều đình Lý, Trần, Lê sau này cho lập đền thờ và phong sắc. Sắc sớm nhất là Hồng Đức 2 (1461), Cảnh Thống 1 (1498), Cảnh Hưng 28 (1767) và các triều Nguyễn sau này.

Đình nằm trên khu đất cao rộng khoảng đầu làng Việt Yên. Sát đình là chùa Việt Yên. Đình tương đối lớn với đủ các bộ phận: cột đồng trụ, nhà tiền tế, tả hữu mạc, phương đình, đại bái và hậu

cung. Tất cả các kiến trúc nằm trong khuôn viên khép kín, bố cục mặt bằng "nội công ngoại quốc". Nhà tiền tế 5 gian tường hồi bít đốc. Hai đầu phía trước là 2 cột đồng trụ lồng đèn trên đầu đặt nghê sành. Toà nhà này có bộ khung chịu lực khá lạ. Để đỡ thượng lương và các hoành là 2 chiếc kẻ chạy suốt từ nóc luồn các cột rồi tạo thành bẩy đỡ thanh tàu phía dưới. Chỗ kẻ ăn mộng vào cột cái là xà câu đầu đã tạo nên một ô hình tam giác. Trong đó được dựng nên khung chữ nhật "giá chiêng". Và ở dưới ngay sát kẻ, chỗ ăn mộng vào đầu cột quân lại có thêm xà ngang nữa tạo ra khoảng tam giác ở phần cốn nách. Đây là kiểu vì kèo kẻ suốt. Phương đình nằm tiếp sau nhà tiền tế, kiến trúc này 2 tầng, 8 mái, bộ vì kèo có kết cấu kiểu "giá chiêng con nhị". Toà này có niên đại khá muộn khoảng cuối đời Nguyễn. Đại bái có kết cấu vì nóc kiểu giá chiêng. Vì nách là cốn bưng được chạm dày đặc các tứ linh. Toà nhà này nối hậu cung bằng nhà cầu. Hậu cung có kết cấu đơn giản với kiểu vì kèo kẻ suốt. Hầu như không được chạm khắc trang trí gì.

Đình còn giữ 23 đạo sắc phong từ triều Lê - Nguyễn và các đồ gỗ như: hoành phi, câu đối, ngai, nhang án, kiệu thế kỉ 18, 3 choé đời Thanh, 1 đôi lọ độc bình.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, nghệ thuật ngày 22.12.1990.

161. ĐÌNH VĨNH PHÚC *

Đình Vĩnh Phúc ở xóm Vĩnh Phúc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội.

Theo thần phả, đình được xây từ thời Lý (thế kỉ 11) thờ ông Hoàng Lê Mật, người có công vớt được công chúa, được vua Lý ban cho đất 13 trại ở phía tây kinh thành Thăng Long, đã đưa dân nghèo đến khai phá, lập nghiệp ở vùng này.

Đình quay hướng nam. Đại đình có 5 gian. Toà đại bái có 3 gian 2 dĩ. Hậu cung có 2 gian, đình đã qua nhiều lần tu sửa.

Hàng năm, để tưởng nhớ thành hoàng, dân 13 trại lại cùng dân làng Lê Mật mở hội.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử nghệ thuật ngày 2.3.1990.

162. ĐÌNH VĨNH THỊNH

Đình xưa có tên là đền Vĩnh Bảo, huyện Long Đàm (thời Lý), sau đổi là Thanh Đàm. Trước cách mạng tháng Tám là thôn Vĩnh Thịnh thuộc tổng Vĩnh Ninh, huyện Thanh Trì (Hà Đông). Nay là thôn Vĩnh Thịnh, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình thờ một vị đại vương tên là Phạm Xa,

người có công đánh giặc bảo vệ kinh đô đất nước dưới thời Lê. Thần tích cho biết ông chém được Liễu Thăng ở Lạng Sơn. Khi Lê Lợi khen thưởng công thần, ông được phong làm "Thống chế tả quân". Sau được cử giữ chức Đô đốc bộ đạo Tuyên Quang rồi Hoan Châu (Nghệ An). Ông lại có công đánh giặc Chămpa, được phong "Nguyên soái thần xạ đại vương".

Đình còn lưu giữ được khối lượng lớn di vật phong phú về loại hình, đa dạng tài liệu, là những tài liệu có giá trị. Đình là công trình kiến trúc cổ và đẹp nên có giá trị kiến trúc mĩ thuật cao. Di vật gỗ được chạm khắc tinh xảo. Nhiều hiện vật quý còn giữ được như 10 bức hoành, 1 bộ kiệu bành sơn son thếp vàng, y môn, cửa võng, long ngai, cuốn thư, đỉnh, bát bửu...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 29.1.1993.

163. MIẾU, ĐÌNH VĨNH TRUNG *

Di tích thuộc xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Vĩnh Trung từ xa xưa gọi là miếu Linh Linh đã được sử dụng với chức năng ngôi đình nên

dân làng thường gọi là miếu đình Vĩnh Trung.

(Miếu đình Vĩnh Trung là một kiến trúc chứ không phải là 2).

Miếu đình Vĩnh Trung thờ thành hoàng là tam vị đại vương, ông Cả, ông Hai, ông Ba cùng vị âm thần là Ngọc Tinh phu nhân. Ba ông là con của ông họ Đoàn và bà họ Bạch ở trang Thiên Thừa, huyện Kim Bảng, phủ Lý Nhân. Ba ông đều thông minh, dĩnh ngộ, văn võ song toàn. Năm 22 tuổi, cha mẹ đều mất, Vua Hùng mến tài cho làm Đô uý. Khi đất nước có ngoại xâm, 3 ông đem hết tài năng cầm quân đánh giặc, có tài bắn cung. Sau khi thắng giặc, được Vua Hùng phong "Thần xạ đại vương", đến trang Vĩnh Hưng Trung, 3 ông thấy địa thế đẹp nên xin dựng dinh cơ ở đây. Sau khi 3 ông mất vua sai làm lễ tế và cho phép Vĩnh Hưng Trung được thờ làm thành hoàng.

Thời kháng chiến chống Pháp, đình được sử dụng làm xưởng rèn vũ khí của cơ quan quân khí quốc phòng.

Đình hiện còn lưu giữ một thần phả do Nguyễn Bính soạn năm 1573 trong đó ghi sự tích và công trạng của các vị thần và 19 đạo sắc phong có niên hiệu sớm nhất là năm 1784, muộn nhất là năm 1928 và nhiều đồ tế tự.

Đình toạ lạc trên một khoảnh đất rộng. Trước

đình là một hồ lớn. Kết cấu của đình đơn giản song chắc chắn.

Cụm di tích đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 29.1.1993.

164. ĐỀN VOI PHỤC

Tên thường gọi là đền Voi Phục do cửa đền có đắp 2 con voi quỳ ngay ở cổng đi vào. Đền còn có tên là đền Thủ Lệ do được xây dựng trên đất làng Thủ Lệ, phía tây kinh thành Thăng Long cũ, nay thuộc phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội. Đền còn có tên là đền Linh Lang do thờ thần Linh Lang đại vương[1]. Đền là một trong "Thăng Long tứ trấn", được dựng năm Chương Thánh Gia Khánh 7 (1065) đời Lý Thánh Tông, thờ con trai thứ 4 của vua Lý Thánh Tông.

Tương truyền bà hoàng phi họ Nguyễn người làng Bồng Lai (Đan Phượng) đang tắm ở Đầm Đàm (Hồ Tây), bỗng có rồng hiện ra, phun nước thơm vào mình, về nhà có mang 14 tháng và sinh ra Linh Lang. Vua Lý Thánh Tông cho bà đưa hoàng tử về nuôi tại chỗ ở cũ của bà là trại Thủ Lệ.

---

[1] Đây là Linh Lang đời Lý, phân biệt với Linh Lang đời Trần được thờ ở gần Hồ Tây như Nhật Chiêu, Yên Phụ.

Linh Lang lớn lên, tướng mạo khôi ngô, trên người có tướng lạ, có 28 vết vảy rồng và 7 hàng chấm sáng long lanh như ngọc trên ngực. Lúc bấy giờ quân Tống do Triệu Tiết chỉ huy đem quân sang xâm chiếm nước ta. Vua sai sứ đi chiêu mộ người tài giỏi ra đánh giặc. Linh Lang tâu xin vua ban cho một lá cờ và một thớt voi, chàng hét lên một tiếng, tức thì hai con voi phục xuống, Linh Lang cầm cờ, cưỡi voi xông ra trận, đánh cho quân giặc thua tan tác. Sau khi thắng trận, Linh Lang trở về trại Thủ Lệ, được ít lâu thì mắc bệnh nặng. Vua nghe tin tới thăm hỏi. Linh Lang tâu rằng mình không phải là người trần, nay đến hạn phải ra đi. Nói rồi chàng hoá thành con giao long dài trăm trượng trườn xuống Dâm Đàm và biến mất. Sau đó trời mưa liền mấy ngày, khi trời tạnh, từ trên trời rơi xuống nhiều cờ đỏ cắm trước cửa Ngọ Môn. Vua bèn phong tước cho Linh Lang là đại vương và sai sửa lại nơi ở cũ làm đền thờ Linh Lang đại vương.

Cũng có sách cũ (*Tang thương ngẫu lục*) chép Linh Lang là con một người con gái ở bên Hồ, vua đem lòng yêu mến nên đã sinh ra. Đến năm lên 8 tuổi mới được đưa vào trong cung, cho dự vào hàng cuối trong các hoàng tử. Ít lâu sau Linh Lang lên đậu, mỗi hạt đậu to như hạt ngô, liền xít không hở chỗ nào, ba tháng trời vẫn không khỏi. Vua đến thăm, thở dài thương hại, Linh Lang tâu với vua rằng: "Con bị đầy xuống trần có kì, xin vua cha

không nên buồn phiền, con sắp sửa đi đây, vua cha có lòng thương con xin lập cho một đền thờ ở chỗ con ra đi... nói rồi Linh lang hoá thành một con thuồng luồng trườn xuống hồ mất. Vua phong là thượng đẳng thần và sai lập đền thờ.

Đền được khởi dựng từ thời Lý Thánh Tông, đã qua nhiều lần trùng tu. Trong trận Cầu Giấy lần thứ nhất, ngày 21.12.1873 nghĩa quân ta đã phục kích ở cổng đền này, diệt gọn một toán quân Pháp, trong đó có tên chỉ huy là Balny. Cùng ngày, ở đường Giảng Võ, chủ tướng của chúng là Francis Garnier cũng đã phải đền tội. Tại ngôi đền này, Tôn Thất Thuyết cùng Lưu Vĩnh Phúc đã đóng quân, phục kích đánh tan một toán quân Pháp và giết chết 2 tên quan 5 giặc là Villers và Henri Rivière vào ngày 18.5.1882. Năm 1947 giặc Pháp mở rộng chiến tranh, đánh lên Sơn Tây, đã đốt trụi đền Voi Phục. Đến năm 1953, dân đã quyên góp tiền và xây dựng lại đền, song cũng chưa dựng lại được như cũ. Từ năm 1954 đến nay cũng đã có nhiều đợt tu sửa nhỏ.

Trong đền có 2 pho tượng đồng và hòn đá to có vết lõm, tương truyền là nơi Linh Lang nằm gối đầu lên rồi hoá thành con giao long và trườn xuống hồ. Ngoài cổng có đắp hình hai con voi quỳ. Đầu năm 1994 nhân dân Thủ Lệ đã quyên góp đúc lại quả chuông chiều cao 93cm, đường kính miệng 70cm, thân chia 4 múi, mỗi múi có hai hàng chữ

Hán đúc nổi. Bốn chữ Hán dòng trên là "Tây trấn thượng đẳng". Đền có 4 đôi câu đối. Câu đối treo ở nhà đại bái viết:

"Mộc biểu[1] chi sơ nhất chính dực tán trung hưng thành

Đông A di hậu vạn cổ bao phong thượng đẳng thần".

Tạm dịch là:

Thời Lý buổi đầu một lần đi dẹp giặc, việc trung hưng được thần phù giúp. Thời Trần về sau muôn đời tôn phong danh hiệu thượng đẳng thần.

Đường vào đền có nhiều cây cổ thụ, đền được xây cạnh hồ Thủ Lệ, có khuôn viên rộng rãi, cây cối xanh tốt um tùm nên được coi là một cảnh đẹp của thủ đô Hà Nội.

Hàng năm đền có lễ hội vào ngày lập xuân, trước đây quan coi việc đem trâu đất đến dưới đền làm lễ nghênh xuân. Sau lễ thần đến rước kiệu. Trai tráng đóng phu kiệu, cởi trần đóng khố bào, rước kiệu qua Núi Bò gần đó. Khi qua núi phải bò như đi đánh trận và phải luôn luôn giữ sao cho kiệu được thăng bằng.

Đền đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử thắng cảnh ngày 28.4.1962.

---

[1] Mộc biểu ý nói đến bài thơ sấm trên cây báo hiệu nhà Lý lên ngôi vua.

165. ĐÌNH VÒNG

Đình còn có tên là đình Hạ, đình thuộc phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Đình thờ hai vị thành hoàng là Cương Nghị đại vương là Hùng Lược đại vương là nhân vật thời Hùng Vương 18, đã có nhiều công sức giúp vua chống giặc. Sau khi hai ông mất được phong tước đại vương, cấp thực ấp ở đất làng Mọc, nhân dân thôn Hạ thờ làm thành hoàng.

Đình gồm: phương đình, đại đình và dãy tảo mạc. Phương đình 8 mái chạm rồng, phượng. Hai giải vũ 3 gian trang trí đơn giản. Đại đình 5 gian 2 chái, chạm khắc rồng, mây hoa lá, rồng cuốn thuỷ. Di tích còn bảo lưu được một số hiện vật nghệ thuật đáng chú ý là: 8 đạo sắc phong, bia đá, chuông đồng, kiệu bát cống, long ngai (3 bộ) lư đồng, choé sứ, lọ lục bình, đội tượng đá v.v...

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 18.1.1993.

166. ĐÌNH ĐỀN VŨ THẠCH*

Đình, đền Vũ Thạch ở đầu phố Bà Triệu, Tràng Thi, thuộc phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đình, đền toạ lạc trên cùng một khu đất. Đình thờ Khoả Bá Sơn, một danh tướng có công trong cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Đền thờ Đức Thánh Trần, Ngũ vị tôn ông là những vị thánh được coi là tả hữu của Đức Thánh Trần. Ngoài ra đền còn thờ Ngũ Hành những vị thần phổ biến trong đền thờ Đức Thánh Trần.

Đình, đền Vũ Thạch là những công trình kiến trúc được xây dựng từ lâu đời, qua nhiều lần tu sửa, hiện nay dấu ấn còn lại trên kiến trúc chủ yếu vào thời Nguyễn. Giá trị nhất trong các kiến trúc này là tượng Khoả Bá Sơn, long ngai, bài vị trong đình và tượng thánh trong đền. Đình, đền Vũ Trạch đều hình chuôi vồ, gồm tiền đường và thượng điện.

Hàng năm vào ngày hội thánh, dân các nơi cùng thờ Khoả Bá Sơn từ Xuân Đỗ, Gia Lâm lại kéo sang góp hội. Vào ngày 6.2 âm lịch là lễ hội kỉ niệm Hai Bà Trưng, dân làng Vũ Thạch lại đèn nhang, hương khói tưởng nhớ những người có công trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và vị thành hoàng tôn kính của mình.

Đình, đền (chùa) Vũ Thạch đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 12.12.1986.

167. ĐÌNH XUÂN DỤC

Đình ở làng Xuân Ổ, tổng Yên Thường, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc, nay là thôn Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đình thờ 2 vị thần là Nam Phổ và Lý Tam Lang. Nam Phổ là một trong 50 người con của Lạc Long Quân và bà Âu Cơ, đã theo cha là Lạc Long Quân xuống khai phá đồng bằng ở làng Xuân Ổ, trang Yên Thường. Vào năm 40 sau công nguyên, khi Hai Bà Trưng đứng lên khởi nghĩa dừng chân nghỉ ở vùng Xuân Ổ, đêm nằm mộng thấy một người hiện lên xưng là thuỷ thần Nam Phổ là con của Lạc Long Quân muốn giúp Hai Bà dẹp giặc. Trận đó Hai Bà đã thắng trận. Sau khi lên ngôi, Hai Bà nhớ đến công ơn của Nam Phổ, đã cho dân làng Xuân Ổ dựng đình thờ thần và phong cho là Tuyên Linh đại vương. Thần Lý Tam Lang nguyên là vị quan phó chỉ huy sứ thời Lý, đã có công mộ hương binh và gia thần đi đánh Chiêm Thành ở phía Nam. Sau khi đánh thắng Chiêm Thành, ông được vua Lý ban lộc điền ở huyện Đông Ngàn nhưng ông xin về trí sĩ, mở trường dạy học cho con em trong vùng. Khi ông mất được dân chúng phụng thờ, được triều đình ban sắc phong là Thượng đẳng phúc thần.

Đình đã được xây dựng từ lâu, đến đời Lê

Trung Hưng , được triều đình sắc phong, tiếp đời Cảnh Trị (1633 - 1671), Dương Đức (1672 - 1673), Chính Hoà (1680 - 1705). Đình đã được tu sửa nhiều lần, lần cuối cùng vào năm 1934. Lần sửa chữa này được ghi chép trên câu đầu và các chân tảng kê ở cột hiên.

Đình được dựng trên một khu đất cao, rộng phía trước có hồ vuông và hồ bán nguyệt. Đình quay mặt về hướng Nam, gồm nhà đại đình, nhà cầu và hậu cung.

Đại đình là một toà nhà rộng có 4 mái với các góc đầu đao cong, đắp hình rồng quay về nóc. Bờ nóc và bờ dải được đắp kiểu chữ "công". Bờ dải đắp tượng rồng nghê bằng các mảnh sứ, gồm 5 gian, 2 chái, có 6 bộ vì chính bằng gỗ lim rất chắc chắn, mỗi bộ vì có 6 hàng chân, các cột có kích thước lớn, chu vi cột cái là 185cm, cột quân là 160cm, cột hiên là 150cm. Các bộ vì được làm kiểu "chồng giường, giá chiêng". Các bộ vì và kết cấu đầu hồi được liên kết chặt chẽ bằng những xà dài thượng, hạ. Đáng chú ý là trên 12 cột quân, phần dưới xà thượng đều được chắp với nhau bởi các mảng gỗ chạm trổ và xoè rộng ra hai bên cột, vừa có giá trị mĩ thuật vừa là kĩ thuật liên kết cố định. Các cấu kiện gỗ trong đại đình đều được chạm khắc các hình rồng ổ, người có cánh, cưỡi ngựa rồng và cảnh chuốc rượu... các bức cốn nách cũng được chạm các hình

rùa chở lạc thư, long mã chở hà đồ và các vân hoa, lá mây, lửa...

Nhà cầu nối đại đình và hậu cung gồm 3 gian xây dọc. Mái được làm 2 tầng, vì trên được làm theo kiểu "thượng giường, hạ bẩy", hai mái dưới chồng giường nách kết hợp với kẻ hiên, giữa hai mái được bưng bằng ván gỗ để mưa không hắt vào.

Hậu cung là một toà nhà 3 gian, xây kiểu tường hồi bít đốc. Các bộ vì được làm theo kiểu "chồng giường giá chiêng hạ kẻ". Gian giữa hậu cung có sàn gỗ cao 120cm để đặt long ngai, có chạm rồng chầu. Hai mặt ngoài của tường hồi có đắp đôi rồng chầu mặt hổ phù.

Nhìn chung, kiến trúc và điêu khắc của đình mang phong cách thế kỉ 18 và 19. Đình còn lưu giữ được 33 đạo sắc phong của các đời Lê, Tây Sơn và Nguyễn, đạo sắc phong cổ nhất có niên hiệu Cảnh Trị (1633-1671).

Trải qua những năm tháng kháng chiến chống Pháp, rất nhiều đình quanh Hà Nội bị tàn phá, đình Xuân Dục rất may mắn còn giữ được nguyên vẹn.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 5.2.1994.

168. ĐÌNH XUÂN ĐỖ HẠ

Đình Xuân Đỗ Hạ là gọi theo tên làng, di tích còn có tên gọi là đình Đậu Hạ, thuộc thôn Xuân Đỗ Hạ, phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội.

Đình Xuân Đỗ Hạ là nơi phụng thờ, tưởng niệm hai vị thần tối cổ trong lịch sử; một là nữ thần Lâu Ly Nương nằm trong hệ thống thần thoại về thời dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, hai là phúc thần Khoả Bá Sơn, một tướng tài trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc do Hai Bà Trưng lãnh đạo. Công tích của thần được các đời vua Lê, Tây Sơn và Nguyễn đánh giá cao. Hiện còn lưu giữ 21 đạo sắc phong. Trong đó có những sắc còn ghi những mĩ tự "Dực Bảo Trung Hưng Khoả Bá Sơn Tôn Thần Hộ Quốc Tì Dân Nẫm Trứ Linh Ứng" hay "Dực Bảo Trung Hưng Tiên Lâu phu nhân Tôn Thần Hộ Quốc Tì Dân Nẫm Trứ Linh Ứng".

Đình Xuân Đỗ Hạ là một quần thể kiến trúc liên hoàn khép kín, bao gồm nhiều nếp nhà ngang, dọc tạo thành, được xây dựng trên nền cao 80cm so với mặt sân. Hai bên là hai dãy nhà giải vũ.

Tiền đường gồm một gian hai chái rộng. Bờ nóc trang trí hình mặt nguyệt (đã bị hỏng) hai đầu bờ nóc đắp con kìm, bờ dải đắp vữa, giữa bờ giải đắp hai con nghê bằng gốm, hai đầu đao cong đắp

hình rồng quay đầu vào trong, mái lợp ngói ta. Phía trước của các gian mở những ô cửa lớn hình chữ nhật, phía trong và hai bên hồi để trống, thông với nhà tán nội và hai dãy giải vũ hai bên.

Mặt bằng theo kiểu 4 hàng chân, mái phân thượng tứ hạ ngũ. Hai bộ vì gian giữa làm theo kiểu "thượng giường hạ bảy", các con giường trang trí hình vân xoắn, hoa văn thực vật cách điệu về đề tài tứ quý: đào, trúc, cúc, mai. Các đầu bẩy được chạm hình rồng mây, rồng phun nước, rồng cuốn thuỷ.

Nhà tán nội làm song song với tiền đường (tán ngoại) gồm một gian 2 chái rộng. Trang trí tập trung chủ yếu vào hai bẩy hiên phía trước với đề tài phượng, cá chép, hoa sen được chạm thường và chạm nổi với kĩ thuật điêu luyện.

Phần thờ tự chính xây kiểu chữ đinh. Tiền tế là dãy nhà ngang 3 gian xây kiểu "tường hồi bít đốc tay ngai". Hai vì gian hồi kiểu "kèo cầu cách cú" mái phân thượng tứ hạ tam. Bốn hàng chân cột cái gỗ tròn, kiểu "thượng thu hạ thách" đặt trên các chân tảng đá xanh. Bốn cánh cửa của gian giữa trang trí chữ "thọ" tròn, bốn con dơi đậu ở bốn góc, gọi là "ngũ phúc viên thọ". Phần hậu cung làm đơn giản với 2 bộ vì kiểu "thượng giường hạ kẻ".

Đình còn lưu giữ nhiều di vật quý hiếm như:

long đình, sập thờ, hương án, kiệu bát cống, có niên đại thế kỉ 18 - 19.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc, nghệ thuật ngày 11.3.1994.

169. ĐÌNH YÊN HOÀ

Đình Yên Hoà thuộc địa phận phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Từ trung tâm Hà Nội đi về phía Cầu Giấy, qua cầu, theo đường vào làng ở bên trái chừng hơn 100m tới di tích. Đình, chùa nằm gần nhau trên cùng thửa đất.

Đình thờ Bạch Hạc Tam Giang là người chỉ huy thuỷ binh chống giặc trong đời Hùng Vương và thờ Lý Thần Tông.

Đình gồm có trụ biểu, kiến trúc hình chữ công gồm đại đình 5 gian, hậu cung 3 gian, nhà cầu 3 gian, với các bộ vì truyền thống, kẻ chuyền giá chiêng và chồng giường.

Đình Yên Hoà được trang trí khá đẹp. Trên cốn nách, xà, con giường được chạm khắc các đề tài tứ linh, tứ quý, mặt trời, lá lật. Đồ tế khí khá phong phú: y môn, cửa võng, sập, hương án, long đình, kiệu bát cống, long ngai, bài vị, tượng, sắc phong, thần phả, trong đó có những hiện vật thời hậu Lê, thế kỉ 18 và thời Nguyễn.

Đình (chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 10.3.1994.

170. ĐÌNH YÊN NỘI

Đình Yên Nội thuộc thôn Liên Mạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đình Yên Nội được xây dựng từ rất lâu đời. Đình còn giữ được đạo sắc phong vào năm Hoàng Định 10 (1610) và sắc phong muộn nhất là năm Khải Định 9 (1924), như vậy có thể đình được xây dựng vào thời Lê và qua nhiều lần trùng tu vào năm 1797, 1915, 1934 và gần đây nhất là 1989.

Vị thần được thờ là Bạch Hạc Tam Giang Thổ lệnh chi thần. Vị thần này trong *Việt điện u linh* và cả trong *Lĩnh Nam chính quái* có chép sự tích. Đó là theo quan niệm người xưa thờ thuỷ thần.

Đình xây kiểu chữ công. Đại đình có qui mô kiến trúc lớn gồm 5 gian dài 22m, ngang 12,5m. Bộ nóc có rồng chầu hổ phù, kiểu ghép mảnh sứ, đầu hồi có con kìm. Phía trước đầu hồi có trụ biểu. Các vì kèo đình theo kiểu "chồng giường giá chiêng kẻ hiên" trên 6 hàng chân, cột hiên xây gạch. Hậu cung nối từ gian giữa đại đình gồm 5 gian, ba gian

giữa được xây tôn cao ở giữa để làm bệ thờ. Các vì hậu cung theo kiểu "chồng giường giá chiêng". Trên kiến trúc đại đình và hậu cung được chạm các đề tài tứ linh và hoa văn thực vật. Các đầu dư được tạo tác tỉ mỉ, mang phong cách của thế kỷ 19.

Các đồ thờ tự còn có thần phả, sắc phong, hoành phi câu đối, hương án, bát bửu, kiệu v.v... ở đình có bia đá, chuông. Trước đây, chuông do bà Túc Trinh bỏ tiền thuê thợ đúc có khắc lời di chúc của bà, về sau chuông này mất đi và dân đã đúc lại quả chuông khác và khắc lại bài di chúc đó.

Đình Yên Nội đã có từ lâu, tuy tu sửa nhiều lần nhưng về kiến trúc và chạm trổ vẫn giữ được giá trị của nền nghệ thuật kiến trúc truyền thống cộng với những di vật còn được lưu giữ.

Đình (và chùa) đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 22.4.1992.

171. ĐÌNH YÊN THÁI

Đình Yên Thái thuộc phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Theo sử sách, sắc phong, thần phả và truyền thuyết dân gian trong vùng đều cho biết đình Yên

Thái thờ những vị nhân thần dưới triều Lý (thế kỷ 11). Lai lịch, công trạng của họ được chép khá nhiều trong *Lĩnh Nam chích quái, Kiến văn tiểu lục, Đại Nam nhất thống chí, An Thái phường thần tích*. Ông tên là Vũ Phục, tự là Phúc Thiện và vợ cùng em trai có công trong việc đắp đê ngăn nước ở vùng hợp lưu giữa sông Tô Lịch và sông Thiên Phù (khu vực chợ Bưởi hiện nay). Ông bà mất, vua ban cho ông là: "Chiêu Ứng Phù Vận đại vương" bà là "Thuận Chính Phương Duy công chúa", người em trai là: "Chiêu Điền Đại Vương" và cho dựng đình thờ. Các đời sau đều ban sắc phong.

Có truyền thuyết kể rằng ông Vũ Phục quê ở Bạch Hạc, bà quê ở Minh Tảo, Từ Liêm, làm nghề bán dầu. Sáng sớm ông bà đi bán dầu, bị bắt nhẩy xuống sông Thiên Phù để chữa bệnh đau mắt cho vua Lý. Cũng có sách chép là do ông bà tự nguyện. Sự tích này có thể phản ánh một tập tục mê tín dị đoan lấy người làm vật tế sống còn lưu truyền ở thời Lý.

Di tích được dựng từ thời Lý, đến nay đã qua nhiều lần trùng tu sửa chữa, mở mang. Đình có tam quan, đại đình 3 gian, có chạm khắc hoa lá. Di vật còn rồng đá, hương án, hổ phù, câu đối, long ngai, bia đá, sắc phong, thần phả, mũ thờ.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 28.4.1994.

172. ĐÌNH YÊN PHỤ

Đình Yên Phụ thuộc phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Tương truyền đình được xây dựng từ rất sớm để thờ Lý Nam Đế (thế kỷ 6) và Linh Lang đại vương (thế kỷ 11).

Lý Nam Đế, người có công lớn đánh đuổi quân đô hộ phương Bắc, phá quân Lâm Ấp, rồi lên ngôi, xưng Nam Việt đế, đổi hiệu là Thiên Đức, thiết lập trăm quan, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

Linh Lang đại vương, người con trai của Lý Thánh Tông, có công đánh giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước, đã được thờ ở nhiều nơi.

Trải qua nhiều lần trùng tu, biến đổi, hiện nay đình nằm trên một khoảnh đất ở ven Hồ Tây. Kiến trúc đình gồm 5 gian tiền tế và 3 gian hậu cung. Cửa đình mở về hướng bắc và mở cửa đầu hồi. Do vậy kiến trúc đình Yên Phụ dễ dàng phân biệt với các ngôi đình mở cửa ngang vẫn thường thấy. Trên kiến trúc đình còn giữ được một số mảng chạm và di vật nghệ thuật thế kỷ 18 - 19.

Đình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật ngày 27.1.1986.

173. ĐÌNH, ĐỀN YÊN XÁ *

Đình, đền nằm ở thôn Yên Xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình thờ Linh Lang đại vương là con trai vua Lý Thánh Tông. Đình dựng trên một khu đất cao rộng giữa làng. Đình gồm phương đình, đại đình và hậu cung. Phía trước là ao sen lớn. Phương đình là một kiến trúc có qui mô nhỏ và xinh xắn được dựng ngay phía trước toà đại đình. Phương đình là một ngôi nhà vuông, xung quanh để trống, với hệ thống chồng diêm 8 mái. Các góc uốn quanh tạo các đầu đao ngắn. Các góc mái tầng dưới được đắp nổi các hình rồng, rồng có thân uốn cong, mềm mại, lưng rồng có hình vẩy đá nhọn, hình tia lửa. Đầu rồng quay ngược vào trong, mồm há rộng, mũi nở to, mắt lồi dữ tợn, bờm tóc được tạo bởi 4 hình đao mác bay ra ngoài. Các góc mái tầng trên đắp nổi hình lá cách điệu xoắn tròn. Hai đầu bờ nóc đắp nổi hình con kìm. Bên trong phương đình được làm đơn giản, đề tài chủ yếu là hình hoa lá kết hợp với các đường chỉ soi, vân hình học đơn giản.

Toà đại đình trước đây to đẹp nhưng hư hại nhiều, nhân dân đã làm lại toà đại đình như ngày nay.

Bộ khung mái hậu đình được làm đơn giản.

Đền Yên Xá được xây dựng trên một khu đất rộng ven làng, kiến trúc xinh xắn ẩn mình dưới

bóng cây cổ thụ um tùm tươi tốt. Đền có kết cấu hình chuôi vồ gồm 3 gian tiền tế và một gian hậu cung.

Tiền tế là một ngôi nhà hẹp lòng được làm theo kiểu đầu hồi bít đốc. Tường hồi xây theo kiểu tay ngai, phía trước có cột trụ biểu, đình đắp trụ hình con nghê, phần lồng đèn hình tứ linh. Bờ nóc đắp bờ đinh, hai đầu hai trụ đấu. Nhìn chung chạm khắc trong đền khá trau chuốt. Chạm nổi và chạm lộng ở đây kết hợp khá hài hoà. Đình đền còn lưu giữ 38 đạo sắc, sớm nhất là năm 1626.

Cụm di tích đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ngày 27.12.1990.

PHẦN III

PHỤ LỤC

I. NHỮNG QUY ĐỊNH TẾ LỄ Ở ĐÌNH LÀNG QUA VÀI HƯƠNG ƯỚC

HƯƠNG ƯỚC LÀNG PHÚC XÁ, TỔNG PHÚC LÂM, HUYỆN HOÀN LONG, TỈNH HÀ ĐÔNG

Làm ngày 15.5.1923

HƯƠNG - TỤC

Phụng sự lễ nghi

Điều thứ 41. Việc đèn hương trong đình thì cắt người nào trong làng đã có tuổi và cẩn thận, làm thủ tục, để phụng sự nhà Thánh và sửa lễ cho dân để lễ thần trong tứ thời bát tiết. Người thủ từ thì phải ở luôn tại đình và nếu sơ khoáng việc phụng sự hay là sửa lễ không được thanh khiết, thì phải phạt lần thứ nhất, bốn hào (0$4), lần thứ hai một đồng (1$00) đến lần thứ ba thì bị đuổi ra và mất cả ngôi thứ trong làng.

Các lễ nghi

Điều thứ 42.

1. Lễ chính tiệc: Năm nào cũng đến ngày mồng sáu tháng ba ta, thì dân làm đại tiệc hội họp tại đình từ bô lão cho đến tráng hạng từ 18 tuổi giở lên đồng lạc dự tiệc. Ngày hôm ấy hoặc làm bò hay làm lợn và hát xướng để tế thần và cúng các vị hậu và làm lễ hôm yết và hôm tạ, chi phí hạn đến hai trăm (200$00) mà thôi. Còn như năm nào phong đăng hoà cốc dân định vào đám rước sách nghênh tống thì chi tiêu hạn chỉ ba trăm đồng (300$00) mà thôi. Những lễ ấy là chi phí mất nhiều tiền, thì độ hai ba năm mấy vào đám một lần mà không quá ba ngày, song phải có hội đồng trị sự bàn định rồi trình cả đồng dân cùng thoả thuận mấy được làm.

2. Lễ Thánh Đản các Đức Bà tục là lễ Dịch Mã: Năm nào cũng ngày hôm 25 tháng chạp thì dân làng, nghĩa là chức sắc bô lão, tộc biểu, lý dịch, Hội Tư - văn, nhiêu - nam và ba bàn trên, hội họp tại đình làm lễ dịch mã. Hôm ấy đình làm xôi lợn, giầu rượu vàng mã, chi tiêu hạn có bốn mươi đồng (40$00), lấy vào công quỹ.

3. Lễ Tứ Thời Bán Tiết: Còn như tứ thời bát tiết như lễ ba ngày Tết Nguyên đán, Lễ động trống hôm *mồng bảy* tháng giêng, lễ Xuân Thu hôm rằm tháng hai, lễ Thánh Đản hôm mồng một và hôm rằm tháng ba, lễ Hạ điền hôm rằm tháng tám, và

những ngày sóc vọng thì làm oản quả hay là xôi gà theo như lệ thường, chi tiêu hạn mỗi lễ là ba đồng (3$00) trừ ra ngày mồng một Tết Nguyên đán thì chi năm đồng (5$00) lấy vào công quỹ *giao cho thủ từ lo liệu*. Những thời tiết ấy thì các bô lão lý dịch, tộc biểu trong làng ai ra lễ, thì hưởng thụ lộc thánh:

4. Tiệc Yến lão: Năm nào cũng định ngày hôm 16 tháng giêng thì làm tiệc yến lão để các cụ bô lão đến tuổi khao vọng thì biện lễ ra kính thần và trình dân cúng nộp lệ tiền vào công quỹ. Hôm ấy thì làm lễ bằng lợn xôi giầu rượu chi tiêu hạn có hai mươi nhăm đồng (25$00) và các bô lão các chức sắc, các lý dịch, các tộc biểu dương thứ và ba bàn trên ra hội họp tại đình hành lễ dự tiệc.

Phục - dịch trong ngày đại lễ

Điều thứ 43. - Phục dịch trong ngày đại lễ. - Những ngày đại tiệc thì cắt giai làng từ 18 tuổi cho đến 25 tuổi theo Hương trưởng ra làm lễ và phục dịch cỗ bàn, còn hôm lễ dịch mã và yến lão, thì Hương - trưởng cắt tuần ra phục dịch về việc lễ. Việc mua bán lễ vật trong những ngày tiệc lễ thì cắt ba bàn 12 người từ 19 tuổi giở xuống để tòng giữ Hương trưởng sửa lễ.

Chủ - tế và Bồi - tế

Điều thứ 44. Khi tế thì ông tiên - chỉ vào chủ tế, hoặc tiên chỉ đi vắng, thì chánh phó Hương nghị hay

là một viên cao hàm hơn vào thay, bồi - tế thì cắt vào các chức sắc hay là các cụ lão, còn như chấp sự, đọc chúc thì cắt vào các viên trong hội tư - văn.

Tế - nghi

Trong khi tế tự, các viên tế lễ phải cho kính cẩn, nếu thất lễ kính cẩn thời phải phạt năm hào (0$50). Những khi tế lễ phàm người nào không có đội khăn thâm mặc áo thám tử tế thì không được vào đình, nếu bắt được vô lễ như thế, thì phải phạt hai hào (0$20).

Chung đình thứ vị

Điều thứ 45. Những khi đại tiệc và các nghi tiết thì thứ vị ở trong đình định như sau:

Đặt riêng một sở để hội đồng, trị sự xem xét mọi việc. Bên đình hữu gian trong: Thời các quan tại chức, các viên có phẩm, các người đỗ đại khoa, nghĩa là những người đỗ tiến sĩ, cử nhân, tú tài tây học, đỗ cao đẳng học và những người có tên vào danh dự sách.

Gian giữa: tổng lý đương thứ, tổng lý cựu hương - trưởng.

Gian ngoài: Hội tư văn và các tộc biểu dương thứ.

Bên đình tả gian trong: Thượng hạng lão nhiêu, trung hạng lão nhiêu.

Gian giữa: Trương tuần, cai vạn, nhiêu nam, lính trừ bị, lính tại ngũ và tam bàn.

Ngoài rạp thì bàn tư, bàn năm cứ chiếu niên sỉ mà ngồi. Khi ở đình có tiệc lệ, nếu ai hỗn độn, không theo tứ vị phẩm chức và niên sỉ hay là thét lác to tiếng hay làm náo động, thì phải trục xuất ngay, và phải phạt năm hào (0$50).

Những ngày ấy là ngày dân làm lễ kính Thần và hội họp đồng lạc, thì chỉ việc hoà lạc những truyện ích lợi cho vui vẻ, chứ không ai được đem việc gì ra kêu ca, hay là kiếm truyện châm chích nhau, nếu không tuân, thì phải trục xuất ngay và phải phạt năm hào (0$50).

HƯƠNG ƯỚC LÀNG NHẬT TÂN

Làm ngày 4.1.1921

Tế - tự

Điều 124. *Đại tế* về ngày mồng mười, ngày 12 tháng 2, chiều nhân xuất mỗi người 0,$1 ước được 100$,00 để mua một con bò, một con lợn, 9 bàn xôi, 5 nồi gạo nếp, 10$,00 vàng mã, 20 chai rượu và giầu cau và ngũ quả.

Tháng ba là lễ *kỳ yên*, dân định sửa lễ ấy một con lợn, một nồi gạo nếp, một nồi gạo tẻ, hai chai rượu, 5$,00 đồ vàng mã và giầu cau ước 30$00;

tiền chi lễ ấy, lấy ở công - quỹ ra chi (nguyên trước đã có đất bãi để vào lễ ấy, nay dân định để đấu giá lấy tiền sung vào công quỹ).

Điều 126. Tháng 8 là lễ *Thường - tân*, dân định sửa lễ ấy, một con lợn, một nồi gạo nếp, một nồi gạo tẻ, 2 chai rượu và 1 đồng cốm và chuối với lại giầu cau nữa, tất cả ước 30$00.

Điều 127. Khi tế lễ xong rồi, thời các lễ vật ấy đem làm cỗ tại đình, từ trên đến dưới đều nhau cả, ai kiến tại đình thời ăn uống, không phải kính biếu ai, nhưng mà xưa nay ai được ngôi biếu, thời chỉ biếu bằng giầu cau mà thôi (mỗi người một miếng giầu).

Điều 128. Việc mua lễ vật ấy, thời dân giao cho lý dịch mà việc làm cỗ thời dân giao cho các người tuần phiên.

Điều 129. Còn như các ngày sóc vọng và các lễ thường trong một năm, các lễ này sửa bằng oản quả trước thời nặng lắm, nay định mỗi một kỳ 30 phẩm oản, 30 quả chuối, 1 chai rượu, 100 giầu. Các lễ vật ấy, thời mỗi kỳ trích tiền công quĩ ra 2$6 mà chi còn 6 mẫu ruộng công tại xứ Đình - Lẫm trước kia để vào việc các lễ này, bây giờ dân định để 6 mẫu ruộng công ấy, cứ đến đầu năm, thời đấu giá lấy tiền sung vào công quỹ. Các kỳ lễ này cũng chỉ biếu bằng giầu cau mà thôi, và ai kiến tại đình hôm ấy thời được hưởng. Việc làm cỗ các kỳ này, dân giao cho các người hạ bàn (y như trước).

HƯƠNG ƯỚC LÀNG TAM LẠC, TỔNG PHÚC LÂM, HUYỆN HOÀN LONG, TỈNH HÀ ĐÔNG

Làm ngày 14.6.1923

Tế - tự

Điều thứ 90. Đình để thờ thần phải cắt một người cẩn thận sạch sẽ, để tối sáng đèn hương quét tước, thời làng sẽ trích tiền công, cấp cho mỗi tháng một đồng năm hào.

Điều thứ 91. Từ ngày mồng một tết cho đến ngày mồng bốn, thời mỗi ngày làng lấy *hai con gà, hai mươi phẩm oản* chuối, hai mươi khẩu giầu lệ, để làm lễ, lễ thành có người nào ở đấy thời thụ lộc, ai vắng thời thôi.

Điều thứ 92. Ngày mồng sáu là ngày bàn tiệc thần, ai làm lý trưởng thời phải sửa một con gà, một nậm rượu, một cơi giầu, và dân lấy hai mươi phẩm oản chuối lệ, và hai mươi khẩu giầu làm lễ, lễ thành ai kiến tại thời thụ lộc.

Điều thứ 93. Ngày mười lăm là ngày tiệc thần, làng sẽ trích tiền công thổ mười lăm đồng bạc để chi việc ấy, lễ thành suất cả hàng lão cũng thụ lộc.

Điều thứ 94. Ngày *mồng một tháng ba mở* đại Hội đồng để định tiệc thần, thời lấy hai con gà, hai mươi phẩm oản chuối lệ, hai mươi khẩu giầu làm lễ, lễ thành ai có đấy thời thụ lộc.

Điều thứ 95. Ngày *mười hai tháng ba* là ngày *đại kỳ - phúc*. Thời dân lấy hai mươi đồng bạc công thổ chi việc ấy, lễ thành suất cả hàng lão cùng thụ lộc.

Điều thứ 96. Ngày *mồng một tháng tư* dân lấy năm đồng bạc công thổ để chi việc lễ *Kỳ - yên* lễ thánh cả hàng lão cùng thụ lộc.

Điều thứ 97. Ngày mồng *năm tháng năm* thời lấy hai mươi phẩm oản chuối, bốn mươi khẩu giầu, lễ xong ai kiến tại thời thụ lộc.

Điều thứ 98. Ngày hai mươi tám tháng sáu là ngày *Kỳ Phúc* dân lấy hai con gà, hai mươi phẩm oản chuối, bốn mươi khẩu giầu làm, lễ thành ai kiến tại thời thụ lộc ai vắng thời thôi.

Điều thứ 99. Ngày rằm tháng bẩy thời ba giáp sửa lễ tuỳ nghi chiếu biện.

Điều thứ 100. Ngày rằm tháng tám là tiết trung thu, thời tư văn làm lễ cả một thể.

Điều thứ 101. Ngày mồng chín tháng chín là ngày *Kỳ - Phúc* thời dân lấy hai con gà, hai mươi phẩm oản chuối lệ và bốn mươi khẩu giầu làm, lễ thành có ai ở đấy thời thụ lộc.

Điều thứ 102. Ngày mồng mười tháng mười lấy hai mươi phẩm oản chuối, bốn mươi khẩu giầu làm, lễ xong ai hiện tại thời thụ lộc.

Điều thứ 103. Ngày hai mươi chín tháng một

lấy hai con gà, hai mươi phẩm oản chuối lệ, bốn mươi khẩu giầu, làm lễ thành ai kiến tại thời thụ lộc.

Điều thứ 104. Ngày 25 tháng chạp thời những con giai đẻ trong năm ấy phải sửa mỗi người một con gà, hai yến xôi, hai mươi bốn miếng giầu đem ra đình, lễ xong rồi chia phần suất từ thượng lão cho đến người nhật bạ.

Điều thứ 105. Hôm ba mươi tết thời lấy hai con gà, hai mươi phẩm oản chuối, bốn mươi khẩu giầu, làm lễ thành ai kiến tại thời thụ lộc.

II. MỘT SỐ VĂN BIA Ở ĐÌNH, ĐỀN HÀ NỘI

(Trích theo bản dịch kèm chú thích trong *Tuyển tập văn bia Hà Nội* do Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản 1978).

1. VĂN BIA ĐỀN BẠCH MÃ
(BÀI KÍ TRÊN BIA SỬA CHỮA ĐỀN BẠCH MÃ)
(TRÙNG TU BẠCH MÃ BI KÍ)

Bài kí trên bia sửa chữa đền thờ của ba giáp Mật Thái, Bắc Thượng và Bắc Hạ, phường Hà Khẩu, tổng Hữu Túc, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức [...]

Bạch Mã là ngôi đền rất thiêng. Trong các vị thần thiêng ở Long Thành, Bạch Mã Đại vương linh thiêng nhất. Các phường giáp sở tại có đền thờ, nhưng chỉ có ngôi đền của ba giáp Mật Thái, Bắc Thượng và Bắc Hạ ở cửa phường Hà Khẩu là hương khói thịnh nhất.

Đền làm đã lâu năm. Dân các giáp chữa lại, tới nhờ tôi làm bài kí và nói rằng:

Đền vốn có từ xưa. Niên hiệu Chính Hoà [1680-1705] mở rộng thêm chút ít. Nay gỗ đã mục nát; vả lại nền cũ cũng hơi thấp. Các giáp chúng tôi lo tính sửa chữa lại. Xin xăm[1] được quẻ tốt [...]

Tháng giêng năm Kỷ Mão [1819] khởi công, đến tháng 10 hoàn thành. Đền rất tráng lệ, trước kia chưa bao giờ như thế.

Xem theo bài tựa, "*Thần từ khảo chính*" thuật lại sự tích thiêng liêng của thần, danh hiệu của thần đại để giống nhau, chỉ khác chút ít thôi. Tóm lại, đây là vị thần Thành hoàng của thành Thăng Long. Thăng Long ngày nay là đô thành, xưa kia là đất kinh kì của vua. Hàng năm lễ đánh trâu rước xuân[2] làm đền này. Lễ ấy rất long trọng.

Tục nước ta vốn tôn thờ thần. Dù là thần một thôn, một ấp cũng được thờ phụng rất tôn kính. Huống chi đây là một vị thần chủ tể của khu vực ngàn dặm, được tất cả các đời vua cúng tế. Ban phúc cho đất nước, giúp đỡ nhân dân. Công đức ấy cả đô thành và ấp lân cận đều được nhờ, chẳng phải riêng 3 giáp. Việc [xây dựng] này thật không thể thiếu được.

Lại từng nghe: đức của quỷ thần thật là lớn. Khiến cho người trong thiên hạ trai tịnh, áo mũ

---

[1] Xin xăm: tức xin thẻ, để biết tương lai xấu tốt, theo tục lệ mê tín.

[2] Tức lễ Xuân ngưu.

chỉnh tề, để vào cúng tế, phảng phất như thấy đang ở phía trên, ở bên tả hay bên hữu.

Như vậy, thần sở dĩ là thần, vì khi thì tác dụng kín đáo, khi thì nhân đức rõ ràng, huyền diệu không sao biết được. Chúng ta thờ phụng, cũng chỉ hết sức tôn kính, theo đúng nghi lễ để tỏ lòng thành kính tột bực như lúc nào cũng có thần[1]. Nếu chỉ thấy một vài việc kì lạ, tán dương sự linh thiêng của thần, mà thờ phụng cốt để xu nịnh nhảm nhí, phô trương bên ngoài, như vậy há chẳng phải là muốn làm cho lớn lao mà lại trở thành nhỏ bé, tôn kính mà lại trở thành khinh nhường đó sao.

Quẻ xăm có bài nói:

Lẽ trời lòng người đều không thiếu,
Tự nhiên đạo hợp thoát hôn mê.
Công bình cảm được thần minh giúp,
Đông, tây, nam, bắc, cứ làm đi[2].

Biết được lẽ đó thì việc chúng ta cầu thần ban phúc cho cũng không ngoài sự công bằng của lẽ

---

[1] Lúc nào cũng có thần: nguyên văn "như tại": chữ lấy từ câu sách Luận ngữ "tế thần như thần tại" nghĩa là tế thần như là thần có ở đấy.

[2] Nguyên văn:
Thiên lý nhân tâm lưỡng bất khuy,
Tự nhiên đạo hợp thoát hốn mê.
Công bình cảm tắc thần minh hựu,
Nam, Bắc, Đông, Tây, nhậm sở vi.

trời, mà thần sở dĩ ban phúc cho, cũng có lý do vậy. Vì vậy tôi viết mấy lời này để làm lời kí [...]

Ngày 20 tháng giêng, năm đầu niên hiệu Minh Mạng [1820] Thị trung học sĩ, Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi triều Lê cũ [1779].

Thích An Hầu Phạm Thích *soạn*[1]

2. VĂN BIA ĐỀN ĐỒNG NHÂN
VĂN BIA GHI SỰ TÍCH TRƯNG VƯƠNG
(TRƯNG VƯƠNG SỰ TÍCH BI KÍ)

Trên đời có những sự nghiệp thần kì làm cho lòng người hâm mộ cảm động không kìm được chăng?

Nước Đại Nam ta, từ đời Hồng Bàng đến đời Lê, trong khoảng trên dưới mấy nghìn năm, lần lượt có những vị anh hùng xuất hiện giành giữ bờ cõi, còn dựng thành chính thống, là bốn họ Đinh, Lý, Trần, Lê. Than ôi! Đấng trượng phu đúng phải như thế. Còn trong nữ giới, xứng đáng là trượng phu, thì có Hai Bà Trưng.

Hai Bà là con Lạc tướng, cháu Lạc Vương, bẩm sinh vốn không phải tầm thường.

Từ khi Văn Lang mất nước, đất nước ta thuộc về nhà Thục nhà Triệu, rồi đến nhà Hán. Hơn hai trăm năm, sống kiếp ăn nhờ ở đỗ không cần bàn luận làm

---

[1] Tức Phạm Quý Thích.

gì[1]. Thêm vào đó là bọn quan lại nhà Hán thẳng tay tàn bạo, hào kiệt chưa nổi dậy được. Cục diện lúc này mà làm nên cảnh tượng như vậy mới thần kì.

Hai Bà, Chị vì chồng, Em vì chị, vung tay, thét một tiếng mà tên Thái thú bạo tàn[2] thua chạy. Chỉ trong mấy ngày đã lấy được hơn năm mươi thành trì. Uy danh lừng khắp Lĩnh Nam, tiếng tăm khiếp cả Hoa Hạ. Mưu trí như Phục Ba [Mã Viện] mà bị thua ba trận. Thanh Thế quân ta đã làm cho người Hán mất ăn, mất ngủ mấy năm. Đến lúc việc chẳng chiều lòng, Hai Bà cùng tử tiết nơi sông Hát.

Ôi trí tuệ biết nhường nào! Tài giỏi biết nhường nào! Nghĩa liệt và khí khái biết nhường nào! Chị em một nhà, anh hùng nghìn thủa. Có lẽ trong nữ giới chưa bao giờ có người như thế, mà cũng là việc hiếm có trong dòng họ nhà tướng.

Việc làm kẻ trượng phu không thể lấy thành hay bại mà bàn luận. Việc làm của Hai Bà càng không nên lấy thành bại mà luận bàn. Nghìn đời sau, đọc sử xưa khiến càng tăng khí phách.

Qua các đời đến bản triều, Hai Bà được ghi trong tự điển[3], và lập miếu riêng thờ phụng khắp mọi nơi, ấy là do uy thanh của Hai Bà còn lưu

---

[1] Câu này coi nước ta như bị mất độc lập ngay từ triều Thục An Dương vương là không hợp lý.

[2] Chỉ Tô Định, Thái thú người Hán.

[3] Tự điển: danh sách cúng lễ của Nhà nước, điển chế cúng tế của Nhà nước.

truyền lại vậy. Xã Đồng Nhân thuộc huyện Thanh Trì, từ xưa đã dựng đền thờ Hai Bà ở bên đường bờ sông. Gần dây, vì bãi sông lở, mới tìm thấy được ở xứ Vũ Miếu cũ[1] tại thôn Hương Viên thuộc huyện tiếp giáp là Thọ Xương, một khu đất hơn sáu mẫu, xin triều đình ban cấp cho để lập đền thờ, hương đèn thờ phụng. Lời thỉnh cầu được trên ban chiếu chỉ chuẩn y. Sự chấp thuận của triều đình theo nguyện vọng nhân dân, có bằng chứng rõ ràng. Ngay chuyện chân dung Hai Bà còn lại không bị suy suyển, bao chuyện linh ứng lạ kỳ những điều lưu truyền không phải là không có sở cứ.

Nhân tìm được ở nơi đền mới, một tấm bia không khắc chữ, họ đến nhờ tôi viết lời văn, ý muốn mượn tấm bia để truyền lại tường tận sự việc. Tôi cũng muốn mượn tấm bia để bày tỏ ý kiến của tôi. Mong người xem bia, sửa lại cho đúng. Vậy làm bài kí.

Ngày tốt, trung tuần tháng trọng hạ [tháng 5] năm Canh Tý, Minh Mệnh thứ 21 [1840].

Vũ Hoán Phủ[2] hiệu Đường Xuyên,
Tiến sĩ khoa Bính Tuất [1826],
nguyên Đốc học tỉnh Bắc Ninh, soạn[3].

---

[1] Là khu trường Giảng Võ đời Lê.

[2] Vũ Tông Phan [1840 - 1862] tự Hoán Phủ, hiệu Lỗ Am, nguyên quán làng Hoa Đường, huyện Đường An (sau là Lương Ngọc, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) ngụ ở thôn Tự Pháp, phường Bảo Thiên, huyện Thọ Xương, Hà Nội. Ông đỗ Tiến sĩ năm Minh Mệnh thứ 7 [1826]. Lúc đầu ông làm quan, sau dạy học.

[3] Trong bia có một số chữ khắc nhầm, người dịch đã sưu tầm đính chính mà dịch.

3. VĂN BIA ĐỀN NGỌC SƠN
BÀI KÍ ĐỀN NGỌC SƠN ĐẾ QUÂN[1]
(NGỌC SƠN ĐẾ QUÂN TỪ KÍ)

Từ xưa đến nay, cảnh đẹp thường chưa hề bị bỏ hoài. Hồ Tả Vọng tên cũ gọi Hoàn Kiếm[2] là một danh thắng đất Kinh kì xưa. Phía Bắc mặt hồ, một gò đất nổi lên rộng khoảng ba bốn sào, tương truyền là chỗ đài câu cá thời cuối Lê. Trước đây, ông Tín Trai làng Nhị Khê nhân có đền Quan Đế tại đây bèn mở rộng sửa sang thêm gọi là chùa Ngọc Sơn. Phía Nam, trước mặt chùa dựng một gác chuông. Cảnh này nhân đó mà thêm phần xinh đẹp. Lâu năm, chùa hư nát, tưởng như theo người mà cũng tiêu vong.

Ngày gần đây có hội Hướng thiện vốn do những người trong khoa mục thành lập. Ở thời kì đầu, hội chủ yếu nhằm cố gắng làm những việc đem lại lợi ích cho người. Hội vốn thờ Văn Xương Đế Quân[3] mà chưa có đền. Các con ông Tín Trai vốn thường đi lại giao hảo với hội, tình nguyện

---

[1] Tức đền thờ Văn Xương Đế Quân ở Ngọc Sơn.

[2] Hồ Hoàn Kiếm: tức hồ Gươm, xưa có tên là Tả Vọng, vì ở vào phía trái phủ chúa Trịnh. Trước đó có tên "Hoàn Kiếm" do truyền thuyết Lê Lợi trả lại gươm thần. Gươm này đã giúp Lê Lợi đánh đuổi giặc Minh. Sau khi thắng lợi lên ngôi nhà vua đi thuyền chơi trên hồ, có con rùa nổi lên đón lấy gươm báu từ tay nhà vua ném xuống.

[3] Văn Xương Đế Quân: đã chú ở bài trên.

nhượng lại nơi này. Những người trong hội bèn tới trước Đế Quân xin quẻ và được bài thơ:

Gươm báu mới mài ngời ánh sáng,
Hành hay tàng vẫn rạng muôn phương.
Cội nền thuở trước còn nguyên đó,
Tô điểm huy hoàng tiếng dậy vang[1].

Hội liền sửa lại đền Quan Đế, dỡ bỏ gác chuông, cải tạo thành đền Văn Xương Đế Quân. Đền có 3 gian, ở giữa thờ thượng thánh mới làm, hai bên nách mỗi bên một gian, các phòng đông tây đều 5 gian.

Bắt đầu xây dựng từ mùa đông năm Tân Sửu [1841], đến mùa thu năm Nhâm Dần [1842] thì hoàn thành. Tiền phí tổn hội cấp và do thập phương quyên góp, kể tốn không dưới 3000 quan, qui mô so với trước đây tráng lệ hơn nhiều.

Ôi! Hồ Gươm là cảnh đẹp thiên nhiên, núi không cần cao, nước không cần sâu và cũng không cần có bàn tay khéo léo của con người mà tăng hay giảm giá trị. Duy đối cảnh trước mắt há nỡ phụ mà để suông hoài. Nếu có người thì nên hoà hợp cùng

---

[1] Nguyên Văn:
"Bảo kiếm tân ma bách hiện quang,
Tứ phương chiến diện nhận hành tàng
Tòng tiền tự hữu căn cơ tại,
Nhuận sắc tăng huy thanh bá dương".

với cảnh. Hội Hướng thiện xin quẻ làm đền mà được, đó là do một lòng chân thành của người mà cảnh đẹp cũng được nhờ cậy. Từ nay thờ thần đã có nơi, kẻ sĩ phu kết bạn với nhau yêu cảnh này, vì mến tên hồ này mà việc tu dưỡng du ngoạn nghỉ ngơi đều có nơi chốn. Hứng vui ngắm trăng dưới nước, hóng gió trên non có thể giúp nhiều cho điều thiện đâu chỉ riêng mình được hưởng.

Tôi dạo chơi ngắm cảnh đã nhiều năm, nay đến đền nhìn xa bốn phía cảnh đền đổi mới rõ ràng, nhất định sẽ khiến cho người từng chọn con đường thiện, trước đó mừng vui nay càng mừng vui gấp bội.

Ôi! Cảnh như thế là không còn trơ trọi. Nếu ta cố gắng làm điều lành, thần linh tất sẽ chứng giám, chẳng cần nói nhiều thêm nhàm lời. Nay làm bài kí.

Hoàng triều Thiệu Trị năm thứ 3 Quý Mão [1843], ngày lành tháng mạnh thu [tháng 7].

Tiến sĩ khoa Bính Tuất [1826], chức Học chính Bắc Ninh, người Hồng Chân(1), hiệu Lỗ Am, **Vũ Hoán Phủ** soạn(1).

Người trong hội, quán xã Nhân Mục. Cựu, huyện Thanh Trì, **Tô Cương** thành kính viết.

Người thôn Tân Khai thợ đá **Nguyễn Văn Hàn** kính cẩn khắc.

---

(1) Hồng Châu: Tên cổ tỉnh Hải Dương

(1) Vũ Hoán Phủ: tức là Vũ Tông Phan.

BÀI KÍ SỬA LẠI MIẾU VĂN XƯƠNG

Xây dựng mà không tô điểm thì không kì, kết cấu mà không tự nhiên thì không đẹp. Thành Hà Nội là cố đô Thăng Long, trải xem di tích nổi tiếng, ngẫm xét việc thời xưa việc này, nên nhìn nhận như thế nào?

Phía đông thành Hà Nội, ở thôn Hà Thanh, huyện Thọ Xương có một cái hồ, gọi là hồ Hoàn Kiếm, trong hồ có một cái đảo, gọi là Ngọc Sơn, trong đảo Ngọc Sơn, có một đền thờ gọi là đền thờ Văn Xương. Tôi làm Án sát ở Hưng Yên, vừa đổi về, gặp ông Phương Đình[1] dắt nhau qua chơi, ông nói với tôi rằng: hồ Hoàn Kiếm này đời xưa rất lớn, từ đời Lê Trung Hưng về sau chở đất về đắp làm đường xe chạy cho suốt đến Long Châu ở Nhĩ Hà, nửa hồ bên hữu gọi là Hữu Vọng, nửa hồ bên tả gọi là Tả Vọng, núi trong Tả Vọng là đài câu cá. Đầu niên hiệu Gia Long, mới có miếu thờ Quan Võ Đế. Đến niên hiệu Thiệu Trị lại làm đền thờ khác để thờ Văn Xương Đế Quân. Gần đây có quan Án sát Nguyễn Như Cát, qua thăm cảnh đền, thương cảm vì quy mô quê kệch và không tu sửa thì sẽ đổ nát, bèn đề nghị quyên tiền làm lại. Nhưng chưa kịp làm thì đã bổ sang Bố chánh ở tỉnh Đông. Nay tôi

[1] Phương Đình tức Nguyễn Văn Siêu.

thay ông ấy chủ trương việc này [...]. Hiện nay đền thờ mới đã hoàn thành, phía trước kề bờ nước, làm đình Trấn Ba, *ngụ ý là cột trụ đứng* vững giữa làn sóng văn hoá[1]. Bên tả, phía đông cầu Thê Húc, dựng Đài Nghiên. Lại về phía đông trên núi Độc Tôn, xây Tháp Bút, tượng trưng cho nền văn vật. Qua ba bốn năm, dựa vào tiền quyên góp, mới làm xong, nhờ tôi làm bài kí.

Tôi nghĩ rằng: miếu thờ đức Văn Xương ở khắp cả thiên hạ, để dạy mọi người làm điều thiện mà thôi. Nhưng người ta làm điều thiện, không gì quan trọng bằng ngăn lòng dục của người mà bảo tồn lẽ phải của trời, chẳng cầu phúc mà tự nhiên được phúc. Đạo nhà Nho ta sáng chói trong kinh sách, không có thứ nào hơn. Từ khi người đời xướng lên thuyết Tử Đồng Đế Quân[2] thì việc tin theo ấy không phải là dễ. Nhìn ngắm qui mô miếu mạo, đó mới thật khác thói tục thông thường.

Thế nhưng có cái đẹp thiên tạo trước, rồi mới có cái lạ của sự vẽ vời trang điểm của người. Thành Thăng Long là một nơi lễ giáo xưa, trải bao phen

---

[1] Nguyễn văn là "Văn lan chỉ trụ". "Chỉ trụ" cũng gọi là "để trụ" là tên hòn núi giữa sông Hoàng Hà, nhô lên như cột trụ giữa dòng nước chảy. Đình Trấn Ba có nghĩa là trấn giữ làn sóng (chỉ làn sóng không mạnh của nền văn hoá đương thời) như cột trụ đứng vững giữa dòng nước chảy dữ.

[2] Tử Đồng Đế Quân: chính tên là Trương Á Tử, người đời nhà Tấn, sau chết hiển linh được nhiều người thờ cúng. Đạo gia cho rằng thần Tử Đồng coi việc ở phủ Văn Xương và giữ sổ tước lộc của nhân gian.

biến đổi, danh thắng hoang tàn. Cảm nhớ dấu xưa mà sửa sang phục hồi, đủ khiến non sông thêm vẻ đẹp. Còn việc thịnh suy đều có nguyên nhân của nó. Lãm duyệt các danh tích, xem xét xưa nay, nên nhìn nhận như thế.

Án sát sứ tỉnh Hà Nội,
Đặng Lương Hiên kính cẩn ghi lại[1]
Tú tài **Vũ Tá Trứ**, thôn Tự Tháp,
huyện Thọ Xương viết.

4. VĂN BIA ĐỀN QUÁN THÁNH
(TRÙNG TU TRẤN VŨ QUÁN BI KÍ)

Quán Trấn Vũ ở phía bắc thành là để trấn giữ phương bắc. Pho tượng đồng trong đó được đúc từ đời Lê Vĩnh Trị [1676 - 1680]. Còn quán thì làm từ lúc mới xây dựng kinh đô Thăng Long. Bể dâu biến đổi, ao hồ cây cối vẫn nguyên.

Quan nguyên Bố chánh sứ Sơn Tây là Phạm Xuân Quế, Bố chánh sứ Hà Nội là Tôn Thất Giao và Đồng tri phủ, lãnh huyện doãn hai huyện Thọ [Xương] Vĩnh [Thuận] là Phan Huy Kiêm thấy

---

[1] Đặng Lương Hiên, tức Đặng Văn Tá người làng Bác Vọng, huyện Quảng Xương, Thanh Hoá, đỗ cử nhân năm 1841, làm quan đến chức Bố chính. Tác phẩm của ông gồm có: Du Hương Tích động kí, Bần nữ thán...

cảnh sắc nơi điện ngọc cõi Sa Bà[1] so với cảnh sắc tươi tốt mười hai lầu chầu[2] có phần thua kém, nên mới quyên tiền chữa lại. Đã xây cao và mở rộng bốn chỗ, gồm chính điện, đình đốt hương, bái đường và gác chuông. Lại làm thêm hai dãy hành lang bên phải và bên trái. Tường, chái, cột, xà đều quét sơn mới cả. Lại đắp lại bốn pho tượng Đại Nguyên Soái và tượng thần Đương niên Hành khiển[3], rồi rước lên thờ ở tiền đường, lại sửa đắp lại tượng thần Văn Xương Đế Quân rồi dời xuống hậu đường để cách xa nơi thờ Long thần. Cái biển đồng chữ thếp vàng của vua ban vào đầu niên hiệu Thiệu Trị [1841-1847], thì dời vào treo ở gian giữa bái đường. Một đồng tiền vàng loại to do vua ban, và mười lăm đồng tiền vàng loại vừa, do các hoàng tử thân công dâng cúng thì đúc lại thành một cái vòng vàng, dùng sợi dây bạc xâu vào treo ở tay tượng thần, để làm rạng vẻ vua ban. Đằng sau miếu lại đắp một hòn núi giả, xây một cái bể con, dựng một ngôi chùa nhỏ đặt tên là chùa Vũ Đương Sơn[4]. Lại đề đôi câu đối nêu rõ tích xưa.

---

[1] Cõi Sa Bà: chỉ thế giới hiện tại của loài người.

[2] Nguyễn văn là "Châu lâu thập nhị", ngờ là "Ngọc lâu thập nhị" viết khác đi. Theo sách Thập châu kí thì ở một góc núi Côn Lôn có "kim đài ngũ sở" (năm sở kim đài) và "Ngọc lâu thập nhị" (Mười hai kim đài toà lầu ngọc). Đó là nơi ở của thần tiên.

[3] Đương niên Hành khiển: tên vị thần điều khiển các công việc trong năm đó.

[4] Vũ Đương Sơn: tên núi ở tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, tương truyền là nơi tu luyện của Trấn Vũ.

Huyền Đế luyện đan nghi thử địa
Tiên ông ma chử thị hà niên?

(Huyền Đế luyện đan ngờ chốn ấy[1]
Tiên ông giũa sắt biết năm nào).

Năm Tự Đức thứ chín [1856] tháng 9, ngày mồng hai khởi công, đến hạ tuần tháng 12 thì hoàn thành. Khi làm xong lại bảo dân phụ thờ tới xin bài kí.

Theo *Tế pháp*[2], ai có công với dân thì được thờ. Trong việc tế tự theo điển lễ nhà nữa[3] có: trời, đất và bốn phương. Huyền Đế trấn giữ cõi trời phía bắc, giữ nước giúp dân, nổi tiếng linh ứng. Chín tầng trời dựa ở chân uy, mười phương đất dựa nhờ thần giáo hoá. Công ngang với năm mươi vạn kiếp, đáng được thờ cúng cho đến ức vạn năm [...][4].

Giang sơn này còn mãi muôn năm, rường cột này còn mãi muôn năm, ấy là do lòng người muôn năm vẫn là một. Công phu chạm trổ, vẽ tô lưu vẻ đẹp đến trăm đời. Ngăn ngừa tai biến lớn, chống chọi hoạn nạn to, công đức còn nguyên như mới. Âm đức hợp cùng tạo hoá đối với dân, thần im lặng

---

[1] Giũa sắt: tức là mài sắt thành kim: Lý Bạch đời Đường chán học bỏ đi chơi thấy một bà lão mài cái chày bằng sắt. Lý Bạch hỏi, bà lão nói: mài để làm kim. Ông hiểu ý, bèn cố gắng học tập. Ở đây dùng trỏ nơi các đạo sĩ đã dày công tu luyện thành tiên.

[2] Thiên Tế pháp trong kinh Lễ ghi chép quy chế, nghi thức thờ phụng các thần.

[3] Nguyên văn là "Tự điển", tức việc tế tự được nhà nước cho phép.

[4] Lược bỏ một câu của người viết đứng trên quan điểm sai trái của triều Nguyễn mà nói xấu nhà Tây Sơn.

chẳng nói ra, việc dân ta hết sức trau chuốt cho thêm đẹp đối với thần, đâu dám nói là báo đáp.

Còn như sự thờ phụng Văn Xương Đế Quân, thì người trùng tu đã nói lên rồi, tôi không góp lời nữa.

Vả chăng tôi có nghe rằng: trời là lí, thần là lượng năng của hai khí [âm và dương]. Lí thì vô hình, khí thì thấy rõ. Sách *Lễ kí* nói rằng: Sinh ra mọi vật mà không vật nào có thể tách rời[1]. Lí dựa vào khí mà có hình. Làm ra gió mưa sấm sét không gì là không thể hướng dẫn răn dạy. Các động vật, thực vật, loài bay hay loài lặn đều được nảy nở sinh sôi, trong đó âu hẳn cũng có vẻ chủ trương. Nói về sự che trùm thì gọi là trời. Nói về sự chủ tể thì gọi là đế. Trong *Kinh Thi* và *Kinh Thư* nơi gọi là "trời", nơi gọi là "đế", đều có chủ ý, không có gì mâu thuẫn cả. Sách nói "Duy hoàng thượng đế" (lớn lao thay Thượng đế) thì "đế" tức là trời. Nhà Hán thờ 5 vị "đế". Ở phương Bắc, gọi là Hắc đế [đế đen]. Như vậy là ngoài trời lại có trời khác nữa, còn chữ "huyền" thì chưa thấy [huyền cũng là đen]. Sách *Hỗn độn xích văn* nói rằng: "Huyền đế là biệt thể của Thái Cực". Chữ "huyền" bắt đầu từ đó. Vũ Đương Sơn từng là nơi trú ngụ tu luyện của thần, mà quán này là nơi mà thần đến thăm và quan sát cảnh vật phong tục của một nước. Nếu không phải

---

[1] Nguyên văn: "Thể vật bất di". Điển ở sách Lễ kí, thiên 28 Trung Dung, đúng ra là "thể vật phi bất khả di", ý nói [quỷ thần] sinh ra mọi vật mà không vật nào có thể tách rời.

thế, thì bốn quán ở thành Thăng Long mà sử cũ còn truyền lại[1] chỉ có quán Huyền Thiên là còn đến nay, đó chẳng phải là cảnh thiêng nhất trong thiên hạ ư? Tác giả suy nghĩ cũng không thể hiểu thấu điều ấy được. Đó là do cái thực chất linh thiêng hay do cái vẻ đẹp bên ngoài, tôi cũng không có thì giờ mà nghĩ tới!

Tôi rất mừng là quan Bố chánh và quan huyện đã hết lòng với thần. Đó cũng do sức dân khắp nơi ở đâu cũng có Hoa nay cây xưa, chuông đã thôi đánh mà tiếng vẫn còn ngân. Có thể làm cho giang sơn này đẹp thêm lên, phải chăng chỉ có người dân Hà Nội? Dân khí đã hoà thì thần ban phúc cho. Điềm lành hợp với bói mộng[2], không đợi phải nói. Bèn viết để khắc lên đá.

Năm Tự Đức thứ 10 [1857] tháng 5, ngày tốt.

Nguyễn Học Chính tỉnh Thanh Hoá,
Tiến sĩ **Lê Hy Vĩnh** bái soạn
Lệ mục huyện Thọ Xương **Nguyễn Văn Ninh**
trông nom việc khắc bia.

---

[1] Bốn quán ở thành Thăng Long: theo sách Hà thành linh tích cổ lục thì bốn quán này là các quán: Chấn Vũ, Huyền Thiên, Đồng Thiên, và Đế Thích. Quán Chấn Vũ tức đền Trấn Vũ phố Quán Thánh. Quán Huyền Thiên ở phố Hàng Khoai. Quán Đồng Thiên (nay là đền Kim Cổ, 73 Đường Thành). Quán Đế Thích, tức đền Đế Thích phố Thịnh Yên.

[2] Bói mộng Thời phong kiến, quán Trấn Vũ được coi là nơi cầu mộng, bói mộng rất linh ứng. (Xem Hoàng Việt địa dư, sách chữ Hán).

5. VĂN BIA ĐÌNH KIM LIÊN
BÀI MINH KÈM THEO BÀI TRẦN THUẬT[1]
TRÊN BIA ĐỀN THẦN CAO SƠN ĐẠI VƯƠNG

(CAO SƠN ĐẠI VƯƠNG THẦN TỪ BI MINH TÍNH TỰ)

Mảng nghe: bậc đế vương dấy đạo quân nhân nghĩa, cứu sinh mạng nhân dân, trù hoạch lớn lao, tính toán sâu rộng, nhằm mở ra một cơ đồ hùng vĩ. Làm nên được công trạng và sự nghiệp lớn là vì có đạo đức lớn, nên được trời cao giúp đỡ, thần minh tán trợ, chứ đâu phải ngẫu nhiên. Do đó Vũ Vương sáng lập nhà Chu[2], tất nhờ vào sự giúp đỡ đắc lực của thần linh sông núi, Quang Vũ khôi phục cơ nghiệp nhà Hán[3] là được sự ủng hộ ngầm của các vị phụ lão áo trắng[4].

Lúc Thánh tổ Cao Hoàng đế [Lê Thái Tổ] nước Đại Việt mới khởi nghĩa, được các vị thần linh nổi tiếng hết lòng giúp đỡ, đó há chẳng phải là trời đất mến chuộng người chính nhân, quỷ thần soi thấu người có đức hay sao? Sau đó, đền miếu liền được xây

---

[1] Trần thuật: nguyên văn "tự", một thể văn trình bày những điều đắc ý của mình về một cuốn sách. Chữ "tự" sau này dùng theo nghĩa hẹp, chỉ bài viết ở đầu sách, tức bài tựa.

[2] Nguyên văn "*Thương Cơ*", chưa rõ ý nghĩa "Thương", còn chữ "Cơ" là họ của Chu Vũ Vương.

[3] Nguyên văn "xích tộ" (ngôi vua đỏ). Lưu Bang sáng lập nhà Hán, theo truyền thuyết là con của Xích Đế (Vua đỏ), đã chém chết con rắn trắng trước khi khởi nghĩa.

[4] Nguyên văn: "bạch y phụ lão", chưa rõ điển.

dựng, lễ lớn được sắp đặt, điển lệ sáng ngời truyền mãi đời sau. Mùa xuân, mùa thu cúng tế đều nhằm báo đáp công lao của thần và mong cầu phúc. Linh ứng rõ ràng, từ xưa đến nay đều như vậy.

Gần đây Lệ Mẫn[1] thất đức, hung bạo càn rỡ. Kẻ ngoại thích chuyên quyền, bọn nội giám can dự vào chính sự, khiến cho hàng triệu thường dân bị khốn khổ, tông thất và phiên thần bị giết hại. Thần oán người giận mà không biết, quần chúng chống lại, người thân chia lìa, mà không hay.

Tháng 11 năm Kỷ Tỵ [1509], đức vua lánh nạn vào Tây Đô, dấy nghĩa binh, khôi phục cơ nghiệp của vua Cao Tổ, cứu vớt ức triệu dân.

Bấy giờ có các vị thần thuộc của Trường Lạc điện [chỉ vợ Lê Thánh Tông, mẹ Hiến Tông] là: Dương Vũ hiệp mưu, Đồng Đức hiệu trung Khai quốc công thần, Đặc tiến kim tử Vĩnh lộc đại phu, tán lí Hiệu thuận, Khai phủ nghi đồng tam ti Bình chương quân quốc trọng sự, Phụ quốc thừa tướng. Thượng tế, Thái Phó Uy Quốc công Nguyễn Bá Lân; Dực vận công thần, Đặc tiến Phụ quốc thượng tướng quân, Tả đô đốc, Kim ngô vệ, Đô chỉ huy sứ ti Đô chỉ huy sứ chưởng vệ sự, An Hoà hầu Nguyễn Hoằng Dụ; Quang tiến Trấn Quốc Đại Tướng

[1] Năm 1509, Giản Tu công (vua Tương Dực) giáng vua Uy Mục xuống làm Mẫn Lệ Công.

quân, tả Kiểm điểm, Tham đốc hiệu lực, Tứ vệ quân vụ sự Nguyễn Văn Lữ.

Ba người này phụ mệnh đem quân đi chinh phạt, đồng lòng thờ vua tập hợp người tài giỏi, huy động dân binh, đem cờ tiết mao trắng, búa hoàng kim[1] cứu vớt dân chúng khỏi cảnh lầm than đắm đuối.

Bọn Văn Lữ đi đến huyện Phụng Hoá. Nơi đây núi rừng rậm rạp, một dải mênh mông, có vùng sâu tên là Lầm rộng khoảng một mẫu, sâu thẳm vô cùng, phía trên có ngôi đền, mái lợp tranh. Trong đền, dựng tảng đá có đề chữ "Cao Sơn đại vương". Bọn Văn Lữ trông thấy lấy làm kinh dị bèn khấn cầu: "Đoan Khánh[2] tàn ngược, dân không sống nổi. Mệnh trời và lòng người đều hướng về kẻ có đức. Thánh thượng hiện nay là cháu Thánh Tông, con Kiến Hoàng[3], nghĩ tới gian lao của tổ tiên dựng nghiệp, thương triệu dân bị khốn cực, nên phải mưu việc xã tắc, dấy đạo quân trừ khử bạo tàn. Bọn Văn Lữ chúng tôi, cùng giúp vua thánh minh, đem lại an ninh cho thiên hạ. Nếu thần linh thiêng, xin phù hộ từ cõi âm ngầm giúp hoàn

---

[1] Nguyên văn "bạch mao hoàng việt", chữ trong Kinh Thư (Mục thệ); "Vương tả trượng hoàng việt, hữu bỉnh bạch mao" (vua Vũ Vương tay trái chống búa giát hoàng kim, tay phải cầm cờ tiết mao trắng), "Hoàng việt, bạch mao" thường dùng để chỉ nghi trượng của thiên tử khi đi chinh phạt. Trong thiên *Mục thệ* vua Vũ Vương cùng tướng sĩ làm lễ tuyên thệ ở đất Mục trước khi đi chinh phạt vua Trụ.

[2] Tức Uy Mục Đế.

[3] Tức Kiến Vương Tân, con Lê Thánh Tông.

thành nghiệp lớn. Đến ngày thành công, bọn Văn Lữ chúng tôi sẽ xin lệnh triều đình suy tôn rạng rỡ, để tỏ rõ công ơn của thần".

Khấn xong, ổn định đội ngũ, tề chỉnh kéo đi. Bề tôi và dân chúng bốn phương không hẹn nhau mà tụ hội lại, đem thức ăn tới khao đón quân vua. Quân sĩ không phải gian lao máu dây mũi đao, dân chúng được thoả lòng mong ước như nắng hạn gặp mưa rào. Quét sạch bọn hung đồ, xua tan bóng giặc nơi cung cấm. Chuông đỉnh muôn thở càng dài lâu, uy linh miếu vững bền mãi mãi. Ba mối giềng, chín phép lớn trị thiên hạ[1], nhờ đó mà được chỉnh đốn. Nghiệp vua vận nước nhờ đó mà trở lại bình yên. Không đầy một tuần [10 ngày][2] đã thành công nhanh chóng như vậy, có lẽ do đạo đức của bậc vua thánh vốn gây được niềm tin, trời và người đều hưởng ứng mà quỷ thần cũng có phần giúp sức đó chăng?

Năm đó, ngày 2, tháng 12 vua lên ngôi báu[3], vỗ về chăm sóc mọi nơi. Ban bố chính lệnh, thi

---

[1] Cửu trù: chín phép lớn trị thiên hạ của thời cổ ghi trong *Kinh Thư* (thiên *Hồng phạm*).

[2] Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, năm Kỷ Tị (1509), mồng 8, tháng 11 âm lịch Giản Tu công tiến binh từ Tây Đô ra Thăng Long. Ngày 28, Lê Uy Mục chạy trốn và sau uống thuốc độc tự tử. (Bản dịch Nhà xuất bản Khoa học xã hội, quyển 4, trang 52 - 54).

[3] Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, Giản Tu công lên ngôi Hoàng-đế ngày 4 tháng 12 năm Kỷ Tị (12.1.1510).

hành điều nhân, để muôn họ sống yên vui trong tình thương mến; định lễ xứng đáng, phẩm trật đều khắp, để bách thần vui vẻ đến nơi mình. Bọn Văn Lữ ngửa trông công lao lớn hoàn thành, nghĩ đến công ơn của thần ngời sáng, bèn đem sự việc tâu lên. Vua bèn ra lệnh cho huyện quan Phụng Hoá đôn đốc quân đội dựng đền, và sai bộ Công làm bia. Lại sai bọn thần soạn văn bia để lưu truyền mãi mãi.

Bọn bề tôi vốn ngu dốt nông cạn, đâu đủ tài để tán dương được sự cao cả của công nghiệp thánh hoàng và phát huy được lẽ huyền diệu của thần minh cảm ứng! Nhưng vì lời chiếu sáng suốt đã ban ra đâu dám không tuân theo mệnh lệnh tốt đẹp, và nêu rõ cho mọi người đều thấy.

Bọn bề tôi thiết nghĩ: Có đức ắt được mệnh trời, đó là lẽ cố định xưa nay. Huyền vi mà có thể hiển diện, đó là đức tốt của quỷ thần. Vì thế dựng nên sự nghiệp phi thường, tuy rằng cơ bản là do đạo đức của đế vương, nhưng góp công hoàn thành sự nghiệp phi thường, cũng nhờ ở sự giúp đỡ của thần minh: Cõi âm cõi dương cùng chung một lí, cảm ứng cơ mầu; giữa trời và người liên quan với nhau như thế đấy. Nên phải dựng đền đài to đẹp, sớm hôm hương khói, để báo đền công ơn của thần. Lại ghi phẩm trật trong sổ sách phụng thờ, khắc sự tích

vào bia đá, để làm sáng rõ sự cảm ứng linh thiêng.

Nghĩ rằng thần vốn do chính khí của trời đất bẩm sinh, khí tinh anh của núi sông hun đúc, ngầm giúp cơ đồ, mãi mãi phò ngôi báu, vĩnh viễn gìn giữ điều tốt lành, đạt nền phúc lớn vô cùng tận. Như vậy núi này sẽ cùng trời đất dài lâu. Đẹp thay, vui sướng thay!

Bài minh như sau:

Núi kia rậm rạp,
Cây cối xanh xanh.
Hun đúc đẹp lạ,
Mọi vẻ tốt lành.
Đầm phô làn biếc,
Nước xanh rỡ ràng.
Sâu lặng khó lường,
Bàng bạc muôn phương.
Núi cao suối chảy,
Thần linh ẩn tàng.
Rộng thay bốn phía,
Vũ trụ mênh mang.
Nhìn kĩ trong vùng,
Có một ngôi đền.
Cột tre mái cọ,
Phiến đá đề tên.
Cao Sơn lừng danh,
Vòi vọi uy linh.

Hễ cầu là ứng,
Ban khắp ơn lành.
Thời gặp vận rủi,
Trời sinh thánh minh.
Tây Đô dấy binh,
Vua cầm mao việt.
Danh tướng uy nghiêm,
Nghĩa dân vũ dũng.
Mài chí trừ giặc,
Cầu khẩn thần linh:
"Giúp xong việc lớn,
Lễ cả đền ơn"
Phảng phất giáng lâm.
Thiêng liêng chứng giám.
Uy danh giúp công,
Bão rung chớp giật.
Mừng thấy cầu vồng,
Cờ bay gió phất.
Chưa quá một tuần,
Đất trời quang đãng.
Công sức nhờ ai?
Ơn thần oai giáng.
Đáp đền công lớn,
Tờ mây tâu lên.
Trình bày công trạng,
Ghi lòng không quên.

Cửu trùng ưng thuận,
Ý đẹp lòng thành.
Mai rủa quẻ bói,
Trai giới ngày lành,
Lời nguyền rành rọt,
Cần gấp cử hành.
Lệnh truyền quan huyện.
Kíp sửa đền đài.
Họp thợ, gom vật,
Xây đền đẹp sang.
Xà kèo rường cột,
Cao lớn huy hoàng.
Tôn nghiêm miếu mạo,
Người sáng linh quang
Thơm ngát lửa hương
Không dời năm tháng.
Có bia đá lớn,
Kính cẩn ghi công.
Xuân thu tế lễ.
Triện Lý, Lệ Chung[1]
Hương bay danh rạng,
Giúp nước hưng long.

[1] Triện Lý, Lệ Chung: Lý Tư, đời Tấn, đổi kiểu chữ đại triện thành kiểu chữ tiểu triện. Chung Do, thời Tam Quốc, viết chữ lệ đẹp. Câu này có nghĩa là chữ triện họ Lý, chữ lệ họ Chung, ý nói những kiểu chữ đẹp thời cổ được khắc vào bia.

Ngàn năm ban phúc
Mọi chốn hưu phong (gió lành)
Miếu đền bền vững,
Rạng rỡ không cùng.

Hồng Thuận năm thứ 3 Canh Ngọ [1510], ngày lành, tháng 8

Quang tiến thận lộc đại phu, Thiếu Bảo, Thượng thư bộ Lễ, Đông các đại học sĩ, kiêm Tế tửu Quốc Tử Giám, trông nom việc Kinh diên, bề tôi Lê Tung vâng sắc soạn(1).

Hiển cung đại phu, Trung thư xá nhân ở Trung thư giám, bề tôi Đỗ Như Chính kính viết.

Thí yên bí doanh tạo sở, san thư tượng tượng phó, bề tôi Bùi Nhữ Dịch kính khắc.

Bia dựng ngày 1 tháng trọng thu, năm Nhâm Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 33 [1772].

---

(1) Lê Tung: nguyên tên họ là Dương Bang Bản, người làng Yên Cử, huyện Thanh Liêm, xứ Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh). Năm 33 tuổi ông thi đậu Hoàng giáp [1484], được Lê Thánh Tông ban cho quốc tính (họ Lê) và đổi tên là Tung. Niên hiệu Hồng Đức thứ 24, ông sung chức Phó sứ sang nhà Minh mừng lập thái tử. Đời Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 2 (1499), ông được cử đi đón sứ bộ Trung Quốc. Đến năm Đoan Khánh thứ 1 (1505), ông được bổ Thừa tuyên sứ Thanh Hoá. Năm Đoan Khánh thứ 3 (1507), ông lại được cử làm Chánh sứ sang nhà Minh. Năm 1509 ông theo Lê Tương Dực khởi binh ở Tây Đô (Thanh Hoá), sau đó làm Thượng thư bộ Lại, tước Đôn Thứ bá, kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu. Năm Hồng Thuận Quý Dậu (1513), ông được cử soạn văn bia tiến sĩ 1511. Năm sau, ông được cử làm tóm tắt bộ sử của Vũ Quỳnh, soạn bài *Đại Việt thông sử tổng luận* nổi tiếng, hiện in ở phần đầu sách *Đại Việt sử kí toàn thư*.

6. VĂN BIA ĐÌNH KIM MÃ
BÀI KÍ TRÊN BIA TRÙNG TU ĐÌNH TRONG
(TRÙNG TU NỘI ĐÌNH BI KÍ)

Đình[1] Mã Trại [Trại ngựa] của ta phụng sự Thượng thần Phùng Đại vương[2] và Thái giám Thái tử nhà Lý[3]. Đại vương được các triều đại ban sắc phong tặng, có đền tế thờ, hàng năm và mùa xuân lại cúng tế chung tại chốn này. Đó là một kì lễ long trọng.

Thời gian gần đây, do địa điểm hẻo lánh, dân cư nghèo nàn, nhà tranh đơn sơ, việc thờ cúng kém phần uy nghi. Dân trong trại cùng nhau lo tính tu bổ, nhưng chưa có kết quả. Vừa gặp một bà thiện

---

(1) Nguyên văn là "hội đình": đình thờ nhiều vị thần.

(2) Bia khắc mờ chữ Phùng, nên dễ đọc nhầm thành chữ Mã. Thôn Kim Mã thờ Phùng Hưng, có cả truyền thuyết của địa phương và thần tích hiện còn lưu tại Thư viện Khoa học xã hội (Thần tích huyện Thanh Trì Q.4. 18). Phùng Hưng (761-802) là vị anh hùng dân tộc đã đánh chiếm phủ thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay), đuổi bọn đô hộ nhà Đường, giành lại quyền độc lập cho đất nước. Sau khi mất, ông được dân suy tôn như bậc cha mẹ (Bố Cái Đại vương). Lăng ông ở phố Giảng Võ rẽ vào, xưa kia thuộc thôn Kim Mã. Thần tích ghi thêm rằng Phùng Hưng được thờ ở thôn Tàu mã tức Kim Mã, phường Thịnh Quang (nay là Thịnh Hào) và phường Quảng Bá (nay là thôn Quảng Bá, xã Quảng An, quận Tây Hồ).

(3) Thái giám Thái tử nhà Lí: tức vị dũng sĩ họ Hoàng người làng Lệ Mật, huyện Gia Lâm đã có công vớt được xác công chúa của vua Lý bị chết đuối ở sông Thiên Đức. Người này từ chối mọi bổng lộc, chỉ xin được phép đưa dân nghèo ở quê sang khai khẩn phía tây thành Thăng Long, lập thành 13 trại, trong đó có trại Kim Mã, sau được phong làm Thái giám. Ông có đền thờ chính ở thôn Vĩnh Phúc, (khu phố Ba Đình) trước mặt có lăng gọi là lăng Thái tể. Chữ "Thái tử" trong bia e là do chữ "Thái tể" viết lầm ra, vì đã là Thái giám thì không thể là Thái Tử (hoặc có thể hiểu là "chức quan Thái giám chầu hầu Thái tử chăng").

tín [...], đến cầu đảo thần và xin vì dân đảm nhiệm việc xây dựng lại. Mùa xuân năm nay, bèn khởi công vào ngày 8 tháng giêng, chữa lại đình trong, làm 3 gian nhà thờ dọc, xây bằng gạch, mái lợp ngói, qui chế trang nghiêm sáng sủa. Đến tháng 3, công việc hoàn thành, chi phí đến hàng nghìn. Công lao thực dày dặn [...].

Như vậy, tất nhiên sẽ được thần ban phúc, chẳng phải cái có được dân ca tụng công đức mà thôi. Do đó cần chép lại sự việc này và dựng thành bia đá.

Tự Đức năm thứ 28, năm Ất Hợi [1875] ngày 15, tháng 3 dựng bia.

Lê Cúc Hiên đệ Nhị giáp Tiến sĩ, Hàn lâm Thị độc, người xã Nhân Mục huyện Thanh Trì[1] soạn.

Trần Quang Luyện tự Tri Bạch, hiệu Hữu Trúc Hiên, Ninh Khê[2], tú tài ba khoa, Hàn Lâm đãi chiếu ở Nội các, viết.

---

[1] Lê Cúc Hiên, tức Lê Đình Diên, hiệu Cúc Hiên (1819-1878), người làng Nhân Mục (nay gọi là thôn Hạ Đình), huyện Thanh Trì, đỗ Hoàng giáp năm 1849, từng làm Đốc học Hà Nội. Ông vừa là nhà văn học vừa là một nhà giáo. Tác phẩm của ông gồm có: *Cúc Hiên thi văn tập, Cúc Hiên tứ lục, Cúc Hiên luận hiếu tuyển.*

[2] Ninh Khê cũng là một loại tên hiệu. Trần Quang Luyện vốn người thôn Yên Ninh, huyện Vĩnh Thuận.

3. DANH SÁCH ĐÌNH ĐỀN HÀ NỘI

(Đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá từ 1962 đến hết 1994)

TT	Tên đình, đền	Xã, phường	Quận, huyện	Ngày xếp hạng
1	Đình Ba Dân	Tứ Hiệp	Thanh Trì	25.1.1994
2	Đền Bà Chúa	Cổ Nhuế	Từ Liêm	21.6.1993
3	Đền Bà Kiệu	Lê Thái Tổ	Hoàn Kiếm	2.5.1994
4	Đền Bạch Mã	Hàng Buồm	Hoàn Kiếm	12.12.1986
5	Quán Bích Câu	Cát Linh	Đống Đa	2.3.1990
6	Đền Chèm	Thuỵ Phương	Từ Liêm	9.1.1990
7	Đình Chu Văn An	Thanh Liệt	Thanh Trì	21.1.1989
8	Miếu Gàn	Hoàng Liệt	Thanh Trì	11.9.1993
9	Đình Chử Xá	Văn Đức	Gia Lâm	28.9.1990
10	Đình, đền Cổ Loa	Cổ Loa	Đông Anh	28.4.1962
11	Đình, miếu Công Đình	Đình Xuyên	Gia Lâm	22.4.1992
12	Đình Cự Chính	Nhân Chính	Thanh Xuân	28.9.1990
13	Đình Đại Áng	Đại Áng	Thanh Trì	2.10.1991
14	Đình Đại Cát	Liêm Mạc	Từ Liêm	31.1.1992
15	Đình Đại Lan	Duyên Hà	Thanh Trì	21.1.1989
16	Đình Đại Mỗ	Đại Mỗ	Từ Liêm	21.6.1993
17	Đình Đại Yên	Đội Cấn	Ba Đình	27.12.1990
18	Đình, đền Định Công Thượng	Định Công	Hoàng Mai	20.7.1994
19	Đình Đông Ba	Thượng Cát	Từ Liêm	22.4.1992
20	Đình Đông Ngạc	Đông Ngạc	Từ Liêm	23.7.1993
21	Đình Đông Phù	Đông Mỹ	Thanh Trì	9.1.1990

22	Đình, đền Đông Thiên	Vĩnh Tuy	Thanh Trì	9.1.1990
23	Đền Đống Cổ	Bưởi	Tây Hồ	31.1.1992
24	Miếu Đống Cổ	Phú Diễn	Từ Liêm	21.1.1989
25	Đền Đồng Nhân	Đồng Nhân	Hai Bà Trưng	28.4.1962
26	Miếu Hai Bà Trưng	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	5.2.1993
27	Đền Đống Nước	Ngọc Hà	Ba Đình	11.5.1993
28	Đình Đức Hậu	Đức Hoà	Sóc Sơn	10.3.1994
29	Đình Đức Môn	Hàng Đường	Hoàn Kiếm	5.9.1989
30	Đình Gia Lâm	Lệ Chi	Gia Lâm	28.4.1994
31	Đình Gia Thuỵ	Gia Thuỵ	Long Biên	15.11.1991
32	Đình Giàn	Xuân Đỉnh	Thanh Trì	27.12.1990
33	Đình Giảng Võ	Giảng Võ	Ba Đình	20.7.1994
34	Đình Giao Tự	Kim Sơn	Gia Lâm	31.1.1992
35	Đình Giáp Nhất	Nhân Chính	Thanh Xuân	31.1.1992
36	Đình Hà Hương	Liên Hà	Đông Anh	21.1.1989
37	Đình Hà Lỗ	Liên Hà	Đông Anh	21.1.1989
38	Đình Hà Vĩ	Liên Hà	Đông Anh	21.1.1989
39	Đình Hạ Yên Quyết	Yên Hoà	Cầu Giấy	10.3.1994
40	Đình, đền Hào Nam	Ô Chợ Dừa	Đống Đa	5.2.1994
41	Đình Hoà Xá	Tả Thanh Oai	Thanh Trì	5.2.1994
42	Đền Hoả Mã	Ngô Thì Nhậm	Hai Bà Trưng	12.12.1986
43	Đình Hoàng	Cổ Nhuế	Từ Liêm	25.1.1994
44	Đình Hoàng Mai	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Mai	5.2.1994
45	Đền Hoành Sơn	Đại Áng	Thanh Trì	2.10.1991
46	Đình Hoè Thị	Xuân Phương	Từ Liêm	9.1.1990
47	Đền Hương Gia	Phú Cường	Sóc Sơn	5.3.1990
48	Đình Hữu Thanh Oai	Hữu Hoà	Thanh Trì	15.2.1992
49	Đình Huỳnh Cung	Tam Hiệp	Thanh Trì	29.1.1993
50	Đình Ích Vịnh	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	9.1.1990
51	Nghè Keo	Kim Sơn	Gia Lâm	21.6.1993

52	Đình Khương Hạ	Khương Đình	Thanh Xuân	18.1.1993
53	Đình Khương Thượng	Khương Thượng	Thanh Xuân	27.12.1990
54	Đình Khương Trung	Khương Trung	Thanh Xuân	16.12.1993
55	Đình Kiều Nhị	Phú Diễn	Từ Liêm	20.7.1994
56	Đình Kim Giang	Đại Kim	Thanh Trì	21.1.1989
57	Đền Kim Giang	Đại Kim	Thanh Trì	21.1.1989
58	Đình Kim Liên	Phương Liên	Đống Đa	9.1.1990
59	Đình Kim Mã	Kim Mã	Ba Đình	27.12.1990
60	Đình Kim Quan	Việt Hưng	Long Biên	11.6.1992
61	Đình và nghè Kim Sơn	Kim Sơn	Gia Lâm	22.4.1992
62	Đình Lạc Thị	Ngọc Hồi	Thanh Trì	9.1.1990
63	Đình, miếu Lại Đà	Đông Hội	Đông Anh	5.9.1989
64	Đình Láng Hạ	Láng Hạ	Đống Đa	27.4.1992
65	Đền Lê Tuấn Mậu	Thuỵ Lâm	Đông Anh	27.1.1986
66	Đền Lê Xá	Mai Lâm	Đông Anh	31.1.1992
67	Đền Lệ Mật	Việt Hưng	Long Biên	22.3.1988
68	Đền Liễu Giai	Cống Vị	Ba Đình	27.12.1990
69	Đình Lỗ Khê, đền Ca Công	Liên Hà	Đông Anh	21.1.1989
70	Đền Lư Giang	Hoàng Văn Thụ	Hai Bà Trưng	20.7.1994
71	Miếu Mạch Lũng	Đại Mạch	Đông Anh	18.1.1993
72	Đình Mai Động	Mai Động	Hoàng Mai	27.1.1986
73	Đình Mai Phúc	Gia Thuy	Long Biên	21.1.1992
74	Đình Mễ Trì Hạ	Mễ Trì	Từ Liêm	22.4.1992
75	Đình Mễ Trì Thượng	Mễ Trì	Từ Liêm	22.4.1992
76	Đình, miếu Miêu Nha	Tây Mỗ	Từ Liêm	21.1.1989
77	Đình Nam Dư Hạ	Trần Phú	Thanh Trì	2.10.1990
78	Đình Nam Dư Thượng	Lĩnh Nam	Hoàng Mai	31.1.1992
79	Đình Nam Đồng	Nam Đồng	Đống Đa	2.10.1991
80	Đình Ngọc Chi, miếu Vĩnh Thanh	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	21.6.1992
81	Đình Ngọc Động	Đa Tốn	Gia Lâm	9.1.1990

82	Đình Ngọc Hà	Ngọc Hà	Ba Đình	15.2.1992
83	Đình Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	Thanh Trì	9.1.1990
84	Đình Ngọc Mạch	Xuân Phương	Từ Liêm	22.4.1992
85	Đền Ngọc Sơn		Hoàn Kiếm	10.7.1980
86	Đình Ngọc Trục	Đại Mỗ	Từ Liêm	31.1.1992
87	Đình Ngũ Xá	Trúc Bạch	Ba Đình	15.5.1993
88	Đền Nguyễn Hữu Đạo	Cổ Nhuế	Từ Liêm	28.1.1994
89	Đình thôn Nha	Long Biên	Long Biên	28.9.1990
90	Đình Nhân Hoà	Tả Thanh Oai	Thanh Trì	22.4.1992
91	Đình Nhật Tân	Nhật Tân	Tây Hồ	25.1.1994
92	Đền Nội Am	Liên Ninh	Thanh Trì	12.12.1986
93	Đình Phạm Tu	Thanh Liệt	Thanh Trì	21.1.1989
94	Đền Phù Đổng (Thượng)	Phù Đổng	Gia Lâm	21.2.1975
95	Đền Phù Ủng	Hàng Trống	Hoàn Kiếm	16.11.1988
96	Đình Phú Diễn	Hữu Hoà	Thanh Trì	22.4.1992
97	Đình Phú Diễn	Phú Diễn	Từ Liêm	10.3.1994
98	Đình Phú Đô	Mễ Trì	Từ Liêm	22.4.1992
99	Đình, đền Phú Thị	Phú Thị	Gia Lâm	21.4.1989
100	Đình Phù Xá Đoài	Phú Minh	Sóc Sơn	16.11.1991
101	Đình Phúc Hậu	Dục Tú	Đông Anh	5.2.1994
102	Đình Phúc Lý	Minh Khai	Từ Liêm	21.6.1993
103	Đền Phúc Xá	Ngọc Thuỵ	Long Biên	23.7.1993
104	Đình Phùng Khoang	Trung Văn	Từ Liêm	2.10.1991
105	Đình Phương Liệt	Phương Liệt	Thanh Xuân	18.1.1993
106	Đình Quan Nhân	Nhân Chính	Thanh Xuân	5.9.1989
107	Đình Quán La	Xuân La	Từ Liêm	31.1.1992
108	Đền Quán Thánh	Quán Thánh	Ba Đình	28.4.1962
109	Đình Quảng Bá	Quảng An	Tây Hồ	2.10.1991
110	Đình Quỳnh Đô	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	5.9.1989
111	Đình Sài Đồng	Gia Thuỵ	Long Biên	21.1.1992

112	Đền Sái	Thuỵ Lâm	Đông Anh	27.1.1986
113	Đình, nghè Sen Hồ	Lệ Chi	Gia Lâm	22.4.1992
114	Đình Siêu Quần	Tả Thanh Oai	Thanh Trì	5.2.1994
115	Đền Sóc	Xuân Đỉnh	Từ Liêm	15.11.1991
116	Đền Sóc Sơn	Phù Linh	Sóc Sơn	28.4.1962
117	Đền Sòng Sơn	Quốc Tử Giám	Đống Đa	5.2.1994
118	Đình Tàm Xá	Tàm Xá	Đông Anh	11.3.1992
119	Đình Tây Mỗ, Đền Am	Tây Mỗ	Từ Liêm	22.4.1992
120	Đình, miếu Tây Tựu	Tây Tựu	Từ Liêm	18.1.1993
121	Đình, miếu Tế Xuyên	Đình Xuyên	Gia Lâm	23.6.1992
122	Đình Thái Bình	Mai Lâm	Đông Anh	31.1.1992
123	Đình Thái Cam	Hàng Bồ	Hoàn Kiếm	9.1.1990
124	Đình Thanh Am	Thượng Thanh	Long Biên	9.1.1990
125	Đình Thanh Hà	Đồng Xuân	Hoàn Kiếm	21.1.1989
126	Đền Thanh Nhàn	Thanh Nhàn	Sóc Sơn	2.3.1990
127	Đền Thắng Trí	Minh Trí	Sóc Sơn	20.7.1994
128	Đình Thị Cấm	Xuân Phương	Từ Liêm	2.3.1990
129	Đình, đền Thọ Am	Liên Ninh	Thanh Trì	22.4.1992
130	Đình Thổ Khối	Cự Khối	Long Biên	9.1.1990
131	Đình Thổ Quan	Thổ Quan	Đống Đa	21.6.1993
132	Đình Thượng Cát	Thượng Cát	Từ Liêm	22.4.1992
133	Đình Thượng Đồng	Hội Xá	Gia Lâm	18.1.1993
134	Đình Thuý Lĩnh	Lĩnh Nam	Hoàng Mai	18.1.1993
135	Đền Thuỵ Hương	Phú Cường	Sóc Sơn	5.3.1990
136	Đền Thuỵ Khuê	Thuỵ Khuê	Tây Hồ	22.1.1986
137	Đình Thuỵ Lôi	Thuỵ Lâm	Đông Anh	27.1.1986
138	Đình Tình Quang	Giang Biên	Long Biên	11.5.1993
139	Đình Tổ Thị	Tả Thanh Oai	Thanh Trì	5.2.1994
140	Đình Trần Tảo	Phú Thị	Gia Lâm	2.3.1990
141	Đền Trấn Vũ	Thạch Bàn	Hoàng Mai	27.12.1990
142	Đình Triều Khúc	Tân Triều	Thanh Trì	29.1.1993
143	Đình trong, đình ngoài và đền Dục Anh	Trung Hoà	Cầu Giấy	22.4.1992

144	Đền Trúc Lâm	Đình Xuyên	Gia Lâm	22.4.1992
145	Đình thôn Trung	Dương Hà	Gia Lâm	11.5.1993
146	Đình Trung Lập	Lĩnh Nam	Thanh Trì	13.3.1994
147	Đình, đền Trung Tả	Thổ Quan	Đống Đa	21.6.1993
148	Đình Trung Tự	Phương Liên	Đống Đa	23.6.1992
149	Đình Trung Văn	Trung Văn	Từ Liêm	2.10.1991
150	Đình Trường Lâm	Việt Hưng	Long Biên	21.1.1992
151	Đình Tu Hoàng	Xuân Phương	Từ Liêm	2.3.1990
152	Đình Tư Đình	Long Biên	Long Biên	2.10.1991
153	Đền Tương Thuận	Khâm Thiên	Đống Đa	23.7.1993
154	Đình Vạn Phúc	Vạn Phúc	Thanh Trì	22.4.1992
155	Đình Vạn Phúc	Đội Cấn	Ba Đình	29.1.1986
156	Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Văn Miếu	Đống Đa	28.4.1962
157	Đình Văn Trì	Minh Khai	Từ Liêm	22.4.1992
158	Đền Vệ Quốc	Bưởi	Tây Hồ	21.1.1989
159	Đình thôn Viên	Cổ Nhuế	Từ Liêm	21.6.1993
160	Đình Việt Yên	Ngũ Hiệp	Thanh Trì	22.12.1990
161	Đình Vĩnh Phúc	Cống Vị	Ba Đình	2.3.1990
162	Đình Vĩnh Thịnh	Đại Áng	Thanh Trì	29.1.1993
163	Đình, miếu Vĩnh Trung	Đại Áng	Thanh Trì	29.1.1993
164	Đền Voi Phục	Ngọc Khánh	Ba Đình	28.4.1962
165	Đình Vòng	Khương Đình	Thanh Xuân	18.1.1993
166	Đình, đền Vũ Thạch	Tràng Tiền	Hoàn Kiếm	12.12.1986
167	Đình Xuân Dục	Yên Thường	Gia Lâm	5.2.1994
168	Đình Xuân Đỗ Hạ	Cự Khối	Long Biên	11.3.1994
169	Đình Yên Hoà	Yên Hoà	Cầu Giấy	10.3.1994
170	Đình Yên Nội	Liên Mạc	Từ Liêm	22.4.1992
171	Đình Yên Thái	Bưởi	Tây Hồ	28.4.1994
172	Đình Yên Phụ	Yên Phụ	Tây Hồ	27.1.1986
173	Đình, đền Yên Xá	Tân Triều	Thanh Trì	27.12.1990

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

TIẾNG VIỆT:

1. *Đại Nam nhất thống chí*. Quốc sử quán triều. Nguyễn Thuận Hoá - 1992.
2. *Đại Việt sử kí toàn thư*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội - 1973.
3. *Lịch triều hiến chương loại chí*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội - 1992.
4. *Hà Nội di tích và văn vật*. Sở văn hoá và Thông tin. Hà Nội - 1994.
5. *Hồ sơ xếp hạng các di tích lịch sử* - văn hoá từ 1962 - 1994 của Cục Bảo tồn bảo tàng Bộ Văn hoá - Thông tin.
6. *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*. Nguyễn Duy Hinh. NXB KHXH - 1996.
7. *Từ điển di tích văn hoá Việt Nam*. Ngô Đức Thọ chủ biên. NXB KHXH. Hà Nội - 1993.
8. *Việt điện u linh*. Lý Tế Xuyên. NXB Văn hoá - Hà Nội - 1970.

9. *Việt Nam phong tục*. Phan Kế Bính. Phong trào Văn hoá - 1970.

10. *Việt Nam văn hoá sử cương*. Đào Duy Anh. NXB Bốn phương - 1950.

TIẾNG HÁN NÔM:

11. *Bách thần lục*. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm.

12. *Hà Nội sơn xuyên phong tục*. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm.

13. *Thăng Long cổ tích khảo*. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm.

14. *Thần tích một số tỉnh*. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm.

TIẾNG PHÁP:

15. Essai sur le Đình et le culte du Génie tutélaire des villages au Tonkin. BEFEO XXXI. Nguyễn Văn Khoan. (Nghiên cứu về ngôi đình và việc thờ Thành Hoàng các làng ở xứ Bắc Kỳ).

16. Le grand Bouddha de Ha Noi. Gustave Dumoutier. Schneider-1888.

17. Le Temple des deux Dames. Trần Hàm Tấn, Nguyễn Bá Chi. Thời sự - 1948.

18. Pagode de Linh Lang Gustave Dumoutier. Avenir du Tonkin - 1887.

MỤC LỤC

PHẦN I

PHẦN II

PHẦN III - PHỤ LỤC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

ĐÌNH VÀ ĐỀN HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm bản thảo:
PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập lần I: NGUYỄN TẤT HÒA
Biên tập tái bản: NGUYỄN VĂN MƯỜI
Bìa, trình bày: TRỌNG KIÊN
Sửa bản in: LAN ANH

In 800 cuốn, khổ 13x19cm tại Xí nghiệp IN SAVINA - Tổng Công ty Sách Việt Nam. Giấy phép xuất bản số 1577-XB-QLXB/119-VHTT cấp ngày 10/1/2005. In xong và nộp lưu chiểu năm 2005.

ĐÌNH và ĐỀN
HÀ NỘI





